



NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)

NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY – DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU

TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – PHẠM THỊ PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – TRẦN LÊ HOA TRẠNH

ĐINH PHAN CẨM VÂN – PHAN THU VÂN

NGŨ VẦN

12

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Môn: Ngữ văn – Lớp 12

(Theo Quyết định số 1882/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chủ tịch: LÊ QUANG HƯNG

Phó Chủ tịch: NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

Ủy viên, Thư kí: NGUYỄN VĂN THƯ

Các uỷ viên: ĐẶNG THU THỦY – NGUYỄN THỊ BÍCH

LÃ PHƯƠNG THÚY – TRẦN THỊ THU HƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU HÀ – HỒ TẤN NGUYÊN MINH

NGUYỄN THỊ HƯƠNG THỦY – NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẢO

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)

NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY – DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – TĂNG THỊ TUYẾT MAI

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – PHẠM THỊ PHƯƠNG – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

TRẦN LÊ HOA TRẠNH – ĐINH PHAN CẨM VÂN – PHAN THU VÂN

NGŨ VĂN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng
các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Bạn thân mến!

Trên tay bạn là sách giáo khoa **Ngữ văn 12**, bộ sách *Chân trời sáng tạo* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tiếp nối **Ngữ văn 10** và **Ngữ văn 11**, **Ngữ văn 12** là phương tiện giúp bạn thực hiện các hoạt động học tập trong từng bài học, qua đó nâng cao các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung như: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, nhằm đáp ứng các yêu cầu của Chương trình môn Ngữ văn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2018.

Sách giáo khoa **Ngữ văn 12** gồm hai tập, có chín bài học tương ứng với chín chủ điểm, gắn với những vấn đề thiết thực, gần gũi trong cuộc sống của bạn.

Với năm bài học trong tập một, bạn sẽ có cơ hội lắng nghe tiếng nói trữ tình của thi nhân trong thơ ca sáng tác theo phong cách cổ điển và phong cách lãng mạn (*Những sắc điệu thi ca*); thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ cùng các nhân vật về những buồn vui trong cuộc sống thường nhật, qua bức tranh đời sống của các tác phẩm truyện được sáng tác theo phong cách lãng mạn hoặc phong cách hiện thực (*Những ô cửa nhìn ra cuộc sống*); phiêu du trong thế giới kì ảo của truyện truyền kì để thấu hiểu sứ mệnh, bản lĩnh của con người trước những thách thức hiểm nghèo (*Sông núi linh thiêng*); tìm hiểu sự thật đời sống qua những thiên phóng sự, hay những dòng nhật kí chân tình (*Sự thật và trang viết*); trải nghiệm những tình huống hài hước cùng các nhân vật kịch qua ngôn ngữ trào phúng của những tác giả hài kịch tài ba (*Tiếng cười trên sân khấu*).

Với bốn bài học trong tập hai, bạn sẽ lắng nghe tiếng nói tâm hồn sâu kín của nhà thơ qua những vần thơ có yếu tố siêu thực, tượng trưng (*Trong thế giới của giấc mơ*); thưởng thức truyện kể sâu sắc gắn với bối cảnh đô thị hoá của các nhà tiểu thuyết hiện đại Việt Nam và thế giới (*Trong ánh đèn thành thị*); cảm nhận những áng văn bất hủ về tình yêu con người và tình yêu đất nước Việt Nam; đặc biệt là tìm hiểu vẻ đẹp tâm hồn, giá trị đặc sắc của thơ văn Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người (*Trăng xưa, hạc cũ với xuân này...*); học cách quan sát, ghi chép thuyết minh về tự nhiên, xã hội qua những văn bản thông tin (*Khám phá tự nhiên và xã hội*).

Mỗi bài học trong sách sẽ giúp bạn từng bước nâng cao kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; đồng thời mang lại cho bạn những nhận thức mới về tự nhiên, xã hội và bản thân. Để học tốt **Ngữ văn 12**, bạn nhớ đọc kĩ hướng dẫn và cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong từng bài học nhé.

Chúc bạn thành công.

NHÓM TÁC GIẢ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Để sử dụng hiệu quả sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, bạn cần:

1. Nắm vững cấu trúc chung của sách, chức năng của các phần, mục trong sách.

Ngoài mục *Hướng dẫn sử dụng sách*, ở một số trang đầu, sách còn có: Mục lục giúp bạn nhanh chóng lật tìm tên các bài học, các văn bản đọc hiểu, các nội dung, đề mục liên quan. Ở cuối mỗi tập đều có các bảng tra cứu thuật ngữ, yếu tố Hán Việt, tiếng nước ngoài,...

2. Nắm vững cấu trúc chung của các bài học và chức năng của các phần, mục cụ thể trong từng bài. Mỗi bài học đều gồm các nội dung liên quan chặt chẽ với nhau như sau:

• **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:** Sách nêu lên những yêu cầu nhằm định hướng cho việc học tập, xem như cái đích cần phải đạt được khi học xong bài học. Đây chính là căn cứ để giáo viên kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của bạn và giúp bạn tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của mình.

• **Phần ĐỌC và THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** gồm *Tri thức Ngữ văn* và các văn bản đọc hiểu chọn lọc, giúp bạn dựa vào các câu hỏi hướng dẫn theo tiến trình đọc (*Trước khi đọc*, *Đọc văn bản* và *Sau khi đọc*) để rèn luyện và phát triển kĩ năng đọc văn bản theo các thể loại mà chương trình quy định.

• **Phần VIẾT:** Sau khi tìm hiểu tri thức, sơ đồ khái quát về kiểu bài, đọc ngữ liệu tham khảo, bạn được hướng dẫn thực hành viết văn bản theo bốn bước chính: *Chuẩn bị viết; Tìm ý, lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa*. Nội dung các hoạt động này được kết nối chặt chẽ với nhau, giúp bạn có được kĩ năng tạo lập văn bản theo một kiểu loại nhất định. Sau khi viết xong một văn bản, bạn có thể dùng bảng kiểm để tự đánh giá và điều chỉnh cách viết của mình.

• **Phần NÓI VÀ NGHE:** Sách hướng dẫn bạn thực hành luyện tập theo các bước, các thao tác cụ thể trong sự kết nối với phần *Viết* và phần *Đọc*. Nội dung hướng dẫn riêng về NGHE được bố trí ở Bài 2 (học kì I), Bài 9 (học kì II).

• **Phần ÔN TẬP:** Cuối mỗi bài học, sách gợi ý một số câu hỏi, bài tập giúp bạn ôn luyện thêm về đọc, viết, nói và nghe để nắm vững các nội dung cơ bản của toàn bài học.

Dưới đây là một ví dụ về cấu trúc bài học dạng sơ đồ của **Bài 1. Những sắc điệu thi ca (Thơ cổ điển và lãng mạn)**. Tám bài học khác đều có cấu trúc tương tự. Bạn nên xem kĩ sơ đồ này để hiểu hơn về cách sử dụng sách.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các tác phẩm thơ trữ tình tiêu biểu.
- Biết đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.
- Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kĩ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.
- Phân tích được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và vận dụng được vào quá trình giao tiếp.
- Viết được văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ trữ tình.
- Biết trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ trữ tình.
- Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT: Sách nêu lên những yêu cầu nhằm định hướng cho việc học tập, xem như cái đích cần phải đạt được khi học xong bài học. Đây chính là căn cứ để giáo viên kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của bạn và giúp bạn tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của mình.

(LẦU HOÀNG HẠC)

Thôi Hiệu

Hoàng Hạc lâu là bài thơ thất ngôn bát cú luật Đường do thi nhân Thôi Hiệu đời Đường (Trung Quốc) sáng tác, thể hiện sự giao hoà giữa tình và cảnh cùng ý vị sâu xa. Bài thơ đã được các thi nhân đương thời cùng như hậu thế tán thưởng và truyền tụng.

✓ Trước khi đọc

Tìm hiểu và chia sẻ với các bạn cùng lớp những điều bạn biết về lầu Hoàng Hạc ở Vũ Hân, Trung Quốc.

✓ Đọc văn bản

Phiên âm:

Tích nhân đi thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu. ❶
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,

Theo dõi

❶ Hai câu đầu có tuân thủ luật bằng trắc của thơ Đường không?

PHẦN ĐỌC: Sau khi cung cấp *Tri thức Ngữ văn* làm công cụ đọc hiểu, phần đọc các văn bản chính theo thể loại (văn bản 1 và văn bản 2) đều có các câu hỏi hướng dẫn: *Trước khi đọc*, *Đọc văn bản* và *Sau khi đọc*.

✓ Sau khi đọc

1. Xác định chủ thể trữ tình và nội dung bao quát của bài thơ.
2. Phân tích tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình bộc lộ trong bài thơ (lưu ý bốn dòng thơ đầu và hai dòng thơ cuối).

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Phân tích đặc điểm ngôn ngữ trang trọng trong các trường hợp sau:

a. *Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống rào rạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này – Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống với vàng, sống cuồng quật, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết.*

Chân trời sáng tạo
(Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*)

PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: Thực hành các bài tập trong mục này giúp phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.



VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài: Bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những điểm tương đồng/ khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm theo yêu cầu của đề bài.

PHẦN VIẾT: Sau khi tìm hiểu tri thức về kiểu bài, đọc ngữ liệu tham khảo, bạn được hướng dẫn thực hành viết văn bản theo bốn bước chính: *Chuẩn bị viết; Tìm ý, lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa*. Nội dung các hoạt động này được kết nối chặt chẽ với nhau, giúp bạn có được kĩ năng tạo lập văn bản theo một kiểu loại nhất định. Sau khi viết xong một văn bản, bạn có thể dùng bảng kiểm để tự đánh giá và điều chỉnh cách viết của mình.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Phong vị cổ điển trong bài thơ *Giang tuyết* (Liễu Tông Nguyên) và tinh hiện đại trong bài thơ *Mộ* (Hồ Chí Minh)

Hai bài thơ *Giang tuyết* (Liễu Tông Nguyên) và *Mộ* (Hồ Chí Minh) về thời gian sáng tác thật cách xa nhau. Bài *Giang tuyết* ra đời vào khoảng thế kỷ VIII – IX, thời Trung Đường (Trung Quốc), khi Liễu Tông Nguyên bị biếm¹ ở đất Vĩnh Châu (805 – 815). Còn bài thơ *Mộ* (thuộc tập thơ *Nhật kí trong tù*) được Hồ Chí Minh sáng tác vào cuối mùa thu năm 1942, khi đang trên đường chuyển lao (từ nhà lao Tĩnh Tây đến nhà lao Thiên Bảo). Cả hai bài thơ đều được đánh giá là đặc sắc nhưng mỗi bài đều có vẻ đẹp riêng bên cạnh một số điểm tương đồng.^[1]

[1]: Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm; nêu vấn đề cần so sánh, đánh giá

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ cùng phong cách hoặc khác phong cách sáng tác mà bạn yêu thích.



NÓI VÀ NGHE

SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

Đề tài:

Câu lạc bộ Văn học của trường bạn tổ chức buổi toa đàm với chủ đề *Những sắc điệu phong phú của thi ca*. Bạn hãy chuẩn bị bài trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ để tham gia buổi toa đàm.

Bước 1: Chuẩn bị nói

- Bạn có thể sử dụng đề tài là hai tác phẩm thơ đã so sánh, đánh giá trong bài viết hoặc đề tài là hai bài thơ khác mà bạn biết.
- Bạn so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ để làm gì?

PHẦN NÓI VÀ NGHE: Sách hướng dẫn bạn thực hành luyện tập theo các bước, các thao tác cụ thể trong sự kết nối với phần *Viết* và phần *Đọc*.

ÔN TẬP

- Hãy sắp xếp các tác phẩm đã học trong bài học này theo lịch sử/ tiến trình văn học.
- Các tác giả dưới đây sáng tác theo phong cách nào? Hãy ghi vài nét ngắn gọn về phong cách sáng tác của họ (lầm vào vở):

Tác giả	Phong cách cổ điển	Phong cách lãng mạn
Thôi Hiệu		
Huy Cận		
Lưu Trọng Lư		

- Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng thể hiện qua đoạn trích sau:

*Thờ lăm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về ước nẻo quỳên ca.*

PHẦN ÔN TẬP: Cuối mỗi bài học, sách gợi ý một số câu hỏi, bài tập giúp bạn ôn, luyện thêm về đọc, viết, nói và nghe để nắm vững các nội dung cơ bản của toàn bài học.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Hướng dẫn sử dụng sách	4
BÀI 1: NHỮNG SẮC ĐIỆU THI CA (THƠ CỔ ĐIỂN VÀ LÃNG MẠN)	9
ĐỌC	11
<i>Hoàng Hạc lâu</i> (Thôi Hiệu)	11
<i>Tràng giang</i> (Huy Cận)	13
<i>Xuân Diêu</i> (Hoài Thanh – Hoài Chân)	15
Thực hành tiếng Việt	17
<i>Tiếng thu</i> (Lưu Trọng Lu)	19
VIẾT	20
Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	20
NÓI VÀ NGHE	26
So sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	26
ÔN TẬP	28
BÀI 2: NHỮNG Ô CỬA NHÌN RA CUỘC SỐNG (TRUYỆN LÃNG MẠN VÀ HIỆN THỰC).....	29
ĐỌC	31
<i>Lão Hạc</i> (Nam Cao)	31
<i>Hai đứa trẻ</i> (Thạch Lam)	40
<i>Lá Diêu Bông</i> (Hoàng Cầm)	47
Thực hành tiếng Việt	49
<i>Cuộc gặp gỡ tình cờ</i> (Hi-gu-chi I-chi-y-ô)	50
VIẾT	55
Viết bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ	55
NÓI VÀ NGHE	62
Trao đổi về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước	62
ÔN TẬP	66
BÀI 3: SÔNG NÚI LINH THIÊNG (TRUYỆN TRUYỀN KÍ, VĂN TẾ)	67
ĐỌC	69
<i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i> (Nguyễn Dữ)	69
<i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> (Nguyễn Đình Chiểu)	75
<i>Vịnh Tản Viên sơn</i> (Cao Bá Quát)	81
Thực hành tiếng Việt	82
<i>Trên đỉnh non Tản</i> (Nguyễn Tuân)	83
VIẾT	93
Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.....	93

NÓI VÀ NGHE	97
Trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch	97
ÔN TẬP	98
BÀI 4: SỰ THẬT VÀ TRANG VIẾT (PHÓNG SỰ, NHẬT KÍ)	99
ĐỌC	100
<i>Con gà thờ</i> (Ngô Tất Tố)	100
<i>Trên những chặng đường hành quân...</i> (Nguyễn Văn Thạc)	108
<i>Ngô Trùng An</i> (Vân Long)	111
Thực hành tiếng Việt	112
<i>Cái giá trị làm người</i> (Vũ Trọng Phụng)	113
VIẾT	117
Viết thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm	117
NÓI VÀ NGHE	122
Tranh luận một vấn đề có ý kiến trái ngược	122
ÔN TẬP	124
BÀI 5: TIẾNG CƯỜI TRÊN SÂN KHẤU (KỊCH – HÀI KỊCH)	125
ĐỌC	127
<i>Màn diễu hành – trình diện quan thanh tra</i> (N. Gô-gôn)	127
<i>Tiền bạc và tình ái</i> (Mô-li-e)	136
<i>Đối tượng và những khó khăn của hài kịch</i> (Mô-li-e)	142
Thực hành tiếng Việt	143
<i>Thật và giả</i> (Nguyễn Đình Thi)	144
VIẾT	152
Viết văn bản dưới hình thức thư trao đổi công việc	152
NÓI VÀ NGHE	157
Tranh luận một vấn đề xã hội có những ý kiến trái ngược nhau	157
ÔN TẬP	159
Ôn tập cuối học kì I	160
Bảng giải thích thuật ngữ	163
Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt	166
Bảng tra cứu tiếng nước ngoài	170

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các tác phẩm thơ trữ tình tiêu biểu.
- Biết đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.
- Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kĩ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.
- Phân tích được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và vận dụng được vào quá trình giao tiếp.
- Viết được văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ trữ tình.
- Nhận biết và bước đầu đánh giá được sự khác biệt về phong cách của hai tác phẩm thơ trữ tình.
- Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Phong cách là một tập hợp những nét độc đáo tương đối ổn định có giá trị thẩm mĩ trong sáng tác của một tác giả (phong cách tác giả), một trường phái văn học (phong cách trường phái), một thời đại (phong cách thời đại) hay một nền văn học (phong cách dân tộc). Đặc trưng phong cách được tạo thành từ quan niệm (cái nhìn) riêng về thế giới, con người, thể hiện qua hệ thống đề tài; tư tưởng, cảm hứng; hình tượng nhân vật và các thủ pháp nghệ thuật được ưa chuộng.

Phong cách cổ điển có đặc điểm nổi bật là đề cao tính chất khuôn mẫu, chuẩn mực về tư tưởng (đạo lí, lí tưởng sống,...) và nghệ thuật (những quy định về thể loại, với hệ thống ngôn từ tao nhã, hình ảnh ước lệ tượng trưng, sử dụng nhiều điển tích, điển cố,...).

Ở Trung Quốc và Việt Nam, phong cách cổ điển gắn với quan niệm “thiên nhân hợp nhất” (con người và trời đất là một), hệ thống ngôn ngữ giàu tính ước lệ, giàu điển tích, điển cố. Thơ ca thời Đường (Trung Quốc) và đa số thơ trung đại Việt Nam là đại diện của phong cách này.

Phong cách lãng mạn có đặc điểm là đề cao cảm xúc và trí tưởng tượng của con người, có khuynh hướng phá vỡ các quy phạm nhằm giải phóng con người cá nhân, bộc lộ cá tính một cách tự do nhất.

Ở Việt Nam, phong cách lãng mạn phát triển thành một trào lưu lớn vào khoảng những năm 1930 – 1945 với phong trào Thơ mới (Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính,...), văn xuôi của Tự lực văn đoàn (Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam,...), sáng tác của Nguyễn Tuân và nhiều nhà văn khác trước năm 1945. Trào lưu này gắn với sự bứt phá khỏi những khuôn khổ thi luật và ngôn ngữ của thơ văn trung đại, giải phóng cái tôi thời hiện đại và cá tính sáng tạo của nhà văn.

Lịch sử/tiến trình lịch sử văn học là một hệ thống tác giả, tác phẩm với sự hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển qua các thời kì lịch sử, bao gồm: cổ đại, trung đại, hiện đại. Trong từng thời kì, có thể phân chia thành các giai đoạn văn học.

Lịch sử văn học viết của Việt Nam, tính từ thế kỉ X đến nay, gồm văn học trung đại và văn học hiện đại. Văn học trung đại Việt Nam thường được chia thành bốn giai đoạn: giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XV; giai đoạn từ đầu thế kỉ XVI đến hết thế kỉ XVII; giai đoạn từ đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX và giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. Văn học hiện đại Việt Nam thường được chia thành thời kì văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 và thời kì từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Mỗi thời kì nói trên lại được chia ra các giai đoạn gắn với bối cảnh phát triển cụ thể của văn học. Ví dụ, thời kì thứ nhất của văn học hiện đại Việt Nam chia thành hai giai đoạn: giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến 1930 và giai đoạn 1930 – 1945¹.

Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng

Ngôn ngữ trang trọng là loại ngôn ngữ thể hiện thái độ nghiêm túc, mang tính chất lễ nghi, chủ yếu được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp theo nghi thức. Loại ngôn ngữ này xuất hiện ở cả dạng viết (bài tập, tiểu luận, giáo trình, hợp đồng, báo cáo,...) và dạng nói (bài diễn thuyết, bài giảng, ý kiến trong hội thảo, lời nói với những người có tuổi tác, vị trí cao hơn,...). Ngôn ngữ trang trọng có các đặc điểm sau:

- Thường sử dụng từ ngữ có sắc thái nghiêm trang, tôn kính; không dùng tiếng lóng, khẩu ngữ;...
- Thường sử dụng câu có cấu trúc đầy đủ, rõ ràng.

Lưu ý: Những tác phẩm văn học sáng tác theo phong cách cổ điển thường sử dụng ngôn ngữ trang trọng (ngôn ngữ tao nhã, mang tính ước lệ, tượng trưng).

¹ Xem thêm *Nhìn chung về các chặng đường phát triển của văn học Việt Nam*, Ngữ văn 12, tập hai, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, tr 121 – 123.



ĐỌC

VĂN BẢN 1

HOÀNG HẠC LÂU (LẦU HOÀNG HẠC)

Thôi Hiệu

Hoàng Hạc lâu là bài thơ thất ngôn bát cú luật Đường do thi nhân Thôi Hiệu đời Đường (Trung Quốc) sáng tác, thể hiện sự giao hoà giữa tình và cảnh cùng ý vị sâu xa. Bài thơ đã được các thi nhân đương thời cũng như hậu thế tán thưởng và truyền tụng.

✓ Trước khi đọc

Tìm hiểu và chia sẻ với các bạn cùng lớp những điều bạn biết về lầu Hoàng Hạc ở Vũ Hán, Trung Quốc.

✓ Đọc văn bản

Phiên âm:

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu. ①
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Dịch nghĩa:

Người xưa đã cuối hạc vàng bay đi,
Nơi đây chỉ còn trơ lại lầu Hoàng Hạc.
Hạc vàng đã bay đi mất không trở lại,
Mây trắng nghìn năm vẫn lững lờ bay.
Dòng sông trong vắt soi bóng cây Hán Dương,
Cỏ thơm xanh rì trên bãi Anh Vũ.

Theo dõi

① Hai câu đầu có tuân thủ luật bằng trắc của thơ Đường không?

Hoàng hôn xuống, quê hương ở đâu?

Khói sóng trên sông khiến lòng người buồn bã. ²

Dịch thơ:

Bản dịch của Tản Đà:

Hạc vàng ai cưới đi đâu?

Mà nay Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.

Hạc vàng đi mất từ xưa,

Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.

Hán Dương sông tạnh cây bầy,

Bãi xưa Anh Vũ xanh dày cỏ non.

Quê hương khuất bóng hoàng hôn.

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?

(*Báo Ngày nay*, số 80, 10/10/1937)

Bản dịch của Nguyễn Khuê:

Cuối hạc người xưa đi đã lâu,

Còn đây Hoàng Hạc chỉ trơ lầu.

Hạc vàng biến biệt từ xưa ấy,

Mây trắng lững lờ đến mãi sau.

Sông tạnh Hán Dương cây lẳng bóng,

Bãi thom Anh Vũ cỏ tươi màu.

Chiều hôm quê cũ nơi nào nhỉ?

Khói sóng trên sông giục khách sầu.

(In trong *Tự học Hán văn*, Nguyễn Khuê, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, tr. 99 – 101)

Suy luận

² Theo bạn, vì sao khói sóng trên sông lại khiến chủ thể trữ tình cảm thấy buồn?

✓ Sau khi đọc

1. Xác định chủ thể trữ tình và nội dung bao quát của bài thơ.
2. Phân tích tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình bộc lộ trong bài thơ (lưu ý bốn dòng thơ đầu và hai dòng thơ cuối).
3. Nhận xét về bố cục, cách sử dụng vần, nhịp, đối trong bài thơ.
4. Theo bạn, các hình ảnh, điển tích, điển cố có vai trò như thế nào trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm?
5. Hoàng Hạc lâu được sáng tác theo phong cách nào? Theo bạn, bài thơ đã thể hiện rõ nhất đặc điểm gì của phong cách đó?

6. Kẻ bảng sau vào vở và điền thông tin thích hợp vào bảng:

Tác phẩm, tác giả	Phong cách sáng tác	Thời kì văn học (trung đại/ hiện đại)
<i>Hoàng Hạc lâu</i> (Thôi Hiệu)		
<i>Độc "Tiểu Thanh kí"</i> (Nguyễn Du)		
<i>Thơ duyên</i> (Xuân Diệu)		

Thôi Hiệu (704 ? – 754 ?) là nhà thơ đời Đường, người Biện Châu (nay là Khai Phong), tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Hiện nay, thơ của Thôi Hiệu chỉ còn lại hơn 40 bài, trong đó *Hoàng Hạc lâu* được coi là bài thơ hay nhất của ông và cũng là một trong những bài thơ hay nhất đời Đường.



Lầu Hoàng Hạc (Trung Quốc)

Ảnh: Phan Thu Vân

VĂN BẢN 2



Tràng giang được trích từ tập thơ *Lửa thiêng* (1940) của nhà thơ Huy Cận. Đây là bài thơ tiêu biểu cho phong cách thơ Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám.

✓ Trước khi đọc

Theo bạn, khi đứng trước cảnh trời nước mênh mông buổi hoàng hôn, con người thường dễ nảy sinh tâm trạng, nỗi niềm gì?

✓ Đọc văn bản

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.

Thuyền về nước lại, sáu trăm ngả;
Củ một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót; ❶
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Tưởng tượng

❶ Bạn hình dung như thế nào về cảnh “nắng xuống, trời lên sâu chót vót”?

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gọi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng. ❷

Suy luận

❷ Những hình ảnh trong khổ thơ này bộc lộ tâm trạng gì của chủ thể trữ tình?

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc...
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

(In trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh – Hoài Chân, NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr. 66 – 68)

✓ Sau khi đọc

Chân trời sáng tạo

1. Xác định nội dung bao quát của bài thơ và nội dung chính của từng khổ thơ.
2. Nhận xét về cách đặt nhan đề và nêu tác dụng của lời đề từ.
3. Phân tích vai trò của vần, nhịp thơ trong việc thể hiện tâm trạng, cảm xúc của chủ thể trữ tình.
4. Theo bạn, trong sự tương phản với không gian “trời rộng”, “sông dài”, các hình ảnh “thuyền”, “củ” (khổ 1); “cồn nhỏ”, “bến cô liêu” (khổ 2), “bèo dạt...” (khổ 3); “chim nghiêng cánh nhỏ...” (khổ 4) biểu trưng cho điều gì?
5. Nêu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
6. So sánh *Tràng giang* (Huy Cận) và *Hoàng Hạc lâu* (Thôi Hiệu) để làm rõ:
 - a. Những điểm tương đồng và khác biệt trong khổ thơ cuối.
 - b. Những điểm khác biệt về đề tài và hình thức thể loại giữa hai bài thơ.
7. Bài thơ *Tràng giang* được sáng tác theo phong cách nào? Căn cứ vào đâu để bạn kết luận như vậy?

* **Bài tập sáng tạo:** Vẽ một bức tranh hay viết một đoạn văn thể hiện cảm nhận riêng của bạn về hình tượng “cánh chim chiều” trong *Tràng giang* hoặc “hạc vàng bay đi...” trong *Hoàng Hạc lâu*.



Huy Cận (1919 – 2005), tên khai sinh là Cù Huy Cận, quê ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn, nay là xã Ân Phú, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, là một trong những thi sĩ xuất sắc của phong trào Thơ mới.

Huy Cận có thơ đăng báo từ năm 1936, in tập thơ đầu tay *Lửa thiêng* năm 1940 (gồm những bài đã đăng báo khoảng những năm 1936 – 1940, trong đó có bài thơ *Tràng giang*) và trở thành một trong những tên tuổi hàng đầu của phong trào Thơ mới. Tập thơ *Lửa thiêng* chứa một nỗi buồn da diết, một hỗn thơ ảo não, bơ vơ, buồn thương cho cuộc đời, kiếp người và quê hương, đất nước. Trong các tập thơ được viết sau Cách mạng tháng Tám 1945, Huy Cận đã tìm đến nguồn cảm hứng mới, thể hiện niềm vui của con người và cuộc sống mới. Các tập thơ tiêu biểu cho giai đoạn này là: *Trời mỗi ngày lại sáng*, *Đất nở hoa*, *Bài thơ cuộc đời*,...



Huy Cận
(*Từ điển Văn học* (Bộ mới), NXB Thế giới, 2004)

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM



✓ Đọc văn bản

[...]

Bây giờ khó mà nói được cái ngạc nhiên của làng thơ Việt Nam hồi Xuân Diệu đến. Người đã tới giữa chúng ta với một ý phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy. Nhưng rồi ta cũng quen dần, vì ta thấy người cùng ta tình đồng hương vẫn nặng.

Ngày một ngày hai cơ hồ ta không để ý đến những lối dùng chữ đặt câu quá Tây của Xuân Diệu, ta quên cả những ý tứ người đã mượn trong thơ Pháp. Cái đáng dấp

¹ *Xuân Diệu* (1916 – 1985): một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới. Xem thêm thông tin tác giả ở bài *Vội vàng*, *Ngữ văn 10*, tập hai, bộ sách *Chân trời sáng tạo*.

² *Hoài Thanh* (1909 – 1982): tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên, nhà phê bình văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX.

³ *Hoài Chân* (1914 – ?): em ruột Hoài Thanh, tên khai sinh là Nguyễn Đức Phiên, nhà phê bình văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX.

yêu kiều, cái cốt cách phong nhã của điệu thơ, một cái gì rất Việt Nam, đã quyến rũ ta. Đọc những câu:

*Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình lơ đãng?*

hay là:

*Chính hôm nay gió đại tới trên đồi,
Cây không hẹn để ngày mai sẽ mát;
Trời đã thắm, lẽ đâu vườn cũ nhạt?
Đã đo gì cho lỗ mộng song đôi!*

ta thấy cái hay ở đây không phải là ý thơ, mà chính là cái lối làm duyên rất có duyên của Xuân Diệu, cái vẻ đài các rất hiền lành của điệu thơ.

Nhưng thơ Xuân Diệu chẳng những diễn đạt được cái tinh thần cố hữu của nòi giống. Vả chẳng tinh thần một nòi giống có cần gì phải bất di dịch. Sao lại bắt ngày mai phải giống hệt hôm qua? Nếu ra một mớ tính tình, tư tưởng, tục lệ, rồi bảo: Người Việt Nam phải như thế, là một điều tối vô lí. Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống rào rạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này – Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết.

Nhưng sự sống muôn hình thức mà trong những hình thức nhỏ nhất thường lại ẩn náu một nguồn sống dồi dào. Không cần phải là con hổ ngự trị trên rừng xanh, không cần phải là con chim đại bàng bay một lần chín vạn dặm mới là sống. Sự bông bột của Xuân Diệu có lẽ đã phát biểu ra một cách đầy đủ hơn cả trong những rung động tinh vi. Sau khi đọc đi đọc lại nhà thơ có tâm hồn phức tạp này, sau khi đã tìm kiếm Xuân Diệu hoài, tôi thấy đây mới thực là Xuân Diệu.

Trong cảnh mùa thu rất quen với thi nhân Việt Nam, chỉ Xuân Diệu mới để ý đến:

Những luồng run rẩy rung rinh lá...

cùng cái:

Cành biếc run run chân ý nhí.

Nghe đàn dưới trăng thu, chỉ Xuân Diệu mới thấy:

Lung linh bóng sáng bỗng rung mình.

và mới có cái xôn xao gửi trong mấy hàng chữ lạ lùng này:

*Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời;
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi!
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận:
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người.*

Cũng chỉ Xuân Diệu mới tìm được nơi đồng quê cái cảnh:

*Mây biếc về đâu bay gấp gấp,
Con cò trên ruộng cánh phân vân.*

Từ con cò của Vương Bột¹ lặng lẽ bay tới ráng chiều đến con cò của Xuân Diệu không bay mà cánh phân vân, có sự cách biệt của hơn một ngàn năm và của hai thế giới.

[...]

(In trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh – Hoài Chân, NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr. 103 – 105)

✓ Sau khi đọc

1. Trong đoạn trích, tác giả đã dùng những từ ngữ, hình ảnh nào để bàn về đặc điểm sáng tác của Xuân Diệu? Theo bạn, thơ Xuân Diệu thuộc phong cách sáng tác cổ điển hay lãng mạn? Căn cứ vào đâu để khẳng định như vậy?
2. Bạn nhận xét gì về cách tác giả so sánh hình ảnh “con cò” trong thơ Xuân Diệu với hình ảnh “con cò” trong thơ Vương Bột?
3. “Người đã tới giữa chúng ta với một y phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy.”. Hãy tìm hiểu thêm về phong trào Thơ mới để giải thích nhận định này của tác giả đoạn trích.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Phân tích đặc điểm ngôn ngữ trang trọng trong các trường hợp sau:
 - a. *Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống rào rạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này – Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết.*
(Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*)
 - b. Phong cách là một tập hợp những nét độc đáo tương đối ổn định có giá trị thẩm mỹ trong sáng tác của một tác giả (phong cách tác giả), một trường phái văn học (phong cách trường phái), một thời đại (phong cách thời đại) hay một nền văn học (phong cách dân tộc). Đặc trưng phong cách được tạo thành từ quan niệm (cái nhìn) riêng về thế giới, con người, thể hiện qua hệ thống đề tài; tư tưởng, cảm hứng; hình tượng nhân vật và các thủ pháp nghệ thuật được ưa chuộng.

¹ Vương Bột (650 – 676): nhà thơ nổi tiếng thời kì Sơ Đường của Trung Quốc; “Con cò” của Vương Bột được lấy từ hình ảnh trong câu thơ “Lạc hà dĩ cò vụ tế phi/ Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc” (dịch nghĩa: Ráng chiều rơi xuống cùng cái cò đơn chiếc đều bay/ Làn nước sông thu với bầu trời kéo dài một sắc) của bài thơ *Đăng Vương các tự*.

- c. Tuy nhiên, ngay trong sự tương đồng ấy, ta vẫn thấy giữa hai bài thơ trên có những điểm khác biệt rất rõ: "Giang tuyết" là một bài thơ mang phong vị cổ điển với đầy đủ ý nghĩa của phong cách thơ cổ điển Trung Hoa, còn "Mộ" là một bài thơ kết hợp giữa phong vị cổ điển với tính hiện đại.

(Theo Hoàng Trung Thông, Phong vị cổ điển trong bài thơ "Giang tuyết" (Liễu Tông Nguyên) và tính hiện đại trong bài thơ "Mộ" (Hồ Chí Minh))

- d. Kính chào quý vị. Mời quý vị theo dõi bản tin cuối ngày của Đài Truyền hình Việt Nam.

(Bản tin thời sự 23h VTV1 ngày 21/10/2023,
<https://vtv.vn/video/thoi-su-23h-vtv1-21-10-2023-646297.htm>)

2. Nhận xét về ngôn ngữ của hai nhân vật Tuấn và Quỳnh trong đoạn trích sau:

Tuấn và Quỳnh đợi cụ Phan vào trước và theo sau cụ. Sau khi mời ngồi, cụ hỏi:

– Hai cậu học ở Trường Quốc Học?

Tuấn đáp:

– Dạ thưa cụ, con ở xa mới tới Huế lần đầu tiên, đến hầu thăm cụ. Thấy cụ được khỏe mạnh, con rất mừng.

Cụ hỏi Quỳnh:

– Còn cậu nì?

– Thưa cụ, con học trường Pe-lo-ranh.

(Nguyễn Vỹ, Tuấn – chàng trai nước Việt)

3. Trong các trường hợp sau, người viết có sử dụng loại ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp không? Vì sao?

- a. Chào thầy cô và các bạn. Mình rất vui khi được đại diện cho các bạn học sinh khối 12 phát biểu ý kiến trong buổi lễ tổng kết ngày hôm nay.

(Hoàn cảnh giao tiếp: Học sinh phát biểu trong lễ tổng kết năm học)

- b. Mình thấy Thuý Kiều là một người con gái đa tài và đẹp ơi là đẹp nhưng lại bị xã hội phong kiến vùi dập, đoạ đày.

(Hoàn cảnh giao tiếp: Bài làm của học sinh trong một kì thi, kiểu văn bản nghị luận văn học)

4. Khi trình bày kết quả nghiên cứu trong một cuộc thi nghiên cứu khoa học, bạn cần lưu ý những gì về việc sử dụng ngôn ngữ?

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) sử dụng ngôn ngữ trang trọng để chia sẻ cảm nhận của bạn về nét độc đáo của một bài thơ được viết theo phong cách cổ điển hoặc lãng mạn mà bạn yêu thích.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

TIẾNG THU

Lưu Trọng Lư¹

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thốn thức?

Em không nghe rạo rục
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?

Em không nghe rừng thu,
Lá thu kêu xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?

(In trong *Thi nhân Việt Nam*,
Hoài Thanh – Hoài Chân, NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr. 77 – 78)

Hướng dẫn đọc

1. Xác định chủ thể trữ tình của bài thơ và cho biết chủ thể ấy xuất hiện theo dạng thức nào (có từ nhân xưng rõ ràng, hoá thân vào nhân vật, một chủ thể ẩn).
2. Bạn hiểu thế nào về nhan đề “Tiếng thu”? Bài thơ là lời của ai nói với ai, nói về điều gì và bằng thái độ, giọng điệu như thế nào?
3. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Nêu một số biểu hiện về sự phù hợp giữa các yếu tố hình thức như thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... với chủ đề và cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.
4. *Tiếng thu* được sáng tác theo phong cách nào? Nêu một số biểu hiện của phong cách sáng tác được thể hiện qua văn bản.
5. Tìm đọc bài thơ *Thu vịnh* (Nguyễn Khuyến). Chỉ ra và lí giải sự khác biệt giữa hai bài *Thu vịnh* và *Tiếng thu* ở các khía cạnh sau:
 - a. Cách cảm nhận và gọi tả bức tranh mùa thu.
 - b. Cách thể hiện tình cảm, tâm trạng của chủ thể trữ tình.

¹ Lưu Trọng Lư (1912 – 1991): quê ở huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; ông là một trong những nhà thơ khởi xướng và tích cực cổ vũ cho phong trào Thơ mới.



VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài: Bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những điểm tương đồng/ khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm theo yêu cầu của đề bài.
- Kết hợp so sánh với nhận xét, đánh giá về giá trị của hai tác phẩm; phân tích sự tương đồng/ khác biệt giữa hai tác phẩm (như hoàn cảnh lịch sử, bối cảnh văn hoá – xã hội, phong cách nghệ thuật của tác giả hay trường phái, thời đại mà tác giả đại diện,...).
- Sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- Sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.
- Bố cục bài viết gồm ba phần:

Mở bài: Giới thiệu hai tác phẩm thơ và nêu nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá.

Thân bài: Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng/ khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ. Có thể lần lượt chỉ ra những điểm tương đồng/ khác biệt về nội dung/ hình thức hoặc điểm tương đồng/ khác biệt trên từng khía cạnh của nội dung, vấn đề.

Kết bài: Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.

Đọc ngữ liệu tham khảo

Phong vị cổ điển trong bài thơ *Giang tuyết*¹ (Liễu Tông Nguyên) và tính hiện đại trong bài thơ *Mộ*² (Hồ Chí Minh)

Hai bài thơ *Giang tuyết* (Liễu Tông Nguyên) và *Mộ* (Hồ Chí Minh) về thời gian sáng tác thật cách xa nhau. Bài *Giang tuyết* ra đời vào khoảng

¹ Bản phiên âm: *Thiên sơn điều phi tuyết, Vạn kính nhân tông diệt. / Cô chu thoa lạp ông, / Độc điều hàn giang tuyết.*
Bản dịch nghĩa: *Nghìn non bóng chim bay đã tắt, / Muôn nẻo, dấu người mất. / Trên chiếc thuyền cô đơn, ông già mặc áo tuyết đội nón, / Một mình câu tuyết sông lạnh.*

² Bản phiên âm: *Quyên điều quy lâm tẩm túc thụ, / Cô vân mạn mạn độ thiên không. / Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc, / Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng.*

Bản dịch nghĩa: *Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ, / Chòm mây lờ lững lơ trên tầng không; / Thiếu nữ xóm núi xay ngô, / Ngô xay vừa xong, lò than đã đỏ.*

thế kỉ VIII – IX, thời Trung Đường (Trung Quốc), khi Liễu Tông Nguyên bị biếm¹ ở đất Vĩnh Châu (805 – 815). Còn bài thơ *Mộ* (thuộc tập thơ *Nhật kí trong tù*) được Hồ Chí Minh sáng tác vào cuối mùa thu năm 1942, khi đang trên đường chuyển lao (từ nhà lao Tĩnh Tây đến nhà lao Thiên Bảo). Cả hai bài thơ đều được đánh giá là đặc sắc nhưng mỗi bài đều có vẻ đẹp riêng bên cạnh một số điểm tương đồng.^[1]

Tuy ra đời ở hai thời đại khác nhau nhưng hai bài thơ đều có những điểm tương đồng thú vị. Về đề tài, cả hai bài cùng viết về thiên nhiên. Về thi liệu và thủ pháp, cả hai bài đều sử dụng thi liệu cổ điển của thơ Đường như: “chim”, “mây”, “sông”, “tuyết”,... và nghệ thuật “tả cảnh ngụ tình” để bộc lộ cái nhìn và cảm xúc rất khác nhau về thế giới. Về thể thơ, bài thơ *Giang tuyết* là thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, bài thơ *Mộ* là thơ thất ngôn tứ tuyệt, cả hai bài đều theo luật Đường.^[2]

Tuy nhiên, ngay trong sự tương đồng ấy, ta vẫn thấy giữa hai bài thơ trên có những điểm khác biệt rất rõ: *Giang tuyết* là một bài thơ mang phong vị cổ điển với đầy đủ ý nghĩa của phong cách thơ cổ điển Trung Hoa, còn *Mộ* là một bài thơ kết hợp giữa phong vị cổ điển với tính hiện đại.^[3]

Điểm khác biệt thứ nhất là chủ thể trữ tình.^[3a] Xuất phát từ quan niệm thẩm mĩ khác nhau, chủ thể trữ tình trong hai bài thơ cũng có cách nhìn, cách cảm cuộc sống khác nhau. Ở bài thơ *Giang tuyết*, thế giới hiện lên thật vắng lặng, cô tịch:

Nghìn non mất bóng chim bay
Muôn con đường tắt dấu giày tuyết không.
Kia ai câu tuyết bên sông,
Áo to², nón lá, một ông thuyền chài.

(Bản dịch của Tân Đà)

Chỉ với hai mươi chữ trong nguyên tác, bài thơ đã vẽ nên một cảnh tượng lạnh lẽo, hoang vu: Nghìn non không dấu chim bay, muôn nẻo không bóng người qua lại. Giữa khung cảnh khắc nghiệt ấy, xuất hiện hình ảnh ngư ông mang tới, đội nón, trên chiếc thuyền cô đơn, một mình câu tuyết lạnh (không phải câu cá, mà là câu tuyết). Toàn bộ cái trống trải, lạnh lẽo của bầu trời, mặt đất thu hết vào hình ảnh con người cô độc này. Bài thơ mở đầu là lễ loi “Nghìn non, bóng chim tắt” và kết thúc là lạnh lẽo “Một mình câu tuyết sông lạnh”. Đó là cái nhìn và cảm xúc của một thi sĩ đời Đường mang trong lòng nhiều tâm sự u uẩn về thời thế nên ngắm nhìn cảnh vật trong thế tĩnh lặng, cảm hứng chủ đạo của bài thơ là nỗi buồn và sự trĩu nặng ưu tư của một nho sĩ.

Bài thơ *Mộ* của tác giả Hồ Chí Minh thì khác hẳn. Thiên nhiên trong bài thơ *Mộ* được cảm nhận qua cái nhìn của một nhà thơ hiện đại, người chiến sĩ cách mạng với quan niệm thẩm mĩ hiện đại. Có tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác bài thơ này, ta mới hiểu: Người tù Hồ Chí Minh – tác giả bài thơ – bấy giờ đang trên đường bị giải từ nhà lao này qua nhà lao khác, thân thể bị đọa đầy đau khổ. Tuy nhiên, hãy xem cái nhìn và cảm xúc của nhà thơ đối với cảnh vật xóm núi trước mặt, trên đường đi:

[1]: Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm; nêu vấn đề cần so sánh, đánh giá

[2]: Luận điểm 1: Làm rõ điểm tương đồng của hai tác phẩm

[3]: Luận điểm 2: Làm rõ điểm khác biệt của hai tác phẩm

[3a]: So sánh điểm khác biệt thứ nhất: chủ thể trữ tình

¹ Biếm: bị giáng chức.

² Áo to: áo che mưa không có tay, thường được làm bằng rơm hoặc lá cọ.

Chim môi về rừng tìm chốn ngủ,
 Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
 Cô em xóm núi xay ngô tối,
 Xay hết, lò than đã rực hồng.

(Bản dịch của Nam Trân)

Buổi chiều tối ở miền núi vẫn có hình ảnh “chim môi về rừng”, “chòm mây lẻ loi lững lờ trôi” gợi nỗi buồn man mác nhưng không đến mức cô quạnh như bài thơ *Giang tuyết*. Bài thơ *Mộ* cũng có sự xuất hiện của con người, nhưng không phải là ngư ông mang toi, đội nón một mình câu tuyết trên sông lạnh mà là “cô em xóm núi xay ngô tối”, một con người lao động lam lũ nhưng khoẻ khoắn, đầy sức sống. Do đó, với sự xuất hiện của mình, con người đã mang lại hoạt động và sự sống cho bức tranh sinh hoạt nơi xóm núi lúc chiều tối. Mọi hoạt động như thu lại, vận động theo vòng xoay cối xay ngô của người sơn nữ. Ngô xay xong thì trời tối hẳn, ta cảm nhận được điều đó bởi sự tương phản ánh sáng – bóng tối: Lò than đỏ rực lên.

Điểm khác biệt thứ hai là cách sử dụng nhãn tự (chữ mắt) của hai nhà thơ.^[3b] Nhãn tự của bài thơ *Giang tuyết* là “hàn” (lạnh). Cái “hàn” không chỉ toát ra từ dòng sông tuyết mà còn từ sự lẻ loi nơi hình ảnh chiếc thuyền “cô chu” (lẻ loi) và cả cái lẻ loi nơi ông câu “độc điếu” (câu một mình). Hơn thế lại là “độc điếu hàn giang tuyết” (một mình câu tuyết sông lạnh). Đó hẳn không phải chỉ cái lạnh từ ngoại cảnh mà có thể còn là cái lạnh từ tâm hồn chủ thể trữ tình – người đang lặng lẽ quan sát bức tranh “Giang tuyết”. Nhãn tự của bài thơ *Mộ*, chữ “hồng” (đỏ), tạo một hiệu ứng cảm giác ngược lại với chữ “hàn” nói trên. “Lò dĩ hồng” là lò than đỏ rực lên trên nền trời tối. Đó là ánh sáng, là hơi ấm không chỉ toả ra từ bếp lò mà còn từ thành quả vòng quay của cối, động tác xay ngô của cô gái xóm núi. Và hơn thế, còn là ánh sáng từ cái nhìn, hơi ấm từ tâm hồn của chủ thể trữ tình. Theo đó, chữ “hồng” cuối bài thơ đã xua đi bóng tối và giá lạnh buổi chiều hôm nơi xóm núi, mang lại ánh sáng, hơi ấm cho bức tranh. Thật đáng ngạc nhiên, khi đó lại là ánh sáng, hơi ấm từ cái nhìn và từ tâm hồn của chủ thể trữ tình – một người tù sau suốt một ngày dài bị đọa đầy đau khổ trên đường đi. Nhãn tự này đặt trong chỉnh thể nghệ thuật của bài thơ đã phản ánh quan niệm thẩm mỹ hiện đại, tinh thần lạc quan của nhà thơ Hồ Chí Minh: Cái đẹp nằm trong đời sống sinh hoạt bình dị: ở đâu có con người, ở đó có hoạt động, có hơi ấm, có ánh sáng, có niềm vui.

Việc phân tích trong sự so sánh hai bài thơ cũng giúp ta hiểu thêm hai phong cách sáng tác: phong cách thơ cổ điển và phong cách thơ hiện đại (lãng mạn, hiện thực hoặc lãng mạn kết hợp với hiện thực).^[4] Tiêu biểu cho phong cách cổ điển, bài thơ *Giang tuyết* (Liễu Tông Nguyên) cho thấy: Trong con mắt của nhà thơ xưa, thế giới tạo vật thật lớn lao, vô biên, vô tận; con người chỉ như cái rơm, cộng cổ hoà tan vào trong cõi vô tận, vô biên ấy. Tiêu biểu cho phong cách hiện đại (kết hợp giữa cổ điển và lãng mạn), bài thơ *Mộ* (Hồ Chí Minh) lại cho thấy: Trong tương quan với vũ trụ và thế giới, con người bao giờ cũng giữ một vị trí, vai trò xứng đáng; và trong các bức tranh thơ, con người thường chiếm vị trí trung tâm.

[3b]: So sánh điểm khác biệt thứ hai: cách sử dụng nhãn tự

[4]: Đánh giá phong cách sáng tác của mỗi tác phẩm

Sự phân tích, so sánh ở trên cũng cho thấy: Ngay cả khi nhà thơ của thời đại cách mạng cùng viết về một đề tài, cùng làm thơ theo luật thơ cổ điển (luật Đường chẳng hạn) như nhà thơ cổ điển, thì bài thơ họ làm ra vẫn mang tính hiện đại. Phải chăng đó là vì những bài thơ hay đều là những sáng tạo độc đáo không chỉ mang dấu ấn của nhà thơ, mà còn mang dấu ấn của phong cách sáng tác thời đại.^[5]

(Theo Hoàng Trung Thông, *Bác Hồ làm thơ và thơ của Bác, Thơ Hồ Chí Minh và lời bình*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 99 – 101)

[5]: Khẳng định lại những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm thơ; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả

Đối chiếu phần *Đọc ngữ liệu tham khảo* với mục *Tri thức về kiểu bài* và cho biết:

1. Mở bài, thân bài và kết bài của ngữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài *văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ* như thế nào?
2. Nhận xét về cách sắp xếp các luận điểm ở phần thân bài.
3. Trong từng luận điểm, sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng được thể hiện như thế nào?
4. Từ ngữ liệu trên, bạn rút ra được những lưu ý gì khi viết bài *văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ*?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ cùng phong cách hoặc khác phong cách sáng tác mà bạn yêu thích.

Bước 1: Chuẩn bị viết

- Lựa chọn hai tác phẩm để so sánh, đánh giá:

– Hai bài thơ có cùng phong cách cổ điển của hai tác giả để so sánh điểm tương đồng/ khác biệt của chúng trên hai phương diện đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật. Ví dụ: so sánh bài thơ *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan) với bài thơ *Thu vịnh* (Nguyễn Khuyến).

– Hai bài thơ có cùng phong cách lãng mạn của hai tác giả để so sánh điểm tương đồng/ khác biệt của chúng trên hai phương diện đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật. Ví dụ: So sánh bài thơ *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu) với bài thơ *Tràng giang* (Huy Cận).

– Hai bài thơ khác nhau về phong cách sáng tác (một bài thơ có phong cách cổ điển và một bài thơ có phong cách lãng mạn) của hai tác giả để so sánh điểm tương đồng/ khác biệt của chúng trên hai phương diện đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật. Ví dụ: So sánh bài thơ *Tống biệt* (Tản Đà) với bài thơ *Tống biệt hành* (Thâm Tâm).

- Trả lời các câu hỏi sau để định hướng cho bài viết:

- Mục đích viết của bạn là gì?

- Người đọc bài viết của bạn có thể là ai?

- Với mục đích viết và đối tượng người đọc như thế, bạn cần lựa chọn nội dung và hình thức trình bày như thế nào cho phù hợp?

- Tìm những nguồn tài liệu có liên quan đến hai tác phẩm văn học (thơ) từ các trang báo, tạp chí chuyên ngành, sách chuyên luận, sách tham khảo, các trang mạng điện tử đáng tin cậy, thư viện,...

- Khi đọc tác phẩm thơ và tham khảo tài liệu, cần ghi chép một số nhận xét, đánh giá của cá nhân về hai tác phẩm để phục vụ cho việc viết bài.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Để tìm ý cho việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, cần trả lời các câu hỏi:

- Hai tác phẩm thơ có đặc điểm/ giá trị gì về nội dung và nghệ thuật?

- Hai tác phẩm thơ có điểm gì tương đồng?

- Hai tác phẩm thơ có điểm gì khác biệt? Vì sao có sự khác biệt đó?

- Hai tác phẩm thơ có đặc sắc gì về phong cách sáng tác?

-

- Bài viết cần có những luận điểm nào? Các luận điểm đó được sắp xếp theo trình tự nào?

- Lí lẽ, bằng chứng cần có cho mỗi luận điểm là gì?

- Sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý. Dàn ý phần thân bài cần:

- Trình bày ít nhất hai luận điểm về nét tương đồng/ khác biệt của hai tác phẩm thơ.

- Sắp xếp các luận điểm đó theo một trong những cách sau: a) điểm tương đồng → điểm khác biệt; điểm khác biệt → điểm tương đồng; b) kết hợp phân tích, so sánh cả điểm tương đồng/ khác biệt ở từng phương diện đặc điểm/ giá trị về nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ.

- Trích dẫn bằng chứng từ hai tác phẩm thơ cần so sánh để làm sáng tỏ luận điểm, chẳng hạn, đối với tác phẩm thơ cần lựa chọn một số câu thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ tiêu biểu để dàn ý ở phần thân bài cụ thể hơn.

Bước 3: Viết bài

- Phát triển các luận điểm thành những đoạn văn có câu chủ đề và các câu phát triển chủ đề.
- Nêu rõ ý kiến đánh giá của người viết về phong cách sáng tác của mỗi tác phẩm thơ.
- Làm sáng tỏ các luận điểm thông qua các bằng chứng tiêu biểu, thuyết phục trích từ hai tác phẩm thơ.
- Diễn đạt mạch lạc, thể hiện được những đánh giá phù hợp và độc đáo về phong cách sáng tác của hai tác phẩm thơ.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

- Đọc lại bài viết và tự đánh giá theo bảng kiểm sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm cần so sánh (tên tác phẩm, tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác,...)		
	Nêu khái quát nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá		
Thân bài	Phân tích, so sánh điểm tương đồng của hai tác phẩm		
	Phân tích, so sánh điểm khác biệt của hai tác phẩm		
	Đánh giá phong cách sáng tác của mỗi tác phẩm		
	Lập luận chặt chẽ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận riêng của người viết về hai tác phẩm		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu lấy từ hai tác phẩm		
Kết bài	Khẳng định lại những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm		
	Nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa lí lẽ với bằng chứng và bảo đảm mạch lạc cho bài viết		

Tiếp theo, đọc lại để chỉnh sửa (lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp) và hoàn tất bài viết.

• Sử dụng những câu hỏi dưới đây để tự đánh giá những gì mình đã học được sau khi thực hiện bài viết này, chẳng hạn:

- Bạn thấy hài lòng/ chưa hài lòng về điểm nào của bài viết?
- Bạn sẽ điều chỉnh những gì để bài viết thuyết phục và hấp dẫn hơn?



NÓI VÀ NGHE

SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

Đề tài:

Câu lạc bộ Văn học của trường bạn tổ chức buổi toạ đàm với chủ đề *Những sắc điệu phong phú của thi ca*. Bạn hãy chuẩn bị bài trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ để tham gia buổi toạ đàm.

Bước 1: Chuẩn bị nói

• Bạn có thể sử dụng đề tài là hai tác phẩm thơ đã so sánh, đánh giá trong bài viết hoặc đề tài là hai bài thơ khác mà bạn biết.

- Bạn so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ nhằm mục đích gì?
- Người nghe bài nói của bạn là ai?
- Bạn sẽ trình bày bài nói ở đâu và trong thời gian bao lâu?

• Trong trường hợp đề tài bài nói cũng là đề tài bài viết, bạn có thể lựa chọn các luận điểm, những lí lẽ và bằng chứng trong bài viết cần nhấn mạnh khi nói; những ý có thể lược bỏ hoặc trình bày ngắn gọn hơn để lập dàn ý cho bài nói.

Nếu đề tài bài nói khác với đề tài bài viết, bạn cần đọc kĩ hai tác phẩm thơ, tự trả lời những câu hỏi về tìm ý và lập dàn ý theo hướng dẫn ở phần *Thực hành viết theo quy trình*.

• Đối chiếu dàn ý bài nói với bảng kiểm để luyện tập cách trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học (thơ) cho khoa học. *Lưu ý:*

– Sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh tác giả, tác phẩm; sơ đồ so sánh, bảng biểu,...) để tăng tính trực quan và hấp dẫn cho bài nói.

– Lựa chọn cách mở đầu và kết thúc gây ấn tượng, hấp dẫn người nghe.

– Kết hợp giọng điệu với nét mặt, cử chỉ, lời nói,... sao cho phù hợp.

– Dự kiến một số vấn đề mà người nghe có thể thắc mắc và luyện tập trả lời cho thuyết phục, mạch lạc.

Bước 2: Trình bày bài nói

- Giới thiệu bản thân và khái quát nội dung sẽ trình bày.
- Sử dụng những cách diễn đạt phù hợp để trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- Trình bày thuyết phục, mạch lạc; tương tác tích cực với người nghe.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

- Lắng nghe và ghi chép các câu hỏi hoặc ý kiến của người nghe.
- Trả lời ngắn gọn, rõ ràng các câu hỏi, ý kiến của người nghe.
- Trong vai người nói, bạn hãy tự đánh giá phần trình bày của mình.
- Trong vai người nghe, bạn dùng bảng kiểm dưới đây để đánh giá:

Bảng kiểm kỹ năng so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu và tự giới thiệu		
	Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm thơ cần so sánh (tên tác phẩm, tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác,...)		
	Nêu khái quát nội dung cần so sánh, đánh giá		
Nội dung chính	Trình bày ý kiến so sánh điểm tương đồng của hai tác phẩm thơ		
	Trình bày ý kiến so sánh điểm khác biệt của hai tác phẩm thơ		
	Thể hiện ý kiến đánh giá của người nói về phong cách sáng tác của hai tác phẩm thơ		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu lấy từ hai tác phẩm thơ		
Kết thúc	Tóm tắt được nội dung so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ		
	Nêu vấn đề thảo luận và mời người nghe phản hồi, trao đổi		

Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài		
	Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày		
	Tương tác tích cực với người nghe		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe		

ÔN TẬP

- Hãy sắp xếp các tác phẩm đã học trong bài học này theo lịch sử/ tiến trình văn học.
- Các tác giả dưới đây sáng tác theo phong cách nào? Hãy ghi vài nét ngắn gọn về phong cách sáng tác của họ (làm vào vở):

Tác giả	Phong cách cổ điển	Phong cách lãng mạn
Thôi Hiệu		
Huy Cận		
Lưu Trọng Lư		

- Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng thể hiện qua đoạn trích sau:

*Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca.
Nay quyên đã giục oanh già,
Ý như lại gáy trước nhà liêu lo.*

(Chinh phụ ngâm, nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn,
bản diễn Nôm: Phan Huy Ích)

- Bạn hãy rút ra những điều cần lưu ý khi:
 - Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
 - Trình bày bài nói: so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- Qua các văn bản *Hoàng Hạc lâu* (Thôi Hiệu), *Tràng giang* (Huy Cận), *Tiếng thu* (Lưu Trọng Lư), bạn có nhận xét gì về cách cảm nhận và tái hiện cuộc sống của các tác giả?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực và lãng mạn qua các tác phẩm truyện tiêu biểu.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, sự kiện, ngôi kể, điểm nhìn, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của truyện; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Nhận biết được lỗi câu mơ hồ và đề xuất được cách sửa phù hợp.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.
- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước; nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình; nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.
- Cảm thông với những nỗi bất hạnh; trân trọng khát vọng, ước mơ đẹp đẽ của con người.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Phong cách lãng mạn: Xem lại phần *Tri thức Ngữ văn* ở Bài 1.

Phong cách hiện thực là phong cách nghệ thuật chú trọng việc khắc hoạ chính xác, tỉ mỉ những bức tranh chân thực về cuộc sống, môi trường, xã hội với cảm hứng phê phán, bóc trần và phủ nhận thực tại. Đề tài gắn với cuộc sống hằng ngày, nhân vật thường điển hình cho một hoàn cảnh, một tính cách, một số phận trong xã hội.

Ở Việt Nam, phong cách hiện thực cũng phát triển thành một trào lưu lớn song song với trào lưu lãng mạn vào khoảng những năm 1930 – 1945 với các tác giả Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao,... Trào lưu này gắn với những bức tranh xã hội chân thực về đời sống khốn cùng của nông dân, thị dân nghèo và tiểu tư sản trí thức, với cảm quan phê phán hiện thực và tinh thần phản kháng tiềm tàng.

Tính chỉnh thể của tác phẩm: Mỗi tác phẩm văn học là một hệ thống bao gồm hàng loạt yếu tố thuộc những bình diện khác nhau (đề tài, chủ đề, tư tưởng, kết cấu, ngôn ngữ, chi tiết, sự kiện, nhân vật,...). Ở những tác phẩm có giá trị, sự kết hợp và tác động lẫn nhau giữa các yếu tố này làm cho tác phẩm trở thành một chỉnh thể nghệ thuật mang tính thống nhất giữa nội dung thẩm mĩ và hình thức nghệ thuật.



Sự kiện trong tác phẩm truyện là những sự việc, biến cố quan trọng tác động đến nhân vật, tạo ra sự thay đổi của nhân vật, thúc đẩy cốt truyện phát triển. Sự kiện vừa phản ánh các mối quan hệ, xung đột xã hội vừa giúp bộc lộ tính cách và số phận nhân vật.

Các giá trị của tác phẩm văn học: Văn học có ba giá trị chính là nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ.

Giá trị nhận thức thể hiện ở việc tác phẩm văn học mang đến cho bạn đọc những hiểu biết về tự nhiên, xã hội và về chính bản thân mình (tự nhận thức). **Giá trị giáo dục** thể hiện ở khả năng hình thành noi người đọc những phẩm chất đạo đức, có thể thay đổi thế giới quan, nhân sinh quan. **Giá trị thẩm mĩ** của tác phẩm văn học thể hiện ở khả năng thoả mãn nhu cầu về cái đẹp, phát triển năng lực, thị hiếu về cái đẹp cho người đọc.

Các giá trị trên không tách rời mà gắn bó chặt chẽ với nhau và đều được thể hiện thông qua hình tượng và ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm văn học.

Lỗi câu mơ hồ và cách sửa

Câu mơ hồ là loại câu không rõ ràng về nghĩa. Dưới đây là một số loại câu mơ hồ thường gặp:

– Mơ hồ từ vựng

Ví dụ: *Chả ngon lắm.*

Phân tích lỗi: Ở ví dụ trên, hiện tượng đồng âm (*chả*₁ – “một món ăn” và *chả*₂ – “chẳng/ không”) khiến câu mơ hồ về nghĩa.

Cách sửa: Thêm/ thay thế từ ngữ để câu rõ nghĩa. Ví dụ: (1) *Món chả ngon lắm.* (2) *(Món này) không ngon lắm.*

– Mơ hồ cấu trúc

Ví dụ: *Đó là những nhận xét về bài viết của ông ấy.*

Phân tích lỗi: Cụm danh từ “những nhận xét về bài viết của ông ấy” có sự nhập nhằng về cấu trúc: có thể coi cụm từ “của ông ấy” là một thành phần phụ bổ nghĩa cho “bài viết” (những nhận xét của người khác về bài viết của ông ấy), cũng có thể hiểu cụm từ này bổ nghĩa cho “những nhận xét” (những nhận xét của ông ấy về bài viết). Điều này tạo nên sự mơ hồ về nghĩa cho cả câu.

Cách sửa: Thêm từ ngữ, điều chỉnh trật tự từ ngữ cho phù hợp. Ví dụ: *Đó là những nhận xét của ông ấy về bài viết.*

– Mơ hồ logic

Ví dụ: *Ba người mua ba cái áo.*

Phân tích lỗi: Ở đây, không rõ cả ba người mua tổng cộng ba cái áo hay mỗi người mua ba cái áo.

Cách sửa: Thêm từ ngữ để câu rõ nghĩa. Ví dụ: *Cả ba người mua tổng cộng ba cái áo* hoặc *Có ba người, mỗi người mua ba cái áo*.

Lưu ý: Trong thực tế, có những câu có thể mắc nhiều kiểu lỗi mơ hồ.



ĐỌC

VĂN BẢN 1

LÃO HẠC

Nam Cao

Lão Hạc là một trong những truyện ngắn xuất sắc, tiêu biểu cho phong cách sáng tác của Nam Cao. Năm 1982, truyện *Lão Hạc* cùng với truyện ngắn *Chí Phèo*, tiểu thuyết *Sống mòn* của nhà văn Nam Cao được chuyển thể thành phim truyện *Làng Vũ Đại ngày ấy*. Bộ phim được xếp vào hàng “Những tác phẩm kinh điển của điện ảnh Việt Nam thế kỉ XX”.

✓ Trước khi đọc

Hãy hình dung khi con người rơi vào tình cảnh nghèo đói, túng quẫn, họ sẽ có cách phản ứng như thế nào?

✓ Đọc văn bản

Lão Hạc thối cái mồi rom, châm đóm. Tôi đã thông điều và bỏ thuốc¹ rồi. Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe...

– Ông giáo hút trước đi!

Lão đưa đóm cho tôi...

– Tôi xin cụ...

Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điều. Tôi rít một hơi xong, thông điều rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo:

– Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!

Lão đặt xe điều², hút. Tôi vừa thở khói, vừa gà gà³ đôi mắt của người say, nhìn lão, nhìn để làm ra vẻ chú ý đến câu nói của lão đó thôi. Thật ra thì trong lòng tôi rất dửng dưng. Tôi nghe câu ấy đã nhảm rồi. Tôi lại biết rằng: lão nói là nói để có đấy thôi; chẳng bao giờ lão bán đâu. Vả lại, có bán thật nữa thì đã sao? Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế... ①

Suy luận

① Câu chuyện trong đoạn này được kể qua điểm nhìn của ai?

¹ Thông điều và bỏ thuốc: lấy que nhỏ thông nỏ điều rồi bỏ thuốc lão đã vè thành viên vào đó, chuẩn bị hút.

² Xe điều: ống nhỏ và dài, cầm vào điều bát để hút thuốc lão.

³ Gà gà: trạng thái lơ mơ của người buồn ngủ hoặc hơi say thuốc, say rượu.

Lão hút xong, đặt xe điều xuống, quay ra ngoài, thở khói. Sau một điều thuốc lão, óc người ta tê dại đi trong một nỗi mê nhẹ nhõm. Lão Hạc ngồi lặng lẽ, hưởng chút khoái lạc con con ấy. Tôi cũng ngồi lặng lẽ. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn tôi bán gần hết cả áo quần, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. Ốm dậy, tôi về quê, hành lí chỉ vền vện có một cái va-li đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỉ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng: mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bùng lên trong lòng tôi như một rặng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần. Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai, và bán hết mọi thứ rồi, tôi lại phải bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi nhất định, dù có phải chết cũng không chịu bán. Ấy thế mà tôi cũng bán! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng lệ gần kiệt sức... Không! Lão Hạc ơi! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu? Lão quý con chó vàng của lão đã thấm vào đâu với tôi quý năm quyển sách của tôi...

Tôi nghĩ thầm trong bụng thế. Còn lão Hạc, lão nghĩ gì? Đột nhiên lão bảo tôi:

– Này! Thành cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má¹ gì đấy, ông giáo ạ!

À! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão. Nó đi cao su² năm sáu năm rồi. Hồi tôi mới về, nó đã hết một hạn công-ta³. Lão Hạc đem thư của nó sang, mượn tôi xem. Nhưng nó xin đăng thêm một hạn nữa... Lão vội cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao lão đang nói chuyện con chó, lại nhảy vọt sang chuyện thằng con như vậy:

– Con chó là của cháu nó mua đấy chứ!... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...

Ấy! Sự đòi lại cứ thường như vậy đấy. Người ta đã định rồi chẳng bao giờ người ta làm được. Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách⁴ nặng quá: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất đến cùng hai trăm bạc. Lão Hạc không lo được. Ý thằng con lão thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được. Nhưng lão không cho bán. Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ? Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đăng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dẫu có bán vườn đi cũng không đủ cưới. Lão Hạc biết vậy đấy, nhưng cũng không dám xằng⁵. Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dần lòng bỏ đám này để dúi giăng⁶ lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa

¹ Giấy má: giấy tờ nói chung, ở đây chỉ thư từ.

² Đi cao su: đi làm ở đồn điền cao su, phần lớn là vào miền Nam.

³ Công-ta (tiếng Pháp: *contrat*): hợp đồng.

⁴ Thách: ở đây là thách cưới: nhà gái nêu yêu cầu với nhà trai về đồ sính lễ cưới con gái.

⁵ Xằng: giọng nói gay gắt, khó chịu.

⁶ Dúi giăng (từ địa phương): nán đợi.

này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?... Lạy trời lạy đất! Nó cũng là thằng khá, nó thấy bố nói thế thì nó thôi ngay, nó không dả động đến việc cưới xin gì nữa. Nhưng nó có vẻ buồn. Và lão biết nó vẫn theo đuổi con kia mãi. Lão thương con lắm. Nhưng biết làm sao được?... Tháng mười năm ấy, con kia đi lấy chồng; nó lấy con trai một ông phó lí¹, nhà có của. Thằng con lão sinh phần chí. Ngay mấy hôm sau, nó ra tỉnh đến sở mộ phu², đưa thẻ³, kí giấy xin đi làm đồn điền cao su... **2**

Theo dõi

2 Đây là lời kể của ai?

Lão rân rân nước mắt, bảo tôi:

– Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ! Chả biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng và bảo: “Con biểu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà; xưa nay con ở nhà mãi cũng không nuôi thầy được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo; thầy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về, không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm!...”. Tôi chỉ còn biết khóc, chứ còn biết làm sao được nữa? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi?...

Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bần bật. Già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thủi một mình thì ai mà chả phải buồn? Những lúc buồn, có con chó làm bạn thì cũng đỡ buồn một chút. Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự⁴. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu. Lão ăn gì lão cũng chia cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão uống rượu, thì nó ngồi ở dưới chân. Lão cứ nhắm vài miếng lại gấp cho nó một miếng như người ta gấp thức ăn cho con trẻ. Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó. Lão bảo nó thế này:

– Cậu có nhớ bố cậu không? Hả cậu Vàng? Bố cậu lâu lắm không có thư về. Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy... Hơn ba năm... Có đến ngót bốn năm... Không biết cuối năm nay bố cậu có về không? Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy!

¹ Phó lí: chức phó cho lí trưởng (người đứng đầu bộ máy hành chính trong làng).

² Sở mộ phu: nơi tuyển mộ, thu nhận người đi làm phu cho các đồn điền, hầm mỏ thời Pháp thuộc.

³ Thẻ: ở đây chỉ thẻ căn cước thời Pháp thuộc (giống như căn cước công dân ngày nay).

⁴ Cầu tự: cầu trời lễ Phật ở các đền chùa để sinh được con.

Con chó vằn hếch mõm lên nhìn, chẳng lộ một vẻ gì; lão lừ mắt nhìn trừng trừng vào mắt nó, to tiếng dọa:

– Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bỏ bố!

Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng, để lấy lại lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa:

– Mừng à? Vẫy đuôi à? Vẫy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!

Thấy lão sùng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi, vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhẹ nhẹ vào lưng nó và dẩu díp:¹

– À không! À không! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ!... Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...

Lão buông nó ra để nhắc chén, ghé lên môi uống. Lão ngẩn mặt ra một chút, rồi bỗng nhiên thở dài. Rồi lão lẩm bẩm tính. Đây là lão tính tiền bòn vườn của con...

Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng: “Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu². Hồi ấy, mọi thứ còn rẻ cả... Của mẹ nó tậu, thì nó hưởng. Lóp trước nó đòi bán, ta không cho bán là ta có ý giữ cho nó, chứ có phải giữ để ta ăn đâu? Nó không có tiền cưới vợ, phần chí bước ra đi, thì đến lúc có tiền để lấy vợ, mới chịu về. Ta bòn vườn của nó, cũng nên để ra cho nó; đến lúc nó về, nếu nó không đủ tiền cưới vợ thì ta thêm vào với nó, nếu nó có đủ tiền cưới vợ, thì ta cho vợ chồng nó để có chút vốn mà làm ăn...”. Lão tự bảo lão như thế, và lão làm đúng như thế. Lão làm thuê để kiếm ăn. Hoa lợi³ của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc mẩm thế nào đến lúc con lão về, lão cũng có được một trăm đồng bạc... 3

Suy luận

3 Bạn nghĩ gì về tình cảm, thái độ của lão Hạc dành cho con qua đoạn văn này?

Lão lắc đầu chán nản, bảo tôi:

– Ấy thế mà bây giờ hết nhẵn, ông giáo ạ! Tôi chỉ ồm có một trận đấy thôi. Một trận đúng hai tháng mười tám ngày, ông giáo ạ! Hai tháng mười tám ngày đã không làm ra được một xu, lại còn thuốc, lại còn ăn... Ông thử tính ra xem bao nhiêu tiền vào đấy?...

Sau trận ốm, lão yếu người đi ghê lắm. Những công việc nặng không làm được nữa. Làng mất vé sợi⁴, nghề vái đành phải bỏ. Đàn bà rối rãi nhiều. Còn tí việc nhẹ nào họ tranh nhau làm mất cả. Lão Hạc không có việc. Rồi lại bão. Hoa mầu bị phá sạch sành sanh. Từ ngày bão đến nay, vườn lão chưa có một tí gì bán. Gạo thì cứ

¹ Dẩu díp: thể hiện cử chỉ âu yếm.

² Tậu: mua thứ gì có giá trị quan trọng đối với gia đình (tậu ruộng, tậu nhà, tậu trâu,...).

³ Hoa lợi: những thứ thu hoạch được do trồng trọt.

⁴ Vé sợi: vé được cấp để mua sợi dệt vải.

kém¹ mãi đi. Một lão với một con chó, mỗi ngày ba hào gạo, mà gia sự vẫn còn đói deo đói dặt²...

– Thì ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi ông giáo ạ. Mỗi ngày cậu ấy ăn thế, bỏ rẻ³ cũng mất hào rưởi, hai hào đấy. Cứ mãi thế này thì tôi lấy tiền đâu mà nuôi được? Mà cho cậu ấy ăn ít thì cậu ấy gầy đi, bán hụt tiền, có phải hoài không? Bây giờ cậu ấy béo trũng trục, mua đắt, người ta cũng thích...

Lão ngắt lại một chút, rồi tặc lưỡi:

– Thôi thì bán phắt đi! Đỡ được đồng nào, hay đồng ấy. Bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó. Tôi bây giờ có làm gì được đâu!

*

* *

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

– Cự bán rồi?

– Bán rồi? Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

– Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

– Khốn nạn... Ông giáo ơi!... Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!... Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”. Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó! ④

Suy luận

④ Đoạn văn này cho thấy lão Hạc là người như thế nào?

¹ Kém: đắt đỏ, giá cao hơn bình thường (thóc cao gạo kém).

² Đói deo đói dặt: đói dai dẳng.

³ Bỏ rẻ (khẩu ngữ): tính ít ra, ít nhất.

Tôi an ủi lão:

– Cụ cú tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu gì đâu! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt? Ta giết nó chính là hoá kiếp cho nó đấy, hoá kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão chua chát bảo:

– Ông giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...

Tôi bùi ngùi nhìn lão bảo:

– Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

– Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo:

– Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.

– Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà¹. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo:

– Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

– Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác?...

– Việc gì còn phải chờ khi khác?... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây! Tôi làm nhanh lắm...

– Đã biết, nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc...

Mặt lão nghiêm trang lại...

– Việc gì thế, cụ?

– Ông giáo để tôi nói... Nó hơi dài dòng một tí.

– Vâng, cụ nói.

– Nó thế này, ông giáo ạ!

Và lão kể. Lão kể nhỏ nhẹ và dài dòng thật. Nhưng đại khái có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất: Lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này. Tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão, lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng dòm ngó đến; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng vẫn

¹ Cười đưa đà: cười cốt để phụ họa, đưa đẩy câu chuyện.

tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó... Việc thứ hai: lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào, con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt; lão còn được hăm nhăm đồng bạc với năm đồng bạc vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả... 5

Theo dõi

5 Đây là lời của nhân vật "tôi" hay của lão Hạc?

Tôi bật cười bảo lão:

– Sao cụ lo xa quá thế? Cụ còn khoẻ lắm, chưa chết đâu mà sợ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay! Tôi gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?

– Không, ông giáo ạ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?

– Đã đành rằng là thế, nhưng tôi bòn vườn của nó bao nhiêu, tiêu hết cả. Nó vợ con chưa có. Ngộ nó không lấy gì lo được, lại bán vườn thì sao?... Tôi cần rom, cần có tôi lạy ông giáo! Ông giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi.

Thấy lão nằn nì mãi, tôi đành nhận vậy. Lúc lão ra về, tôi còn hỏi:

– Có đồng nào, cụ nhật nhanh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn?

Lão cười nhạt bảo:

– Được ạ! Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong.

Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

– Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói...

Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỷ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nổi giận. Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngầm ngầm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão. Lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gằn như là hách dịch. Và lão cứ xa tôi dần dần...

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn về việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người

láng giềng khác của tôi: Hấn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hấn bấu môi và bảo:

– Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngảm¹ thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu. Lão vừa xin tôi một ít bả chó...

Tôi trố to đôi mắt, ngạc nhiên. Hấn thì thầm:

– Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xoi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết. Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ một ngày một thêm đáng buồn... 6

Liên hệ

6 Bạn có đồng tình với suy nghĩ của ông giáo về lão Hạc trong đoạn này?

Không! Cuộc đời của hấn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi một chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hấn và bảo hấn: “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”.

(In trong *Tuyển tập Nam Cao*, tập 1, NXB Văn học, Hà Nội, 2004, tr. 105 – 115)

✓ Sau khi đọc

1. Tóm tắt cốt truyện *Lão Hạc*.

¹ Tâm ngảm: lảm lì, ít nói.

2. Nêu một số nét tính cách nổi bật của nhân vật lão Hạc và cho biết:
 - a. Lão Hạc tiêu biểu cho tầng lớp nào trong xã hội đương thời?
 - b. Hoàn cảnh sống đã tác động như thế nào đến số phận, tính cách của nhân vật?
3. Xác định ngôi kể, điểm nhìn và chỉ ra tác dụng của cách sử dụng ngôi kể, điểm nhìn đó trong văn bản.
4. Bạn suy nghĩ gì về cái chết của lão Hạc? Vì sao một người gần gũi, thân tình với lão Hạc như nhân vật ông giáo mà vẫn có lúc không hiểu hoặc hiểu lầm lão Hạc?
5. Đọc đoạn văn sau: *“Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương...”* (Lão Hạc). Cho biết:
 - a. Đoạn văn là lời của ai nói với ai, trong trường hợp nào và với mục đích gì?
 - b. Tinh thần “cố tìm mà hiểu” “những người quanh ta” có ý nghĩa, tác dụng gì đối với chính nhà văn Nam Cao trong trường hợp ông viết *Lão Hạc*?
6. Đọc *Lão Hạc*, bạn nhận xét như thế nào về cuộc sống của người dân nghèo ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945?
7. Theo bạn, tác phẩm *Lão Hạc* của Nam Cao được viết theo phong cách lãng mạn hay phong cách hiện thực? Căn cứ vào đâu để bạn khẳng định như vậy?

Nam Cao (1915 – 1951): tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lí Nhân (nay thuộc xã Hoà Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam. Ông là một trong những nhà văn hiện đại xuất sắc của văn học Việt Nam. Với 15 năm cầm bút, ông có hai tiểu thuyết và khoảng 50 truyện ngắn, bút kí,... Nam Cao đặc biệt thành công ở lĩnh vực truyện ngắn với những tác phẩm tiêu biểu như: *Chí Phèo*, *Lão Hạc*, *Một bữa no*, *Trẻ con không được ăn thịt chó*, *Trăng sáng*, *Đời thừa*,...

Với ngòi bút hiện thực sắc sảo, tác phẩm của Nam Cao đã dựng nên bức tranh chân thực về xã hội Việt Nam đương thời với cảnh sống khốn khổ của người nông dân bần cùng và bi kịch tinh thần đau đớn của người trí thức nghèo.



Nam Cao
(Tủ điển Văn học (bộ mới),
NXB Thế giới, 2004)

*** ***

HAI DỨA TRẺ

Thạch Lam

Hai đứa trẻ trích từ tập truyện *Nắng trong vườn* (1938). Tập truyện gồm 12 truyện ngắn, tiêu biểu cho phong cách văn xuôi Thạch Lam.

✓ Trước khi đọc

Khi chờ đợi một điều gì đó quan trọng với bản thân, bạn thường có tâm trạng, cảm xúc như thế nào? Hãy chia sẻ điều đó với các bạn trong lớp.

✓ Đọc văn bản

Tiếng trống thu không¹ trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen²; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị³; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn. ¹

Theo dõi

¹ Chú ý những từ ngữ, hình ảnh được dùng để miêu tả cảnh hoàng hôn trong phần văn bản này.

– Em thấp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời:

– Hằng thong thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kéo ở trong ấy muối.

An bỏ bao diêm xuống bàn cùng chị ra ngoài chõng⁴ ngồi; chiếc chõng nan lún xuống và kêu cọt két.

– Cái chõng này sắp gãy rồi chị nhỉ?

– Ủ để rồi chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.

¹ Trống thu không: tiếng trống báo hiệu để đóng cửa thành, cửa chùa vào lúc trời gần tối.

² Quả thuốc sơn đen: được làm bằng gỗ hoặc tre, hình hộp tròn, bên trong chia làm nhiều ngăn, có nắp đậy, nắp sơn đỏ hoặc đen để đựng thuốc.

³ Có bản ghi là "cô".

⁴ Chõng: đồ dùng làm bằng tre hoặc nứa, hình giống cái giường nhưng hẹp và thấp hơn, thường dùng để ngồi, nằm.

Hai chị em guộng nhẹ ngời yên nhìn ra phố. Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mỹ, đèn hoa kì¹ leo lét trong nhà ông Cửu, và đèn dây sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn ánh sáng đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng một bên tối.

Chợ họp giữa phố vẫn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ẩm² bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hoá, đôn gánh đã xỏ sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhanh thanh nứa, thanh tre, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại, Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ chị em Liên mới thấy thằng cu bé xách điều đóm và khiêng hai cái ghế trên lưng ở trong ngõ đi ra; chị Tí, mẹ nó, theo sau, đội cái chõng trên đầu và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc: tất cả cái của hàng của chị.

– Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

Chị Tí để chõng xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời Liên:

– Ối chao, sớm với muộn mà có ăn thua gì. **2**

Suy luận
2 Chi tiết này cho thấy việc buôn bán của người dân phố huyện như thế nào?

Ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mốc gạch. Để bán cho ai? Máy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng mấy chú lính lệ³ trong huyện hay người nhà thầy thừa⁴ đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điều thuốc Lào. Chị Tí chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chị kê xong chõng, ghế, dịch ngọn đèn hoa kì lại ngời tèm trầu, còn thằng cu thì loay hoay nhóm lửa để nấu nồi nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng lên nói chuyện với Liên:

– Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khẽ: “Chết chửa!”, rồi đứng dậy giục em:

– Vào đóng cửa hàng thôi, không mẹ ra mắng chết.

An đáp:

¹ Đèn hoa kì: đèn dầu nhỏ, có bắc tròn.

² Có bản ghi là “âm ẩm”.

³ Lính lệ: lính làm công việc tạp dịch và hầu hạ quan lại.

⁴ Thầy thừa: viên chức làm việc hành chính ở các công sở ngày xưa.

– Hôm nay chưa chắc mẹ có ra không, chị ạ. Mẹ còn bận làm gạo cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên tạt ra thăm hàng một lần, và bà dặn hễ cứ trống thu không là phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mãi ngồi nhìn phớt quên mất! Bây giờ Liên vội vàng vào thắp đèn, xếp những quả sơn đen lại, trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cái cửa hàng hai chị em trông coi là một cửa hàng tạp hoá nhỏ xíu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà Nội về quê ở, vì thấy Liên mất việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm, ngăn ra bằng một tấm phen nửa dán giấy nhật trình. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi – bà còn bận làm hàng xáo¹ – và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ đây để trông hàng.

Liên đếm lại những phong thuốc Lào, xếp vào hòm các bánh xà phòng còn lại, vừa lẩm nhẩm tính tiền hàng. Hôm nay ngày phiên² mà bán cũng chẳng ăn thua gì.

– Có phải buổi trưa em bán cho bà Lục hai bánh xà phòng không?

An ngẫm nghĩ rồi đáp:

– Vâng, bà ta mua hai bánh, còn cụ Chi lấy chịu nửa bánh nữa.

Liên với cái bàn tính để cộng số tiền. Nhưng trong hàng nóng và muỗi quá, chị ngần ngại rồi xếp hết cả tiền vào tráp, không tính nữa:

– Thôi, để mai tính một thế.

An nhìn chị, chỉ đợi lúc ấy. Hai chị em cùng vội muốn đóng cửa hàng để lại ra ngoài kia, ngồi trên chõng ngấm nhìn phong cảnh ngoài phố. Liên khoá vội tráp tiền với một chiếc chìa khoá chị đeo vào cái dây xà tích³ bạc ở thắt lưng, chiếc xà tích và cái khoá chị quý mến và hãnh diện, vì nó tỏ ra chị là người con gái lớn và đảm đang. ³

Suy luận

3 Qua chi tiết này, bạn hiểu thêm điều gì về nhân vật Liên?

– A, cô bé làm gì thế?

Nghe câu nói tiếp theo một tiếng cười khanh khách, chị em Liên không cần ngoảnh mặt ra cũng biết là ai đã vào hàng. Đó là cụ Thi, một bà già hơi điên, vẫn mua rượu ở hàng Liên. Liên đã biết tính bà, chị lẳng lặng rót một cút rượu ti⁴ đầy đưa cho cụ; chị không dám nhìn mặt cụ, và trong lòng hơi run sợ, chị mong cho cụ chóng đi. Cụ cầm cút rượu soi lên rồi cười giòn giã nói:

– A, em Liên thảo nhỉ. Hôm nay lại rót đầy cho chị đây.

¹ Hàng xáo: nghề mua thóc về xay, giã rồi bán gạo và thu các sản phẩm phụ như tấm, cám,...

² Ngày phiên: ngày họp chợ chính, đông đúc hơn ngày thường.

³ Xà tích: đồ trang sức của phụ nữ thời xưa, thường là một sợi dây bạc giắt ở thắt lưng.

⁴ Rượu ti: rượu do công ti sản xuất, được thực dân Pháp cho phép bán (khác với rượu lậu – rượu do dân tự nấu; thời Pháp thuộc, dân không được phép nấu rượu).

Cụ ngựa cổ ra đằng sau, uống một hơi cạn sạch, rồi vừa chếp miệng vừa lẩn ruột tượng trả tiền – Cụ để ba đồng xu vào tay Liên, xoa đầu chị một cái rồi lảo đảo bước ra ngoài. Hai chị em Liên đứng sững nhìn theo cụ đi lẩn vào bóng tối, tiếng cười khanh khách nhỏ dần về phía làng.

*
* *

Trời đã bắt đầu đêm, một đêm mùa hạ êm như nhung và thoảng qua gió mát. Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối. Các nhà đã đóng im ỉm, trừ một vài cửa hàng còn thức, nhưng cửa chỉ để hé ra một khe ánh sáng. Trẻ con tụ họp nhau ở thềm hè, tiếng cười nói vui vẻ, khiến An thèm muốn nhập bọn với chúng để nô đùa, nhưng sợ trái lời mẹ dặn phải coi hàng, nên hai chị em đành ngồi yên trên chõng, đưa mắt theo dõi những bóng người về muộn, từ từ đi trong đêm.

Vòm trời hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẫn với vệt sáng của những con đom đóm bay là trên mặt đất hay len vào cành cây. An và Liên lặng ngược mắt lên nhìn các vì sao để tìm sông Ngân Hà và con vịt theo sau ông Thần Nông¹. Vũ trụ thăm thẳm bao la đối với tâm hồn hai đứa trẻ như đầy bí mật và xa lạ và làm mỗi trí nghĩ, nên chỉ một lát hai chị em lại cúi nhìn về mặt đất, về quang sáng thân mật chung quanh ngọn đèn lay động trên chõng hàng của chị Tí. Về phía huyện, một chấm lửa khác nhỏ và vàng lơ lửng đi trong đêm tối, mất đi, rồi lại hiện ra... An trở tay bảo chị: **4**

Theo dõi

4 Bầu trời đêm và không gian phố huyện trong đoạn này được miêu tả qua điểm nhìn của ai?

– Kia, hàng phố của bác Siêu đã đến kia rồi.

Tiếng đòn gánh kiu kịt nghe rõ rệt, khối theo gió tạt lại chỗ hai chị em: bác Siêu đã tới gần, đặt gánh phở xuống đường. Bác cúi xuống nhóm lại lửa, thổi vào cái nứa con. Bóng bác mệnh mang ngã xuống đất một vũng và kéo dài đến tận hàng rào hai bên ngõ. An và Liên ngửi thấy mùi phở thơm, nhưng ở cái huyện nhỏ này, quà bác Siêu bán là một thứ quà xa xỉ, nhiều tiền, hai chị em không bao giờ mua được. Liên nhớ lại khi ở Hà Nội chỉ được hưởng những thức quà ngon, lạ – bấy giờ mẹ Liên nhiều tiền, – được đi chơi bờ hồ uống những cốc nước lạnh xanh đỏ. Ngoài ra, kỉ niệm nhớ lại không rõ rệt gì, chỉ là một vũng sáng rực và lấp lánh, Hà Nội nhiều đèn quá! Từ khi nhà Liên dọn về đây, từ khi có cái cửa hàng này, đêm nào Liên và em cũng phải ngồi trên chiếc chõng tre dưới gốc bàng với cái tối của quang cảnh phố chung quanh.

Đêm tối đối với Liên quen lắm, chị không sợ nó nữa. Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại càng sẫm đen hơn nữa. Giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tí, và cái bếp lửa của bác Siêu, chiếu sáng một vùng đất cát; trong cửa hàng, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vắn nhỏ, thua thót từng

¹ *Thần Nông*: tên một chòm sao, gắn với thần thoại về thần Nông, một vị thần có công dạy dân làm ruộng, trồng trọt.

hột sáng lọt qua phen nửa. Tất cả phố xá trong huyện bây giờ thu nhỏ lại nơi hàng nước của chị Tí. Thêm được một gia đình bác xẩm¹ ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để trước mặt, nhưng bác chưa hát vì chưa có khách nghe.

Chị Tí phe phẩy cành chuối khô đuổi ruồi bò trên mấy thức hàng, chậm rãi nói:

– Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?

Chị muốn nói mấy chú lính trong huyện, mấy người nhà của cụ thừa, cụ lục² là những khách hàng quen của chị. Bác Siêu đáp vắn vơ:

– Hôm nay trong ông giáo cũng có tổ tôm³. Để họ không phải đi gọi đâu.

Vợ chồng bác xẩm góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu, bần bật trong yên lặng. Thằng con bò ra đất, ngoài manh chiếu, nghịch nhặt những rác bẩn vùi trong cát bên đường. Chùng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày của họ.

An và Liên đã buồn ngủ riu cả mắt. Tuy vậy hai chị em vẫn cố guọng để thức khuya chút nữa, trước khi vào hàng đóng cửa đi ngủ. Mẹ vẫn dặn phải thức đến khi tàu xuống – đường sắt đi ngang qua ngay trước mặt phố – để bán hàng, may ra còn có một vài người mua. Nhưng cũng như mọi đêm, Liên không trông mong còn ai đến mua nữa. Với lại đêm họ chỉ mua bao diêm hay gói thuốc là cùng. Liên và em cố thức là vì có khác, vì muốn được nhìn chuyến tàu đó là sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya.

An đã nằm xuống gối đầu lên đùi chị, mi mắt sắp sửa rơi xuống, còn dặn với:

– Tàu đến chị đánh thức em dậy nhé.

– Ừ, em cứ ngủ đi.

Liên khẽ quạt cho An, vuốt lại mái tóc tơ. Đầu em bé nặng dần trên người Liên; chị ngồi yên không động dậy. Qua khe lá của cánh bàng, ngàn sao vẫn lấp lánh; một con đom đóm bám vào dưới mặt lá, vùng sáng nhỏ xanh nhấp nháy rồi hoa rụng xuống vai Liên khe khẽ, thỉnh thoảng từng loạt một. Tâm hồn Liên yên tĩnh hẳn, có những cảm giác mơ hồ không hiểu.

Trống cầm canh⁴ ở huyện đánh tung lên một tiếng ngắn, khô khan, không vang động ra xa, rồi chìm ngay vào bóng tối. Người vắng mãi; trên hàng ghế chị Tí mới có hai ba bác phu ngồi uống nước và hút thuốc lão. Nhưng một lát từ phố huyện đi ra, hai ba người cầm đèn lồng lung lay các bóng dài; mấy người làm công ở hiệu khách đi đón bà chủ ở tỉnh về. Bác Siêu ngẩn cổ nhìn ra phía ga, lên tiếng:

– Đèn ghi⁵ đã ra kia rồi.

¹ Xẩm: chỉ người khiếm thị chuyên đi hát rong kiếm sống.

² Lục (lục sự): viên chức lo việc giấy tờ xét xử ở các toà án nói chung, ở thời Pháp thuộc.

³ Tổ tôm: trò chơi bằng bài lá gồm 120 quân, có năm người chơi.

⁴ Trống cầm canh: người xưa chia đêm thành năm canh, đầu mỗi canh đều có điểm một hồi trống.

⁵ Đèn ghi: đèn báo hiệu hướng dẫn xe lửa chuyển sang đường ray khác.

5 Chú ý tâm trạng và cảm xúc của chị em Liên trong lúc đoàn tàu đến.

Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc, sát mặt đất, như ma troi. Rồi tiếng còi xe lửa ở đâu vang lại, trong đêm khuya kéo dài ra theo gió xa xôi. Liên đánh thức em:

– Dậy đi, An. Tàu đến rồi. **5**

An nhồm dậy, lấy tay giụi mắt cho tỉnh hẳn. Hai chị em nghe thấy tiếng dồn dập, tiếng xe rít mạnh vào ghi. Một làn khói bừng sáng trắng lên đằng xa, tiếp đến tiếng hành khách ồn ào khe khẽ. Mấy năm nay buôn bán kém nên người lên xuống ít, có khi hai chị em đợi chờ chẳng thấy ai. Trước kia, ở sân ga, có mấy hàng com mớ đón khách, đèn sáng cho đến nửa đêm. Nhưng bây giờ họ đóng cửa cả rồi, cũng im lặng tối đen như ngoài phố.

Hai chị em chờ không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tàu rầm rộ đi tới. Liên dắt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đèn sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường. Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hạng trên sang trọng lố nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng. Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối, để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm nhỏ của chiếc đèn xanh trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.

– Tàu hôm nay không đông nhỉ, chị nhỉ.

Liên cầm tay em không đáp. Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sáng hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn cái vắng sáng ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.

– Thôi đi ngủ đi chị.

Liên vỗ vai em ngồi xuống chõng. An cũng ngồi xuống và ngả đầu vào vai Liên. Tiếng vang động của xe hoả đã nhỏ rồi, và mất dần trong bóng tối, lắng tai cũng không nghe thấy nữa. Sao trên trời vẫn lấp lánh. Cả phố huyện bây giờ mới thật là hết náo động, chỉ còn đêm khuya, tiếng trống cầm canh và tiếng chó cắn. Từ phía ga, bóng đèn lờng vờng với bóng người đi về; chị Tí đương sửa soạn đồ đạc và bác Siêu đã gánh hàng đi vào trong làng, còn vợ chồng bác xẩm ngủ gục trên manh chiếu tự bao giờ.

Liên quay lại nhìn em thấy An cũng đã ngủ say, tay nắm chặt tà áo chị và đầu vẫn dựa vào vai. Liên nhìn quanh đêm tối, gió đã thoáng lạnh và đom đóm không còn nữa. Chị cúi xuống vực em vào trong hàng, mắt cũng đã riu lại. Chị gài cửa cẩn thận và vặn nhỏ ngọn đèn đặt trên cái quả thuốc sơn đen. Rồi Liên đến bên em nằm

xuống. Chị gối đầu lên tay nhắm mắt lại. Những cảm giác ban ngày lắng đi trong tâm hồn Liên và hình ảnh của thế giới quanh mình mờ mờ đi trong mắt chị. Liên thấy mình sống giữa bao nhiêu sự xa xôi không biết như chiếc đèn con của chị Tí chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ. Nhưng Liên không nghĩ được lâu; mắt chị nặng dần, rồi sau Liên ngập vào giấc ngủ yên tĩnh, cũng yên tĩnh như đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối.

(In trong *Tuyển tập Thạch Lam*, NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr. 99 – 106)

✓ Sau khi đọc

1. Tóm tắt nội dung câu chuyện được kể và chỉ ra đặc điểm về cách xây dựng cốt truyện trong *Hai đứa trẻ*.
2. Bức tranh phố huyện đã được tác giả miêu tả theo trình tự nào và có đặc điểm gì? Làm rõ ý nghĩa của việc miêu tả bức tranh ấy trong văn bản.
3. Xác định ngôi kể, điểm nhìn trong văn bản và cho biết tác dụng của ngôi kể, điểm nhìn ấy trong việc khắc họa nhân vật, thể hiện chủ đề, cảm hứng của tác phẩm.
4. Nêu và phân tích ý nghĩa:
 - a. Một số câu văn, đoạn văn sử dụng kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm.
 - b. Một số hình ảnh, chi tiết xuất hiện nhiều lần trong văn bản.
5. Theo bạn, truyện *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam được viết theo phong cách sáng tác nào? Dựa vào đâu để bạn khẳng định như vậy?
6. Một tác phẩm văn học có giá trị thẩm mỹ và nhân văn thường đánh thức ở người đọc ít nhất một điều gì đó sâu xa, tốt đẹp trong tư tưởng, tình cảm. Đối với bạn, *Hai đứa trẻ* có khả năng đánh thức như vậy không? Vì sao?
7. Tìm hiểu thêm về các tác giả sáng tác theo phong cách lãng mạn, phong cách hiện thực trong văn học Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945 và hoàn tất bảng sau bằng cách đánh dấu xác định phong cách sáng tác của tác phẩm, tác giả trong văn bản (làm vào vở) và lí giải:

Tên tác giả	Tên tác phẩm	Phong cách lãng mạn	Phong cách hiện thực
Thạch Lam	<i>Dưới bóng hoàng lan, Nắng trong vườn,...</i>		
Vũ Trọng Phụng	<i>Số đỏ, Giông tố,...</i>		
Nam Cao	<i>Lão Hạc, Chí Phèo,...</i>		

- * **Bài tập sáng tạo:** Lấy cảm hứng từ hình ảnh hai đứa trẻ chờ đoàn tàu đi qua phố huyện (*Hai đứa trẻ*) hoặc hình ảnh thân thiết giữa lão Hạc với cậu Vàng (*Lão Hạc*), hãy sáng tác một bài thơ, một bài hát hoặc một bức tranh.

Thạch Lam (1910 – 1942): tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi thành Nguyễn Tường Lân; quê nội ở Quảng Nam nhưng ông sinh tại Hà Nội và có nhiều năm tháng tuổi thơ sống ở quê ngoại, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Thạch Lam là một trong những nhà văn quan trọng của nhóm Tự lực văn đoàn. Mặc dù đời viết văn không dài nhưng ông đã để lại những tác phẩm đặc sắc thuộc nhiều thể loại: các tập truyện ngắn *Gió đầu mùa*, *Nắng trong vườn*, *Sợi tóc*; tiểu thuyết *Ngày mới*; tùy bút *Hà Nội băm sáu phố phường*, tiểu luận *Theo giòng*,... Văn chương Thạch Lam có giọng điệu trữ tình hướng nội, đi vào phân tích thế giới nội tâm, phân tích cảm giác, cảm xúc rất tinh tế, giàu chất thơ. Nhiều truyện ngắn của Thạch Lam gần như không có cốt truyện nhưng vẫn có sức lôi cuốn nhờ vào những nét độc đáo đó.



Thạch Lam

(Tạp chí Sông Hương: <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c462/n31179/Thach-Lam-trong-Tu-luc-van-doan.html>)

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

Chân trời sáng tạo
LÁ ĐIỀU BÔNG¹

Hoàng Cầm²

✓ Đọc văn bản

Váy Đình Bảng buông chùng cửa vông³

Chị thần thơ đi tìm

Đồng chiều

Cuống rạ

¹ *Lá Điều Bông* là tác phẩm nổi tiếng của Hoàng Cầm, được sáng tác vào năm 1959, trích trong tập *Mưa Thuận Thành*. Theo tự thuật của tác giả, bài thơ kể về tình cảm thầm kín của ông đối với người chị hàng xóm của mình thời thơ ấu.

² *Hoàng Cầm* (1922 – 2010) tên khai sinh là Bùi Tăng Việt, quê gốc tại Bắc Ninh, sinh ra ở Bắc Giang. Một số tác phẩm đã xuất bản của ông: kịch thơ *Kiều Loan* (1945), tập thơ *Mưa Thuận Thành* (1987),...

³ *Cửa vông*: một loại cửa gỗ trang trí có dạng cong tròn, chùng xuống ở giữa khung cửa; *Váy buông chùng cửa vông*: tà váy tròn xoè, buông chùng như dáng cửa vông.

Chị bảo

– Đứa nào tìm được lá Diêu Bông

Từ nay ta gọi là chồng

Hai ngày Em tìm thấy lá

Chị chau mày

– Đâu phải lá Diêu Bông

Mùa đông sau Em tìm thấy lá

Chị lắc đầu

trông nắng vẫn bên sông

Ngày cưới Chị

Em tìm thấy lá

Chị cười xe chỉ ẩm trơn kim

Chị ba con

Em tìm thấy lá

Xoè tay phủ mặt Chị không nhìn

Từ thuở ấy

Em cầm chiếc lá

đi đâu non cuối bể

Gió quê vì vút gọi

Diêu Bông hời!...

... ới Diêu Bông!...

(99 tình khúc, Hoàng Cầm, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 30 – 31)

✓ Sau khi đọc

1. Những hình ảnh trong hai đoạn thơ đầu cho bạn biết điều gì về tâm tư của người chị và cảm xúc của chủ thể trữ tình đối với chị?
2. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong bốn đoạn thơ tiếp theo. Liệt kê những hình ảnh, chi tiết đáng chú ý trong bốn đoạn thơ này và nhận xét về sự khác biệt trong phản ứng và cảm xúc của người chị qua các đoạn thơ.
3. Theo bạn, hình ảnh lá diêu bông biểu trưng cho điều gì?
4. Điều bạn ấn tượng nhất về bài thơ là gì? Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Phân tích lỗi câu mơ hồ trong các trường hợp sau và nêu cách sửa:

- a. Chiếc xe đạp nặng quá.
- b. Chị ấy đã gặp con.
- c. Cả nhà hát say sưa theo tiếng đàn vĩ cầm.
- d. Nó khoe với tôi chiếc xe đạp mới mua hôm qua.
- đ. Tuần trước, tôi nhìn thấy anh ấy trên đường đến thư viện.
- e. Hôm qua, tôi rất bất ngờ về món quà của cô ấy.

2. Chỉ ra điểm chung về lỗi mơ hồ trong những câu dưới đây và đề xuất phương án sửa phù hợp:

- a. Đây là phương thuốc độc nhất trên đời.
- b. Cây khế đầu hè đã chết rồi.

3. Suy tầm ít nhất ba câu mơ hồ về nghĩa và nêu cách sửa.

4. Đọc đoạn trích sau:

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Chân trời sáng tạo
(Huy Cận, Tràng giang)

- a. Theo bạn, dòng thơ in đậm ở trên có thể được hiểu theo những cách nào?
- b. Đây có phải là lỗi câu mơ hồ không? Vì sao?

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về vai trò của ước mơ trong cuộc sống con người. Sau đó kiểm tra lại để đảm bảo đoạn văn không mắc lỗi câu mơ hồ.

CUỘC GẶP GỠ TÌNH CỜ

(Trích từ truyện Đêm mười ba)

Hi-gu-chi I-chi-y-ô (Higuchi Ichiyo)¹

[Lược thuật: Ô-sê-ki (Oseki) được gả vào một gia đình danh giá. Không hạnh phúc với người chồng I-sa-mu Ha-ra-đa (Isamu Harada), tối mười ba âm lịch, nàng bỏ về nhà cha mẹ xin li hôn nhưng không được sự đồng ý vì công việc của người em trai I-nô-su-kê (Inosuke) đang phụ thuộc vào gia đình nhà chồng nàng, đồng thời cha mẹ nàng cũng mong muốn nàng có một cuộc sống ổn thoả bên người chồng để không bị hàng xóm dị nghị. Văn bản dưới đây kể lại đoạn sau khi từ biệt cha mẹ quay về nhà, nàng đã có một cuộc gặp gỡ tình cờ, giúp nàng thấu hiểu cuộc sống của mình và những người chung quanh.]

Trong cơn mưa nước mắt, cả ánh trăng không một chút gọn cũng thật buồn. Và cọng cỏ dại I-nô-su-kê hái ở bờ đê sau nhà cắm trong bình cũng thật ủ rũ như đang san sẻ nỗi buồn của gia đình.

Nhà cha mẹ nàng ở cuối phố Sin-da-ka (Shinzaka) khu U-ê-nô² (Ueno), tiếp nối đến đường Su-ru-ga-đai³ (Surugadai) bằng một con đường rừng hẹp. Nhưng đêm nay nhờ ánh trăng chiếu sáng mà con đường sáng tỏ như ban ngày. Nhà Sai-tô⁴ (Saitou) làm gì có cửa đến mức có thể thuê xe kéo riêng. Từ cửa sổ, họ gọi một chiếc xe vừa chạy ngang qua.

– Thôi mau về đi. Bỏ nhà đi khi không có chồng ở nhà như vậy là con đã khó bề ăn nói rồi. Bây giờ tuy trễ nhưng đón được xe thì cũng nhanh hơn phần nào. Cha mẹ sẽ đến thăm con sau. Trước mắt cứ đi về đi đã.

Cha mẹ nắm tay nàng dắt ra khỏi nhà với mong muốn mọi việc sớm ổn thoả. Nàng coi như mình đã chết.

– Thừa cha thừa mẹ, chuyện đêm nay coi như kết thúc. Con sẽ quay về và tiếp tục là vợ Ha-ra-đa. Nói xấu chồng là việc không được phép làm của người vợ, cho nên con sẽ không nói gì nữa. Ô-sê-ki đã là dâu của một gia đình danh giá. Con sẽ cố gắng giúp em. Chỉ cần cha mẹ vui lòng thì thôi, con sẽ không nói gì nữa. Con sẽ không làm gì dại dột cả nên cha mẹ cũng đừng lo lắng. Con đã là người của I-sa-mu con sẽ làm theo ý anh ấy. Thừa cha mẹ con đi. Con gửi lời thăm I-nô-su-kê. Cha mẹ giữ gìn sức khoẻ. Lần tới con sẽ đến thăm cha mẹ với khuôn mặt tươi cười rạng rỡ.

¹ Hi-gu-chi I-chi-y-ô (1872 – 1896): nữ nhà văn Nhật Bản; tuy cuộc đời ngắn ngủi, nhưng bà vẫn có một sự nghiệp văn học rất ấn tượng: khoảng 20 truyện ngắn, 4 000 bài thơ, một số tiểu luận và một bộ nhật kí.

² Phố Sin-da-ka khu U-ê-nô: thời đó là nơi sinh sống của tầng lớp thương nhân và thợ thủ công.

³ Su-ru-ga-đai: tên một con đường ở Tô-ki-ô.

⁴ Sai-tô: họ của Ô-sê-ki.

Nàng chỉ còn cách nói vậy và đứng dậy ra đi. Mẹ nàng vội lấy túi vải đựng ít tiền không nhiều nhận gì của bà, hỏi người phu xe:

– Đến Su-ru-ga-đai mất bao nhiêu tiền?

– Mẹ à, để con trả. Cảm ơn mẹ.

Nàng nghẹn ngào chào cha mẹ rồi đưa ống tay áo lên che mặt hồng giầu nước mắt rồi leo lên xe, trong lòng nặng trĩu nỗi buồn. Trong nhà, cha nàng hắng giọng, nghe như tiếng khóc nức.

*

* *

Con đường đêm ấy tràn ngập ánh trăng, cùng gió thu và tiếng côn trùng không dứt. Cảm giác thật u buồn. Xe vừa vào phố U-ê-nô chưa được bao lâu, đột nhiên người phu hạ càng xe, nói:

– Xin lỗi, thật là khó nói nhưng cho phép tôi dừng ở đây. Tôi không lấy tiền đâu, mời cô xuống xe cho.

Sự việc xảy ra bất ngờ thế này khiến Ô-sê-ki ngỡ là cướp đêm.

– Ủa, anh này lạ, nói vậy là làm khó tôi rồi. Tôi đang vội, tôi sẽ trả thêm tiền cho anh. Chứ ở nơi vắng vẻ thế này làm sao tôi kiếm được người kéo xe khác. Anh làm vậy là làm khó người ta rồi. Đừng lừng khờ nữa, mau đi giùm tôi đi.

Ô-sê-ki vừa ra vẻ bình tĩnh nói vừa run. Nhưng người phu xe nói:

– Tôi không cần trả tiền. Đây là yêu cầu của tôi. Xin hãy xuống xe. Tôi không muốn kéo nữa.

– Vậy là anh không khoẻ à? Bị gì à? Nhưng đã chở tôi được đến đây rồi mà nói không muốn kéo nữa coi sao được.

Ô-sê-ki cố gắng lên giọng máng người phu xe nhưng anh ta cầm đèn rồi dựa vào xe nói:

– Tôi xin lỗi. Nhưng thật sự tôi rất mệt.

– Anh đúng là buống bình. Vậy thôi tôi không nhờ anh kéo hết đường, mà chỉ cần anh kéo đến chỗ nào đó để tôi đón xe khác. Tôi sẽ trả tiền, chỉ cần anh chở đến đó. Ít gì cũng chở giùm tôi đến Hi-rô-di-ki (Hirojiki).

Ô-sê-ki thuyết phục người phu xe bằng giọng nhẹ nhàng. Thành linh người kéo xe quay lại, nét mặt hiền lành.

– Phải rồi, để người phụ nữ trẻ một mình nơi hiu quạnh thế này đúng là không phải. Tôi thật không phải. Xin mời cô lên xe, tôi sẽ kéo. Chắc là cô hoảng sợ lắm phải không?

Anh phu xe cầm đèn xoay lại, đẩy xe lên, trông không giống người xấu. Ô-sê-ki thở ra, lấy làm yên tâm nhìn mặt anh ta. Người phu xe tuổi chừng hai lăm, hai sáu, da ngăm đen, dáng người nhỏ thó, xương xương. Nàng có cảm giác gặp anh ta ở đâu đó rồi. A, khuôn mặt đang quay đi dưới ánh trăng đó là ai nhỉ, rất giống ai đó, và Ô-sê-ki gần như buột miệng kêu tên của người đó.

– Có phải anh là..?

Người phu xe quay lại, hai tay vẫn nắm càng xe, ngạc nhiên:

– Há?

– Aa, đúng là anh rồi. Chẳng lẽ anh quên em rồi sao?

Nói rồi Ô-sê-ki gần như tuột xuống xe, nhìn chăm chăm vào mặt anh ta. Người phu xe thở hắt, cúi đầu ra vẻ xấu hổ.

– Cô là Ô-sê-ki nhà Sai-tô? Thật xấu hổ khi để cô nhìn thấy tôi thế này. Tôi không có mắt sau lưng nên không nhìn ra cô. Nhưng lẽ ra tôi phải nhận ra cô qua giọng nói chứ nhỉ. Đúng là tôi thành một thằng đàn ông ngu muội mất rồi.

Ô-sê-ki nhìn người phu xe từ đầu đến chân:

– Không, không, cả em nếu gặp anh lúc đi trên đường chắc cũng không nhận ra. Mới đây thôi em cũng đâu nghĩ anh là người quen lâu ngày không gặp, cứ nghĩ đơn thuần là người kéo xe xa lạ. Hãy tha lỗi cho em khi không nhận ra anh. Anh làm công việc này từ lúc nào? Anh không làm việc quá sức đó chứ? Em nghe nói cô anh đã đóng cửa hiệu thuốc lá ở Ô-ga-qua-ma-chi¹ (Ogawamachi) và về quê nhưng em đi lấy chồng, cũng lu bu nhiều việc này nọ nên không có thời gian hỏi thăm hay thư từ gì. Anh bây giờ ở đâu? Vợ anh khỏe chứ? Anh có con rồi chứ? Bây giờ cứ mỗi lần đi thăm mấy nhà máy thuốc lá, có cửa hiệu tên Nô-tô-da (Notoya) y như hiệu thuốc lá lúc xưa nên lúc nào em cũng tự nhiên dừng chân và nghĩ, ôi, lúc nhỏ, anh Rô-ku (Roku) nhà Ku-sa-ka (Kousaka) sống ở đó, chúng mình thường hay ghé lại sau giờ học hoặc lúc đến trường, quán lá, nghịch chơi. Em luôn tự hỏi không biết giờ này anh đang ở đâu, làm gì? Người hiền lành như anh không biết sẽ ra sao trước cuộc sống khắc nghiệt. Mỗi lần về nhà cha mẹ, em cũng hay hỏi thăm nhưng xa Sa-ru-ga-ku-chu (Sarugakuchou) cũng đã năm năm, ngay từ đầu cũng không rõ tin nên suốt bấy lâu, em chẳng biết tin gì về anh. Hôm nay được gặp anh sao mà mừng quá không biết.

Ô-sê-ki quên hết thân phận mình, trò chuyện cùng người phu xe. Ku-sa-ka Rô-ku-nô-su-kê (Rokunosuke) lấy khăn lau mồ hôi đang nhỏ giọt, nói:

– Thật xấu hổ vì tôi lại ra nông nổi này. Bây giờ nhà cửa không có, chỗ ngủ thì thuê đỡ tầng hai của nhà trọ Mu-ra-ta (Murata) rẻ tiền ở A-sa-ku-sa (Asakusa). Có hôm thì như hôm nay, kéo xe đến tận khuỷa. Có hôm chán kéo xe thì nằm lăn lóc cả

¹ Ô-ga-qua-ma-chi: tên một nhà ga.

ngày, pho mặc thời gian như làn khói mờ. Cô không thay đổi gì cả, trông thật đẹp. Hôm nghe tin cô đi lấy chồng, tôi đã tự hỏi như trong mơ không biết có còn được gặp mặt cô không, không biết đến lúc chết có được nói chuyện với cô nữa không? Lâu nay tôi đã chẳng thiết sống, coi rẻ sinh mạng mình nhưng đúng là số phận, nếu không sống tôi đã không được gặp cô và nói chuyện thế này. Ôi, cô còn nhớ tôi là Rô-ku-nô-su-kê nhà Ku-sa-ka, quả thật hạnh phúc. Cảm ơn cô.

Ô-sê-ki gần như muốn khóc trước những lời nói đó.

– Xin anh hãy nghĩ rằng anh không lẻ loi chịu đựng những đau khổ một mình. Hãy nhớ rằng có em đang ở đâu đó trên cõi đời này. Mà... vợ anh thế nào?

Ô-sê-ki hỏi, Ku-sa-ka Rô-ku-nô-su-kê có vẻ như khó nói, ấp úng trả lời:

– Chắc là cô biết cô ấy. Cô ấy là con gái nhà Su-gi-ta (Sugita) ở góc phố đối diện khu phố chúng ta. Mọi người khen cô ấy có làn da đẹp và cốt cách. Còn tôi thì bắt đầu sai lầm của đời mình khi nghe lời thúc giục của bà con họ hàng đi lấy vợ. Mẹ tôi đã giương kính soi tìm đối tượng cho tôi. Sau đó là thúc giục mau lấy đi, nhất định là cô này nên tôi cứ để mặc, muốn sao thì muốn. Lúc tôi lấy vợ cũng là lúc nghe tin cô có thai. Năm đầu tiên, chúng tôi cũng có tin vui và được mọi người chúc tụng cùng những món đồ chơi như chó gỗ, chong chóng. Nhưng tôi vẫn trong tình trạng lông bông. Người đời cứ nghĩ khi đàn ông có vợ đẹp, con thơ rồi thì sẽ chí thú làm ăn. Nhưng với tôi, dù là Kô-ma-chi¹ (Komachi) hay Tây Thi², công chúa Sô-tô-ri³ (Sotoori) có nhảy múa trước mặt thì tôi cũng không từ bỏ thói quen của mình. Làm gì có chuyện chỉ vì mùi sữa, mùi con nít mà làm thúc tỉnh một người đàn ông chứ? Tôi đã chơi bời, uống rượu say, bỏ mặc vợ con, gia đình. Đỉnh điểm là ba năm trước, tôi không có lấy đôi dưa⁴ của riêng mình. Mẹ tôi đến nhà chị gái tôi đã lấy chồng ở quê. Vợ tôi bế con nhỏ về nhà cha mẹ đẻ, bất vô âm tín⁵). Thật tình chẳng ra làm sao khi bắt cô phải nghe chuyện chẳng hay ho gì.

Rô-ku-nô-su-kê cười buồn.

– Vì không biết là cô nên tôi đã thất lễ như vậy. Thôi, cô lên xe đi, tôi chở đi cho. Hẳn là cô bất ngờ lắm phải không? Tôi chẳng phải phu xe đúng nghĩa. Tôi chẳng thấy hay ho, vui sướng gì khi phải nắm càng xe, nai lưng ra như trâu ngựa. Hay cô nghĩ tôi vui sướng khi nhận được mấy đồng bạc cắc. Hay rượu có thể làm tôi quên sầu? Cứ nghĩ đến là tôi chán hết thấy mọi thứ. Chở khách rồi, quay xe ra đó, tôi thấy mệt mỏi. Tôi đúng là ích kỷ và khó ưa đúng không? Mà thôi, lên xe đi.

¹ Kô-ma-chi: một nhà thơ nữ nổi tiếng của Nhật đồng thời cũng là một biểu tượng cho vẻ đẹp của người phụ nữ Nhật Bản.

² Tây Thi: một trong "tứ đại mỹ nhân" của Trung Quốc (Tây Thi, Chiêu Quân, Điêu Thuyền và Dương Quý Phi).

³ Công chúa Sô-tô-ri: nàng công chúa Nhật Bản, một trong "tam đại mỹ nhân" thời cổ của Nhật Bản (Công chúa Sô-tô-ri, mẹ của Phu-di-qua-ra no Mi-chi-su-na (Fujiwara no Michitsuna), Hoàng hậu Ku-mi-du (Koumyou)).

⁴ Không có lấy đôi dưa: người Nhật thường dùng dưa riêng của mình; ý ở đây muốn nói Ku-sa-ka nghèo đến độ dù là vật nhỏ bé và thiết thân như đôi dưa cũng không có.

⁵ Bất vô âm tín: không có tin tức gì.

Ô-sê-ki trả lời:

– Gì chứ? Không biết thì chịu chứ đã biết là anh Rô-ku¹ lúc xưa thì sao em lên anh kéo cho được. Nhưng đêm khuya đường vắng thế này, đi một mình cũng buồn, anh đi cùng em đến Hi-rô-kô-di (Hirokogi) thôi cũng được. Vừa đi vừa nói chuyện.

Ô-sê-ki vén vạt áo lên cao. Tiếng guốc vang buồn buồn trên con đường ngập ánh trăng man mác.

Ku-sa-ka Rô-ku-nô-su-kê là người bạn thuở ấu thơ mà Ô-sê-ki không thể nào quên. Nhà Ku-sa-ka ở phố Ô-ga-qua (Ogawa) có hiệu thuốc lá nhỏ xinh, gọn gàng. Cậu con trai Rô-ku-nô-su-kê lúc đó ăn mặc chín chu, lịch sự, đáng mến, không như bây giờ đen đúa vối vẻ ngoài mệt mỏi, thất chí. Lúc đó cậu ta giỏi giang, tháo vát đến nỗi nhiều người khen cửa hiệu thuốc lá đông khách hơn lúc người cha còn sống.

Vậy mà chẳng hiểu sao giờ đây lại thay đổi thế này. Kể từ ngày biết tin Ô-sê-ki đi lấy chồng, Rô-ku-nô-su-kê thất chí bắt đầu ăn chơi, chẳng mấy chốc tụt dốc thê thảm. Con trai nhà Ku-sa-ka như biến thành người khác, không biết có bị ma ám hay không mà đến mức này. Ngày đó Ô-sê-ki đã nghe những lời bàn tán không hay nhưng phải đến hôm nay nhìn tận mắt mới thấy đúng như lời đồn.

“Chưa bao giờ mình có thể nghĩ anh ấy có thể ngủ qua đêm trong một căn phòng trọ rẻ tiền. Anh ấy có tình cảm với mình, suốt thời gian mình khoảng mười hai đến mười bảy, ngày nào hai đứa cũng gặp nhau từ sáng đến tối. Dần dần có lúc mình đã tưởng tượng sẽ làm vợ anh, ngồi phía sau quầy hàng thuốc lá, vừa đọc báo vừa chờ khách. Vậy mà mình lại lấy một người hoàn toàn không nghĩ đến làm chồng. Cả cha mẹ đều thúc giục, phận làm con sao mình phản đối được. Đúng là mình đã từng mơ được làm vợ anh Rô-ku nhà thuốc lá nhưng đó chỉ là giấc mơ ngọt ngào thuở ấu thơ. Vả lại anh ấy cũng chẳng nói gì thì làm sao mình lên tiếng. Một giấc mơ có thật nhưng không lãng mạn, bồng bềnh. Ô-sê-ki này đã phải dứt khoát, không dứt khoát không được. Quyết định từ bỏ giấc mơ, về làm dâu nhà Ha-ra-da nhưng thời gian đầu mình luôn rơi nước mắt vì không thể nào quên Rô-ku. Rô-ku luôn nghĩ về mình, có lẽ mình đã khiến anh ra nông nỗi này. Vậy mà nay mình vấn cao đầu, ăn bận ra vẻ một phu nhân quý phái thế này thật không hay tí nào”.

Nàng quay sang nhìn Rô-ku-nô-su-kê như muốn nói nàng không hạnh phúc như những gì anh thấy đâu. Nhưng Rô-ku-nô-su-kê đang thần thờ, không ra vẻ gì vui sướng khi lâu ngày được gặp lại Ô-sê-ki thế này.

Họ ra đến đường Hi-rô-kô-di, Ô-sê-ki có thể đón được xe khác. Ô-sê-ki nhẹ nhàng lấy ít tiền gói lại thật khéo bằng một mảnh giấy hình hoa cúc.

– Anh Rô-ku, như thế này thật thất lễ với anh nhưng anh hãy cầm lấy mua khăn giấy hay thứ gì đó. Lâu ngày gặp lại nhau thế này, em có nhiều chuyện muốn nói với anh nhưng không thể nói hết, mong anh hiểu cho. Em chào anh ở đây. Anh giữ

¹ Rô-ku: cách gọi tắt tên Ku-sa-ka Rô-ku-nô-su-kê một cách thân mật.

gìn sức khoẻ. Mong anh sớm làm cho mẹ anh yên tâm. Em sẽ luôn cầu nguyện cho anh. Mong anh mau trở lại như anh Rô-ku ngày xưa và lại chăm sóc cửa hiệu như ngày nào. Tạm biệt anh.

Ô-sê-ki chào như vậy thì Rô-ku-nô-su-kê cầm mảnh giấy.

– Lẽ ra tôi không nên nhận nhưng đây là của cô cho tôi, tôi xin phép nhận lấy nó. Tôi rất tiếc khi phải nói lời chia tay ở đây nhưng cứ xem như một giấc mơ. Thôi, cô đi đi. Tôi cũng đi đây. Đường khuya vẫn còn buồn tẻ lắm, đúng không?

Nói rồi anh cúi đầu kéo xe quay lưng về phía Ô-sê-ki.

Một người đi về hướng đông, một người đi về hướng tây. Rặng liễu bên đường rủ bóng dưới ánh trăng. Tiếng guốc Ô-sê-ki vang lên trên con đường ngập ánh trăng buồn. Một người sống ở tầng hai nhà trọ Mu-ta-ra và một người làm vợ nhà quan Ha-ra-đa; cả hai đều nghĩ về nhau và biết rằng họ được chia sẻ nỗi buồn trong đời.

(In trong *Một mùa thơ đại*, An Nhiên dịch, NXB Hội Nhà văn, 2013, tr. 47 – 56)

Hướng dẫn đọc

1. Liệt kê những sự kiện chính của văn bản.
2. Qua văn bản, bạn nhận thấy thân phận của Ô-sê-ki và Rô-ku-nô-su-kê có gì giống và khác nhau? Dựa vào đâu bạn cảm nhận như vậy?
3. Bạn nhận xét gì về tính cách của Ô-sê-ki và Rô-ku-nô-su-kê?
4. Theo bạn, văn bản trên chủ yếu được sáng tác theo phong cách nào? Hãy chỉ ra một số biểu hiện của phong cách đó.
5. Nhận xét về giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ gợi ra từ văn bản.



VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

Ở lớp 10 và 11, bạn đã học viết kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội. Ở bài học này, các bạn sẽ vận dụng kĩ năng ấy vào việc bàn luận về những vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ và đất nước.

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài: *Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ* là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ, từ đó giúp người đọc nhận thức đúng đắn về vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp với vấn đề đó.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Trình bày luận điểm rõ ràng, gãy gọn, thể hiện được quan điểm của người viết về vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.
- Đưa ra được hệ thống lí lẽ, bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ để làm sáng tỏ luận điểm.
- Có thể phân tích, trao đổi với (những) ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện, khách quan về vấn đề.
- Có bố cục gồm 3 phần:

Mở bài: Giới thiệu vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ cần bàn luận, trình bày được quan điểm của người viết về vấn đề.

Thân bài: Giải thích được vấn đề cần bàn luận; trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho quan điểm của người viết; có thể trao đổi với các ý kiến khác về vấn đề; nêu được những đề xuất, giải pháp phù hợp để thực hiện hoặc giải quyết vấn đề.

Kết bài: Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề; đề xuất tóm tắt giải pháp hoặc bài học phù hợp.

Độc ngữ liệu tham khảo

Trách nhiệm của người trẻ với Tổ quốc

Có những hình ảnh dường như đối lập giữa những ngày này¹: một bên là một số người trẻ có thái độ không hợp tác với công tác phòng chống dịch, đã quen với cách sống hưởng thụ vật chất và chỉ biết đòi hỏi; một bên là những chiến sĩ bộ đội, công an, bác sĩ và nhân viên y tế trẻ tuổi đang ngày đêm xông pha ở tuyến đầu chống dịch. Những hình ảnh ấy gợi cho chúng ta nhiều suy nghĩ về trách nhiệm của những người trẻ tuổi với Tổ quốc, nhất là khi tháng Ba này là tháng Thanh niên.^[1]

Người trẻ ở đây được hiểu là thế hệ thanh, thiếu niên. Trách nhiệm của những người trẻ tuổi với Tổ quốc là phần việc mà cộng đồng xã hội, đất nước, dân tộc đã giao cho họ, buộc phải làm tròn, nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu phần hậu quả. Với Tổ quốc, trách nhiệm của thế hệ trẻ được thể hiện cụ thể qua việc sẵn sàng tham gia bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc, tích cực xây dựng đất nước vững mạnh, giữ gìn các giá trị văn hoá, tinh thần của cha ông. Ngoài ra, đó còn là ý thức nỗ lực học tập, trau dồi, rèn luyện bản thân để cống hiến, giúp ích cho quê hương.^[2]

Vì sao vấn đề trách nhiệm với Tổ quốc lại được đặt ra với những người trẻ tuổi? Trước tiên, chúng ta không thể phủ nhận vai trò quan trọng của những người trẻ tuổi đối với đất nước.^[3] Họ là những người đang ở độ tuổi trưởng thành, mang trong mình bao nhiệt huyết, ước mơ, lí tưởng, khát vọng khám phá và cống hiến.^[4a] Ngoài ra, đó còn là lứa tuổi được

[1]: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận

[2]: Giải thích vấn đề cần bàn luận

[3]: Nêu luận điểm của người viết về vấn đề

¹ Theo bài viết, đó là những ngày của tháng Ba năm 2020, khoảng thời gian đầu nước ta tiến hành những biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19.

trang bị đầy đủ kiến thức, kĩ năng, phẩm chất, sức khoẻ để thực hiện hoài bão, làm chủ xã hội tương lai.^[4a] Hơn nữa, với sự nhanh nhạy, linh hoạt, những người trẻ dễ dàng thích nghi, bắt kịp với xu thế phát triển về khoa học công nghệ, kĩ thuật của thế giới.^[4a] Do đó, hơn ai hết, họ xứng đáng là lực lượng chính nhận lãnh trách nhiệm xây dựng, giữ gìn và phát triển đất nước, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá như hiện nay. Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của đất nước.”^[4b]

Lịch sử dân tộc ghi nhận trong những cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, chúng ta đã có không ít những lớp thanh niên dũng cảm ra trận, hiến dâng tuổi xuân cho sự nghiệp bảo vệ đất nước.^[4b] Đến khi hoà bình, cũng chính họ lại sẵn sàng dấn thân, đi đầu trong công cuộc xây dựng đất nước, gìn giữ thành quả của cha ông. Đó là những chàng trai, cô gái luôn hăm hở, nhiệt tình trong những hoạt động tình nguyện của chiến dịch Mùa hè xanh; những thầy cô giáo trẻ sẵn sàng băng rừng, vượt suối mang con chữ đến với trẻ em vùng sâu, vùng xa; những người lính trẻ luôn vững chắc tay súng, kiên cường bảo vệ từng tấc đất, vùng trời, biển đảo quê hương,...^[4b] Đó còn là những bạn trẻ luôn gắng sức học tập, rèn luyện để mang về những tấm huy chương quý giá của những kì thi Olympic quốc tế hay những giải đấu thể thao hàng đầu châu lục, thế giới.^[4b] Khi đất nước chuyển sang giai đoạn hội nhập với thế giới, một thế hệ trẻ lớn lên trong sự đủ đầy về vật chất đã nhanh chóng tiếp cận với khoa học, công nghệ và thông tin, tự tin trở thành những công dân toàn cầu và dù ở đâu họ cũng sẵn lòng cống hiến. Họ còn là lực lượng chính với những ý tưởng khởi nghiệp táo bạo góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Theo số liệu thống kê của Uỷ ban quốc gia về thanh niên Việt Nam, nước ta có hơn 22,1 triệu người trong độ tuổi thanh niên, chiếm khoảng 22,5% dân số cả nước và gần 36% lực lượng lao động¹.^[4b] Vì vậy, có thể nói nước ta đang trong giai đoạn “dân số vàng” với đội ngũ lao động đông đảo, tiếp thu nhanh chóng các tiến bộ phát triển của thế giới,...tạo sức mạnh cho vấn đề khởi nghiệp sáng tạo.

Tuy nhiên, bên cạnh những bạn trẻ luôn có ý thức về trách nhiệm và bổn phận thì vẫn còn một số người trẻ có biểu hiện sống hưởng thụ, lười biếng, dựa dẫm, thực dụng. Chúng ta không khỏi lo ngại về những bạn trẻ ấy.^[5] Không ít lần chúng ta đã phải đặt ra câu hỏi: Nếu Tổ quốc cần, những người trẻ tuổi có còn sẵn sàng ở tuyến đầu hay không?^[6] Thì đây, câu trả lời đã có ở những ngày tháng này², khi cả thế giới đang cùng chiến đấu với virus Corona thì ở Việt Nam, chúng ta lại nhìn thấy những gương mặt trẻ đang hăng hái tham gia chống dịch ở những điểm nóng. Trong quá khứ, chúng ta từng có những thế hệ sinh viên sẵn sàng ra trận, bỏ dở việc học hành. Hôm nay, chúng ta lại nhìn thấy những sinh viên trường Y xin được bổ sung vào đội ngũ tuyến đầu chống dịch hay hình ảnh bộ đội biên phòng dựng lán trại ngủ giữa rừng để kiểm soát đường mòn lối mở, những người chiến sĩ không quản ngày đêm phục vụ nhân dân ở khu

[4a, 4b]: Trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm rõ luận điểm

[5]: Phê phán những biểu hiện tiêu cực của vấn đề

[6]: Trao đổi với người đọc để vấn đề được bàn luận khách quan hơn

¹ Theo *Tháng Thanh niên: Những “số liệu vàng” về thanh niên Việt Nam*, Trần Quang Vinh, <https://www.vietnamplus.vn/thang-thanh-nien-nhung-so-lieu-vang-ve-thanh-nien-viet-nam/780133.vnp>, ngày 25-3-2022.

² Theo bài viết, đó là những ngày của tháng Ba năm 2020.

cách li. Người bác sĩ làm việc ở Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới trung ương vừa dương tính với SARS-CoV-2 có tuổi đời cũng còn rất trẻ. Anh đã có hai tháng trực tiếp tiếp xúc với những bệnh nhân nhiễm bệnh. Tuy đã lường trước được nguy cơ bị lây nhiễm, nhưng những bác sĩ và điều dưỡng ấy vẫn kiên cường bám trụ, không hề chùn bước. Tháng Ba này, xin được tôn vinh những người trẻ đầy nhiệt huyết và sự hi sinh ấy!

Lí tưởng và hoài bão không phải chỉ là những mĩ từ nói cho hay, cho đẹp. Trách nhiệm của tuổi trẻ cũng không phải là những từ ngữ "đao to búa lớn". Những người trẻ không thể chỉ ngồi ở nhà để gõ phím phê phán hay chê trách, cũng không thể chỉ hô hào suông trên mạng. Tuổi trẻ là phải dấn thân, là phải ở đúng chỗ khi Tổ quốc cần, là phải tự biết làm những việc có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.^[7] Để người trẻ có thể hoàn thành tốt trách nhiệm của mình, trước tiên họ cần nhận thức đầy đủ, đúng đắn hơn về trách nhiệm của thế hệ, rèn luyện kĩ năng tự ra quyết định và chịu trách nhiệm với những quyết định ấy. Điều đó có thể có được nhờ vào sự giáo dục đến từ nhà trường, gia đình và cả xã hội.^[7] Hãy để cho họ được tự chịu trách nhiệm càng sớm càng tốt từ những điều nhỏ nhất, rồi dần hình thành bản lĩnh có thể gánh vác những trọng trách lớn hơn với quê hương, đất nước. Đợt phòng, chống dịch Covid-19 này đã bộc lộ một số vấn đề trong việc giáo dục tinh thần trách nhiệm cho những người trẻ tuổi với cộng đồng. Có gì đáng khoe khoang khi một người mẹ kể về quá trình "giải cứu" con mình khỏi châu Âu mà cứ đi một chặng, thì cô cậu sinh viên ấy lại phải nhắn tin, gọi điện để hỏi mẹ tiếp theo nên làm gì. Một số bạn trẻ khi trở về nước và được cách li tập trung đã phàn nàn từ khu vệ sinh đến việc thiếu nước nóng để tắm. Trong tình thế "chống dịch như chống giặc", khi những người trẻ khác như bộ đội, bác sĩ đã không màng nguy hiểm và vất vả để phục vụ công tác chống dịch, thì họ – những người trẻ vốn chỉ thiếu thốn vật chất trong một thời gian ngắn đã không chịu được ấy – đã nghĩ gì? Đất nước, gia đình có thể kì vọng gì ở họ? Và xét ở nền tảng giáo dục thì một số người lớn nên suy nghĩ lại về cách giáo dục của mình khi đã vác cả cái tù lạnh đến tiếp tế cho con cháu của họ trong khu cách li.

Cho dù có vậy, giữa những ngày tháng Ba này, chúng ta vẫn tin tưởng vào phần đông những người trẻ tuổi hôm nay. Tuổi trẻ là tương lai dân tộc, là rường cột quốc gia. Khi đất nước gặp khó khăn, những người trẻ tuổi lại luôn sẵn sàng có mặt ở những nơi khó khăn nhất. Có thể ở đâu đó vẫn còn một vài bạn trẻ chưa ý thức được trách nhiệm của mình, nhưng lớp lớp những người trẻ vẫn đang miệt mài học tập, rèn luyện, cống hiến. Niềm tin vào thế hệ trẻ lại được thắp lên giữa những ngày chống dịch, họ lại ở tuyến đầu, nguy hiểm không chùn bước. Một thế hệ trẻ đã khác trước, đã bước ra ngoài thế giới, đã đầy đủ điều kiện để có thể phát triển tốt nhất, nhưng vẫn không được quên trách nhiệm với cộng đồng, Tổ quốc. Vì thế, hãy nhận thức đúng về trách nhiệm của thế hệ mình và sẵn sàng dấn thân, gác vác những trọng trách được giao phó.^[8]

Theo Cẩm Thuý

(Theo *Trách nhiệm của người trẻ*: <http://daidoanket.vn/trach-nhiem-cua-nguoi-tre-462446.html> 26-3-2020)

[7]: Đề xuất phương hướng hành động

[8]: Khẳng định lại luận điểm và đề xuất phương hướng hành động

Đối chiếu phần *Đọc ngữ liệu tham khảo* với mục *Tri thức về kiểu bài* và cho biết:

1. Xác định bố cục của bài viết. Vấn đề được bàn luận trong bài viết là gì?
2. Bạn nhận xét như thế nào về hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài viết?
3. Phần phê phán những biểu hiện tiêu cực của vấn đề và trao đổi với người đọc giúp bạn rút ra thêm kinh nghiệm gì khi viết kiểu bài này?
4. Bài viết trên có mạch lạc không? Dựa vào đâu bạn có thể kết luận như vậy?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Nhằm chào mừng ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Câu lạc bộ Truyền thông của Đoàn trường tổ chức cuộc thi viết có nội dung bàn về *Vấn đề xã hội với tuổi trẻ hôm nay*. Để hưởng ứng cuộc thi, hãy viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ mà bạn quan tâm.

Bước 1: Chuẩn bị viết

• Đề tài bài viết là một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ. Để xác định những vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ thường được đề cập ở hiện tại, bạn có thể: tự hỏi bản thân; khảo sát, tìm hiểu bạn bè xung quanh hoặc tìm kiếm trong sách báo, trên các phương tiện thông tin đại chúng, internet. Từ đó, chọn một vấn đề mà bạn quan tâm và có hứng thú nhất. Sau đây là một số đề tài gợi ý:

- Tuổi trẻ với vấn đề bảo vệ môi trường
- Tuổi trẻ với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc
- Tuổi trẻ với việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc
- Tuổi trẻ với kỉ nguyên số trong việc xây dựng và phát triển đất nước

...

Lưu ý: Để bài viết hấp dẫn, bạn nên chọn những vấn đề xã hội được nhiều người trẻ quan tâm, đang có những ý kiến, quan điểm trái ngược nhau và có ý nghĩa với chính bạn.

- Mục đích của bài viết là gì?
- Người đọc bài viết của bạn là ai? Họ mong đợi điều gì từ bài viết của bạn?
- Sau khi xác định được đề tài, hãy tìm kiếm và thu thập tài liệu cần thiết phục vụ cho bài viết qua các kênh như sách báo, tạp chí, internet hoặc phát phiếu điều tra,

khảo sát ý kiến cho những người quan tâm. Tài liệu và ý tưởng thu thập được có thể xoay quanh những nội dung như:

- Những quan điểm, ý kiến xoay quanh vấn đề xã hội bạn đang quan tâm;
- Những lí lẽ, bằng chứng liên quan đến (những) quan điểm, ý kiến cụ thể;
- Những biểu hiện, quan điểm ý kiến trái chiều, tiêu cực (nếu có);
- Những điều chưa được bàn đến hoặc cần được trao đổi sâu hơn về vấn đề.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời những câu hỏi sau:

- Vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ mà tôi quan tâm là gì? Những nội dung/ khái niệm nào cần được giải thích?

- Quan điểm, ý kiến của tôi về đề tài này là gì?

- Tôi nên sử dụng những lí lẽ và bằng chứng gì để làm sáng tỏ luận điểm?

- Có (những) biểu hiện tiêu cực hay ý kiến trái chiều nào về đề tài mà tôi đang quan tâm? Quan điểm của tôi về (những) biểu hiện/ ý kiến đó là gì? Tôi sẽ trao đổi như thế nào với (những) biểu hiện/ ý kiến ấy?

- Tôi thay đổi nhận thức và hành động của bản thân như thế nào sau khi suy ngẫm, trao đổi cụ thể, toàn diện về vấn đề?

Lập dàn ý cho bài viết theo hướng dẫn sau:

- Chọn lọc và sắp xếp các ý vừa tìm được thành dàn ý hoàn chỉnh. Lưu ý đảm bảo yêu cầu về bố cục của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội, lựa chọn trình tự hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục cho các luận điểm.

- Khi triển khai lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm, cần tránh sự trùng lặp. Một số bằng chứng có thể dùng để làm sáng tỏ cho nhiều luận điểm, nhưng với mỗi luận điểm, cách triển khai lí lẽ để phân tích, lí giải cần khác nhau.

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, bạn hãy viết bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần chú ý:

- Trình bày luận điểm rõ ràng, ngắn gọn. Kết hợp nêu luận điểm với lí lẽ, bằng chứng. Để tăng sức thuyết phục cho lí lẽ, có thể sử dụng trích dẫn, danh ngôn.

- Tách đoạn hợp lí và sử dụng các phương tiện liên kết để tạo sự mạch lạc, chặt chẽ.

- Có thể kết hợp với thuyết minh, tự sự, biểu cảm để tăng sức thuyết phục, hấp dẫn.

- Có thể sử dụng một số cách để mở bài và kết bài ấn tượng như trích dẫn danh ngôn, nhận định liên quan đến đề tài; sử dụng hình ảnh có tính chất biểu tượng để so sánh, dẫn dắt; nêu câu hỏi có tính chất đối thoại, trao đổi với người đọc;...

- Có thể trao đổi với các ý kiến khác nhau về đề tài để nhìn nhận vấn đề toàn diện hơn. Lựa chọn lí lẽ và bằng chứng thuyết phục để củng cố cho quan điểm của bản thân.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

- Đọc lại bài viết, tự kiểm tra bài viết dựa trên bảng kiểm sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận		
	Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận		
Thân bài	Giải thích được vấn đề cần bàn luận		
	Thể hiện được quan điểm của người viết bằng hệ thống luận điểm		
	Nêu được lí lẽ thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm		
	Nêu được bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ lí lẽ		
	Đưa ra lập luận hợp lí để trao đổi với những biểu hiện tiêu cực/ ý kiến trái chiều		
Kết bài	Khẳng định lại quan điểm của bản thân		
	Đề xuất giải pháp/ bài học phù hợp		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Mở bài và kết bài gây ấn tượng		
	Sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng hợp lí		
	Đảm bảo đúng chính tả		
	Không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ, viết câu,...)		

Qua bài viết này, bạn rút ra được kinh nghiệm gì khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội liên quan đến tuổi trẻ?



NÓI VÀ NGHE

TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC

Đề tài:

Lớp bạn tổ chức một buổi trao đổi với chủ đề *Chúng ta với cơ hội và thách thức của đất nước*. Khi tham gia buổi trao đổi, bạn cần thực hiện một trong hai nhiệm vụ ứng với từng vai cụ thể sau:

- Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- Nghe, nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình; nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.

❖ TRONG VAI TRÒ NGƯỜI NÓI

Bước 1: Chuẩn bị nói

• *Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói*

– Đề tài thuyết trình là một vấn đề có liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. Đó có thể là những vấn đề xã hội có ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước, chẳng hạn như: trí tuệ nhân tạo với thanh niên, kỉ nguyên số với lực lượng lao động trẻ, toàn cầu hoá với các nước đang phát triển, giữ gìn bản sắc dân tộc trong thời kì hội nhập, biến đổi khí hậu với sự phát triển kinh tế xã hội,... Khi xác định đề tài, bạn nên chọn đề tài mà bản thân quan tâm; lưu ý giới hạn phạm vi của đề tài để phù hợp với thời gian trình bày nhằm tạo điểm nhấn, tránh dàn trải. Bạn cũng có thể xem xét đề tài của bài viết vừa thực hiện có phù hợp với buổi trao đổi ấy hay không.

– Người nghe bài thuyết trình của bạn là ai? Họ mong đợi điều gì từ bài thuyết trình?

– Mục đích thuyết trình của bạn trong buổi trao đổi là gì?

– Không gian và thời gian thuyết trình của bạn có gì đáng lưu ý?

– Sau khi xác định được những vấn đề trên, bạn cần lựa chọn cách thức thuyết trình và ngôn ngữ phù hợp.

• *Tìm ý và lập dàn ý*

Từ đề tài đã chọn, bạn có thể tìm ý và lập dàn ý theo gợi ý sau:

– Giải thích và xác định các biểu hiện của vấn đề muốn trình bày.

– Phân tích vấn đề: Lí giải mặt tốt/ xấu, tích cực/ tiêu cực,... của vấn đề; lí giải sự ảnh hưởng/ tác động của vấn đề đến (những) cơ hội phát triển và/ hay thách thức đặt ra với đất nước; sử dụng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ quan điểm cá nhân.

– Nêu ý nghĩa, rút ra bài học nhận thức và hành động liên quan đến vấn đề; chú ý đến những hành động cụ thể để nắm bắt cơ hội và khắc phục, đối phó với thách thức.

Nếu chuyển nội dung ở phần Viết thành dàn ý sử dụng cho bài thuyết trình, bạn nên:

– Xác định kết cấu ba phần của bài thuyết trình: mở đầu, nội dung chính, kết thúc.

– Tóm tắt bài thuyết trình dưới dạng sơ đồ, từ khoá để dễ theo dõi khi nói; chọn lọc nội dung phù hợp với thời gian nói.

Xác định những ý cần sự hỗ trợ của các phương tiện trực quan và cách sử dụng hiệu quả các phương tiện ấy.

• *Luyện tập*

Thực hiện theo những cách đã được hướng dẫn ở lớp 10 và 11.

Bước 2: Trình bày bài nói

- Bám sát dàn ý và đảm bảo kết cấu của bài thuyết trình.
- Dùng thẻ ghi chú tóm tắt thông tin để dễ theo dõi nội dung khi nói.
- Sử dụng hợp lí các phương tiện phi ngôn ngữ.
- Chú ý thời gian trình bày; mở đầu và kết thúc ấn tượng, tương tác tích cực với người nghe.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

- Khi trao đổi, nghiêm túc lắng nghe, cầu thị và ghi nhận góp ý của người nghe;
- Chờ đến lượt lời, trao đổi nhã nhặn, lịch sự với người nghe, mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình; tôn trọng sự khác biệt về quan điểm với người nghe.
- Sử dụng bảng kiểm kĩ năng thuyết trình về một vấn đề xã hội liên quan đến cơ hội, thách thức của đất nước để tự đánh giá hoặc đánh giá lẫn nhau.

**Bảng kiểm kĩ năng thuyết trình một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức
đối với đất nước**

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Người thuyết trình chào người nghe và tự giới thiệu		
	Giới thiệu vấn đề thuyết trình		
	Nêu khái quát nội dung bài thuyết trình		
Nội dung chính	Giải thích được khái niệm và các biểu hiện của vấn đề		
	Phân tích được vấn đề		
	Trình bày được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ các luận điểm		
	Rút ra được ý nghĩa, bài học cụ thể, thiết thực về nhận thức và hành động liên quan đến vấn đề		
Kết thúc	Tóm tắt và khẳng định được nội dung thuyết trình		
	Nêu vấn đề trao đổi hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe		
	Cảm ơn và chào kết thúc		
Kĩ năng thuyết trình, tương tác với người nghe	Sắp xếp các ý hợp lí		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, dễ hiểu		
	Trình bày chân thành, tác động đến người nghe		
	Sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung thuyết trình		
	Mở đầu/ kết thúc gây ấn tượng		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe		

❖ TRONG VAI TRÒ NGƯỜI NGHE

Bước 1: Chuẩn bị nghe

- Tìm hiểu đề tài của buổi thuyết trình, xác định những điều đã biết và muốn biết thêm về đề tài ấy.
- Xác định những điều bạn đã biết về người thuyết trình và mong đợi ở họ.
- Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép nội dung, quan điểm của bài thuyết trình.

- Tìm vị trí thích hợp để theo dõi bài thuyết trình.

Bước 2: Nghe, nắm bắt nội dung, quan điểm của bài thuyết trình

- Nghe, nắm bắt nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói.
- Chú ý những dấu hiệu ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để chọn lọc thông tin, hiểu quan điểm của người nói.
- Trong quá trình nghe, lưu ý ghi chép tóm tắt và sắp xếp thông tin, xác định những điểm thú vị, mới mẻ về nội dung và cách thức thuyết trình.

Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá

- Trước khi trao đổi, cần đọc lại nội dung đã ghi chép về nội dung và quan điểm được trình bày.
- Khi nhận xét, nên sử dụng kĩ thuật PMI (xem Bài 1. *Thông điệp từ thiên nhiên*, Ngữ văn 11, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*) để đánh giá về *nội dung* (điểm tích cực, mới mẻ, độc đáo, toàn diện, thuyết phục, đầy đủ, chính xác, hạn chế (nếu có),...) và *cách thức thuyết trình* (cách sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ, phương tiện hỗ trợ, sắp xếp bố cục, tương tác với người nghe, mở đầu và kết thúc; hạn chế (nếu có),...).
- Trao đổi ngắn gọn, rõ ràng về những điều chưa rõ; tránh hỏi quá nhiều hoặc dồn dập, chỉ trích gay gắt; tôn trọng quan điểm của người nói;...
- Sử dụng bảng kiểm kĩ năng nghe và nhận xét, đánh giá về bài thuyết trình để tự đánh giá hoặc đánh giá lẫn nhau.

Bảng kiểm kĩ năng nghe và nhận xét, đánh giá về bài thuyết trình một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Chuẩn bị nghe	Tìm hiểu thông tin về đề tài thuyết trình		
Trong khi nghe	Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình		
	Ghi chép tóm tắt nội dung bài thuyết trình bằng các từ khoá, cụm từ, sơ đồ dàn ý		
	Đánh dấu những nội dung chính, thông tin quan trọng, thú vị		
	Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung thuyết trình và cách thức thuyết trình		
	Ghi lại những câu hỏi muốn trao đổi, tranh luận		

Sau khi nghe	Sử dụng kĩ thuật PMI để nhận xét, đánh giá về những ưu điểm, hạn chế về nội dung và cách thức thuyết trình		
	Lịch sự, tích cực khi trao đổi (chờ đến lượt, xác nhận quan điểm của người nói trước khi trao đổi, tôn trọng quan điểm người nói)		
	Trình bày rõ ràng, gãy gọn, mạch lạc vấn đề muốn trao đổi		

ÔN TẬP

1. Lập bảng để tóm tắt, hệ thống những vấn đề như đề tài, câu chuyện, nhân vật trong hai truyện ngắn *Lão Hạc* (Nam Cao) và *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam).
2. Lập bảng tóm tắt tri thức về phong cách cổ điển, phong cách hiện thực và phong cách lãng mạn (đã học ở Bài 1 và Bài 2).
3. Thu thập một số ví dụ mắc lỗi câu mơ hồ (trên báo chí, sách vở, trên mạng Internet, tình huống giao tiếp thực tế mà bạn biết,...) và nêu cách sửa.
4. Chia sẻ ít nhất một kinh nghiệm mà theo bạn là hữu ích để tạo tính thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.
5. Khi thuyết trình về một vấn đề xã hội liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước, bạn cần chú ý điều gì để thu hút sự quan tâm của người nghe? Khi nghe một bài thuyết trình, muốn nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình, bạn nên lưu ý điều gì?
6. Bạn có suy nghĩ gì về những ô cửa nhìn ra cuộc sống mà các văn bản trong bài mang đến? Bạn rút ra được những liên hệ gì khi đối chiếu giữa tác phẩm văn học và cuộc sống xung quanh?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì như: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật,...; đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Nhận biết và sửa được lỗi câu sai logic.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.
- Biết trình bày, so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.
- Có ý thức tôn trọng sự thật và có niềm tin vào chân lí.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Truyện truyền kì là một thể loại văn xuôi tự sự cỡ nhỏ thời trung đại, có nguồn gốc từ Trung Quốc, thường phản ánh hiện thực bằng yếu tố kì ảo. Nhiều truyện gần với truyện dân gian.

Ở Việt Nam, truyện truyền kì được viết bằng chữ Hán, phát triển mạnh ở thế kỉ XVI – XVII, tiêu biểu là *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ.

Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, truyện dân gian

Yếu tố kì ảo là những yếu tố kì lạ, hoang đường thể hiện qua sự kiện, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, thủ pháp nghệ thuật,... của truyện kể.

Trong truyện truyền kì, thế giới con người giao thoa và kết nối với thế giới của thánh thần, ma, quỷ. Tuy nhiên, đằng sau những tình tiết kì ảo, phi hiện thực, người đọc có thể tìm thấy những vấn đề cốt lõi của hiện thực cũng như những quan niệm và thái độ của tác giả đối với đời sống đương thời.

Trong truyện dân gian, yếu tố kì ảo được sử dụng nhằm thể hiện quan niệm dân gian về thế giới siêu nhiên hoặc niềm tin vào công lí. Chẳng hạn truyện cổ tích thần kì dùng yếu tố này để thể hiện sức mạnh của các lực lượng siêu nhiên hoặc hiện thực hoá ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp, niềm tin “ở hiền gặp lành”.

Quan niệm, mục đích, cách thức sử dụng yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì khác với truyện dân gian. Yếu tố kì ảo trong truyện dân gian gắn với niềm tin của

tác giả dân gian về sự hiện hữu và vai trò của các thế lực siêu nhiên trong đời sống của con người. Đây cũng là phương tiện giúp người xưa nuôi dưỡng niềm tin và ước mơ về một thế giới tốt đẹp. Thế giới trong truyện truyền kì là một thế giới tưởng tượng. Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì chủ yếu được sử dụng như là phương tiện nghệ thuật, giúp nhà văn dựng nên trong truyện kể một thế giới kì lạ hoang đường, qua đó đề cập đến những vấn đề đáng quan ngại của xã hội đương thời.

Trong truyện hiện đại, khi cần, các nhà văn cũng thường sử dụng yếu tố kì ảo để thực hiện ý đồ nghệ thuật của mình. Các tác phẩm của Nguyễn Tuân như *Trên đỉnh non Tân*, *Xác ngọc lam*, *Chùa Đàn*,... là những ví dụ tiêu biểu.

Văn tế: loại văn đọc khi cúng tế người chết. Trong văn học trung đại đây là thể văn kết hợp nhiều loại yếu tố: tự sự, nghị luận, trữ tình,... Một bài văn tế thường có các phần: *Lung khởi* (cảm tưởng khái quát về người quá cố); *Thích thực* (hồi tưởng công đức của người quá cố); *Ai vãn* (than tiếc người chết); *Kết* (nêu cảm nghĩ và mời linh hồn người quá cố về hưởng đồ tế lễ). Về thể thức, văn tế được viết bằng nhiều thể loại khác nhau, nhưng điển hình nhất là viết bằng thể phú độc vận (một vần) như *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu, *Văn tế Phan Chu Trinh* của Phan Bội Châu,... Bài văn tế thường có những lời biểu cảm trực tiếp của người đứng tế như: “Hỡi ôi!”, “Ôi!”, “Ôi thôi thôi!”, “Đau đớn thay!”,...

Lỗi câu sai logic và cách sửa

Câu sai logic là câu có ngữ nghĩa không phù hợp với logic thông thường. Dưới đây là một số loại câu sai logic thường gặp:

– Câu có quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần, các vế không logic do dùng sai từ ngữ liên kết

Ví dụ: *Hoàng là người hiền lành, chăm chỉ nên rất yêu thương vợ con.*

Phân tích lỗi: Câu sai logic do dùng sai từ ngữ liên kết “nên” (“hiền lành, chăm chỉ” không phải là nguyên nhân của “rất yêu thương vợ con”).

Cách sửa: *Hoàng là người hiền lành, chăm chỉ và rất yêu thương vợ con.*

– Câu chứa các thành phần đẳng lập không cùng phạm trù ngữ nghĩa

Ví dụ: *Tôi đã gặp anh ấy hai lần: một lần vào năm ngoái, một lần ở Hà Nội.*

Phân tích lỗi: Việc các thành phần đẳng lập (một lần vào năm ngoái, một lần ở Hà Nội) không có cùng phạm trù ngữ nghĩa khiến câu sai logic.

Cách sửa: (1) *Tôi đã gặp anh ấy hai lần: một lần vào năm ngoái, một lần vào tháng Ba năm nay.* (2) *Tôi đã gặp anh ấy hai lần: một lần ở Huế, một lần ở Hà Nội.*

– Câu có các hành động được sắp xếp không đúng thứ tự so với thực tế

Ví dụ: *Nó nhắm mắt lại, cố gắng ngủ và nằm xuống giường.*

Phân tích lỗi: Việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí dẫn đến câu sai logic.

Cách sửa: *Nó nằm xuống giường, nhắm mắt lại và cố gắng ngủ.*



ĐỌC

VĂN BẢN 1

CHUYỆN CHÚC PHÁN SỰ¹ ĐỀN TẢN VIÊN²

Nguyễn Dữ

Truyền kì mạn lục³ là tập truyện của Nguyễn Dữ, viết bằng chữ Hán, gồm 20 truyện, ra đời vào nửa đầu thế kỉ XVI, được xem là “thiên cổ kì bút”. **Chuyện chúc phán sự đến Tản Viên** tiêu biểu cho giá trị nội dung, nghệ thuật của tập truyện này.

✓ Trước khi đọc

Tóm tắt một truyện kể dân gian có sử dụng yếu tố kì ảo và cho biết tác dụng của yếu tố kì ảo trong tác phẩm.

✓ Đọc văn bản

Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng, đất Lạng Giang. Chàng vốn khảng khái⁴, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực. Trong làng trước có một ngôi đền linh ứng lắm. Cuối đời nhà Hồ, quân Ngô sang lấn cướp, vùng ấy thành một nơi chiến trường. Bộ tướng của Mộc Thạnh có viên Bách hộ⁵ họ Thôi, từ trận ở gần đền, từ đấy làm yêu làm quái trong dân gian. Tử Văn rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời, rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, lo sợ thay cho Tử Văn, nhưng chàng vẫn vùng tay không cần gì cả. ¹

Dự đoán

¹ Chuyện gì sẽ xảy ra với Tử Văn sau khi đốt đền?

Đốt đền xong, chàng về nhà, thấy trong mình khó chịu, đầu lảo đảo và bụng run run, rồi nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét. Trong khi sốt, chàng thấy một người khôi ngô, cao lớn, đầu đội mũ trụ đi đến, nói năng và quần áo rất giống người phương Bắc, tự xưng là cư sĩ⁶, đến đòi làm trả lại ngôi đền như cũ và nói:

¹ **Chúc phán sự**: chức quan xem xét việc kiện tụng, nhằm giúp việc xử án bảo đảm công lí được thực thi.

² **Chuyện chúc phán sự đến Tản Viên**: nguyên văn chữ Hán là *Tản Viên từ phán sự lục*, Trúc Khê Ngô Văn Triện dịch.

³ **Mạn lục**: ghi chép tản mạn.

⁴ **Khảng khái**: ngay thẳng và hào hiệp, ưa làm việc nghĩa.

⁵ **Bách hộ**: chức quan võ vào thời Nguyên ở Trung Quốc.

⁶ **Cư sĩ**: người trí thức ở ẩn.

– Nhà ngươi đã theo nghiệp nho, đọc sách vở của thánh hiền¹, há không biết cái đức của quý thần sao, có gì lại dám khinh nhờn huỷ tượng, đốt đền, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không có nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả ngôi đền như cũ. Nếu không thì, vô cớ huỷ đền Lư Sơn, Cố Thiệu² sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ.

Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên. Người kia tức giận nói:

– Phong Đô³ không xa xôi gì, ta tuy hèn, há lại không đem nổi nhà ngươi đến đấy. Không nghe lời ta thì rồi sẽ biết.

Nói rồi phất áo đi.

Chiều tối, lại có một ông già, áo vải mũ đen, phong độ nhàn nhã, thung thính đi vào đến trước thềm, vái chào mà rằng:

– Tôi là Thổ Công ở đây, nghe thấy việc làm rất thú của nhà thầy, vậy xin đến để tỏ lời mừng.

Tử Văn ngạc nhiên nói:

– Thế người đội mũ trụ đến đây ban nãy, chẳng phải là Thổ Công đấy ư? Sao mà nhiều thần quá vậy?

Ông già nói:

– Ô, đấy là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thảm ngược⁴, Thuồng Đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hung yêu tác quái⁵ đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. Xin kể đầu đuôi để nhà thầy nghe: “Tôi làm chức Ngự sử đại phu⁶ từ đời vua Lý Nam Đế⁷, vì chết về việc can vương mà được phong ở đây, giúp dân độ vật đã hơn một nghìn năm nay, khi nào lại làm việc gieo tai rắc vạ để kiếm miếng ăn như tên giặc giảo hoạt kia đã làm. Gần đây vì tôi thiếu sự đề phòng, bị nó đánh đuổi, nên phải đến nương tựa ở đền Tản Viên đã vài năm nay”.

Tử Văn nói:

¹ Thánh hiền: người được các đời sau trong xã hội phong kiến tôn sùng, coi là có tài đức, trí tuệ hơn hẳn người đời, theo quan điểm và truyền thống của Nho giáo.

² Cố Thiệu: người thời Tam Quốc (Trung Quốc), làm quan ở Dự Chương, chủ trương việc phá huỷ các đền thờ dân thần, trong số đó có đền Lư Sơn. (Sau thần Lư Sơn đến xin dựng đền lại, Cố Thiệu chỉ cười mà không trả lời. Thần giận bảo: “Ba năm nữa ngươi sẽ chết”. Đến kì hạn đó, Thiệu bị ốm, mọi người đều khuyên Thiệu nên dựng lại đền, Thiệu nói: “Tà không thể thắng được chính”. Rồi sau Thiệu chết).

³ Phong Đô: phủ của Diêm Vương ở cõi âm.

⁴ Thảm ngược: tàn ác quá mức.

⁵ Hung yêu tác quái: dấy lên những chuyện yêu ma, làm những điều quỷ quái; ý nói gây hại cho người.

⁶ Ngự sử đại phu: chức quan phụ trách việc can gián vua.

⁷ Lý Nam Đế: tức Lý Bôn, còn gọi là Lý Bí, khởi nghĩa đuổi quân đô hộ nhà Lương, lên ngôi Hoàng đế, xưng là Nam Việt Đế, ở ngôi được bốn năm (544 – 548), đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.

– Việc xảy ra đến như thế, sao ngài không kiện ở Diêm Vương và tâu lên Thượng Đế, lại đi khinh bỏ chức vị, làm một người áo vải nhà quê?

Ông già chau mặt đáp:

– Rễ ác mọc lan, khó lòng lay động. Tôi đã định thưa kiện, nhưng mà có nhiều nỗi ngăn trở: Những đền miếu gần quanh, vì tham của đút, đều bênh vực cho nó cả. Tôi chỉ giữ được một chút lòng thành, nhưng không làm thế nào để thông đạt được lên, cho nên đành tạm ẩn nhẫn mà ngồi xó một nơi.

Tử Văn nói:

– Hắn có thực là tay hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi không?

– Hắn quyết chống chọi với nhà thầy, hiện đã kiện thầy ở Minh Ti¹. Tôi nhân lúc hắn đi vắng lên đến đây báo cho nhà thầy biết để mà liệu kế, khỏi phải chết một cách oan uổng.

Ông già lại dặn Tử Văn:

– Hễ ở Minh Ti có tra hỏi, thầy cứ khai ra những lời nói của tôi. Nếu hắn chối, thầy kêu xin tư giấy đến đền Tản Viên, tôi sẽ khai rõ thì nó phải đở miệng. Nếu không như thế thì tôi đến vui lấp trọn đời mà thầy cũng khó lòng thoát nạn.

Tử Văn vâng lời. **2** Đến đêm, bệnh càng nặng thêm, rồi thấy hai tên quý sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía đông. Đi độ nửa ngày đến một toà nhà rất lớn, xung quanh có thành sắt cao vọi đến mấy chục trượng. Hai tên quý đến nói với người canh cổng, người canh cổng đi vào một lúc rồi ra truyền chỉ rằng:

Liên hệ

2 Cách đối xử của Tử Văn với “người đội mũ trụ” và “ông già áo vải, mũ đen” có gì khác biệt?

Tội sâu ác nặng, không được dự vào hàng khoan giảm².

Nói rồi xua tay bảo đi ra phía bắc. Ở đó có một con sông lớn, trên sông bắc một cái cầu dài ước hơn nghìn thước, gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương. Hai bên cầu có mấy vạn quý Dạ Xoa đều mắt xanh tóc đỏ, hình dáng nanh ác. Hai con quý dùng gông dài, thùng lớn gông trói Tử Văn mà giải đi rất nhanh. Tử Văn kêu to:

– Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian, có tội lỗi gì xin bảo cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng.

Chợt nghe trên điện có lời quát:

– Tên này bướng bỉnh ngoan cố, nếu không phán đoán cho rõ, chưa chắc nó đã chịu nhận tội.

¹ Minh Ti: âm phủ.

² Khoan giảm: rộng lượng làm giảm hình phạt.

Bèn sai dẫn Tử Văn vào cửa điện. Tử Văn vào đến nơi, thấy người đội mũ trụ đang kêu cầu ở trước sân.

Diêm Vương mắng Tử Văn rằng:

– Kề kia là một người cư sĩ, trung thuần lắm liệt¹, có công với tiên triều, nên hoàng thiên cho được huyết thực² ở một ngôi đền để đền công khó nhọc. Mà lại là một kẻ hàn sĩ³, sao dám hỗn láo, tội ác tự mình làm ra, còn trốn đi đằng nào?

Tử Văn bèn tâu trình đầu đuôi như lời Thổ công đã nói, lời rất cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào. Người đội mũ trụ nói:

– Ấy là ở trước vương phủ mà hấn còn ghê gớm như thế, mồm năm miệng mười, đem đặt bịa tạc. Huống hồ ở một nơi đền miếu quanh hiu hắt sợ gì mà không dám cho một mồi lửa.

Hai bên cãi cọ nhau mãi vẫn chưa phân phải trái, vì thế Diêm Vương sinh nghi. Tử Văn nói:

– Nếu nhà vua không tin lời tôi, xin đem tư giấy đến đền Tán Viên để hỏi. Không đúng như thế, tôi xin chịu thêm cái tội nói càn.

Bấy giờ người kia mới có vẻ sợ, quỳ xuống tâu rằng:

– Gã kia là học trò, thật là ngu buống, quả đáng tội lắm. Nhưng đã trách mắng như vậy, cũng đủ răn đe rồi. Xin đại vương khoan dung tha cho hấn để tỏ cái đức rộng rãi. Chẳng cần đòi hỏi dây dưa. Nếu thắng tay trị tội nó, sợ hại đến cái đức hiếu sinh.

Diêm Vương quát lớn rằng:

– Cứ như lời hấn thì nhà ngươi đáng tội chết. Điều luật trị tội lừa dối đã sẵn sàng đó. Có sao nhà ngươi dám làm sự lập lờ nhận tội như vậy?

Diêm Vương lập tức sai người đến đền Tán Viên để lấy chứng thực. Sai nhân về tâu, nhất nhất đúng với lời Tử Văn. Vương cả giận, bảo các phán quan rằng:

– Lũ các người chia toà sở, giữ chức sự, cầm lệnh chí công, làm phép chí công, thưởng thì xứng đáng mà không thiên vị, phạt thì đích xác mà không nghiệt ngã, vậy mà còn có sự dối trá càn bậy như thế; huống chi về đời nhà Hán, nhà Đường buôn quan bán ngục, thì những mối tề còn nói sao hết được!

Liền sai lấy lồng sắt chụp vào đầu, khẩu gỗ nhét vào miệng, bỏ người ấy vào ngục Cửu U⁴.

¹ Trung thuần lắm liệt: trung thuần: một lòng ngay thẳng; lắm liệt: mạnh mẽ, oai phong.

² Được huyết thực: được thờ tự và hưởng những vật phẩm cúng tế là động vật như: bò, dê, lợn, gà,...

³ Hàn sĩ: học trò nghèo.

⁴ Ngục Cửu U: ngục tối chín tầng ở nơi sâu nhất âm phủ, nơi giam giữ và trừng phạt những kẻ khi sống gây nhiều tội ác.

Vương nghĩ Tử Văn có công trừ hại, truyền cho vị thần đền kia, từ nay phần xôi lợn của dân cúng tế, nên chia cho Tử Văn một nửa và sai lính đưa Tử Văn về. **3**

Chàng về đến nhà, té ra mình chết đã được hai ngày rồi. Nhân đem những việc đã qua kể cho mọi người nghe, ai cũng kinh hãi và không tin là thực. Sau đó, họ đón một bà đồng về phụ bóng¹, đồng lên cũng nói đúng như lời Tử Văn. Người làng bèn mua gỗ, dựng lại một toà đền mới. Còn ngôi mộ của tên tướng giặc kia thì tự dung thấy bị bật tung lên, hài cốt tan tành ra như cám vậy.

Sau đó một tháng, Tử Văn thấy Thổ công đến bảo:

– Lão phu đã trở về miếu, công của nhà thầy không biết lấy gì đền đáp được. Nay thấy ở đền Tản Viên khuyết một chân phán sự, lão đã vì nhà thầy hết sức tiến cử, được đức Thánh Tản ngài đã bằng lòng, vậy xin lấy việc đó để đền ơn nghĩa. Người ta sống ở đời, xưa nay ai chẳng phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau. Nếu trùng trình độ nửa tháng, sợ sẽ về tay người khác mất. Nên cố gắng đi, đừng coi là việc thường.

Tử Văn vui vẻ nhận lời, bèn thu xếp việc nhà, rồi không bệnh mà mất.

Năm Giáp Ngọ, có người ở thành Đông Quan² vốn quen biết với Tử Văn, một buổi sớm đi ra ngoài cửa tây vài dặm, trông thấy trong sương mù có xe ngựa đi đến âm âm, lại nghe tiếng quát:

– Người đi đường tránh xa, xe quan phán sự!

Người ấy ngẩng đầu trông thì thấy, người ngồi trên xe chính là Tử Văn. Song Tử Văn chỉ chấp tay thi lễ chứ không nói một lời nào, rồi thoát đã cười gió mà biến mất. Đến nay con cháu Tử Văn hãy còn, người ta truyền rằng đó là “nhà quan phán sự”! **4**

Than ôi³! Người ta thường nói: “Cứng quá thì gãy”. Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gãy hay không là việc của trời. Sao lại đoán trước là sẽ gãy mà chịu đối cứng ra mềm?

Tưởng tượng

3 Bạn hình dung thế nào về cõi âm và cuộc đối mặt giữa Tử Văn với “người đội mũ trụ” trước điện của Diêm Vương?

Liên hệ

4 Kết truyện này gợi cho bạn nhớ đến phần kết trong tác phẩm văn học dân gian nào?

¹ *Phụ bóng*: mời gọi hồn người chết hoặc thần thánh về. (Theo quan niệm dân gian, có thể gọi hồn người chết hoặc thánh thần ở cõi âm về nhập vào người đang sống để trò chuyện. Người có nhiều cảm ứng với cõi âm, có thể cho mượn xác để người cõi âm nhập vào gọi là “ông (bà) đồng” hay “ông (bà) bóng”).

² *Đông Quan*: tức thành Thăng Long, nay là Hà Nội.

³ Từ đây đến cuối truyện là lời bình (cuối mỗi truyện có phần bình luận ngắn của chính tác giả – nêu nhận xét về sự việc, nhân vật trong truyện và đưa ra quan điểm hoặc lời khuyên của mình).

Ngô Tử Văn là một chàng áo vải. Vì cứng cỏi mà dám đốt cháy đền tà, chống lại yêu ma, làm một việc hơn cả thần và người. Bởi thế được nổi tiếng và được giữ chức vị ở Minh Ti, thật là xứng đáng. Vậy kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi. **5**

Suy luận

5 Bạn có đồng tình với lời bình này hay không?

(In trong Nguyễn Dữ, *Truyền kì mạn lục*, Trúc Khê Ngô Văn Triện dịch, NXB Trẻ và Hội Nghiên cứu – Giảng dạy Văn học Thành phố Hồ Chí Minh, tái bản năm 1988, tr. 202 – 206)

✓ Sau khi đọc

1. Xác định đề tài, tóm tắt chuỗi hành động/ sự kiện được kể và chỉ ra mối quan hệ giữa chúng trong văn bản.
 2. Phân tích tính cách của nhân vật Tử Văn và cho biết:
 - a. Tử Văn tiêu biểu cho những người thuộc tầng lớp nào trong xã hội đương thời?
 - b. Tính cách của Tử Văn đã góp phần thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm như thế nào?
 3. Bình luận về một trong hai chi tiết sau:
 - a. Hình phạt mà Diêm Vương dùng để trừng trị tội lừa dối của “người đội mũ trụ”;
 - b. Chúc phán sự mà Tử Văn được Thổ Công tiến cử sau vụ kiện ở Minh Ti.
 4. Nhận xét về cách kết thúc truyện và lời bình của người kể chuyện ở cuối văn bản.
 5. Xác định chủ đề của truyện.
 6. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết *Chuyện chúc phán sự đền Tản Viên* là một truyện truyền kì? Qua tác phẩm, bạn có suy nghĩ gì về hiện thực đời sống xã hội đương thời và thái độ, quan điểm của tác giả trước hiện thực ấy?
 7. Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt trong cách sử dụng yếu tố kì ảo ở *Chuyện chúc phán sự đền Tản Viên* với một truyện cổ tích thần kì mà bạn từng đọc.
- * **Bài tập sáng tạo:** Dựa vào xung đột giữa các bên và chuỗi hành động của nhân vật Tử Văn, bạn hãy phác thảo ý tưởng cho một kịch bản sân khấu hoá tác phẩm *Chuyện chúc phán sự đền Tản Viên*.

Nguyễn Dữ hay còn gọi là Nguyễn Dư (? – ?), quê ở xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân nay là xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Sau khi đỗ Hương Tiến (Cử nhân), ông làm quan thời nhà Mạc, rồi làm tri huyện dưới thời nhà Lê. Nhưng do bất mãn với thời cuộc, lấy cớ nuôi mẹ, ông xin về ẩn cư tại vùng núi rừng Thanh Hoá, sáng tác *Truyền kì mạn lục*, sau mất tại đó.

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC¹

Nguyễn Đình Chiểu

Đêm 16 tháng 12 năm 1861, một đội nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc đã anh dũng tấn công đồn giặc Pháp ở chợ huyện, tiêu diệt được một số sĩ quan và quân lính của giặc. Nhưng vì trang bị quá thô sơ, hơn hai mươi nghĩa sĩ đã hi sinh. Tinh thần xả thân cứu nước của họ đã tạo nên niềm xúc động mạnh mẽ. Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu được giao viết bài văn tế để đọc tại buổi truy điệu các nghĩa sĩ đã hi sinh trong trận này. Bài văn đầy sức truyền cảm, gây niềm xúc động sâu sắc trong nhân dân, được triều đình Huế cho sao chép và truyền đi khắp nước.

✓ Trước khi đọc

Bạn biết gì về vai trò của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu và thơ văn của ông đối với phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân Nam Bộ cuối thế kỉ XIX? Hãy chia sẻ với bạn cùng nhóm.

✓ Đọc văn bản

Hỡi ôi!

1. Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ².

2. Mười năm công võ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ.

Nhớ linh³ xưa: ①3. Cui cút làm ăn⁴; toan lo nghèo khó.

4. Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung⁵; chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ⁶.

5. Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm; tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Theo dõi

① Đọc từ câu 3 đến câu 9: Nghĩa sĩ Cần Giuộc xuất thân từ đâu? Điều gì thôi thúc họ ra trận?

¹ *Cần Giuộc*: tức chợ Cần Giuộc, huyện Phước Lộc, tỉnh Gia Định, nay là thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

² *Lòng dân trời tỏ*: lòng yêu nước của nghĩa dân soi sáng khắp nơi; điển này xuất phát từ *Kinh Thư: Đế quang thiên chi hạ, chí vu hải ngưng thương sinh* (Đức của vua sáng khắp thiên hạ, soi tới cả nhân dân nơi góc bể).

³ *Linh*: anh linh, hương hồn người đã khuất (khác với từ linh trong “có linh xin hưởng” nghĩa là linh thiêng).

⁴ *Cui cút*: lẻ loi, một mình, thối lạng một cách tội nghiệp.

⁵ *Trường nhung*: nơi huấn luyện quân sự hay bãi chiến trường. Ở đây chỉ nơi huấn luyện quân sự.

⁶ *Làng bộ*: làng xóm (có bản chép là *làng hộ*).

6. Tiếng phong hạc¹ phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa; mùi tinh chiên² vấy vá³ đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

7. Bữa thấy bông bong⁴ che trắng lớp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ.

8. Một mối xa thư⁵ đồ sộ, há để ai chém rần đuổi hươu⁶; hai vầng nhật nguyệt chọi loà, đâu dung lũ treo dê, bán chó⁷.

9. Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình⁸; chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ⁹.

Khá thương thay: **2**

10. Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ¹⁰, theo dòng¹¹ ở lính diễn binh¹²; chẳng qua là dân ấp, dân lân¹³, mến nghĩa làm quân chiêu mộ¹⁴.

11. Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn; chín chục trận binh thư, không chờ bày bố.

12. Ngoài cật¹⁵ có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi¹⁶; trong tay cầm một ngọn tầm vông¹⁷, chi nài¹⁸ sắm đao tu, nón gõ¹⁹.

Tưởng tượng

2 Đọc từ câu 10 đến câu 15: Bạn hình dung như thế nào về điều kiện và tinh thần chiến đấu của những nghĩa sĩ Cần Giuộc?

¹ Phong hạc: điển cố chữ Hán (Phong thanh hạc lệ, giai dĩ vi vương sư dĩ chí: nghe tiếng gió thổi hạc kêu, cũng ngỡ là quân vua đã tới). Ở đây, "tiếng phong hạc" có nghĩa là nhân dân trông ngóng quân của triều đình, nhưng 10 tháng qua (từ sau trận Đại đồn thất thủ vào tháng 2/1861 đến khi nghĩa dân Cần Giuộc nổi lên vào tháng 12/1861) không thấy hoạt động gì của quân đội triều đình.

² Tinh chiên: tức mùi dê cừu hôi tanh, ý chỉ bọn thực dân Pháp với thái độ khinh miệt (tinh: thịt sống, tanh hôi, chiên: dê).

³ Vấy vá: dấy vào, dính vào, vấy bẩn.

⁴ Bông bong: ở đây chỉ những tấm vải thường là màu trắng làm buồm hoặc che nắng trên tàu của Pháp.

⁵ Xa thư: cỗ xe và chữ viết, do câu xa đồng quỹ, thư đồng văn (Trung dung): xe cùng một cỗ trục bánh xe (quỹ: khoảng cách giữa hai bánh ở hai bên chiếc xe), sách viết cùng một thứ chữ, ý nói một đất nước thống nhất.

⁶ Chém rần đuổi hươu: lấy điển tích Lưu Bang chém rần là điểm diệt nhà Tần; thiên hạ đuổi bắt con hươu nhà Tần ý nói giành thiên hạ. Cả vế Một mối xa thư... chém rần đuổi hươu ý nói: đất nước ta thống nhất từ Bắc chí Nam, không thể để cho quân Pháp xâm chiếm.

⁷ Treo dê bán chó: (thành ngữ tiếng Việt: "treo đầu dê bán thịt chó") chỉ sự gian trá, lừa lọc, ở đây ý nói thực dân Pháp viện các lí do khác nhau để xâm lược nước ta.

⁸ Đoạn kình: chém cá voi (kình: cá voi, loài cá to, mạnh, được coi là cá dữ).

⁹ Bộ hổ: bắt hổ.

¹⁰ Cơ, vệ: các loại đơn vị quân đội thời xưa, ý chỉ quân đội chính quy của triều đình.

¹¹ Theo dòng: theo kiểu loại (có bản chép theo vòng).

¹² Diễn binh: luyện tập việc binh.

¹³ Dân ấp, dân lân: người dân ở làng quê thôn xóm, sống quây quần gần gũi nhau.

¹⁴ Quân chiêu mộ: quân tình nguyện (chiêu là mời; mộ là cầu, tìm).

¹⁵ Cật: (từ cổ) thân, mình. Ý cả câu: thân mình chỉ khoác một manh áo vải đơn sơ.

¹⁶ Bao tấu: bao đựng thuốc súng và đạn. Bầu ngòi: bầu đựng ngòi cháy. Bao tấu bầu ngòi là chỉ vũ khí của quân đội chính quy triều Nguyễn.

¹⁷ Tầm vông: một loại tre đặc, thân cứng, có thể tạm dùng làm vũ khí.

¹⁸ Nài: xin, yêu cầu (như nài nỉ).

¹⁹ Dao tu: dao dài lưỡi của lính. Nón gõ: nón bằng gỗ hình chóp của lính ngày xưa. Dao tu nón gõ: chỉ trang bị của quân đội chính quy triều Nguyễn.

13. Hoả mai đánh bằng rom con cúi¹, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai² nọ.

14. Chi nhọc quan quân giống trống kị, trống giục³, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

15. Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà, ma ní⁴ hồn kinh; bọn hè trước, lũ⁵ ó sau, trối kệ⁶ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.

Ôi!

16. Những lăm⁷ lòng nghĩa lâu dùng; đâu biết xác phàm⁸ vội bỏ.

17. Một giắc⁹ sa trường rằng chữ hạnh¹⁰ nào hay da ngựa bọc thây¹¹; trăm năm âm phủ ấy chữ quy¹², nào đợi gươm hùm treo mộ¹³.

18. Đoái sông Cần Giuộc cỏ cây mấy dặm sầu giăng; nhìn chợ Trường Bình¹⁴ già trẻ hai hàng luy¹⁵ nhỏ.

19. Chẳng phải án cướp, án gian đây tới, mà vi binh¹⁶ đánh giặc cho cam tâm; vốn không giữ thành, giữ luy bỏ đi, mà hiệu lực¹⁷ theo quân cho đáng số.

¹ Hoả mai ... con cúi: hoả mai: mỗi lửa dùng để châm súng; con cúi: vật dài bên bằng rom để người nông dân giữ lửa khi làm ruộng.

² Chém rớt đầu quan hai: quan hai: Trung uý (quan một là Thiếu uý). Ở đây chỉ Trung uý Dumont, đồn trưởng đồn Cần Giuộc. Thực ra trong trận này, Dumont chỉ bị đâm trọng thương, vì vậy, văn bản viết "chém nặng thằng quan hai nọ" chính xác hơn.

³ Trống kị, trống giục: trống hiệu lệnh do chỉ huy đánh, trống kị là trống lui quân, trống giục là trống thúc quân.

⁴ Mã tà: lính do Pháp chiêu mộ ở Việt Nam để canh tuần. Ma ní: lính mộ ở Phi-líp-pin (Philippines) (ma ní: Ma-ni-la, Thủ đô của Phi-líp-pin). Mã tà, ma ní: chỉ chung lính đánh thuê cho Pháp.

⁵ Bọn, lũ: các từ dùng với nghĩa nhiều người. Ở đây chỉ nghĩa quân.

⁶ Trối kệ: mặc kệ, không quan tâm.

⁷ Lăm: lăm le, toan tính.

⁸ Xác phàm: thân xác con người được nhìn trong sự đối lập với linh hồn; linh hồn còn mãi, còn thân xác thô lậu sẽ bị hư nát, huỷ hoại theo thời gian; ở đây chỉ thân xác phàm trần của người lính.

⁹ Có bản chép: "một chốc sa trường...".

¹⁰ Chữ hạnh: hạnh là may, ý nói may mà được sống.

¹¹ Da ngựa bọc thây: điển cố chỉ binh lính chết ở chiến trường, phải lấy da ngựa bọc thây thay cho quan tài.

¹² Quy: về, từ điển cố sinh kí tử quy (sống gửi thác về), ở đây nghĩa là chết.

¹³ Gươm hùm treo mộ: lấy tích "Mộ môn quả kiếm" (Sử ký, Ngô Thái Bá thế gia) kể chuyện thời Chiến quốc (Trung Quốc), Quý Trát (người nước Ngô) đi sứ ngang qua nước Tề. Vua Tề thích thanh kiếm của Quý Trát nhưng không nói ra. Quý Trát biết ý, nhưng chưa tặng được, định lúc quay về sẽ tặng. Lúc về thì vua Tề đã chết, bèn đem thanh kiếm treo trước mộ vua rồi đi. Ý cả câu nghĩa dân coi cái chết như "về", không tính chuyện được tặng thưởng.

¹⁴ Chợ Trường Bình: thuộc thị trấn Cần Giuộc, tỉnh Long An.

¹⁵ Luy: lè, nước mắt.

¹⁶ Vi binh: làm lính.

¹⁷ Hiệu lực: một hình phạt thời xưa, bắt người bị phạt phải làm những công việc nặng nhọc hoặc nguy hiểm để chuộc tội lỗi.

Nhưng nghĩ rằng:

20. Tắc đất ngọn rau ơn chúa¹, tài bồi² cho nước nhà ta; bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó.

21. Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương; vì ai xui đồn lũy tan tành, xiêu mưa ngã gió.

22. Sống làm chi theo quân tả đạo³, quảng vừa hương⁴, xô bàn độc⁵, thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ.

23. Thà thác mà đặng câu địch khái⁶, về theo tổ phụ⁷ cũng vinh; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây⁸, ở với man di⁹ rất khổ.

Ôi thôi thôi!

24. Chùa Tôn Thạnh¹⁰ năm canh ung¹¹ đóng lạnh, tấm lòng son gửi lại bóng trăng rằm¹²; đồn Lang Sa¹³ một khắc đặng trả hồn, túi phận bạc trôi theo dòng nước đổ.

25. Đau đớn bấy, mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều; não nùng thay, vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật dờ trước ngõ. **3**

Ôi!

26. Một trận khói tan, nghìn năm tiết rõ.

27. Bình tướng nó hãy đóng sông Bến Nghé, ai làm nên bốn phía mây đen; ông cha ta còn ở đất Đồng Nai, ai cứu đặng một phường con đỏ¹⁴.

Theo dõi

3 Hai câu 24, 25 thể hiện tình cảm, cảm xúc của ai trước sự hi sinh của những người nghĩa sĩ?

¹ Chúa: vua.

² Tài bồi: vun đắp.

³ Tả đạo: ở đây chỉ đạo Gia Tô. Bấy giờ, bọn cướp nước lợi dụng đạo Gia Tô để chia rẽ nhân dân ta và mượn cờ đi truyền đạo để do thám. Các nho sĩ của ta chưa nhận rõ đâu là kẻ theo địch, đâu là người theo đạo chân chính nên chủ trương bài xích.

⁴ Vừa hương: bát hương.

⁵ Bàn độc: bàn thờ.

⁶ Địch khái: tinh thần khảng khái, ý chí mạnh mẽ chống lại kẻ thù.

⁷ Tổ phụ: ông cha, tổ tiên.

⁸ Đầu Tây: đầu hàng Tây, ra làm việc cho chúng.

⁹ Man di: mọi rợ. Ở đây chỉ bọn giặc Pháp.

¹⁰ Chùa Tôn Thạnh: chữ Hán viết là chùa Tông Thạnh, còn có tên là chùa Lan Nhã. Chùa do sư Viên Ngộ lập ra từ năm 1808 nên còn gọi là chùa Lão Ngộ hay chùa Ông Ngộ, nay thuộc thôn Thanh Ba, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

¹¹ Ung: phải chịu, chấp nhận hay cịu đựng điều không muốn.

¹² Bóng trăng rằm: nghĩa quân tấn công đồn Cần Giuộc vào đêm rằm tháng 11 năm Tân Dậu (16/12/1861).

¹³ Lang Sa: (phiên âm từ France) chỉ quân Pháp.

¹⁴ Con đỏ: dịch từ "xích tử", ở đây chỉ nhân dân.

28. Thác mà trả nước non rồi nợ¹, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng² đều khen; thác mà ung³ đình miếu để thờ, tiếng ngay⁴ trái muôn đời ai cũng mộ⁵.

29. Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh⁶, muôn kiếp nguyện được trả thù kia; sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ⁷ dạy đã rành rành, một chữ ấm⁸ đủ đền công đó. **4**

30. Nước mắt anh hùng⁹ lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân¹⁰; cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ¹¹.

Hỡi ôi thương thay!

Có linh xin hưởng.

(Theo *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỉ XIX (1858 – 1900)*, NXB Văn học, 1976, tr. 51 – 55; có tham khảo *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*, Cao Tự Thanh, Đoàn Lê Giang, Nguyễn Thị Dương biên soạn, NXB Đại học Sư phạm, 2023)

Suy luận

4 Hai câu 28, 29 cho thấy tác giả quan niệm như thế nào về lẽ sống chết của người nghĩa sĩ?

✓ Sau khi đọc

1. Hình ảnh của người nghĩa sĩ đã được thể hiện khái quát trong hai câu đầu của văn bản như thế nào?
2. Phân tích hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc được miêu tả từ câu 3 đến câu 15 và làm rõ:
 - a. Những đặc điểm nổi bật của hình tượng người nghĩa sĩ (ví dụ: hoàn cảnh xuất thân, điều kiện chiến đấu, hành động và tinh thần chiến đấu,...).
 - b. Những điểm đặc sắc trong cách miêu tả, thể hiện hình tượng người nghĩa sĩ.

¹ *Rồi nợ*: xong nợ. *Rồi nghĩa* là xong (tiếng địa phương).

² *Sáu tỉnh*: sáu tỉnh Nam Kỳ gồm Biên Hoà, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. *Chúng*: mọi người.

³ *Ung*: trong câu này có nghĩa là được (khác nghĩa với từ *ung* ở trên).

⁴ *Ngay*: lòng trung thành, như "thảo ngay" là hiếu trung.

⁵ *Mộ*: mền mộ, ngợi khen.

⁶ *Cơ binh*: chỉ quân triều đình.

⁷ *Dụ*: chiếu dụ của nhà vua.

⁸ *Ấm*: chế độ ban thưởng công lao thời phong kiến. Xưa ai làm quan to hay có công lao thì con cháu được hưởng một số quyền lợi gọi là *tập ấm*. Ở đây nói chỉ dụ nhà vua phong cho con cái nghĩa sĩ Cần Giuộc được tập ấm.

⁹ *Nước mắt anh hùng*: nước mắt khóc người anh hùng.

¹⁰ *Thiên dân*: dân của trời.

¹¹ *Vương thổ*: đất của vua. *Kinh thi* có câu: "Dưới gầm trời đâu cũng là đất của vua, trong bốn bể ai cũng là bể tôi của vua". Thế mà nay vua lại để đất đai, dân chúng rơi vào tay giặc.

3. Phân tích một đoạn hoặc một số câu trong bài mà theo bạn là đã thể hiện một cách sâu sắc, thấm thía tình cảm của nhân dân và của tác giả đối với sự hi sinh của người nghĩa sĩ Cần Giuộc.
4. Phân tích tác dụng của ngôn ngữ, giọng điệu trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả trước hành động chiến đấu và hi sinh của người nghĩa sĩ Cần Giuộc.
5. Nêu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài văn tế.

Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888) sinh tại làng Tân Thới, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (nay thuộc Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Năm 1843, Nguyễn Đình Chiểu thi đỗ tú tài tại trường thi Gia Định. Năm 1847, ông ra Huế học, chuẩn bị thi tiếp thì được tin mẹ mất (1849). Ông bỏ thi trở về Nam chịu tang mẹ. Trên đường về, vì khóc thương mẹ và vì những gian nan vất vả, ông ốm nặng và bị mù cả hai mắt. Không khuất phục số phận, ông học cách làm thuốc và mở trường vừa dạy học, vừa bốc thuốc chữa bệnh cho dân. Năm 1859, Pháp đánh chiếm thành Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu chạy về quê vợ ở làng Thanh Ba, gần chợ Cần Giuộc. Năm 1862, triều đình cắt ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp, ông về Ba Tri (Bến Tre), tiếp tục dạy học, làm thuốc, sáng tác văn học, góp phần kháng chiến chống thực dân Pháp. Ông mất năm 1888 tại Ba Tri, Bến Tre.



Nguyễn Đình Chiểu
(Chân dung do nữ sĩ Mai Huỳnh Hoa tặng Viện Văn học – Từ điển Văn học (bộ mới), NXB Thế giới, 2004)

Tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu gồm: truyện thơ *Truyện Lục Vân Tiên*, *Dương Từ – Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*; thơ và văn tế như: *Chạy giặc*, *Thơ điếu Trương Định*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế Trương Định*, *Văn tế sĩ dân Lục tỉnh trận vong*,...

Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương của một con người vượt qua nghịch cảnh để trở thành người có ích: thầy đồ, thầy thuốc, nhà thơ nhà văn, giúp dân giúp nước.

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ của nhân dân, các tác phẩm của ông trừ một bài văn tế chữ Hán còn lại đều được viết bằng chữ Nôm, tức là viết bằng tiếng nói dân tộc. Truyện thơ của ông thể hiện đạo lý và ước mơ của nhân dân về một cuộc sống tình nghĩa và sự công bằng ở đời: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo. Thơ văn yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu là bài ca bất hủ về cuộc kháng chiến của nhân dân vì nền độc lập dân tộc, trong đó nổi bật là hình tượng người nông dân kháng chiến. Tư tưởng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu gắn liền với chủ nghĩa nhân đạo, thân dân, với tinh thần yêu hoà bình truyền thống của dân tộc Việt Nam. Với tinh thần ấy, các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu đã đưa ông lên vị trí hàng đầu trong văn học yêu nước Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX và trong văn học chống thực dân của các dân tộc Á – Phi.



VỊNH TẢN VIÊN SƠN

Cao Bá Quát¹

Danh sơn sơn thượng cổ kim truyền,
Tứ vọng đoàn đoàn nhược tản viên.
Vân mai trùng tiêu tinh khả trích,
Địa dao vạn nhận thủy vô quyền.
Yên hà trường toả vô trần cảnh,
Tuyền thạch nhàn thê bất lão tiên.
Đường Ý đảm hàn, Cao thúc thủ.
Nguy nhiên Nam cực trấn Nam thiên!

(In trong *Cao Bá Quát toàn tập*, tập một,
Trung tâm nghiên cứu Quốc học và NXB Văn học, 2004, tr. 1071 – 1072)

Dịch nghĩa²:

VỊNH NÚI TẢN VIÊN³

Trên đỉnh núi nổi tiếng danh truyền xưa nay,
Nhìn bốn phương thấy tròn tròn như cái lọng.
Mây trôi qua tầng trời, tưởng có thể hái sao trời,
Đất trải dài vạn thước, nước không làm gì nổi⁴.
Dưới màn khói sương bao phủ không còn thấy cảnh trần gian,
Giữa cảnh suối đá sống thanh thoi một vị tiên không già⁵.

¹ Cao Bá Quát (1808 – 1855): nhà thơ triều Nguyễn. Ông nổi tiếng là người có tài thơ và cốt cách cứng cỏi. Tác phẩm của Cao Bá Quát gồm cả thơ văn chữ Hán và thơ chữ Nôm. Riêng về thơ chữ Hán, ông đã sáng tác hơn một ngàn bài, in trong các tập như *Cao Bá Quát thi tập*, *Mãn Hiên thi tập*, *Cao Chu Thần thi tập*, *Cao Chu Thần di thảo*.

² Phần dịch nghĩa bài thơ và chú thích do Đoàn Lê Giang thực hiện, có tham khảo bản dịch nghĩa trong *Cao Bá Quát toàn tập*, tập một, Trung tâm nghiên cứu Quốc học và NXB Văn học, 2004, tr.1071 – 1072.

³ *Núi Tản Viên*: một ngọn núi cao, nổi tiếng trong các ngọn núi thuộc dãy núi Ba Vì, còn gọi là Ngọc Tản, Tản Sơn hoặc Phượng Hoàng Sơn. Núi Tản cao 1 227 m, đỉnh núi xoè ra như chiếc ô nên gọi là Tản, đây là nơi thờ Sơn Thánh Tản Viên.

⁴ *Nước không thể chồm lên được*: có ý nhắc đến truyền thuyết *Sơn Tinh – Thủy Tinh*. Thủy Tinh dâng nước lên đánh Sơn Tinh để giành lại Mị Nương, nhưng nước dâng cao bao nhiêu thì núi lại nâng cao bấy nhiêu. Hằng năm, Thủy Tinh vẫn dâng nước lên báo thù, nhưng chân núi cao trải dài nên Thủy Tinh không làm gì được.

⁵ *Vị tiên không già*: ý thơ muốn nhắc đến chuyện Tản Viên được tôn xưng là “Tứ bất tử” của đạo Thần Tiên, một trong bốn vị thánh bất tử, theo tín ngưỡng dân gian.

Đường Ý Tông khiếp đảm, Cao Biền bó tay¹,
Đỉnh Tản Viên cao sừng sững ở phương Nam trấn giữ trời Nam

Dịch thơ:

Núi đây nổi tiếng tự ngàn năm,
Bốn mặt tròn xoe ngắt một vòm.
Đỉnh sát từng trời sao dễ với,
Đất cao muôn bậc, nước khôn chòm.
Đá khe vui thú tiên không tuổi,
Mây ráng thường ngăn cảnh khác phàm.
Cao chịu bó tay, Đường Ý khiếp,
Phương Nam chất ngất trấn trời Nam.

(In trong *Cao Bá Quát toàn tập*, Khuong Hữu Dụng dịch, tập một, Trung tâm nghiên cứu Quốc học và NXB Văn học, 2004, tr. 1072 – 1072)

✓ Sau khi đọc

1. Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh góp phần thể hiện vẻ đẹp của núi Tản Viên trong bài thơ (lưu ý đối chiếu bản dịch thơ với nguyên tác).
2. Qua bài thơ, tác giả đã thể hiện những tình cảm, cảm xúc gì đối với thiên nhiên núi Tản Viên và vị thần là chủ nhân đỉnh núi ấy?
3. Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua bài thơ là gì?
4. Theo bạn, hình ảnh núi Tản Viên được miêu tả trong hai tác phẩm *Trên đỉnh non Tản* (Nguyễn Tuân) và *Vịnh Tản Viên sơn* (Cao Bá Quát) có điểm gì chung?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra lỗi logic trong các câu dưới đây và nêu cách sửa:
 - a. Trong truyện truyền kì nói chung và bài học này nói riêng, thế giới con người có sự kết nối với thế giới cõi âm.
 - b. Người viết đã lấy các ví dụ trong thơ Nôm của Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Truyện Kiều để chứng minh cho nhận định này.
 - c. Em đã được học nhiều thể loại văn học như tiểu thuyết, kịch và các thể thơ khác.

¹ Đường Ý Tông: vua Đường Ý Tông, ở ngôi năm 833 – 873. Cao: tức Cao Biền (821 – 887), tướng nhà Đường, từng được vua Đường Ý Tông cử sang An Nam làm An Nam đô hộ, Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ. Thời Đường Ý Tông, An Nam đô hộ phủ loạn lạc, người An Nam nổi lên khắp nơi, Cao Biền trấn áp được một thời gian nhưng vẫn không yên. Truyền dân gian người Việt kể Cao Biền đào núi Tản Viên định trấn yểm long mạch An Nam, nhưng không được, còn bị Tản Viên Sơn Thánh mắng mỏ. Cao Biền phải về nước, tâu với vua là linh khí phương Nam không thể trấn yểm được. Không lâu sau thì Biền chết. Ý cả câu nói Đường Ý Tông hay Cao Biền đều sợ sức mạnh của thần thánh nước Nam.

- d. Trong rạp chiếu phim chỉ còn lại hai người: một người cao, gầy và một người mặc áo trắng, quần xanh.
- đ. Mặc dù đến muộn nhưng nó không kịp lên chiếc xe buýt cuối cùng.
- e. Mẹ tôi muốn tôi trở thành một nhà trí thức hoặc một nhà khoa học.
- ê. Vì quá đói, nó xúc từng miếng nhai ngấu nghiến và mở hộp cơm trưa ra.
- g. Thần Núi luôn là người chiến thắng nên sau các cuộc giao tranh, đền đài của ngài cũng có phần bị tổn hại.
- h. Mặc dù sinh ra trong một gia đình giàu có nhưng Lan lại là một cô gái xinh đẹp và rất giản dị.
2. Hãy tìm ít nhất ba câu sai logic trên báo chí hoặc trong lời nói hằng ngày và nêu cách sửa.
3. Trao đổi với bạn cùng bàn một bài văn nghị luận các bạn đã từng viết, sau đó sửa lỗi logic trong bài viết của bạn mình (nếu có).

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về sức hấp dẫn của yếu tố kì ảo trong tác phẩm văn học.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

TRÊN ĐỈNH NON TẢN

Nguyễn Tuân¹

"Núi cao sông chảy còn dài
Năm năm báo oán đời đời đánh ghen"

(Câu hát dân gian)

Trên đỉnh non Tản là truyện ngắn trong tập **Vang bóng một thời**, tiêu biểu cho mảng truyện sử dụng yếu tố kì ảo, đồng thời cũng tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

Làng Tràng Thôn, tổng Kim Quan, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây. Đây là một làng xứ trung du mà hai phần ba số dân làm nghề thợ mộc. Cái tràng cái đục² của

¹ Nguyễn Tuân (1910 – 1987), quê ở thôn Thượng Đình, xã Nhân Mục (tên Nôm là làng Mộc), nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ông sáng tác nhiều thể loại: tùy bút (*Chiếc lư đồng mắt cua*, *Nguyễn, Sông Đà*,...), truyện ngắn (*Vang bóng một thời*), tiểu thuyết (*Thiếu quê hương*), truyện kì ảo (*Xác ngọc lam*, *Bố ô*, *Chùa Đàn*),... Ông là nhà văn lớn, tài hoa, có phong cách nghệ thuật độc đáo. Ông giữ một vị trí quan trọng trong văn học hiện đại Việt Nam.

² *Cái tràng, cái đục*: các dụng cụ làm mộc (*tràng* hay *chàng*: dụng cụ của thợ mộc gồm một lưỡi thép dẹp hình tam giác tra vào cán, dùng để vạt gỗ; *đục*: dụng cụ cán gỗ, lưỡi thép sắc, dùng để chỉnh sửa hay tạo các lỗ, các góc vuông hay góc cạnh trên sản phẩm đồ gỗ).

dân Tràng Thôn không những được người trần biết đến mà thỉnh thoảng cứ vài năm một, lại có người tiên trên núi hạ sơn cầu đến, sau những vụ lụt tháng tám rất to đánh đắm hết những làng ở rải rác dưới chân núi Tản Viên¹.

[Lược thuật: Những vụ lụt tháng tám đó theo dân gian là do Thần Nước (tức Thủy Tinh) đem quân đánh Thần Núi (tức Sơn Tinh), hồng tranh đoạt người đẹp (công chúa Mị Nương). Sau mỗi cuộc giao tranh, Thần Nước đều chuốc lấy thất bại, thiệt hại nặng nề, và thường để lại hậu quả đau thương cho dân lành trong các thôn xóm quanh vùng. Trên núi Tản Viên, có Đền Hạ, Đền Trung và Đền Thượng. Thần Núi, tức Tản Viên Sơn Thánh – vị phúc thần được dân gian xem là một trong “Tứ bất tử”, ngự ở Đền Thượng. Tuy Thần Núi luôn là người chiến thắng, nhưng sau các cuộc giao tranh, đền đài của ngài cũng có phần bị tổn hại. Vì thế, cứ khoảng chục năm, Thần lại xuống núi vùi dập thợ mộc lành nghề ở làng Tràng Thôn lên trùng tu đền đài của mình. Tuy nhiên, Đền Thượng là chốn bí mật, linh thiêng, bất kì ai, dù là quan hay dân, vô tình hay cố ý hé lộ một điều gì mình biết liên quan đến bí mật trên đỉnh non Tản, đều bị trừng phạt rất nghiêm minh. Việc một viên tri huyện, chỉ vì lỡ miệng nói một câu liên quan đến bí mật của Đền Thượng, đã phải “lăn đùng ra chết”, khiến người người kinh sợ. Thợ mộc Tràng Thôn gồm bảy người, do cụ phó mộc tên Sắn dẫn đầu, mười năm trước từng được Thần gọi lên trùng tu Đền Thượng. Nhưng xong việc, trước khi xuống núi về lại làng quê, mỗi người đều được Thần ban cho một thứ khí cụ đáng sợ, buộc họ phải tuyệt đối giữ bí mật về ngôi Đền thiêng.]

Trong bọn, có Nhiều Tằm, người xóm dưới, không biết đại mồm đại miệng thế nào hay là lúc say sưa, không rõ từ nhập ngôn xuất ra làm sao mà lăn đùng ra chết. Cả làng thấy Nhiều Tằm khỏe mạnh như thế, đang vui cười mà lăn ra chết, không ai hiểu ra sao cả. Chỉ có ông cụ Sắn và năm người thợ mộc rõ thôi.

Ông cụ Sắn và năm bác phó mộc² đã tìm đến tang gia đòi xem cho được mặt người bất hạnh. Nói là xem cái cổ kẻ chết thì đúng hơn. Thì ra ở phía bên trái cổ, có một cái nhọt bọc mả đao³ đang nung⁴. Nặn nhọt ra, có một cái ngòi xanh lè lè, dài vừa đúng một cái lá trúc. Ông cụ Sắn và năm bác phó mộc xanh mắt nhìn nhau im lặng. Con trúc đao! Sự trừng phạt của Thần Non Tản!

Ông cụ Sắn bèn xin lấy cái ngòi mả đao đó, nói dối với sự chủ là đem về khảo⁵ về một môn thuốc ung thư ngoại khoa. Cụ Sắn đem cắm cái ngòi mả đao đó vào chiếc chậu sứ, chỉ có một đêm thôi mà ngày hôm sau, chiếc chậu sứ đã có một cây trúc nhỏ bé khẳng khiu như trúc non bộ, cành và đốt rất nhiều, nhưng chỉ có mỗi một lá thôi. Một cái lá nhọn hoắt. Muốn giữ mồm giữ miệng cho quen đi, sau ngày

¹ Núi Tản Viên: xem cước chú Núi Tản Viên tr. 81.

² Phó mộc: người làm nghề thợ mộc.

³ Nhọt bọc mả đao: nhọt: nốt viêm sinh mủ nổi trên cơ thể tương đối to, khi chín thường có ngòi, gây đau; nhọt bọc mả đao: nhọt có ngòi kì dị, thường nung mủ bên trong, khó vỡ ra ngoài.

⁴ Nung (hay nung mủ): ở thời kì đang phát triển ngấm ngấm, đang làm mủ.

⁵ Khảo: tìm hiểu, xem xét bằng cách phân tích, so sánh, đối chiếu,... một đối tượng nào đó.

đưa ma Nhiều Tầm, cụ phó Sần thường họp mấy người thợ bạn đàn em kia lại đánh chén ở nhà mình. Bữa chén không có đồ nhấm.

Họ uống rượu rất nhiều, ngồi im lặng ngắm cái lá trúc cô độc trên khóm trúc tí hon bầy ở thềm nhà. Trong những ngày nồm nớp của đám thợ mộc này vừa hụi đi mất một người, những bữa rượu này là những bữa không ngon lành nhất trong đời một đám người sống nơi thôn ố với cái vui thú được thảnh thơi nâng chén bất cứ ở trường hợp nào.

Cái lá trúc non bộ ấy vẫn xanh ngắt trên khóm trúc đã khô giòn như bó que đóm nỏ¹. Đây là một lời cảnh báo dai dẳng. Nó gọi người trong cuộc nghĩ nhiều về câu tục ngữ: *Có mồm thì cấp, có nắp thì đầy*.

Ngày tháng cứ thế mà vội dần trên lũy tre xanh già làng Tràng Thôn.

Bỗng một buổi chiều năm ấy – không nhớ rõ là năm nào, chỉ biết là cùng một năm có trận lụt rất lớn làm sạt cả ki đài thành Đoài và cuốn phăng mất đến gần tám mươi trượng đá tổ ong phía tường Tây thành tỉnh – buổi chiều năm ấy, vào lúc nhá nhem người ta đang đánh trâu cày vào các ngõ ruối, một ông cụ già râu, tóc, lông mi trắng xộp như bông, chống một cây gậy trúc đuôi gà vàng óng, khoan thai tiến vào cổng trước làng Tràng Thôn.

Trông ông cụ đỉnh đạc, cổ kính, đội cái nón cổ giống kiểu nón tu lờ² người tu hành, dân làng không có hời hợt và chỉ nhìn theo ông cụ đi khuất vào ngõ nhà ông cụ Sần, bước đi có đủ cái vững vàng của một người quắc thước thuộc rõ con đường cũ của mình.

Ông phó Sần đang ngồi quẩy nồi kê³. Thấy có người tiến vào đến giữa sân nhà mình và lạ quá, sao ba con chó mực không sủa và lại còn quẩn quít lấy chân người lạ, ông phó Sần bỏ cả nồi kê chưa chín, vội chạy ra. Ông già đẹp quá. Ở làng, thực các cố lão thường ngự ở chiếu trên ngoài đình, thực chưa thấy có cố nào đẹp lão đến như thế.

– Dạ thưa trượng nhân, chúng tôi xin chờ những điều trượng nhân⁴ dạy bảo.

Ông cụ già gỡ nón tu lờ, cốt để cho ông Sần nhận rõ mặt mình. Nhưng ánh sáng chiều tàn đã yếu quá rồi. Ông Sần càng thêm ngỡ. Ông cụ già chợt nhìn thấy cái khóm trúc non bộ có một chiếc lá bầy ở thềm kia, bèn tiến lại, cúi xuống, lấy tay đỡ lấy và mân mê cái lá nhọn hoắt. Ông cụ già ngẩng đầu lên, vừa gặp bộ mặt ông Sần đang chăm chú nhìn xuống. Ông già khẽ mỉm cười. Ông phó Sần tái hần mặt đi và sụp xuống đất xuống gối lạy một lạy. Thần Non Tản! Thần Non Tản đỡ ông Sần dậy.

¹ Nỏ: khô, không còn chút nước nào bên trong.

² Nón/mũ tu lờ: nón, mũ dùng cho nhà tu hành có ngụ, quai dài.

³ Kê: cây cùng họ với lúa, hạt tròn nhỏ màu vàng tập trung thành một bông dài, dùng để chế biến món ăn.

⁴ Trượng nhân: ông già, từ tôn xưng đối với người lớn tuổi đáng kính.

– Chỗ này không phải là nơi nên bày ra những cái nghi vệ nơi cung điện. Người đứng thẳng mình lên, ta dặn điều này. Là họp ngay đêm nay mấy người thợ bạn ngày năm nọ. Ta có việc cần đến.

– Dạ.

– Cuối trống canh tư¹, các người đợi ở bến Gòn. Thấy chiếc thuyền thoi² nào tới thì cứ xuống. Ngồi một không hết thì cứ san ra hai con lườn³.

– Dạ.

– Đây ta để lại cho ít bạc cốm. Hễ thả vào nước, những hạt mần nào chìm thì quân phân ra cho khắp vợ con trong anh em các người. Những hạt mần⁴ nào nổi thì gói lại đem theo, hôm sau sẽ có người đổi lại cho. Tính theo ngày tháng của các người dưới này, thì cũng phải đi vắng mất chừng một tháng. Chớ cho người ngoài biết.

Nói xong câu này, Thần Non Tản, chỉ vào cái lá trúc vẫn xanh tươi như bao giờ, và một tay ngắn không cho ông cụ Sần sắp sụp lạy.

Thế rồi ông cụ già đội nón tu lờ, phất mạnh cửa tay áo rộng, ra đi; mấy con chó mực vẫn không lên tiếng cắn như mọi ngày. [...]

Đền Hạ. Rồi Đền Trung. Không có gì lạ cả. Ông cụ Sần cho nơi này là tầm thường. Người xứ Đoài, ai chả từng có dịp để dấu bàn chân lên đây một lần rồi. Nếu có những gì đáng mở mắt cho to mà xem kia, thì phải là lên nữa, lên trên nữa – trên đền Thượng. Thành đá đồ mồ hôi lạnh trước soai soái, giờ đã đứng thẳng mãi lên rồi dựng ngược. Vách đá đứng sừng trước mặt bọn người đặng sơn⁵. Thế này thì leo lên làm sao, hiệp⁶ thợ tự hỏi. Ông cụ Sần vốn có biết truyện *Tam Quốc*⁷, thấy cái thế của núi đứng rất hiểm nghèo, bèn nghĩ đến cái nước non xứ Ba Thục⁸ mà có những lúc người làm tướng biết dùng binh thì lợi hại vô cùng. Ở cái yết hầu con đường đèo trên kia mà xếp sẵn gỗ của ngắn từng đoạn và đá tảng, mỗi lúc lăn xuống, gỗ đá lao xuống như thác nước, thì chỉ một người cũng đủ địch với cả một toán thân binh cảm tử.

Cô lái đồ hương đạo⁹ quay lại. Cả hiệp thợ mộc lấy gân kim bước ngấm kĩ, không có một phút dám nghĩ đến lơ lả. Có ông Sần là nhớ đến cái Bèo ở nhà: đứa con gái út cụ, cũng thon thon như cô lái. Cái vẻ đẹp đã lạnh lẽo của cô lái bây giờ

¹ Canh tư: từ một giờ đến ba giờ sáng. Cuối canh tư là gần ba giờ sáng.

² Thuyền thoi: thuyền nhỏ, mũi nhọn, bơi nhanh như con thoi.

³ Lườn: thuyền nhỏ.

⁴ Hạt mần: mần: nhỏ, vụn; hạt mần: hạt nhỏ, vụn.

⁵ Đặng sơn: lên núi.

⁶ Hiệp: tốp, hiệp thợ mộc là tốp thợ mộc.

⁷ Truyện Tam quốc: tức truyện *Tam quốc diễn nghĩa* (La Quán Trung).

⁸ Xứ Ba Thục: khu vực ngày nay là tỉnh Tứ Xuyên Trung Quốc, địa hình núi non vô cùng hiểm trở. Thời Tiên Tần, trên đất Tứ Xuyên có hai nước là Thục và Ba nên vùng đất này có biệt danh Ba Thục.

⁹ Hương đạo: dẫn đường/người dẫn đường.

không còn nữa. Cái người đoan trang bấy giờ là người đứng lên cầm đầu một việc gì, là người để truyền mệnh lệnh.

Cô cầm sẵn trong tay một nắm lá trông sắc đỏ như lá mận đình hồng¹, phân phát cho mỗi người một lá, bảo ngậm lấy, lấy sức mà lên cao, mà chống lại khí núi. Đường đi từ đây lên đấy, tính thời gian theo cái phép đo lường của hạ giới thì cũng phải mất đến nửa ngày. Người con gái đưa đường lên tiên, bảo thế. Cô lái dẫn sáu người phò mộc nên buộc vào lưng cho kĩ những đồ làm mang theo, nắm lấy tay nhau cho thật vững và nhấm nghiền mất lại. Thế rồi cả đoàn cứ bay lên, cứ chọc thủng các lớp mây. Từ dưới bay vụt thẳng lên cao lắm, hiệp thợ ấy chỉ là những hạt mẩn sắt bị một khối đá nam châm xa cao tit tấp hút mạnh lên. Bên tai hiệp thợ phi hành, chỉ có gió vù vù. Cái lá thắm mận đình hồng ngậm trong miệng làm nóng ấm các cơ thể bọn thợ mộc đang băng mình qua cái băng lạnh của sơn cước mỗi lúc một cao, một dày, một tức thở. Cả bọn thợ không ai lấy làm sợ hãi cả. Bởi vì, mấy năm trước, họ cũng được phi hành như thế này rồi². Người cũ lại lên cảnh cũ non tiên, giá chuyển trước được mở mắt xem lược qua và chuyến này cũng được mở mắt mà xem kĩ lại cảnh xưa!

Cả bọn bỗng rút đánh bịch một cái trên một vật cứng và mát. Tiếng người con gái hô họ mở mắt ra. Đây là một khu đá bằng mặt rộng độ hai mẫu³ mà chung quanh là những vách đá cao, trên mỗi chòm nhọn mẫu xanh cánh chẻ lại có mây trắng và vàng đánh đai⁴ lấy. Ông cụ Sần sục nhớ lại những lúc ở dưới quê hương, thấy núi và mây như thế, người ta thường gọi là núi đội mũ. Cây và cỏ trên này vẫn nhiều cái lạ lắm. Chuyến trước, họ cũng đã thấy phong cảnh trên đầu non, nhưng từ khi hạ sơn, ăn phải lại cái cơm hạ giới, họ chỉ còn phảng phất thôi. Đã mười năm rồi, còn gì nữa. Thành thử ra lên tiên chuyến này nữa, tái kiến⁵ mà vẫn như là sơ kiến. Người ta càng ngỡ ngàng với non xanh. Và thêm tần ngần.

Sau một lúc đi khuất vào nẻo đá, người con gái lại từ nẻo đá hiện ra, truyền ra cho hiệp thợ những nơi của Chủ Non Xanh⁶:

– Sơn chủ hôm nay bận sang ngọn núi bên phó hội cờ thạch bàn. Các bác nghỉ ngơi nốt ngày nay. Ngày mai Sơn chủ về, sẽ có điều bảo ban sau về công việc. Theo lệnh Nữ sơn chủ⁷, tôi đã xếp cho các bác một lều cỏ ở cạnh suối Tịch Mịch. Trong

¹ *Mận đình hồng*: một loại cây có hoa màu hồng, nở nhiều vào cuối mùa đông và đầu mùa xuân.

² Câu này nhắc đến chuyến lên đỉnh non Tân trùng tu đến Thượng được giữ kín của ông Sần cùng nhóm thợ mộc làng Trảng Thôn.

³ *Mẫu*: đơn vị cũ đo diện tích ruộng đất, bằng 10 sào, tức bằng 3 600 m² (mẫu Bắc Bộ) hay 4 970 m² (mẫu Trung Bộ).

⁴ *Đánh đai*: vành bao quanh một vật gì để giữ cho chặt, cho chắc; ở đây chỉ mây trắng bao quanh ngọn núi đá.

⁵ *Tái kiến*: gặp lại.

⁶ *Chủ Non Xanh*: tức Tản Viên Sơn Thánh.

⁷ *Nữ sơn chủ*: ở đây chỉ vợ của Thần núi Tản Viên (là Mị Nương, theo truyền thuyết).

khu vực suối, các bác được phép bắn chim, bắt cá và hái quả. Ngoài chỗ suối Tịch Mịch, các bác nhớ rằng không được đụng chạm đến từ một tác cỏ, từ một cái lá. Thói phép trên sơn thượng này nghiêm lắm.

Nhớ lấy kéo lỗ ra mà khốn.

Người nữ tì¹ – đây là người nữ tì hầu cận Nữ sơn chủ – ngoắt ngón tay bảo hiệp thợ theo mình đi ra phía sau nẻo đá, rẽ ngoặt phía trái rồi đi xuống. Tiếng nước róc rách lung đèo nghe gần mãi lại. Lúc đến bờ suối có lều cỏ khinh bông² dựng sẵn thì giòng nước suối Tịch Mịch nín bật. Nó trôi một cách lững lơ ồm yếu và lững lờ. Nó trong như pha lê gọt. Nó hiền lành. Cụ phó Sần muốn vục hai bàn tay xuống nước Tịch Mịch uống ngay mấy ngụm.

Sáu người phó mọc cất đồ làm vào dưới lều.

Tinh cũng mất nhiều thời giờ lắm rồi, mà ngày vẫn chưa hết. Cả hiệp thợ đi dạo cảnh non cao. Cảnh non cao trong cái khu vực khe Tịch Mịch.

Loài cây ăn quả, nhiều nhất hai bên suối là một giống hồ đào³, trông như quả roi⁴ ở dưới ta. Giống đào rợ Hồ⁵ màu vàng huỳnh và xanh hay chín, trái nào cũng có má hồng. Hiệp thợ, trừ ông phó Sần, thi nhau mà bứt. Trái đào rợ Hồ, nhân hột có dáng đĩa hài nhi bó gối gục đầu ngủ quên. Rót xuống thảm cỏ, hột hồ đào hoá thành luống cúc tần có bảy lá mốc⁶. Cả bọn thợ, vẫn trừ ông phó Sần, cười như phá. Chim ngàn giạt mình, bay bổng.

Người nữ tì đã đứng trước lều cỏ. Ông cụ Sần chờ đợi một lời quở mắng. Nhưng không. Người con gái trao cho ông một cánh cung sừng linh dương giác đen, hai vòng ngọc đỏ như hổ phách⁷ và hai mũi tên, một mũi bằng vàng, một mũi bằng bạc.

– Thức ăn bốn mùa trên sơn thượng là giống đào rợ Hồ. Nếu các bác không chịu được, muốn đổi bữa thì đã sẵn chim trên cành và cá dưới lòng khe Tịch Mịch, bắn lấy mà ăn. Cái tên vàng, dùng bắn chim. Bắn cá thì dùng cây ngân tiễn này, cứ bắn ra, rồi tên sẽ vòng quay lại.

Ông cụ Sần cầm hai mũi tên, ngập ngừng mãi rồi mới dám hỏi khê:

– Thế còn ngũ cốc?

¹ Nữ tì: đây là gái trong gia đình nhà quyền quý thời phong kiến.

² Cỏ khinh bông: cỏ bông, một loại cỏ người xưa thường dùng để chế mũi tên (tang bông).

³ Hồ đào: một loại quả, hạt có nhiều dinh dưỡng và có khả năng phòng chống được nhiều bệnh tật, tốt cho sức khoẻ.

⁴ Quả roi: miền Nam gọi là quả mận.

⁵ Rợ Hồ: Rợ là tên gọi chung các bộ tộc nguyên thủy có đời sống văn hoá lạc hậu (hàm ý khinh miệt theo quan điểm kì thị thời phong kiến). Rợ Hồ: chỉ nước của người Hồ, sống quanh Trung Quốc.

⁶ Cúc tần có bảy lá mốc: cây có cành mảnh, lá mọc so le, màu lục xám, mép lá có khía như răng cưa, gần như không có cuống; có vị đắng, cay, thơm,...cũng là một loại cây thuốc; lá cúc tần có màu trắng mốc. Ở đây chỉ sự biến hoá của hạt hồ đào.

⁷ Hổ phách: nhựa cây lâu năm hoá đá, thường có màu vàng nâu hoặc màu đỏ, trong suốt, dùng làm đồ trang sức. Ở đây chỉ màu sắc của vòng ngọc. Hổ phách có màu đỏ là đẹp nhất, quý hiếm nhất.

Người con gái tủm tỉm cười và chỉ ra rìa suối:

– Cứ những hòn cuội kia đập vỡ ra là lúa gạo. Cuội xanh là lúa tẻ, cuội vàng là lúa nếp. Còn thứ cuội trắng là, là... Các bác muốn uống rượu thì đập vỡ cuội trắng ra, lấy nhân đá trắng hoà vào với nước suối mà uống. Hôm nay còn nghỉ ngơi, tương cũng nên nếm cho biết. Nhưng lúc nào đã bắt tay vào việc, mỗi lúc muốn uống rượu, các bác phải đợi Sơn chủ cho phép.

Mấy bác phó mặc trẻ trở mắt nhìn nhau, lấy làm ngờ vực. Người con gái đã xoay lưng đi, lại còn trở lại, dặn thêm:

– Phía dưới lều cỏ, khe Tịch Mịch xoáy sâu vào chân đá thành một cái hầm nước rộng. Những rễ cái các cây trầm hương cổ thụ đều ăn cả về đây và cá suối thường tụ ở hầm hàng đàn, ăn những bọt dầu trầm nổi trên mặt nước. Nên năng tìm đến đây, bắt cá ngư hương mà ăn. Còn như những việc khác, ở trên này có khác với dưới chân núi, các bác chớ lấy làm lạ mà kinh động vô ích.

Thế rồi người con gái đi khuất. Thế rồi, được lời như mở tấm lòng tục, bọn thợ mộc khuôn rất nhiều đá cuội, cứ từng đống có ngọn một, mang về trước lều làm gạo nấu cơm và chế rượu uống. Họ đập, đá bừa bộn, không cần để riêng hòn xanh, hòn vàng. Mà có cái lạ, là không cần phải nấu nướng gì, những nhân đá xanh vàng kia, cứ đập rời ra, bóc bỏ mồm là đủ hương vị một hạt cơm, một hạt xôi rồi. Nhân đá trắng, thả vào những gióng tre đằng ngà¹ khổng lồ đựng nước suối, đem uống với nhau, thấy ngà ngà mà say, lâng lâng mà khuây vơi² lòng tha hương. [...]

Sau một bữa ăn có rượu nhân đá, có chả chim ngàn, có chả cá suối, cả hiệp thợ mộc say sưa, gối đầu lên tràng, đục, đánh một giấc không biết trời đất là gì nữa. Mở mắt dậy, thì cũng như hôm qua, cái ánh sáng trên này lúc nào cũng nhờ nhờ như nước gạo loãng, không kể sớm, không kể trưa, không kể tối.

Đến ba bốn con voi lông toàn trắng, chung vùi lại, đỡ mấy cây gỗ đi qua lều, chân nặng bước rất nhanh, để lại sau đuôi nào là gió, là đá rậm³, đá cuội bắn tung hắt lại.

Một chốc, thấy người con gái hôm qua tới bảo cả bọn lên hết cho Sơn chủ sai bảo. Đi đến cổng ngôi đền gần sứt mái, người nữ ti lảng ra một bên. Thần Non Tản phe phẩy cây phát trần⁴, ngắm mấy con bạch tượng⁵ cấm ngà xuống sau đền, sau mười cây gỗ rất dài rất thẳng. Thần Non Tản truyền cho voi trắng và hiệp thợ mộc đứng cả dậy. Bọn thợ theo Thần vào đền.

¹ Tre đằng ngà: tre màu vàng, sọc xanh, ít lá, hình dáng rất đẹp, trồng nhiều ở nông thôn Việt Nam.

² Khuây vơi: ý nói nguôi dần nỗi niềm của người xa quê.

³ Đá rậm: hay đá dăm, loại đá nhỏ khá đều (khoảng 4 – 6 cm), thường dùng rải đường, rải sân.

⁴ Phát trần: chổi lông để quét bụi; đồ vật kết bằng lông đuôi hươu, đuôi ngựa, chuôi bằng ngọc, hoặc chất liệu quý hiếm được các đạo sĩ, hoà thượng, hoặc thần tiên (theo trí tưởng tượng dân gian)... cầm trên tay nhằm thể hiện quyền uy và phong thái của mình. Ở đây từ phát trần được dùng với nghĩa thứ hai.

⁵ Bạch tượng: voi trắng.

Mấy hàng cột con, cột hàng ba, cột quyết không đủ sức chống cái mái đền lợp ngói vai bò¹ tráng men ngũ sắc. Ở nền đền, mất nhiều chân cột và thiếu nhiều miếng gạch lát. Bọn thợ xem qua một lượt. Họ ngờ rằng một dãy cột mẹ và những tảng đá chân cột và lát nền kia là do vua Thuỷ² dâng nước lên lấy mất. Ngoài vua Thuỷ ra, còn ai dám động vào đền Thượng? Đích cột đền là gỗ chò vầy³ và đá bị mất luôn kia là đá hoa. Có lẽ trận lụt cách đây mấy tháng là vua Thuỷ dâng nước lên đỡ gỗ chò vầy và đá hoa ở đền Thượng. Bây giờ Sơn chủ gọi họ lên chùa.

– Tàu Chúa Ngàn Cao Cả, cứ như kiểu đền này, kể ra giờ thiếu hàng cột mẹ, thì bắt mấy cái quá giang⁴ rồi xoay ra kiểu thượng thực hạ hư⁵ cũng được.

Thần Non Tản, đi lại trên những lỗ gạch đá thềm đình trống hổng, hỏi tại sao lại phải xoay kiểu dựng đền thành ra thượng thực hạ hư.

– Dạ cúi đầu Chúa Ngàn Cao Cả, đó là cách thức của chúng con thường làm, mỗi khi không đủ gỗ cột mẹ. Tất cả phải mất mười sáu cây cột mẹ. Ngoài sân chỉ có chín cây gỗ chò. Nếu phải làm hàng cột này bằng hai thứ gỗ khác nhau, chúng con e không đẹp. Tàu xin Ngài phán xuống để anh em khởi công.

Thần Non Tản nổi nóng, phán:

– Đền dựng trước như thế nào, cứ thế mà trùng tu⁶. Không phải thượng thực hạ hư gì cả. Ở sơn gian này, có thiếu gì gỗ chò vầy và đá hoa. Ta dám chấp Kế Kia cứ dâng mãi được nước lên đây mà đỡ cho hết được gỗ quý và đá báu của ta. Còn thiếu bấy cây gỗ chò nữa, chiều nay voi trắng của ta sẽ đem về đủ. Còn đá cẩm thạch⁷ lúc nào lột cột và lát nền, sẽ có lần lần cho thợ ngoã⁸ làm.

[...] Hiệp thợ mộc vẫn tuân tự tiến hành công việc. Ngày tháng trên này không biết lấy gì mà đo tính, bởi vì chỗ sơn thượng không có đêm không có ngày. Đây là nơi của ánh sáng vĩnh viễn nhờ nhờ như màu ngọc liệu⁹, như chất nước quế trắng chính sơn pha loãng. Những buổi trời tái hắt lại vì khí núi âm u, thì một vài hòn ngói trên những lồng trần đền hình mai luyện lại sáng rực hắt lên như một nguồn lửa. Ở những hòn ngói phát hào quang ấy, đọc rõ được bốn chữ Tản Viên đài ngoã¹⁰.

¹ Ngói vai bò: một loại ngói cổ chuyên dùng để lợp đình đền.

² Vua Thuỷ: vua nước, ở đây chỉ Thuỷ Tinh.

³ Chò vầy: một loại gỗ quý (nhóm gỗ chò), lớp vỏ khô bong ra từng mảng như những chiếc vẩy lớn; lớp vỏ này có thể sắc lấy nước, chữa được một số loại bệnh.

⁴ Cái quá giang: bộ phận bằng gỗ, nối từ cột cái ra đến cột con của căn nhà, trốn một cột cái, có tác dụng nâng đỡ và chịu lực thay cho cột cái bị khuyết.

⁵ Thượng thực hạ hư: trên thực, dưới hư. Ở đây, cụ Sơn sợ thiếu "cột mẹ", nên hiến kế dùng một số cái quá giang để thay thế cây cột bị thiếu.

⁶ Trùng tu: tu sửa lại các công trình kiến trúc.

⁷ Đá cẩm thạch: một loại đá quý thường dùng để thiết kế đồ trang sức.

⁸ Thợ ngoã: người làm nghề lợp ngói.

⁹ Ngọc liệu: một loại đá quý màu trắng đục.

¹⁰ Tản Viên đài ngoã: đài ngói Tản Viên.

Vào những giờ này, mấy thân cây cột gỗ chò vẩy mới tỏ rõ cái đẹp cái quý của một thứ gỗ cây đặc biệt. Dưới ánh lửa ngói sáng choang, cột gỗ chò óng ánh nhấp nháy lộng lẫy như vẩy rồng vàng cốm¹.

Những đầu kèo vai và câu đầu², đều chạm tứ quý tứ linh³. Bức trần gỗ thì chạm bát bửu cổ đồ⁴. Nét chạm tỉ mỉ công phu gấp mấy lần công thợ điêu khắc ở các đền đài khác ở dưới núi. Họ chia nhau ra mà chạm, người thì tía hình thư kiếm, quạt và phát trần, kẻ thì gọt dáng tù và vói túi roi hoặc là túi thơ cùng bầu rượu, cái nọ ghép vào vói cái kia thành một bộ đôi bằng những sợi cốm đối⁵ nét dẻo như tung bay được.

Đến hôm chạm đến tám cánh cửa bức bàn⁶ theo hình Bát tiên hoá⁷ thì trời xám quá, ánh sáng ngói đền không đủ để làm việc. Sơn chủ phải cho nổi hiệu khánh đá⁸ gọi đôi tề giác⁹ xanh tới đền. Người thợ nào cần thêm ánh sáng thì con tề giác xanh lại ghé đến bên cạnh, lấy cái sừng âm¹⁰ rọi sáng cho đường chạm. Sừng tề giác là những vệt lân hoả sáng ngời và mát dịu.

Nhiều con anh tước¹¹ lắng tai nghe những tiếng đục đánh xuống tràng kêu lách cách cộc cách gieo những âm thanh thô và lạ và gắt vào cái êm ả của ngàn cao. Nhiều buổi Sơn chủ được vừa lòng vì ít đường chạm sắc gọn, cho phép cả hiệp thợ ngâm đá cuội mà uống cho say. Có một lần ông cụ Sần tỉnh rượu, thấy mình gối vào vôi con bạch tượng mà ngủ và một đàn vượn trắng đang bút hồ đào đùa ném vào các người hồng¹², có đến trăm con chim quỳên¹³ màu tím hoa cà đang rĩa vỡ những màng hoa mấy khóm phong lan đen như gỗ mun, làm hương thơm bay tà tà dề mãi trên nước giòng Tịch Mịch.

¹ *Vẩy rồng vàng cốm*: (vàng cốm: loại vàng lẫn tạp chất, tồn tại trong tự nhiên ở dạng hạt hoặc vẩy nhỏ); *Vẩy rồng vàng cốm*: vẩy rồng được chạm bằng vật liệu pha với vàng cốm, giúp tăng độ bóng lảnh.

² *Kèo vai, câu đầu*: kèo vai: thanh gỗ đặt nghiêng theo mái, nối kết đầu cây cột cao trong nhà (cột mẹ/ cột cái) với các đầu cây thấp hơn (cột quân), có chức năng nâng đỡ mái nhà; *câu đầu*: một loại dầm ngang, có chức năng khoá đầu trên của cột cái, được đặt trên cùng.

³ *Tứ quý tứ linh*: *tứ quý*: bốn loại cây tiêu biểu cho bốn mùa trong năm: "tùng, cúc, trúc, mai"; *tứ linh*: bốn con vật: "long, li, quy, phượng" được xem là linh thiêng theo quan niệm cũ. Ở đây chỉ bốn loại cây và bốn loại con vật được chạm.

⁴ *Bát bửu cổ đồ*: tám đồ vật cổ quý.

⁵ *Sợi cốm đối*: một loại chi tiết hoa văn thường chạm khắc trang trí trên xà nhà gỗ.

⁶ *Cửa bức bàn*: hay cửa bích bàn, là bộ cửa đặt giữa hai cột của một gian nhà, ngăn cách các khoảng không gian sinh hoạt bên trong và bên ngoài của ngôi nhà, thường gồm bốn cánh được ghép lại với nhau bằng cối quay, dễ tháo rời.

⁷ *Bát tiên hoá*: *bát tiên*: tám vị thần tiên trong thần thoại Trung Quốc, gồm: Lý Thiết Quả, Chung Ly Quyển, Tào Quốc Cửu, Lã Động Tân, Hà Tiên Cô, Lam Thái Hoà, Hàn Tương Tử và Trương Quả Lão. Ở đây nói các họa tiết được chạm khắc hình tám vị tiên nêu trên.

⁸ *Khánh đá*: nhạc khí gõ làm bằng đá phiến.

⁹ *Tề giác*: loại động vật hoang dã to khỏe, có một sừng.

¹⁰ *Sừng âm*: sừng dùng để phát ra âm thanh như tiếng tù và.

¹¹ *Anh tước*: một loại chim quý.

¹² *Người hồng*: người có gương mặt ứng hồng lên vì uống rượu tiên.

¹³ *Chim quỳên*: hay chim đỗ quỳên tức chim tu hú, thường kêu vào mùa hè.

Hôm nay, bọn thợ mộc làng Tràng Thôn đã làm đến cái diềm gỗ hàng hiên phải chạm thủng đường sồi. Nghĩa là công việc chữa đền Thượng gần xong.

Ông cụ phó Sắn buồn rầu nghĩ đến ngày sắp phải xuống khỏi núi. Cứ ở trên này mãi, thì bọn thợ còn được tha hồ bàn tán đến những cái lạ của Ngàn To, Lớn, Thăm thẳm, Kín mật¹, mỗi khi lia rời xuống khỏi, là không tìm lại được đường lên, là không dám hỏ hang tí chút lại với người đòi về cái thâm kín thần bí trên ngàn xanh tươi đến ngày tận thế².

Ông cụ phó Sắn rầu rầu nghĩ đến một ngày rất gần đây, Chúa Ngàn Cao Cả lại buộc mỗi người về nuốt một cái lá trúc nhọn đầu.

(In trong *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 29D, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 40 – 54)

Hướng dẫn đọc

1. Xác định đề tài, tóm tắt chuỗi hành động/ sự kiện được kể và chỉ ra mối quan hệ giữa chúng trong văn bản.
2. Tìm một số chi tiết kì ảo trong văn bản và điền vào bảng sau (làm vào vở):

STT	Chi tiết về đồ vật kì ảo	Chi tiết về nhân vật kì ảo và phép thuật
...		
...		

Từ đó, chỉ ra vai trò của yếu tố kì ảo trong văn bản trên.

3. Đồ vật kì ảo nào xuất hiện nhiều lần trong tác phẩm? Theo bạn, điều đó thể hiện dụng ý gì của tác giả?
4. Việc mượn câu hát dân gian để làm đề từ cho tác phẩm có ý nghĩa gì?
5. Phân tích nhân vật Thần Non Tản và chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa nhân vật này và nhân vật Sơn Tinh trong bài thơ *Sơn Tinh, Thủy Tinh* của Nguyễn Nhược Pháp.
6. Xác định chủ đề, cảm hứng và thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

¹ Kín mật: kín đáo, bí mật.

² Ngày tận thế: ngày cuối cùng của thế giới theo quan điểm của một số tôn giáo. Ở đây chỉ thời gian đã hết, ngày qua đời.



VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN, KÍ HOẶC KỊCH

Tri thức về kiểu bài

(Xem mục *Tri thức về kiểu bài* ở Bài 1)

Đọc ngữ liệu tham khảo

***Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân), *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường) – những điểm tương đồng, khác biệt nhìn từ thể loại và phong cách**

Trong văn học hiện đại Việt Nam, nói đến tùy bút, người ta thường nhớ ngay đến Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường. Bởi đó là hai tác giả, người trước, kẻ sau đã ghi được những thành công vang dội, để lại những dấu ấn khó quên qua các thiên tùy bút của mình: một Nguyễn Tuân với những trang văn tài hoa, tài tử và một Hoàng Phủ Ngọc Tường với những trang viết sâu lắng, dịu dàng. Đặt *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân cạnh *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường, ta có thể thấy rõ hơn giá trị đặc sắc của mỗi tác phẩm cũng như sự tương đồng và khác biệt trong lối viết giữa hai tác giả.^[1]

Quả thật, khi đặt hai tác phẩm nêu trên cạnh nhau, người đọc dễ dàng nhận thấy giữa Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường có không ít điểm tương đồng, gặp gỡ thú vị.^[2]

Trước hết, giữa hai tác phẩm có sự gần gũi về thể loại và đề tài. Cùng là tùy bút, *Người lái đò Sông Đà* và *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* đều thấm đượm chất trữ tình, chất thơ, giàu suy tưởng, cho phép tác giả phát huy khả năng liên tưởng tự do phóng túng. Hơn nữa, cả hai tác phẩm đều chọn đối tượng thẩm mĩ là dòng sông gắn với đời sống con người, với lịch sử quê hương, đất nước: sông Đà của Tây Bắc hùng vĩ và sông Hương của Huế "đẹp và thơ".^[2a]

Sự tương đồng trong cách lựa chọn thể loại, đề tài của hai tác giả đã đưa đến sự gặp gỡ quan trọng và thú vị hơn: cả hai tác phẩm đều mang lại những phát hiện bất ngờ về vẻ đẹp đa dạng và độc đáo của những dòng sông tưởng như đã quá đỗi quen thuộc. Dưới ngòi bút của Nguyễn Tuân, sông Đà hiện lên trong sự đối lập mà thống nhất giữa cái hùng vĩ, dữ dội (đoạn miêu tả con sông chảy qua vùng núi non hiểm trở, lắm thác nhiều ghềnh) với nét đẹp thơ mộng, trữ tình (đoạn tả con sông ở hạ lưu). Dưới ngòi bút của Hoàng Phủ Ngọc Tường, sông Hương cũng trở nên mới mẻ, độc đáo trong sự đa dạng mà thống nhất. Đó là vẻ đẹp đa dạng trong nét riêng khó lẫn của mỗi phân khúc sông Hương (sông ở thượng nguồn, sông ở ngoại ô, sông chảy trong lòng thành phố, sông chảy ra biển cả,...). Tuy vậy, sự đa dạng của sông Hương, suy cho cùng là sự

[1]: Giới thiệu tác phẩm, tác giả, thể loại và vấn đề nghị luận

[2]: Luận điểm làm rõ sự tương đồng giữa hai tác phẩm

[2a]: Tương đồng trong lựa chọn thể loại, đề tài

đa dạng của cái thi vị, mộng mơ nghĩa là sự đa dạng của chất thơ. Thêm nữa, vẻ đẹp và sức sống của hai dòng sông đều được miêu tả trong mối quan hệ với sinh hoạt của con người. Nếu như sông Đà là môi trường tôi luyện phẩm chất trí dũng, kiên cường và chất nghệ sĩ tài hoa của người lái đò trên sông, là lứa thử vàng, làm phát lộ "chất vàng mười trong tâm hồn" người Tây Bắc, thì sông Hương là bà mẹ xứ sở mang trầm tích văn hoá qua thời gian và lịch sử của đời sống kinh thành cổ kính. Chính vì thế, sông Đà và sông Hương đều trở thành những hình tượng nghệ thuật tráng lệ, mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc.^[2b]

Tuy nhiên, hai thiên tuý bút mang hai phong cách khác nhau. Nét độc đáo trong mỗi phong cách thể hiện qua nhiều yếu tố: cách quan sát miêu tả đối tượng; cách huy động kiến thức đời sống, sử dụng ngôn từ; cái tôi trữ tình trong mỗi tác phẩm;...^[3]

Nét khác biệt trong cách quan sát, miêu tả dòng sông thể hiện ở chỗ Nguyễn Tuân chú ý nhiều đến vẻ đẹp tự nhiên hùng vĩ của sông Đà, còn Hoàng Phủ Ngọc Tường lại tập trung quan sát vẻ đẹp văn hoá giàu màu sắc trữ tình đầy thơ mộng của sông Hương. Những đoạn văn hay, giàu ấn tượng nhất của Nguyễn Tuân là những đoạn miêu tả về "hung bạo" của sông Đà và cuộc sống đầy kịch tính trên sông với những viên tướng đá, những hút nước, những trùng vây, những cửa tử,... Các hình ảnh, âm thanh được miêu tả đều tác động mạnh vào giác quan người đọc. Còn thành công của Hoàng Phủ Ngọc Tường lại thuộc về những câu văn viết về vẻ trữ tình của Hương Giang, một vẻ đẹp đa dạng của "thiên tính nữ": vẻ nữ tính man dại của một cô gái Di gan; vẻ nữ tính e lệ, đoan trang của cô tiểu thư xứ Huế trong tình yêu,...; và bao trùm lên tất cả là vẻ đẹp cao cả, thiêng liêng của "mẫu tính": "sông Hương mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở".^[3a]

Nét riêng trong cách huy động kiến thức đời sống và sử dụng ngôn từ của mỗi tác giả qua hai tác phẩm cũng rất đậm.^[3b] Cái uyên bác của tác giả hình tượng sông Đà là cái uyên bác từ trải nghiệm thực tế, cái uyên bác của tác giả hình tượng sông Hương có lẽ đến từ niềm say mê văn hoá. Nguyễn Tuân thích tạo nên những từ ngữ mới, câu chữ cầu kì, biến hoá, co duỗi nhịp nhàng. Hoàng Phủ Ngọc Tường lại thích một lối văn câu chữ mượt mà, uyển chuyển; từ ngữ hình ảnh thấm đượm những suy cảm.

Đối với thể tuỳ bút, cái tôi trữ tình có một vị trí rất quan trọng. Đó là cái tôi nghệ sĩ, vừa chi phối vừa thấm nhuần trong mọi yếu tố của tác phẩm, góp phần định hình nên phong cách nghệ thuật của tác giả. Cái tôi ấy, khi được phát huy một cách tự nhiên, cao độ trong tuỳ bút, sẽ làm nên sức hấp dẫn riêng của tác phẩm.^[3c] Tuỳ bút của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường là những minh chứng sinh động cho điều đó. Ta bắt gặp trong *Người lái đò Sông Đà* một cái tôi độc đáo, khác biệt: thích quan sát, miêu tả tỉ mỉ bằng nhiều giác quan; thích huy động tối đa vốn hiểu biết và trải nghiệm phong phú của mình; thích phát hiện nét độc đáo, khác thường trong đối tượng miêu tả nhằm mang lại ấn tượng thật sâu sắc, khó quên cho người đọc. Cái tôi ấy muốn người đọc phải cùng với nó nhìn ngắm, sờ chạm, cùng hình dung tưởng tượng về sông Đà và ông lái đò "tay lái ra hoa" trên sông Đà. Ta cũng bắt gặp trong *Ai đã đặt tên cho*

[2b]: Tương đồng trong cái nhìn phát hiện nét độc đáo của dòng sông

[3]: Luận điểm chỉ ra sự khác biệt giữa hai tác phẩm

[3a]: Khác biệt trong cách quan sát, miêu tả đối tượng

[3b]: Khác biệt trong cách huy động kiến thức, sử dụng ngôn từ

[3c]: Khác biệt trong cách thể hiện cái tôi của tác giả tuỳ bút

dòng sông? một cái tôi không kém độc đáo, hấp dẫn: thích quan sát sự vật, con người không phải ở bề mặt mà ở chiều sâu, từ đó lật mở những tầng vữa, trầm tích văn hoá thường bị vùi lấp bởi dòng chảy của thời gian và lịch sử. Đó là cái tôi điềm tĩnh, thâm trầm, thích suy tư, giàu nội cảm và cũng giàu khả năng hoà nhập, hoá thân vào đối tượng miêu tả. Chẳng thế mà đọc *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, một số người nhận thấy ở đó dường như có sự thống nhất giữa sự nhạy cảm của một người nghệ sĩ với sự thâm trầm của một triết gia. Nhiều người khác lại nghe thấy ở đó một giọng văn mềm mại, kiều mị, nữ tính như giọng một cô gái Huế,... Phải chăng là vì nhà văn đã hoá thân vào sông Hương để thể hiện bằng được vẻ đẹp mang thiên tính nữ của một dòng sông Mẹ, dòng sông sinh thành văn hoá xứ sở?

Cho đến khi những câu văn cuối cùng khép lại, âm vang của sự sống từ hình tượng sông Đà, sông Hương ở mỗi tác phẩm vẫn chưa thôi ngân vọng. Đó là hai hình tượng nghệ thuật được thể hiện qua hai áng văn trữ tình giàu âm hưởng sử thi và diễm lệ. Đó cũng là hai thể giới nghệ thuật vừa có sự tương đồng, gặp gỡ, vừa khác biệt, độc đáo. Ở đó, sức hấp dẫn của hình tượng nghệ thuật được tạo ra không chỉ từ vẻ đẹp vốn có của chính đối tượng được miêu tả mà còn từ cái nhìn nghệ thuật độc đáo của mỗi nhà văn – một Nguyễn Tuân tài hoa, tài tử và một Hoàng Phủ Ngọc Tường sâu lắng, dịu dàng. Bởi vậy, sẽ không hề quá lời khi có ai đó quả quyết rằng văn học hiện đại Việt Nam nếu thiếu đi tùy bút *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường, thì người đọc hôm nay vẫn chưa thể biết đến một sông Đà, một sông Hương với vẻ đẹp đa dạng, độc đáo và gợi nhiều suy ngẫm như thế.^[4]

Hai tác phẩm cũng cho thấy, dù là Nguyễn Tuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường hay bất kì tác giả nào khác, muốn có được những thiên tùy bút thành công thì luôn phải kết hợp được một cách hài hoà giữa tri thức uyên thâm với cảm xúc chân thành, sâu lắng; giữa sức hấp dẫn của đối tượng thẩm mĩ với sức hấp dẫn của chính cái tôi của tác giả;... Qua đó, mang đến cho hình tượng nghệ thuật một vẻ đẹp độc đáo và giàu tính nhân văn.^[5]

Theo Lê Hồng Mai

(Tùy bút từ *Sông Đà* của Nguyễn Tuân đến *Sông Hương* của Hoàng Phủ Ngọc Tường, in trong *Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 5, năm 2021, tr. 57 – 58)

[4]: Đánh giá chung giá trị của hai tác phẩm; gợi mở thêm về vấn đề nghị luận

[5]: Khẳng định lại giá trị chung về cách viết tùy bút của hai tác giả

Đối chiếu phần *Đọc ngữ liệu tham khảo* với mục *Tri thức về kiểu bài* (Bài 1) và cho biết:

1. Cụm từ nào trong nhan đề và các đoạn mở bài, kết bài cho thấy đề tài của bài viết đã được xác định rõ ràng, cụ thể?
2. Tác giả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm trên những tiêu chí nào?
3. Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả bài viết khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm.

4. Nêu một số mẫu câu mà người viết thường dùng nhằm làm rõ sự tương đồng/ khác biệt giữa hai tác phẩm.
5. Từ bài viết trên đây, bạn rút ra những lưu ý gì khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch mà theo bạn là có những điểm tương đồng/ khác biệt.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Bạn thực hiện bước chuẩn bị viết như với các bài viết trước. Riêng với khâu *Xác định đề tài*, do đề bài trên có độ mở rất rộng, cần làm rõ mục đích của việc so sánh nhằm xác định được đề tài cụ thể. Chẳng hạn:

– Tuỳ bút *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân), *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường) – những điểm tương đồng/ khác biệt nhìn từ thể loại và phong cách.

– Vai trò, tác dụng của yếu tố kì ảo trong *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ) và *Trên đỉnh non Tản* (Nguyễn Tuân).

– ...

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

• Câu hỏi cần đặt ra và trả lời trước hết để tìm ý là: Việc so sánh khi thực hiện bài viết nhằm mục đích gì? (chỉ ra những điểm tương đồng/ khác biệt; đúc kết đặc trưng, quy luật của một vài thể loại; chỉ ra sự thay đổi, phát triển trong sáng tác của một tác giả; chỉ ra điểm kế thừa và những điểm sáng tạo trong tác phẩm tiếp nhận, cải biên,...).

• Tiếp theo, trả lời câu hỏi: Giữa hai tác phẩm có những điểm tương đồng và khác biệt đáng lưu ý nào về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật? Sự tương đồng/ khác biệt đó là do đâu và có ý nghĩa, giá trị như thế nào?

Chẳng hạn, để tìm ý cho bài viết ở phần *Đọc ngữ liệu tham khảo* trên, từ câu hỏi trên, người viết đã chỉ ra một số điểm tương đồng/ khác biệt trong cách chọn đề tài, sử dụng thể loại, cách quan sát miêu tả, huy động kiến thức vốn sống, sử dụng ngôn từ, thể hiện cái tôi trữ tình,... Trên cơ sở đó, đánh giá đóng góp của từng tác giả, lí giải bằng đặc điểm của thể loại và nét độc đáo trong lối viết (phong cách) của mỗi tác giả.

Có nhiều cách tổ chức, sắp xếp các ý đã tìm được thành một dàn ý. Nhưng dù theo cách nào thì cũng phải đáp ứng được yêu cầu của đề bài, sơ đồ dàn ý chung của kiểu bài. Trong đó, cần bám sát yêu cầu của đề bài, mục đích so sánh, đánh giá

đã được định hướng để tập trung lập dàn ý cho phần thân bài. Ví dụ: có thể sắp xếp các ý đã tìm theo hai cách:

- Cách 1: nêu các điểm tương đồng (luận điểm 1); nêu các điểm khác biệt (luận điểm 2)
- Cách 2: kết hợp nêu sự tương đồng, khác biệt trong từng khía cạnh của hai văn bản như đề tài, chủ đề (luận điểm 1); bút pháp nghệ thuật (luận điểm 2),...

Bước 3: Viết bài

Khi viết bài, cần lưu ý:

- Làm rõ những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm bằng cách dùng một số mẫu câu so sánh như: “nếu ... thì...”; “tác phẩm A đã cho thấy... còn tác phẩm B...”; “trong khi tác phẩm A... thì tác phẩm B...”;...
- Có thái độ khách quan, tránh lối diễn đạt cảm tính, chủ quan trong so sánh, đánh giá (ví dụ lập luận theo lối hạ thấp tác phẩm này để đề cao tác phẩm kia,...).

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Bạn có thể sử dụng **Bảng kiểm kỹ năng so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (Bài 1)** để tự đánh giá bài viết của mình sau khi đã làm hoàn chỉnh.



NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN, KÍ HOẶC KỊCH

Đề tài:

Hãy trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.

Bước 1: Chuẩn bị nói

Bạn có thể chọn đề tài nói trùng với đề tài bài viết đã thực hiện hoặc một đề tài khác.

Bài nói của tôi nhằm mục đích gì (mang lại lợi ích gì cho người nghe)? Tôi sẽ nói trong một không gian thế nào (có cần các phương tiện kĩ thuật như âm thanh, ánh sáng,...); trong thời gian bao lâu? Người nghe tôi nói có thể gồm (những) đối tượng nào? Trên cơ sở đó, lựa chọn tăng giảm nội dung nói, cách thức thực hiện bài nói cho phù hợp.

Tìm ý, lập dàn ý

- Thực hiện việc tìm ý như đã thực hiện ở Bài 1. *Lưu ý:*

– Nếu đề tài bài nói trùng với bài viết, bạn có thể sử dụng dàn bài của bài viết và điều chỉnh cho phù hợp với mục đích thời gian nói, đối tượng người nghe,...

– Nếu đề tài bài nói khác với đề tài bài viết, bạn cần thực hiện chu đáo khâu *Tìm ý* làm cơ sở cho khâu lập dàn ý.

Bước 2: Trình bày bài nói

Tham khảo cách hướng dẫn Bài 1.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Khi trao đổi, đánh giá cả trong vai người nói lẫn tư cách người nghe, bạn đều cần phải tỏ rõ thái độ lịch sự, cộng tác,...

Bạn có thể sử dụng **Bảng kiểm kỹ năng so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ** (Bài 1), để tự đánh giá và rút kinh nghiệm cả trong vai người nói lẫn vai người nghe.

ÔN TẬP

1. Chỉ ra tác dụng của yếu tố kì ảo trong các tác phẩm *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*, *Trên đỉnh non Tân*.
2. So sánh tác dụng của tình huống thách thức trong việc thể hiện tính cách của các nhân vật Ngô Tử Văn (*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*) và nhân vật cụ phó Sắn (*Trên đỉnh non Tân*).
3. Nêu những nét chính về giá trị nội dung, nghệ thuật của *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*.
4. Tìm một số câu mắc lỗi sai logic trong giao tiếp thường ngày và nêu cách sửa.
5. Chia sẻ những bài học kinh nghiệm của bạn về:
 - a. Cách viết văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.
 - b. Cách trình bày văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.
6. Nêu một số lưu ý khi trình bày văn bản nghị luận, so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.
7. Các văn bản đọc hiểu trong bài mang lại cho bạn điều gì mới mẻ trong nhận thức về non sông, đất nước?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự, nhật kí như: tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;...
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản.
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân.
- Phân tích được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật và vận dụng được vào quá trình giao tiếp.
- Viết được bức thư trao đổi một vấn đề đáng quan tâm.
- Biết tranh luận một vấn đề có những ý kiến trái ngược; thể hiện được thái độ cầu thị khi tranh luận.
- Trung thực, tôn trọng sự thật.

Chân trời sáng tạo

TRI THỨC NGŨ VĂN

Phóng sự là một thể loại thuộc loại hình kí phản ánh những sự việc, câu chuyện mang tính thời sự và có ý nghĩa quan trọng nhất định đối với một cộng đồng xã hội, thể hiện thái độ rõ ràng của người viết đối với những sự việc đó. Tác giả phóng sự thường sử dụng các biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, đối thoại,... nhằm bảo đảm tính xác thực của tư liệu, đồng thời kết hợp sử dụng chọn lọc các phương tiện biểu đạt của văn học nhằm tăng giá trị nghệ thuật cho tác phẩm.

Nhật kí là một thể loại thuộc loại hình kí, là hình thức tự thuật có độ tin cậy cao, được thể hiện dưới dạng ghi chép hàng ngày, có đánh số ngày, tháng, năm. Những cuốn nhật kí có giá trị văn học không đơn thuần ghi chép sự việc hàng ngày của một cá nhân mà còn giàu tính nhân văn, đặc sắc về ngôn từ và nghệ thuật, ví dụ như nhật kí của Tôn-xtôi (Tolstoi), An-na Phrăng (Anne Frank), Nguyễn Huy Tưởng, Đặng Thuỳ Trâm, Nguyễn Văn Thạc,...

**Nhiệm kỳ 10 năm lần thứ nhất
2006-2016**



Tính phi hư cấu trong phóng sự, nhật kí

Phi hư cấu: cách phản ánh hiện thực theo nguyên tắc đề cao tính xác thực là đặc điểm của tác phẩm thuộc loại hình kí. **Phóng sự, nhật kí** cũng như các thể loại khác thuộc loại hình **kí** (hồi kí, tự truyện, nhật kí, phóng sự, kí sự) coi trọng việc sử dụng các chi tiết, sự kiện mang thông tin xác định, có thể kiểm chứng.

Chi tiết, sự kiện hiện thực là loại chi tiết, sự kiện có thật trong đời sống, tồn tại một cách khách quan.

Đối với phóng sự, nhật kí, việc kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết vừa thể hiện được tính xác thực của thông tin vừa đem lại cho người đọc những nhận thức sâu sắc gắn liền với cái nhìn, tình cảm của tác giả về thông tin được phản ánh trong văn bản.

Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật

Ngôn ngữ thân mật là loại ngôn ngữ gần gũi, tự nhiên, thoải mái được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp không theo nghi thức; thể hiện thái độ, tình cảm thân mật với người thân, bạn bè,... Loại ngôn ngữ này có thể xuất hiện ở cả dạng nói (ví dụ: các cuộc đối thoại trong sinh hoạt hằng ngày) và dạng viết (thư; tin nhắn gửi cho người thân, bạn bè; nhật kí,...). Ngôn ngữ thân mật có các đặc điểm sau:

- Thường sử dụng khẩu ngữ, tiếng lóng, từ ngữ địa phương, trợ từ, thán từ,...
- Thường sử dụng câu có cấu trúc đơn giản, câu rút gọn, câu chứa các thành phần tình thái (*hình như, có lẽ,...*), thành phần cảm thán (*ồ, ôi, chao ôi,...*), thành phần gọi đáp (*Lan ơi, thưa cô, vâng, dạ,...*).



ĐỌC

Chân trời sáng tạo

VĂN BẢN 1

CON GÀ THỜ

(Trích phóng sự *Việc làng*)

Ngô Tất Tố

Việc làng gồm mười sáu thiên, ghi chép những tập tục của làng quê miền Bắc thời kì trước Cách mạng tháng Tám. **Con gà thờ** là thiên thứ mười, viết về tục “lên lão” trước kia ở miền quê.



Trước khi đọc

Bạn cho biết tục thờ cúng thường gắn với thái độ, tình cảm gì?

✓ Đọc văn bản

Ở làng V.Đ, ông chủ nhà trọ của tôi đáng lẽ cũng là bậc sường.¹

Dẫu không phải là tay cự phú¹, trong nhà cũng có gần sáu mẫu ruộng, một con trâu cái, một con lợn nái, thóc lúa đủ ăn từ vụ nọ đến vụ kia, tiền bạc tiêu đâu sẵn đó, nếu chỉ bảy, tám chục đồng trở lại, dù là việc bất thành linh, cũng không phải vay của ai.

Gia đình lại rất đề huề. Trên thì bà mẹ gần tám mươi tuổi, vẫn còn sáng suốt, tinh táo, không loà, không điếc, cũng không lẫn lộn, dưới thì đàn con sáu đứa, trai có, gái có, đứa nào cũng ngoan ngoãn dễ bảo. Cái cô con gái đầu lòng mới mười lăm tuổi, mà đã bốn năm ông tổng², ông bá³ muốn hỏi cho con. Bà vợ ông ấy chưa nhận lời ai, sợ rằng gả chồng cho cô này, công việc đồng áng sẽ không đủ người coi sóc.

Tuy cũng là nhà làm ruộng, nhưng mà quanh năm chí tối, ông ấy không hề phải đặt cày lên vai. Cho đến những lúc sớm cạn, mạ úa, người ta đánh nhau vỡ đầu vì tranh nhau cái bầu⁴ tát nước, ông ấy cũng chỉ đứng đình ra đồng với cái cuốc bỏ để xem chỗ nào còn nước, chỗ nào hết nước, đâu nên cấy trước, đâu nên cấy sau, và anh thợ cày có chịu làm việc, hay chỉ ngồi hàng, ngồi quán. Ấy đó, công việc ông ấy đại khái có vậy.

Ở thôn quê, như vậy cũng là tiên cách⁵. Quan bất phiên, dân bất nhiễu, suốt năm lúc nào cũng ung dung.

Nhưng mấy tháng gần đây, ông ấy lại rất vất vả.

Chỉ vì có hai con gà.

Năm đó, ông ta chẳng đã năm mươi nhăm tuổi à?

Theo tục làng đó, đàn ông năm mươi sáu tuổi mới lên lão làng.²

Nhưng từ ba mươi tháng Một cái năm năm mươi nhăm tuổi, đã phải sửa⁶ một cỗ xôi và một con gà để đem ra đình lễ thần, rồi biếu dân. Cỗ xôi không quan hệ lắm, miễn được gạo trắng và dẻo, đóng vào đầy một chiếc quả “phù trang”⁷ của làng. Duy có con gà thì hơi cầu kì một chút.

Theo dõi

1 Chú ý nhận định: “đáng lẽ cũng là bậc sường”.

Suy luận

2 Việc cung cấp các thông tin liên quan đến tục lệ “lên lão” trong đoạn này có tác dụng gì đối với thiên phóng sự?

¹ Cự phú: nhà rất giàu.

² Ông tổng: người đứng đầu của một đơn vị hành chính ở nông thôn thời phong kiến, gồm một số xã.

³ Ông bá (còn gọi là bá hộ): người giàu có ở nông thôn thời phong kiến.

⁴ Bầu: chỗ trũng sâu, chứa nước, thường có trên cánh đồng.

⁵ Tiên cách: chỉ người có phong độ, cốt cách không giống người tầm thường.

⁶ Sửa: chuẩn bị, sửa soạn.

⁷ Quả “phù trang”: vật dụng bằng gỗ, hình tròn, có nắp đậy, dùng để đựng xôi cúng.

Nó phải là thứ gà sống mã đỏ, chân vàng, vạt lông và lược chín rồi, còn đủ bốn cân. Lệ làng định rõ như thế.

Thế nhưng ít ai chịu giữ đúng lệ. Người ta đua nhau tự tăng số cân ấy lên, ít nhất cũng là năm cân, nhiều thì có khi sáu cân, bảy cân, hễ gà càng lớn bao nhiêu, ông chủ càng được dân làng kính trọng bấy nhiêu. Nghe nói từ đời Thiệu Trị, Tự Đức chi đó, có ông lão nuôi được con gà nặng bảy cân rưỡi, đến nay cả làng vẫn còn ca tụng. Họ bảo ông đó đã hết lòng thành kính đối với quý thần, nhờ có quý thần phù hộ, cho nên gà của ông ta mới lớn như vậy!

Dù chẳng dám mong nổi gót được ông cụ ấy, nhưng ông chủ nhà trọ của tôi cũng vẫn cả quyết không chịu thua ai trong hội gần đây. Hồi cuối năm kia, nghe nói ở dưới làng Hồ có giống gà tốt, ông ấy muốn mua, đã phải thân hành đến nơi để được tự mình kén chọn. Sau mười mấy ngày lặn lội ở vùng Hồ, ông ấy vui mừng trở về với hai con gà con nhót trong một chiếc lồng khiếu¹.

Đôi gà mới lạ làm sao! Nó lớn bằng con chim câu và trọc lông lóc như đầu ông sư. Từ cổ đến đuôi toàn là thứ thịt đỏ hỏn, lơ thơ điểm ít sợi lông tơ. Mỗi con ở hai vút cánh, đều có hai cái lông cánh lớn bằng vảy ốc và cong vểnh lên như miếng cau khô để ngửa.

Ông ấy báo với tôi rằng:

– Những nhà hà tiện thường chỉ nuôi có một con. Bởi vì lệ làng chỉ có một con. Nhưng mà con gà độ bốn, năm cân, tất nhiên phải nuôi trong khoảng hai năm trở ra. Giả sử nuôi đến nửa chừng, chẳng may nó chết, thì không thể nào mua đâu được nữa. Bởi vậy tôi phải mua phòng hai con. Nhờ giới, nếu có còn cả, thì, một con lễ đình, còn một con nữa tôi đem lễ chùa, chứ không dám bán mà cũng không dám để ăn. Vì rằng mình đã thành tâm nuôi về việc thờ, nếu đem bán hay để ăn, ấy là đắc tội với quý thần.

Tiếp đó, ông ấy lại khoe:

– Đôi gà này nếu đem bán chợ, chẳng qua độ bốn, năm hào một con. Họ thấy mình chuốc², nên họ bóp mắt, bóp mũi. Tôi phải trả một đồng một con họ mới chịu bán. Tuy vậy, kể cũng không đắt. Giống gà này quý lắm. Nó mới bỏ mẹ mà đã lớn bằng bấy nhiêu. Nếu khéo nuôi, sau này có thể lớn bằng con ngỗng.

Luôn bữa đó, ông ta sửa lễ ra đình để trình với “đức thượng đẳng”³ là mình đã mua được gà, rồi đem cả đôi quý vật thả vào nếp chuồng ở đầu nhà trên.

Chuồng ấy, ông ta làm riêng để nhốt gà thờ, cũng mới hoàn thành độ một tháng trước. Cửa chuồng ngoảnh về phía nam. Gậm chuồng xây gạch làm bức tường con,

¹ *Lồng khiếu*: lồng nhốt con chim khiếu.

² *Chuốc*: trong văn bản có nghĩa là cố làm sao cho có được bằng mọi cách.

³ *Đức thượng đẳng*: người thuộc bậc cao, hạng cao.

để giữ rắn, chuột. Quanh chuồng lại có bốn bức rào bằng phen nứa, ngăn hẳn khu đất đầu nhà thành cái vườn vuông, để làm chỗ cho gà ăn... chơi.

Ròng rã gần hai năm nay, những việc lấy nước cho gà uống, tung thóc cho gà ăn và sớm mai mở cửa cho gà ra vườn, chiều tối bắc cầu cho gà lên chuồng, đều do tự tay ông ấy làm lấy, không dám giao cho người nào, vì sợ người khác làm không cẩn thận. Trừ ra cái việc hai ngày một lần múc nước, quét rửa chuồng gà thì anh thợ cày được thay.

Hồi cuối năm ngoái, một trận gió bắc nổi lên giữa khi ẩm áp, đã gây cho làng V. Đ cái nạn gà toi. Ông ấy lập tức sai vợ sửa cái sỏ lợn¹ và một mâm xôi làm lễ ra đình, để cúng các đấng “bộ hạ”², khẩn ngài phù hộ cho gà nhà mình. Sau đó, bao nhiêu gà của làng ấy chết hết. Riêng đôi gà này vẫn được mạnh khoẻ như thường. Ông ấy cho là các đấng “bộ hạ” thiêng lắm.

Đúng như ông ấy ước mong. Đôi gà mỗi ngày mỗi thấy chóng lớn như thổi. Trong hơn một năm nó đã xù xù như hai con công. Lông đẹp, cánh đẹp, ống chân bóng nhoáng như ngà, tiếng gáy ồ ồ như tiếng còi tàu thủy.

Nhưng cả hai con đều gầy như hạc.

Ông ấy cắt nghĩa như vậy:

– Cái phép nuôi gà cũng như nuôi lợn, lúc nó còn non, phải hãm cho nó đừng béo, thì nó mới lớn. Nếu khi nó còn đang lớn mà đã béo rồi, ấy là nó sẽ không lớn được nữa.

Thế rồi, bắt đầu từ cuối tháng Tám, cái tháng cách ngày “lễ thờ” độ một trăm ngày, công việc nuôi gà của ông ta bỗng thấy thay đổi khác hẳn.

Khu vườn của gà không dùng đến nữa. Sớm ra, ông ấy bắt gà ở chuồng xuống lồng, tối đến ông ấy bắt gà ở lồng lên chuồng. Trong tháng đầu, đồ ăn của gà đã xen thêm ngô, mỗi ngày bốn bữa, hai bữa ngô và hai bữa thóc. Từ tháng thứ hai trở đi, hai món ấy đều bị bãi³ cả, ông ta cho gà ăn cám.

Lúc đầu còn là cám nấu với gạo đổ vào chậu sành để gà tự mổ. Hình như nó cũng thấy ngấy⁴ không ăn được nhiều, nên sau lại phải dùng theo phương pháp bào chế.

Ông ta luyện cám như luyện thuốc tể⁵ và đem viên lại mỗi viên lớn độ bằng đầu ngón tay. Đến bữa, ông ấy ngậm nước trong miệng, rồi ôm con gà vào lòng, một tay vành hai mỏ gà, một tay ấn viên cám vào. Sau khi đã móm cho nó hóp nước, ông ta sẽ lấy tay vuốt vào cổ nó, để cho viên cám từ từ trôi xuống dưới diều, mới lại bóp tiếp viên khác. Mỗi con gà, mỗi bữa độ vài chục viên, mỗi ngày độ chín, mười bữa,

¹ Sỏ lợn: thù, đầu (lợn).

² Bộ hạ: người trực tiếp dưới quyền, giúp việc cho một người có thế lực.

³ Bị bãi: bỏ đi, không dùng hoặc không thi hành nữa.

⁴ Ngấy: cảm giác ngán, sợ một loại thức ăn nào đó (thường là chất béo).

⁵ Thuốc tể: thuốc đồng y dạng viên tròn, nhỏ.

đều do ông ta tự làm, chứ không khiến ai. Thành ra suốt ngày, ông ấy chỉ quanh vào hai con gà mà không lúc nào được nghỉ.

Giữa lúc công việc túi bụi, bà mẹ ông ta lại bị ốm nặng, cả ngày chỉ nằm trên giường và rên hừ hừ. Tuy vậy, những việc cơm cháo, thuốc men cho bà cụ, ông ta giao mặc vợ con, vì mình không có thì giờ trông đến. Bà cụ hình như cũng biết thân mình không quan hệ¹ bằng hai con gà, cho nên, mỗi khi thấy cháu gọi con lên buồng xem bà làm sao, bà ấy lại gạt ngay đi:

– Việc thờ không thể nói chơi. Cứ để thầy mày trông nom cho gà. Gọi lên làm gì! Hôm ấy nhân bữa 25 tháng Một.

Theo lệ mọi ngày, ông chủ nhà trọ của tôi, vừa ở trên giường xuống đất, mắt nhắm, mắt mở, chạy luôn ngay ra trước chuồng gà để rước gà ra.

Quái lạ! Làm sao hôm nay một trong đôi gà có vẻ khác thường! Thả vào trong lồng, nó cứ rụt cổ mà đứng lù rù. Nhắc cái lồng ra, nó cũng không buồn cựa cựa.

Hoảng quá! Ông ấy vội bắt nó lên, để xem là chứng bệnh gì. Chung quanh thân thể không thấy vết tích gì hết. Riêng có cái điều cứng rắn² và lón chằn chằn³ như một quả bưởi.

Vừa ôm con gà, ông vừa gọi người nhà bung rổ cám ra để mình bón thử cho nó mấy viên. Nhưng mà nó không chịu nuốt, viên cám ấn vào trong mỏ, nó lại lắc đầu, lắc cổ cho bật ra.

Với vẻ mặt không còn sắc máu, ông ấy hằm hằm chạy xuống nhà khách sau khi thả con gà ấy vào lồng của nó. Rồi con thịnh nộ theo sự lo sợ nổi lên, ông ta bỏ cả cơm nước, gắt vợ gắt con, luôn miệng. Bởi vì, theo ý ông ấy, con gà bị bệnh là do vợ con ông ta đều không thành kính mà ra.

– Đã bảo không được gọi “người” là “gà”, cả nhà không đứa nào nghe! Bây giờ còn nằm hôm nữa thì được sửa lễ, nếu như “người” có làm sao, chúng bay còn khổ với ông! Ông thì tống cổ mẹ con nhà mày!

Cứ một câu ấy, ông ta nhắc đi nhắc lại đến mấy chục lượt. Các con đều phải nẹp nép không dám ho he. Hình như chúng cũng tự biết gọi gà là “gà” chính là một cái tội lớn. **3**

Theo dõi

3 Câu này là lời kể hay lời nhận xét, bình luận?

Cho được chuộc lại cái lỗi ngạo mạn với gà, một lần nữa bà vợ ông ta lại phải đi chợ mua đồ cúng các bộ hạ của “đức thượng đẳng”. Trước khi đi, bà ấy dặn anh thợ cày ở nhà giã gừng hoà rượu, tẩy uế chuồng gà cho kĩ. Vì sợ chuồng không trai khiết⁴, cho nên sinh ra thế chẳng.

¹ Quan hệ: trong văn bản có nghĩa là quan trọng, hệ trọng.

² Cứng rắn: rất cứng, như đá.

³ Chằn chằn: tròn và chắc.

⁴ Trai khiết: sạch sẽ.

Tin tức truyền đi mới chóng làm sao! Bà này mới ra khỏi nhà độ mười lăm phút, họ hàng làng nước kéo đến hỏi thăm rất đông. Người nào, người ấy nét mặt ngơ ngác, giống như đứng trước một tai nạn lớn của người ruột thịt.

Giữa khi ấy, bà mẹ ông chủ nhà tôi ở nhà trên lại nổi cơn bệnh. Ngồi ở nhà dưới cũng nghe tiếng rên và tiếng “ối chào”. Nhưng không ai nhắc đến bà cụ. Người ta chỉ hỏi chứng bệnh con gà. ⁴

Suy luận

4 Các chi tiết trong đoạn này thể hiện điều gì trong cách đối xử với gà và với người của nhân vật “ông chủ”?

Có người bày cho ông ấy nên dùng tỏi tươi giã nhỏ mà bón cho nó. Ông ta nhất định không nghe, cho rằng tỏi tươi là vật uestạp, nếu cho gà ăn, nó sẽ uestạp lây đến con gà. Vả chăng, bà vợ ông ấy đã đi mua đồ cúng rồi, nếu lại chữa thuốc cho gà, thì ra mình không tin ở quỷ thần nữa ư! Phải cứ thành tâm tin ở quỷ thần, hễ ngài *vuốt ve*¹ đi cho thì nó khắc khỏi. Ông ta đáp lại họ mạc, làng nước như vậy.

Nhưng mà ông ta đã bị thất vọng.

Buổi trưa hôm ấy, sau khi bà vợ ở chợ về nhà, đồ lễ đã được sửa soạn một cách hoả tốc, ông ta liền tự ra đình lễ bái và đã cầu khẩn thiết tha. Vậy mà bệnh tình của gà chẳng những không chút thuyên giảm, lại còn trầm trọng hơn nữa. Sáng ngày nó còn chịu đứng và chịu mổ mắt, bây giờ chỉ nằm phục dưới đất, hai mắt nhắm nghiền, nước mũi chảy ra rành rạch.

Cả nhà đều luống cuống chỉ lo còn con gà nữa lại mắc bệnh nốt.

Cực chẳng đã, ông ấy phải dùng bài thuốc của người ta mách lúc nãy.

Thì ra con gà đã mắc phải bệnh thương thực². Bởi tại hôm trước ông ta nhồi cảm cho nó nhiều quá, tiêu hoá không kịp, điều nó trướng lên. Từ lúc được ít tỏi tươi vào miệng, giúp sức cho sự tiêu hoá, hình như trong mình nó đã dễ chịu, cho nên thỉnh thoảng nó đã đứng dậy, đôi mắt có lúc mở to. Đến chiều hôm ấy, nó đã nhỏ nhẻ mổ vài hột gạo. Và sáng hôm sau thì nó ăn uống như thường. Trong nhà lúc ấy vui vẻ như tết.

Ông ấy lại phải sửa lễ ra đình để tạ các vị bộ hạ của “đức thượng đẳng”.

Thấm thoát đến ngày 29 tháng Một.

Sáng sớm hôm ấy, sau khi ra chuồng thăm gà, ông ta liền sai người nhà quét dọn suốt cả nhà trên nhà dưới, rồi đi gánh nước đổ thêm vào bể.

Gần trưa, họ mạc, hàng xóm kéo vào tấp nập. Người ta chia nhau mỗi người đi làm một việc. Bà này rửa bát, bà kia rửa nồi, ông này kê bàn, ông kia kê phản, năm bảy ông khác vào chuồng bắt lợn làm thịt.

Chừng đến quá trưa, con lợn bị giết đã thành ra mấy chục mâm dấm ghém³, la liệt bày khắp cả mấy toà nhà.

¹ Vuốt ve: ý nói quỷ thần phù hộ cho gà khỏi bệnh.

² Thương thực: ăn nhiều quá, không tiêu hoá được.

³ Dấm ghém: cỗ làm bằng thịt lợn luộc, ăn với nước chấm pha dấm và rau ghém (rau sống thái rối).

Họ hàng ăn xong bữa ấy, mặt trời đã xế về tây. Bấy giờ người ta bắt đầu lo đến việc thờ.

Những người làm giúp lúc này chia làm hai đội. Một đội sắp sửa quang gánh gánh mấy thúng gạo ra giếng để vo, vì sợ vo bằng nước bể hột gạo xám đi, sau này xôi sẽ không trắng. Còn một đội nữa thì đi đun nước để làm lông gà.

Gần tối, đôi gà đã vặt lông xong. Con nào con ấy màu da trắng nõn. Cả họ đều khen là béo và lớn.

Sau khi mấy anh con trai dùng díp nhổ râu nhổ hết những sợi lông to ở đầu, ở cổ, ở quanh hai mắt đôi gà, ông chủ nhà tôi quyết định để con bị ốm hôm nọ lễ chùa, còn con không ốm thì đem lễ đình, và tươi cười nói với mấy ông nhiều tuổi trong họ:

– Công việc nuôi gà của tôi thế là đã xong rồi. Bây giờ còn việc luộc gà xin mặc các cụ. Nếu luộc được khéo, cả họ nhà ta sẽ được tiếng khen.

Ồ hay! Luộc gà chẳng qua đến bỏ vào nước mà đun là cùng, có sao, ông này lại nói như vậy? Hay là trong cái việc ấy ở đây còn có bí quyết gì chẳng. Tôi đương tự hỏi như vậy thì một ông già trong đám đông dặc đáp lời ông chủ tôi:

– Cái đó, cụ cứ yên tâm, chúng tôi sẽ bắt anh em làm cho thật khéo.

Rồi thì ông đó ngoảnh ra gọi bọn ít tuổi:

– Ai biết chằng gà¹ thì đem gà ra chằng đi.

Sau một tiếng dạ rất gọn, mấy anh con trai linh lợi bung hai con gà đặt vào hai chiếc mâm đồng và để lên một cái bàn kê ở gian giữa. Rồi một người khác đem đến cho họ một bó thành tre² và một cuộn dây gai.

Dùng tre làm cốt và dây quấn ngoài, họ buộc cho hai con gà ngồng cổ, giương cánh, đứng trên mặt mâm. Rồi họ lấy những ruột non, ruột già và bộ dạ dày của nó chằng từ đầu mỏ quạt sang hai cánh, làm cho con gà thành ra cái hình con phượng ngậm búc cuốn thư³. Cả đám xúm lại ngắm nghía, ai nấy đều cho là được. Bấy giờ họ mới giục nhau đun nước luộc gà.

Mỗi con gà đó, từ cổ đến chân có thể cao đến gần hai thước⁴, hai cánh của nó cũng phải đến hơn một thước, tôi không hiểu rằng luộc vào nồi nào cho vừa, nhưng vẫn yên lặng để xem họ làm ra sao.

Luôn trong một lúc thấy họ bắc bếp đến sáu chiếc nồi ba mươi⁵, nồi nào nước cũng gần đầy đến miệng.

¹ Chằng: buộc từ bên nọ sang bên kia nhiều lần, không theo đường lối nhất định, chỉ cốt cho thật chặt. Ở đây tác giả thuật việc chằng gà rất công phu.

² Thành tre: thanh tre.

³ Búc cuốn thư: tấm bảng nằm ngang bằng gỗ hoặc đá, viết bằng chữ Hán, như một bức tranh, thường được treo phía trên bàn thờ.

⁴ Thước: đơn vị cũ đo độ dài, bằng khoảng 0,425 mét.

⁵ Nồi ba mươi: nồi nấu cơm thường dùng cho ba mươi suất ăn.

Nửa đêm, cả sáu nồi nước đều sôi. Người ta liền bung cả hai mâm gà xuống đó. Dưới hai ngọn đèn hai dây sáng như ban ngày, năm sáu cái gáo chĩa vào các nồi nước giội từ đầu gà trở xuống. Và cứ giội luôn như thế không lúc nào ngơi, hết nồi nước ấy, họ lại nấu nồi nước khác, trong bếp không lúc nào không sẵn nước sôi. Giội đến gần sáng thì gà vừa chín. Té ra cái kiểu luộc gà của họ là vậy.

Chờ cho đôi gà đều nguội, họ cỏi hết các dây chằng, đặt vào trong giữa mâm xôi rồi đem ra đình và đưa lên chùa. **5**

Lễ xong, con gà của ông chủ nhà tôi cần được bày cân. Ông ấy sung sướng bảo tôi:

– Đòi tôi như thế là mãn nguyện!

(In trong *Việc làng*, Ngô Tất Tố, NXB Hội Nhà văn, 2022, tr. 83 – 95)

Suy luận

5 Việc tác giả thuật lại một cách chi tiết cách luộc gà nhằm mục đích gì?

✓ Sau khi đọc

1. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết văn bản trên thuộc thể loại phóng sự?
 2. Liệt kê các sự việc chính theo trình tự được thuật lại trong văn bản.
 3. Xác định ngôi kể, điểm nhìn trong văn bản và nêu tác dụng của ngôi kể, điểm nhìn ấy.
 4. Liệt kê một số ví dụ về *lời miêu tả*; *lời kể*; *lời bàn luận* – *trữ tình* của nhân vật “tôi” và nêu tác dụng của cách kết hợp miêu tả với trần thuật trong văn bản.
 5. Nêu ít nhất hai ví dụ về chi tiết, sự kiện hiện thực và thái độ, đánh giá của người viết đối với các chi tiết đó.
 6. Xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của văn bản.
 7. Nhận xét về nghệ thuật viết phóng sự của tác giả (sử dụng ngôi kể, điểm nhìn, thủ pháp miêu tả, trần thuật, cách sắp xếp sự kiện chi tiết, ngôn ngữ,...) trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.
- * **Bài tập sáng tạo:** Vẽ một bức tranh về con gà thờ hoặc viết một đoạn văn (độ dài 200 chữ), thể hiện suy nghĩ của bạn về nhân vật ông chủ con gà thờ.

Ngô Tất Tố (1894 – 1954), quê ở xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội. Ông là nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu, dịch giả có nhiều đóng góp quan trọng. Ông nổi tiếng với tiểu thuyết *Tắt đèn*, *Lều chông* và phóng sự *Việc làng*.



Ngô Tất Tố

(*Từ điển Văn học* (Bổ mới), NXB Thế giới, 2004)

*** ***

TRÊN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG HÀNH QUÂN...¹

(Trích nhật kí *Mãi mãi tuổi hai mươi*)

Nguyễn Văn Thạc

Mãi mãi tuổi hai mươi ghi chép về cuộc sống người lính bình nhì với nhiều gian khổ nhưng ngời sáng lí tưởng, tràn đầy ước mơ, hoài bão và tình yêu thiết tha với Tổ quốc, quê hương, gia đình, bè bạn..., trong thời kì dân tộc ta kháng chiến chống Đế quốc Mỹ, đấu tranh thống nhất đất nước.

✓ Trước khi đọc

Vì sao tuổi thanh xuân được xem là tuổi đẹp nhất trong cuộc đời mỗi con người?

✓ Đọc văn bản

2/ 10/ 1971

[...] Mình đi, khi bạn đang bước vào năm học mới. Bước lên giảng đường, bạn có nhớ tới mình không?... Đừng, hãy để tâm hồn trọn vẹn thanh thản, mà đón một mùa xuân của lòng mình. Trang đầu của cuộc đời sinh viên, đừng để rơi một giọt mực, đừng để loang lổ một vết ố vàng...

Xe ơi, lao nhanh hơn, cho ta chóng tới gia đình lớn. Nơi ta gửi gắm cả thời thanh xuân của mình...

Hơn cả khi trên tay phấp phồng tờ quyết định². Vui sướng, tự hào, cảm động làm sao khi trên người ta là bộ quân phục xanh màu lá. Anh sinh viên quen màu trắng áo của cánh cò, quen màu xanh da trời tháng nắng... Mình trút bỏ không thương tiếc, và triu mến khoác lên mình màu xanh ấy. Màu xanh của núi đồi và thảo nguyên, của ước mơ và hi vọng. Màu xanh bất diệt của sự sống.

Trên mũ là ngôi sao. Ta lặng ngắm ngôi sao, như hồi nào ta chỉ cho bạn: kia là sao Hôm yêu dấu... Nhưng khác hơn một chút. Bây giờ, ta đọc trong ngôi sao ấy, ánh lửa cầu vồng của trận công đồn, màu đỏ của lửa, của máu... Ta như thấy trong màu kì diệu ấy, có cả hồng cầu của trái tim ta...

Ài ra đi cũng với lòng say lí tưởng, và nhẹ nhẹ bên trong là chút ước mơ. Buổi gác đầu tiên là đêm trắng sáng, là bài thơ, là một trang nhật kí... Sung sướng và hãnh diện biết bao, oi xóm làng yêu quý, ngủ yên, ngủ yên, có anh bộ đội thức canh trời. Những mái nhà nghiêng như mi mắt thân thương, nhắm ngủ ngon lành... Ta

¹ Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.

² Quyết định: ở đây chỉ quyết định nhập ngũ.

bước nhẹ, lảng lảng một mùi hương quen thuộc. Buổi đã cuối mùa, ổi đã cuối mùa... Cây lá đang dần nhựa để trở ra một mùa quả chín... ❶

[...]

10/ 4 /72

Nghị Lộc – Nghệ An...

Dừng lại ở ga Quán Hành. Và bây giờ thì đang ngồi trong nhà dân. Điều bất ngờ nhất là gia đình mình ở có người con trai là thầy giáo của mình. Thầy Khang dạy Toán 2. Còn em nhỏ trong nhà lại là học sinh giỏi của miền Bắc. Mình chợt nhớ: đã đến đất Nghệ An, quê hương của Bác Hồ, của cà dầm¹ mặn muối, của cụ đồ già. Đất này là đất học. Và chính vậy, trong nhà cũng có vẻ gì Nho giáo². Cái bàn nhẵn bóng, mấy cuốn sách giáo khoa và cả cái địa chỉ của cô Kim Loan treo trên góc tường, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Vinh cũng nói được phần nào những đặc điểm ấy.

Nhà vắng, chỉ có bà mẹ – mẹ Thung – và bé Hoà. Suốt ngày im ắng, cả ngoài vườn, ngoài ngõ, cả cánh đồng xa tít tắp đang xanh xanh màu lá ngô non, màu khoai và bãi lạc. Quanh nhà cũng có hầm, nhưng hầu hết là lộ thiên và nông. Không ai có thể ngờ đây chính là đất lửa, hay ít ra, gần đến đất lửa.

Ba giờ sáng, ở trên tàu giặt mình thức dậy, thấy bốn bề tối mịt mùng. Cửa sổ trên tàu chỉ thấy lò mờ những dãy núi im lìm. Bật đèn mãi không sáng, mình bước chân qua chỗ bọn nó nằm ngổn ngang và kéo cầu dao điện – vẫn không sáng. Có đứa đã hét toáng lên, đòi người đến chữa. Vẫn chẳng có gì cả. Chỉ thấy đằng chân trời hừng sáng lên, nhìn rõ cả đám mây hồng. Rồi tiếp theo là tiếng nổ. Tàu không chạy được nữa vì hướng tàu chạy đã bị ném bom. Các cửa chớp được hạ xuống và cấm bật đèn, y như hồi nào ném bom dữ dội ấy. ❷

Thành phố Vinh còn xa, khoảng vài chục cây số nữa. Tối nay, bọn mình sẽ đến đấy, không hiểu có được đi ô tô không, hay là phải cước bộ với 30kg trên vai.

Dẫu sao vẫn cứ thú vị, vì đây là lần đầu mình đi một chuyến xa như thế. Bây giờ thì xa Hà Nội thực sự rồi. Không còn phải mê ngủ, không còn phải tưởng tượng nữa. Mới hôm kia, còn đang tạm dừng chân ở bãi bạch đàn gần ga Phố Tráng, 4 giờ sáng đã dậy nấu cơm ăn, thì trời đổ mưa tầm tã. D³ tập trung nghe tin chiến thắng của miền Nam, ta đã chiếm hoàn toàn cảng Cửa Việt – và vùng Đồng bằng sông

Suy luận

❶ Những chi tiết này thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của tác giả?

Tưởng tượng

❷ Qua đoạn văn này, bạn hình dung thế nào về bối cảnh của cuộc hành quân?

¹ Dầm: đè mạnh xuống và giữ dưới lực ép, không cho nổi lên; cà dầm mặn muối: cách muối cà truyền thống, muối cà với nhiều muối, lấy vỉ tre đẩy lên vỉ cà, dùng vật nặng đè vỉ tre xuống để cà không nổi lên, ngấm muối đều

² Nho giáo: học thuyết tư tưởng do Khổng Tử (551 – 479 TCN) sáng lập. Khổng Tử là nhà tư tưởng, triết gia nổi tiếng của phương Đông; ông được tôn vinh là “vạn thế sư biểu”, người thầy của muôn đời.

³ D: đơn vị quân đội cấp tiểu đoàn.

Cửu Long đang ào ào khí thế nổi dậy của hàng chục vạn đồng bào. Lúc ấy, mình ao ước được đến hẳn chiến trường, đến giữa chiến trường mà tận mắt được thấy cảnh tượng hào hùng ấy. Hay ít ra, được đến gần, rất gần chiến trường, được đến Quảng Bình chẳng hạn, ở đó địch đang bắn phá mạnh, dân cư cũng phải sơ tán về Hà Nội – và cũng ở đó đang thắng lớn, có ngày bắn rơi 10 máy bay, có hai chiếc B. 52... “cầu được, ước thấy” – Vừa ao ước thế, vừa buồn vì mình đang ngồi ở đây, dưới trời mưa thanh thanh, rồi sắp lên tàu đến Mỏ Trạng, Yên Thế diễn tập. Nhưng ra ga, thì linh ồ lên phấn khởi, đầu tàu hướng về phía Hà Nội – “Đi” rồi! Thế là nhất định vào trong ấy. Vội vàng viết thư – Tàu qua Cửa Nam những cánh thư trắng bay ào ào xuống đường – Gửi hộ nhé, gửi hộ nhé¹ – Báo cho những người thân của chúng tôi rằng, chúng tôi đã xa Hà Nội lúc ấy là 12 giờ trưa 9. 4. 72.

Biết bao nhiêu lần hành quân, nhưng chẳng lần nào xúc động như chuyến tàu này cả – Chuyến tàu đi đúng con đường dành cho nó – vào Nam. Ở đó, chiến trường đang cần đến những cánh tay khoẻ mạnh đang thò ra cửa sổ toa tàu mà vẫy gọi khách qua đường – Phải, lúc mà một anh bộ đội gặp được người nhà trên sân ga hay dọc theo đường sắt – Thì đó không phải chỉ một mình anh xúc động và vui sướng. Mà đó là niềm vui và nỗi xúc động của tất cả đoàn tàu. Con đi mẹ nhé! Đi nhé! Đi nhé! Những cô gái cũng hết cả rụt rè giờ cả hai tay lên vẫy, vẫy mãi,... rồi tinh nghịch lấy ngón tay nhỏ xíu trỏ lên đầu nhắc anh bộ đội hãy giữ gìn cuộc sống của mình. Ủ, chết làm sao được cơ chứ, đùa một chút cho vui. Ai cũng bị lây cái không khí rạo rực khí thế lên đường ấy, cả những em bé vừa đứng vững giấu mặt sau hàng rào xi măng mà vẫy. Y² cứ xuýt xoa mãi vì ngồi bên cửa sổ, nó nghe rành rọt tiếng một đứa bé chỉ 5, 6 tuổi ở ga Phủ Lý. Các chú đánh xong giặc Mỹ mà về nhé! – Đấy, tiếng nói của trẻ thơ, là ước muốn day dứt của hàng triệu, hàng triệu người trên trái đất.

Ta đi theo tiếng gọi của miền Nam, và cả sự thôi thúc của miền Bắc đang khôi phục – Một nhà ga Ninh Bình vừa dựng bên núi đá, một dòng sông Đáy xanh lung lờ trôi vào bài thơ trữ tình ngọt lịm của Tố Hữu, một chùa Non Nước còn âm vang chiến công của tổ ba người Giáp Văn Khuong... Tất cả đang giục giã anh chiến sĩ, hãy đi đi, hãy đi – và chiến thắng.

[...]

(In trong *Mãi mãi tuổi hai mươi*, Nguyễn Văn Thạc, tái bản lần thứ 11, NXB Thanh niên, 2021, tr. 39 – 41; tr. 214 – 218)

✓ Sau khi đọc

1. Nêu những đặc điểm của thể loại nhật kí được thể hiện trong văn bản.
2. Nêu tên và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong đoạn văn sau:

¹ Khi đoàn tàu hoá chở những người lính vào miền Nam đi qua địa phận Hà Nội, những người lính ném thư gửi cho người thân, nhờ người dân đứng ở bên đường chuyển thư cho người thân của mình.

² Y: viết tắt tên riêng.

“Buổi gác đầu tiên là đêm trăng sáng, là bài thơ, là một trang nhật kí... Sung sướng và hân diện biết bao, ơi xóm làng yêu quý, ngủ yên, ngủ yên, có anh bộ đội thức canh trời. Những mái nhà nghiêng như mí mắt thân thương, nhắm ngủ ngon lành... Ta bước nhẹ, lảng lảng một mùi hương quen thuộc. Bưởi đã cuối mùa, ổi đã cuối mùa... Cây lá đang dồn nhựa để trở ra một mùa quả chín...”

3. Liệt kê một số chi tiết có tính xác thực trong nhật kí ngày 10/4/1972 (địa danh, con người, thời gian, sự kiện,...) và cho biết tác dụng của chúng.
4. Theo bạn, văn bản trên có sử dụng yếu tố hư cấu hay không? Nếu có, hãy nêu ví dụ; nếu không, cho biết vì sao.
5. Xác định cảm hứng chủ đạo của văn bản.
6. Bạn có nhận xét gì về cái “tôi” của tác giả nhật kí qua văn bản?

Nguyễn Văn Thạc sinh năm 1952, quê ở làng Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội; nhập ngũ năm 1971, khi đang là sinh viên Khoa Toán – Cơ, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, hi sinh tại chiến trường Quảng Trị năm 1972.



Nguyễn Văn Thạc
(Mãi mãi tuổi hai mươi,
NXB Thanh niên, 2021)

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

NGŨ TRÀNG AN

Vân Long¹

✓ Đọc văn bản

Tôi thả bước lơ ngơ
Trưa vàng ngõ cũ
In một bước tình cờ
Lên dấu chân ngày nhỏ

Chùa – Vẫn ngôi chùa cổ
Khói nhang xưa

¹ Vân Long (1934 – 2022): nhà thơ, đồng thời là tác giả của nhiều chân dung văn học; một số tập thơ của ông: Vào thu, Dưới lá xanh, Những khối hình cảm,...

Tôi lại gặp tôi
Luồn cột đèn¹ đầu ngõ

Chiếc tàu bay giấy lượn lơ
Suốt năm mươi năm
Năm mươi năm
Cô bạn nhỏ chưa khô giọt lệ
Giận tôi vì một trái bàng!

Thêm dãy nhà hai tầng
Ngõ đất thành ngõ gạch
Ngôi chùa càng chìm sâu
Bóng mít bóng cau
Chìm sâu thời thơ bé

Hoa đại đầu thế kỉ
Rụng vào tôi – bây – giờ...

5 – 1988

(In trong *Thơ với tuổi thơ*, Văn Long, NXB Kim Đồng, 2003, tr. 23 – 24)

✓ Sau khi đọc

1. Trong bài thơ có một hay hai nhân vật “tôi”?
2. Hình ảnh nhân vật “tôi” ngày bé được gọi tả như thế nào trong bài thơ?
3. Tìm những hình ảnh thể hiện sự đan xen giữa hiện tại và quá khứ. Nhận xét về cách kết hợp đó.
4. Trình bày cách hiểu của bạn về hai câu thơ cuối của bài thơ.
5. Nét độc đáo của kết cấu bài thơ này là gì?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra sự khác nhau giữa ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.
2. Phân tích đặc điểm ngôn ngữ thân mật có trong các trường hợp sau:
 - a. *Đi nhé! Đi nhé! Những cô gái cũng hết cả rụt rè giờ cả hai tay lên vẫy, vẫy mãi... rồi tình nghịch lấy ngón tay nhỏ xíu trở lên đầu nhắc anh bộ đội hãy giữ gìn cuộc sống của mình. Ủ, chết làm sao được cơ chứ, đùa một chút cho vui. Ai cũng bị lây cái không khí rạo rực khí thế lên đường ấy, cả những em bé vừa đứng vũng giấu mặt sau hàng rào*

¹ Cột đèn (cột điện): thời xưa được làm bằng sắt, có bệ móng bê tông khá rộng ở chân cột, trẻ con thường chui vào bên trong để chơi đùa.

xi măng mà vẩy. Y cứ xuyết xoa mãi vì ngồi bên cửa sổ, nó nghe ràn rọt tiếng một đứa bé chỉ 5, 6 tuổi ở ga Phủ Lý. Các chú đánh xong giặc Mỹ mà về nhé!

(Nguyễn Văn Thạc, *Mãi mãi tuổi hai mươi*)

b. Tức thì mặt già giấy nẩy người lên mà rằng:

– Cha mẹ ơi! Sớm như thế mà mẹ lại còn bảo là “tạm được”. Tốt vào hạng nhất rồi đấy mẹ ạ.

Bà kia bấu môi:

– Phải, hạng nhất đấy!

– Chứ gì? Chị ấy mới đẻ con so, xưa nay lại không phải chân lấm tay bùn bao giờ, lại là vợ ông Phó lý chả phải khổ sở như người khác thì làm gì sớm chả tốt?

– Thế là bao nhiêu?

(Vũ Trọng Phụng, *Com thầy com cô*)

3. Đọc văn bản *Thư gửi con trai* của Thô-mát Hân Mo-gân (Thomas Hunt Morgan) trong phần *Viết* và cho biết văn bản này dùng ngôn ngữ thân mật hay ngôn ngữ trang trọng. Dựa vào đâu bạn nhận định như vậy?
4. Chúng ta có thể sử dụng ngôn ngữ thân mật khi thi vấn đáp, trả lời phỏng vấn xin học bổng du học, dẫn chương trình trong một buổi tọa đàm không? Vì sao?

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến về vấn đề: trong trang Facebook cá nhân, nên hay không nên nêu danh tính thật của người sử dụng? Vì sao?

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CÁI GIÁ TRỊ LÀM NGƯỜI

(Trích phóng sự *Com thầy com cô*¹)

Vũ Trọng Phụng²

... Nghĩa là có khi không bằng giá súc vật. Thật vậy, tôi thấy một vài con chó còn được chủ mua thịt bò cho ăn. Có khi, con chó mỗi tháng khiến chủ tốn kém hơn một đĩa xôi trong nhà.

Mười sáu người đủ hạng lớn bé, trẻ già này, mỗi người chỉ cầu như một con chó, nhiều khi kém một con chó, mà lại còn đem chân tay ra làm nhiều việc có ích, rất

¹ Phóng sự *Com thầy com cô* xuất bản lần đầu năm 1936, gồm phần đầu và chín chương nội dung. Tác phẩm là những câu chuyện thực tế về số phận những người dân nghèo trước Cách mạng tháng Tám, lên Hà Nội để kiếm sống bằng cách ở đợ, làm vú, bồi bàn, chạy xe,... Họ trở thành miếng mồi của bọn mua bán người, dặt mồi. Phần văn bản này trích từ Chương 3 với nhan đề *Cái giá trị làm người*, ghi lại hành trình của nhân vật “tôi” vào vai người đi xin việc, thâm nhập thế giới mua bán người.

² Vũ Trọng Phụng: xem thêm thông tin về tác giả ở Bài 7, *Ngữ văn 11*, tập hai, bộ sách *Chân trời sáng tạo*.

nặng nhọc, mà vẫn không kiếm được việc. Tôi chỉ bọn trẻ, trai và gái chưa qua 12 tuổi và hỏi cụ già:

– Cái bọn này thì bà định kiếm cho chúng mỗi tháng độ bao nhiêu công?

Cụ già khinh khỉnh nhìn tôi từ đầu đến chân rồi quay đi chỗ khác. Mãi mới nói:

– Thôi buổi này, bọn nhãi nhép ấy cứ được người ta mượn com không thôi đã là phúc!

– Thế thì tiền quà¹ của bà chắc chả mấy...

– Cái đó đã hẳn! Nhưng mà được năm xu² một hào³, thì cũng đủ. Bởi rẻ còn hơn ngồi không...

Tôi chỉ cái bọn thằng nhỏ cùng loạt tuổi tôi mà hỏi:

– Thế bọn này?

– Đứa năm hào, đứa ba hào...

– Thế mấy bà lão định ở vú già⁴, đương ngồi ăn ngô gốc cây kia kia?

– Cũng quanh quẩn đâu vào cái giá ấy.

Tôi chỉ vào một người đàn bà đi ở vú⁵ mà hỏi:

– Thế cô vú em kia?

Cụ già đổi giọng đáp:

– A, cái con mẹ ấy thì phải tìm cho nó chỗ ít nhất cũng hai đồng bạc công mới được! Mà tiền quà thì ít nhất cũng phải đòi một đồng! Nó sạch sẽ lắm! Sữa tốt hạng nhất đấy.

Lúc này, cụ già ra phía xa rồi về hè⁶ ngồi. Một lát sau thấy một bà già đã đứng tuổi, áo the trắng, hoa tai to, đến vẫy cụ.

– Này ư! Con vú tháng trước xin phép ra rồi!

Cụ già đưa người như bị cái lò so nào đẩy lên kêu:

– Chết chưa⁷! Làm sao thế ư?

– Chồng nó chết, nó xin về 15 hôm. Tôi phải cho nó thôi hẳn.

– May quá, con tưởng hay lại có điều tiếng gì.

¹ Tiền quà: trong trường hợp này ý nói tiền môi giới.

² Xu: đơn vị tiền tệ trước đây của Việt Nam, bằng một phần mười hào, một phần trăm đồng.

³ Hào: đơn vị tiền tệ trước đây của Việt Nam, bằng một phần mười đồng.

⁴ Vú già: người phụ nữ đã lớn tuổi, đi giúp việc cho nhà giàu trong xã hội cũ.

⁵ Người đàn bà đi ở vú: chỉ những người phụ nữ có con nhỏ, nhưng vì nghèo phải để con mình ở nhà, đi nuôi con người khác bằng sữa của mình.

⁶ Hè: dải nền trước hoặc quanh nhà.

⁷ Chưa: chưa (khẩu ngữ).

Thế là, trước cái tin buồn một người chết mụ đã thở dài một cái ra ý được nhẹ mình nên sung sướng lắm, bà kia hỏi tiếp:

– Mợ Ký nó nhà tôi còn mệt lắm, u có người nào ngay bây giờ không?

Mụ già làm ra vẻ nghĩ ngợi mãi mới đáp:

– Thừa cụ đây, có u này đây...

Nhưng mà con đã trót hẹn với cụ Lý con ở dưới kia... Không biết có nên để cho nó về ngay với cụ không hay là để nó chờ...

Bà kia hớ hênh¹ nói ngay:

– Thôi, xem có muốn được thì để ngay nó cho tôi. Mợ Ký nó nhà tôi mệt chưa khỏi.

– Bẩm con nể cụ quá.

– Ôi chà! Bây giờ khỏi người ra, chả khó như ngày xưa. Rồi u tìm cho cụ Lý nhà u một người khác cũng được.

– Đứng lên, ra đây mau lên chứ ngồi ngẩn mặt ra thế à?

Bà kia nhìn người vú từ đầu đến chân đoạn gật gù cái đầu mà rằng:

– Ủ, trông cũng sạch sẽ đấy, cho xem sữa nào?

Mụ già vội nói ngay:

– Bẩm cụ, ấy ở nhà quê, chị ta là vợ một ông Phó lý² kia đấy. Xưa nay chẳng phải chân lấm tay bùn bao giờ!

Vú em vạch yếm để hở cái ngực trắng nõn, vắt sữa vào lòng một bên bàn tay. Bà kia xem qua loa kêu:

– Tạm được.

Tức thì mụ già giẫy nảy người lên mà rằng:

– Cha mẹ ơi! Sữa như thế mà mẹ lại còn bảo là “tạm được”. Tốt vào hạng nhất rồi đấy mẹ ạ.

Bà kia bĩu môi:

– Phải, hạng nhất đấy!

– Chứ gì? Chị ấy mới đẻ con sơ³, xưa nay lại không phải chân lấm tay bùn bao giờ, lại là vợ ông Phó lý chả phải khổ sở như người khác thì làm gì sữa chả tốt?

– Thế là bao nhiêu?

Người vú em chưa kịp đáp, mụ già đã nói trước:

– Xin cụ cho cũng như cụ Lý⁴ con dặn nó...

¹ Hớ hênh: không cẩn thận, không có sự giữ gìn, để phòng.

² Phó lý: người làm phó cho lý trưởng.

³ Con sơ: con đầu lòng.

⁴ Cụ Lý: lý trưởng.

– Thế là bao nhiêu?

– Ấy cụ Lý con bảo tìm hộ một chị sửa tốt sạch sẽ, mỗi tháng độ chừng ba đồng. Ấy con còn bận một tí, nên chưa đưa chị ấy lại cụ Lý con đấy.

Bà đi muốn vú bĩu mồm mà rằng:

– Thôi tôi cũng trả công cho như con vú trước, nghĩa là hai đồng.

Tức thì cụ già chấp hai tay vái lấy vái để như đứng trước một cửa điện¹ nào vậy, rồi quay mặt đi chỗ khác, không đáp.

– Thế nào?

– Lạy mẹ, mẹ cứ trả nó hai đồng chín hào chín xu xem nó bằng lòng được không?

Phát khùng lên rồi, bà kia phải gất:

– Thì việc gì đến u đấy nào? U cứ biết cái phận u cứ nhận tiền quà thôi có được không, sao lại cứ chõ² vào công xá của người ta thế?

Người vú em lấm lét nhìn cụ già đoạ khe thừa rằng:

– Lạy cụ, cụ có muốn thì xin cụ cũng cho công như cụ Lý con dưới kia, thì con sai hẹn mới bõ³.

Bà kia đứng thờ người ra hồi lâu rồi quay gót. Tôi hỏi cụ già:

– Này u, lúc này tôi thấy u nói chỉ cần hai đồng một tháng...

– Ấy thế nhưng mà cái món này bóp được hơn. Rồi anh xem thế nào chốc nữa lại chả ra ngay đây bây giờ.

Độ nửa giờ sau, quả nhiên lại thấy bà kia ra, nói:

– Thôi thì tôi cũng bằng lòng trả cho chị ấy ba đồng một tháng vậy, còn về phần u lúc nào rồi thì lại mà lấy tiền quà.

Một cách rất khả ố⁴, cụ già gãi đầu một hồi, rồi cau có nét mặt mà phàn nàn rằng:

– Lạy mẹ, thật nể mẹ quá đi mất! Bây giờ con lại phải tìm ngay một con vú khác cho cụ Lý con dưới kia đây... Mẹ cứ cho con xin một nửa trước vậy.

Vì nhận được của bà kia năm hào rồi, cụ già bảo người vú em kia:

– Thôi cứ theo cụ về nhà, rồi chiều hôm nay tôi lại lấy nốt tiền quà thì tôi tạt về nhà đem cho cái thúng quần áo... Này, cụ là người phúc đức, cậu Ký, mợ Ký cũng là người biết thương người thì u cũng ăn ở cho có lễ phép, cho nó nên ơn nên nghĩa, phải ngoan ngoãn mà trông nom em, biết chưa?

¹ Điện: nơi thờ thần thánh.

² Chõ: nói xen vào việc không dính líu đến mình.

³ Bõ: có tác dụng bù lại một cách tương xứng cái đã bỏ ra hoặc đã chịu đựng.

⁴ Khả ố: xấu xa, đáng khinh ghét.

Họ chia tay nhau... mẹ đưa người đã thành công trong việc “bóp cổ” người. Cái giá trị làm người, đối với bọn con thầy con cô không phải ở cái sức làm việc của con người, nhưng mà treo trên đầu lưỡi của con mẹ nặc nô¹ mềm nắn rắn buông và suốt đời không bao giờ biết nói thật.

Một buổi sáng qua như thế cho mãi đến chiều. Mẹ già chỉ “tiêu thụ” được có một chị vú em thôi, nhưng mẹ đã được đồng bạc. Còn 15 người nữa đói thì mẹ cần gì, vì chính mẹ, mẹ có phải đói hộ người khác đâu. Bọn kia cứ việc, bầy hàng đầy giấy ở đầu hè, duỗi dài chân ra, hoặc là xoạc cẳng ra, quần vén lên đến đùi để mà “khảo cứu” về lòng chân loài người, hoặc để ngủ gật.

[...]

(In trong *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 29, NXB Khoa học xã hội, 2000, tr. 140 – 144)

Hướng dẫn đọc

1. Văn bản trên thể hiện những đặc điểm nào của thể loại phóng sự?
2. Liệt kê một số chi tiết có tính xác thực và nêu tác dụng của các chi tiết đó trong văn bản.
3. Bạn có nhận xét gì về mật độ sử dụng và tác dụng của lời thoại trong văn bản?
4. Tìm một số ví dụ về sự kết hợp giữa trần thuật với miêu tả hoặc kết hợp giữa trần thuật với bình luận và cho biết tác dụng của sự kết hợp ấy.
5. Đoạn trích này giúp bạn hiểu như thế nào về con người, xã hội Việt Nam thời kì trước năm 1945?
6. Nhận xét về nghệ thuật viết phóng sự của tác giả Vũ Trọng Phụng (tác dụng của việc sử dụng ngôi kể, điểm nhìn, cách trần thuật, miêu tả, sử dụng lời thoại,... trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của văn bản).
7. Theo bạn, cách phản ánh sự thật đời sống của phóng sự và nhật kí có gì giống và khác nhau?



VIẾT

VIẾT THƯ TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài: *Thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm* là kiểu văn bản thư tín, trong đó người viết thư trao đổi với người nhận thư về một vấn đề trong cuộc sống, đồng thời sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc.

¹ Nặc nô: trong văn bản có nghĩa là người đàn bà danh đá, lảm lời, thô bỉ.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- *Về nội dung:* nêu được vấn đề cần quan tâm, trình bày được ý kiến về vấn đề.
- *Về hình thức:*

Với thư tay, bố cục văn bản gồm:

Mở đầu: Nêu địa điểm, thời gian viết thư, danh tính người nhận, lời chào mở đầu.

Nội dung: Trình bày ý kiến trao đổi về vấn đề.

Kết thúc: Lời chào tạm biệt, danh tính người viết thư.

Với hình thức thư điện tử, bố cục về cơ bản như thư tay, nhưng cần chú ý đến địa chỉ người nhận, chức năng Cc¹, Bcc².

Đọc ngữ liệu tham khảo

Thư gửi con trai³

Ngày ..., tháng ..., năm ...

Uy-li-am (William) yêu quý!^[1]

Trước khi thảo luận cùng con, cha^[1] muốn hỏi con^[1] mấy vấn đề như sau: Con đã từng hỏi bản thân mình là người như thế nào chưa? Con đã từng tự ngẫm lại những cử chỉ, lời nói thường ngày của mình chưa? Trong lá thư này cha muốn nói với con về nhân tính.^[2]

Nhân tính là gì? Câu hỏi này đã được đặt ra rất nhiều lần trong cuộc sống. Cha cho rằng nhân tính là tổng hợp tất cả những phẩm chất tốt đẹp nhất của con người. Nó bao gồm: mạnh mẽ, cương nghị, cảm thông, chính trực, lương thiện,... tất cả những phẩm chất đáng được ca ngợi. Một người có nhân tính hay không, chỉ cần nhìn vào những điều nhỏ nhất từ cuộc sống hằng ngày của anh ta là sẽ thấy. Có những người ý chí mềm yếu, chơi bời lêu lổng, lừa đảo người lành, khiếp sợ kẻ ác. Có những người ý chí kiên cường, cần cù, chịu khó, chính trực, lương thiện. Loại người thứ nhất không có nhân tính, còn loại người thứ hai là tấm gương mẫu mực của người có nhân tính. Vậy thì làm thế nào để có nhân tính?^[3]

Để có nhân tính, trước hết bản thân phải có nhân cách tốt đẹp.^[4] Lin-cơn⁴ (Lincoln) đã qua đời mấy chục năm nhưng danh tiếng của ông vẫn vang mãi. Vì sao lại như vậy? Vì Lin-cơn là người có nhân cách vĩ đại. Khi còn sống, ông là người chính trực, liêm khiết không bao giờ hạ thấp nhân cách của mình, không chà đạp lên danh dự của mình.^[5]

Con trai ạ, hãy luôn ghi nhớ rằng: Giữ gìn nhân cách là sức mạnh lớn nhất trên đời này. Khi mới bắt đầu sự nghiệp, nếu như con có thể lấy nhân

[1]: Nêu thời gian viết thư, chào hỏi người nhận thư

[*]: Cách xưng hô phù hợp với đối tượng giao tiếp

[2]: Nêu vấn đề cần trao đổi

[3]: Trình bày chi tiết về vấn đề trao đổi

[4]: Nêu giải pháp

[5]: Làm rõ vấn đề bằng ví dụ cụ thể

¹ Cc: (Viết tắt của Carbon Copy): tính năng gửi email cho nhiều người cùng lúc, danh sách những người nhận nội dung mail được hiển thị công khai với tất cả những người được nhận mail.

² Bcc: (Viết tắt của Blind Carbon Copy): tính năng gửi email cho nhiều người nhận cùng lúc, nhưng họ sẽ không biết được danh sách những người cùng nhận thư chung với mình.

³ Trích thư gửi con trai của nhà di truyền học người Mỹ, Thô-mát Hân Mo-gân.

⁴ Lin-cơn: tức A-bra-ham Lin-cơn (Abraham Lincoln) (1809 – 1865), tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ.

cách của mình làm nguồn vốn cho sự nghiệp, thì sau này cho dù không phải lúc nào con cũng gặp thuận lợi, nhưng cũng không gặp thất bại đến ê chề. Ngược lại, nếu đánh mất đi nhân cách cơ bản nhất, thì con chẳng còn gì để mà nói đến sự nghiệp thành công nữa. Một người thực sự có được thành tựu trong sự nghiệp chắc chắn là người có nhân cách. Chúng ta thường nói, phải học làm người trước, từ đó có thể thấy bồi dưỡng nhân cách là nguồn vốn đáng tin cậy nhất cho sự nghiệp. ^[6]

[6]: Thuyết phục người đọc bằng lí lẽ

Con bây giờ đang ở trong giai đoạn học tập then chốt, tuổi trẻ tươi đẹp là thời kì lí tưởng để con nuôi dưỡng nhân cách của mình. Rất nhiều các bạn trẻ không nhận thức được điều này. Thời đi học, nhiều người không chịu khó học các kiến thức văn hoá, lại đi học các thói hư tật xấu như: lười biếng, ích kỉ, lừa thầy dối bạn, không có tí trách nhiệm nào với tương lai của chính mình. Sau này chắc chắn họ không thể là người đủ tiêu chuẩn bước vào xã hội, chứ đừng nói đến việc sẽ gây dựng nên sự nghiệp. Ngược lại những người hết lòng ham học, thật thà, có trách nhiệm, đạo đức tốt, sau này chắc chắn sẽ có tiền đồ tươi sáng. ^[5]

Thành thật và giữ lời hứa là những phẩm chất quan trọng nhất trong vẻ đẹp nhân cách của con người, là thứ đáng tin cậy nhất trên đời. Trong cuộc sống không ít người vì vứt bỏ sự thành thật mà cuối cùng phải gánh chịu thất bại. Mấu chốt của thành công nằm ở sự chính trực, công bằng, thành thật và giữ chữ tín, nếu ta thiếu những thứ này thì không thể đi tới thành công đích thực được. Bất kể trong học tập hay đi làm, những phẩm chất này đều giúp con gạt hái được thành công như mong muốn. ^[6]

Con trai, con cần phải biết bảo vệ nhân cách của mình, nhân cách là thứ quý giá nhất trong mọi tài sản. Lúc cần thiết, thậm chí ta còn hi sinh tính mạng của mình để bảo vệ nhân cách. ^[6]

Người không có nhân cách thì làm bất cứ việc gì cũng phải đeo mặt nạ, hại người để trục lợi, tuy họ có được tiền nhưng trong thâm tâm thực ra rất đau khổ, bởi việc họ làm không có nhân tính nên lương tâm sẽ bị dằn vặt. ^[5]

Con phải hiểu rằng, cho dù sau này con làm bất cứ ngành nghề gì thì cũng phải tôn trọng nhân cách và giữ gìn phẩm hạnh của mình. Sau này dù con làm bác sĩ, luật sư, doanh nhân, hay làm nông dân, nghị sĩ, chính trị gia,... thì con cũng phải nhớ một điều, trước sau con vẫn đang làm "người". Ngoài ra, để có được nhân tính tốt đẹp, con cần có một tấm lòng cao thượng, hãy đóng đầy trong tim mình những điều tốt đẹp. Với một tâm hồn mạnh mẽ, dũng cảm, con có thể chống lại tất cả những thứ tàn ác. ^[4] Con hãy ghi nhớ rằng: Thà chấp nhận kẻ trộm vào nhà cả nghìn lần, lấy đi những bộ sưu tập đắt giá, lấy đi bao của cải, cũng không được chấp nhận kẻ thù của tinh thần, đó là sự hỗn loạn, suy nghĩ bệnh hoạn, lo âu, đổ kị, sợ hãi,... lấy đi sự bình an của con, cướp đi sự yên tĩnh trong tâm hồn con. Mất sự bình an và yên tĩnh trong tâm hồn, cuộc sống chỉ còn là "nằm mơ sống" mà thôi. ^[5]

Một người làm chủ được suy nghĩ của mình, có thể thay thế thất vọng bằng hi vọng, lấy suy nghĩ tích cực thay thế cho tiêu cực, lấy quyết tâm thay cho hoài nghi, lấy lạc quan thế chỗ cho bi quan. Người làm nô lệ cho sự lo âu, sợ hãi, suy sụp thì chắc chắn sẽ là người thất bại. Vì vậy, trong

bất kì tình huống nào, con cũng không được để những suy nghĩ buồn phiền, bệnh hoạn, hỗn loạn xâm nhập vào tâm hồn mình! Nếu một người ngay từ khi còn nhỏ đã biết giữ trong lòng những suy nghĩ lạc quan, tích cực, biết bỏ ra ngoài những suy nghĩ có tính phá hoại, ăn mòn, thì cuộc đời của người ấy sẽ giảm được rất nhiều tổn hại không cần thiết. Con cần học cách xua đuổi những kẻ thù của tinh thần, quét sạch những suy nghĩ xấu trong đầu, cự tuyệt chúng ra khỏi ý thức, khiến chúng không tới gõ cửa trái tim con.^[4]

Con trai, chỉ cần con để lòng mình luôn lấp đầy bởi những suy nghĩ trung hậu, lương thiện, vị tha, chân thực, hài hoà, thì tất cả những suy nghĩ xấu xa sẽ biến mất rất nhanh. Tư tưởng nhân ái, thân thiện, hữu hảo có thể đánh thức những phẩm chất cao thượng nhất trong con người. Chúng sẽ cho con sức khoẻ, sự hài hoà, và sức mạnh, sẽ giúp con có được sự nghiệp thành công và cuộc sống tốt đẹp.^[4]

Cha hi vọng con trưởng thành khoẻ mạnh, có một cuộc sống tươi đẹp và nhân cách cao thượng thuộc về chính con.

Chúc con hạnh phúc suốt đời!

Cha mãi yêu con!^[7]

Thô-mát Hân Mo-gân

(In trong *Học cho ai, học để làm gì*, tập 2,
NXB Kim Đồng, 2022, tr. 120–124)

[7]: Lời chúc, lời chào tạm biệt

Đối chiếu phần *Đọc ngữ liệu tham khảo* với mục *Tri thức về kiểu bài* và cho biết:

1. Bức thư gồm những phần nào?
2. Mục đích viết thư của tác giả là gì?
3. Tìm những lí lẽ, bằng chứng mà người bố đã sử dụng để thuyết phục con trai mình.
4. Tác giả đã đề xuất những giải pháp nào để hình thành nhân cách của con người?
5. Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản có phù hợp với đối tượng người nhận hay không?
6. Sau khi đọc xong ngữ liệu, bạn rút ra kinh nghiệm gì khi viết thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Viết thư trao đổi với bạn về một vấn đề mà học sinh lớp 12 quan tâm.

Bước 1: Chuẩn bị viết

- Những vấn đề mà học sinh lớp 12 thường quan tâm trước khi bước vào một giai đoạn mới của cuộc đời (lựa chọn nghề nghiệp tương lai, phương pháp học tập, sự cân bằng giữa học tập và giải trí, tình bạn và tình yêu,...).

- Đối tượng người đọc là ai? Đối tượng đó sẽ mong muốn nhận được điều gì từ lá thư của bạn?

- Chọn cách viết như thế nào để lá thư có tính thuyết phục?
- Tìm hiểu mối quan tâm của những người bạn trong lớp, trong trường,... thông qua trò chuyện, tâm sự, trang mạng xã hội, qua các cuộc thảo luận trong nhóm, trong lớp,....
- Tìm đọc những thông tin liên quan đến đề tài mà bạn đã chọn trên các tờ báo, trang web, các loại sách dành cho lứa tuổi học sinh trung học phổ thông như sách hướng nghiệp, tâm lý, kỹ năng sống,...

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- Những nội dung cần trao đổi về đề tài đã chọn là gì?
- Những ví dụ nào từ sách vở, thực tế cuộc sống có thể là minh chứng cho vấn đề cần trao đổi?
- Có những giải pháp nào cho vấn đề?
- Những giải pháp đề xuất cho vấn đề là gì?
- Từ các ý đã tìm, lập thành dàn ý cho lá thư.
- Nêu các ví dụ có thể làm rõ vấn đề.

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, bạn viết một bức thư hoàn chỉnh, đảm bảo ngắn gọn rõ ràng, bố cục hợp lý, lập luận thuyết phục, lí lẽ xác đáng, đề xuất giải pháp khả thi (nếu cần), sử dụng cách xưng hô phù hợp. Với hình thức thư điện tử, bạn lưu ý: đặt tiêu đề thư rõ ràng, bao quát nội dung chính; sử dụng chính xác tính năng gửi cho nhiều người (Bcc – ẩn danh sách người cùng nhận; Cc – hiển thị danh sách người cùng nhận), có thể sử dụng chữ kí điện tử.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

- Đọc lại, tự kiểm tra bài viết dựa trên bảng kiểm sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Có địa điểm, thời gian cụ thể, danh tính người nhận thư		
	Nêu lời chào mở đầu		
Nội dung chính	Lần lượt trình bày rõ ràng, ngắn gọn các nội dung cần trao đổi		
	Đề xuất cách thức giải quyết vấn đề (nếu cần)		
	Đưa ra được các bằng chứng (nhân vật, sự việc, số liệu,...) chính xác, đáng tin cậy để làm rõ cho nội dung lá thư		

Kết thúc	Nêu lời chúc hoặc lời cảm ơn		
	Nêu danh tính người viết thư		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Bố cục cân đối, phần mở đầu và kết thúc tương xứng về dung lượng		
	Sử dụng cách xưng hô phù hợp		
	Đảm bảo đúng chính tả		
	Không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...)		

- Điều chỉnh những chỗ chưa đạt.



NÓI VÀ NGHE

TRANH LUẬN MỘT VẤN ĐỀ CÓ Ý KIẾN TRÁI NGƯỢC

Đề tài:

Lớp bạn tổ chức tranh luận về vấn đề: *Nên chọn nghề, chọn trường theo mong muốn của cha mẹ, theo bạn bè hay theo năng lực, hứng thú của cá nhân.*

Hãy chuẩn bị ý kiến để tham gia cuộc tranh luận đó.

Bước 1: Chuẩn bị cho cuộc tranh luận

- Mục đích tranh luận là gì? Đối tượng tranh luận là những ai?
- Thu thập thông tin liên quan đến nội dung tranh luận từ các trang báo, tạp chí, các sách, các chương trình tư vấn nghề nghiệp,...
- Phác thảo một số ý kiến để trình bày trong cuộc thảo luận theo gợi ý sau:

Ý kiến của tôi	Dự kiến ý kiến phản biện	Dự kiến ý kiến trao đổi
Ý kiến thứ nhất		
Lí lẽ, lập luận		
Bằng chứng (từ thực tế, từ sách vở)		
Ý kiến thứ hai		
Lí lẽ, lập luận		
Bằng chứng (từ thực tế, từ sách vở)		

Bước 2: Tiến hành tranh luận

- Khi trình bày ý kiến của mình, bạn cần:

- Trình bày ngắn gọn, dựa trên dàn ý đã phác thảo.
- Nêu lí lẽ, bằng chứng (từ thực tế cuộc sống và từ sách vở) để tăng sức thuyết phục cho ý kiến.
- Trình bày giải pháp có tính khả thi cho vấn đề tranh luận.
- Tương tác với người nghe (bằng cách nhìn vào mắt họ, nêu câu hỏi),...
- Kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (động tác hình thể, ngữ điệu lời nói,...).

• Khi tranh luận, bạn cần:

- Tuân thủ quy tắc lượt lời, không cướp lời.
- Tôn trọng ý kiến khác với quan niệm của mình.
- Nêu câu hỏi về những vấn đề bản thân chưa hiểu rõ.
- Tập trung thảo luận, tranh luận về các ý kiến, không công kích cá nhân.

Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm

Bảng kiểm kĩ năng tranh luận một vấn đề có ý kiến trái ngược

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Lời chào ban đầu và giới thiệu (nếu cần)		
	Giới thiệu vấn đề cần trình bày		
Nội dung chính	Nêu ngắn gọn các ý kiến trái ngược về vấn đề		
	Nêu luận điểm thể hiện ý kiến, quan điểm của bản thân về vấn đề		
	Đưa được lí lẽ hợp lí, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm		
	Phân tích được bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm		
Kết thúc	Khẳng định lại quan điểm của bản thân về vấn đề		
	Nêu giải pháp, bài học từ vấn đề		
Tranh luận	Vai trò người nói	Đưa ra được phản hồi xác đáng, thuyết phục để bảo vệ quan điểm của bản thân trước sự phản bác của người nghe	

	Vai trò người nghe	Nêu được ý kiến phản biện xác đáng, thuyết phục về nội dung bài trình bày của người khác		
		Đặt được câu hỏi hợp lí về những nội dung chưa chính xác, chưa rõ ràng trong bài trình bày của người khác		

Rút ra bài học kinh nghiệm về kĩ năng thảo luận, tranh luận dựa vào gợi ý sau:

1. Nêu hai ưu điểm về cách trình bày ý kiến và cách tranh luận mà nhóm đã có.
2. Nêu giải pháp để khắc phục những hạn chế về cách trình bày ý kiến và tranh luận.

ÔN TẬP

1. Nêu một số điểm tương đồng và khác biệt giữa hai thể loại phóng sự và nhật kí.
2. Điền thông tin phù hợp vào bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Một số yếu tố phê hư cấu	Chủ đề	Cảm hứng chủ đạo
<i>Con gà thờ</i>			
<i>Trên những chặng đường hành quân</i>			
<i>Cái giá trị làm người</i>			

3. Viết một đoạn đối thoại (khoảng bốn đến sáu lượt lời) giữa em và các bạn cùng lớp về việc viết nhật kí, sau đó phân tích đặc điểm ngôn ngữ thân mật trong đoạn hội thoại này.
4. Tóm tắt các yêu cầu về nội dung, hình thức của văn bản thư trao đổi về một vấn đề bằng sơ đồ hoặc bảng biểu.
5. Thiết kế một tờ rơi thể hiện những điều cần lưu ý về vấn đề chọn trường hoặc chọn nghề, sau đó gửi đến bạn cùng lớp.
6. Trình bày ý kiến của bạn về tác hại của việc bóp méo sự thật.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,...
- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kịch đối với người đọc và tiến bộ xã hội.
- Phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nghịch ngữ.
- Viết được thư trao đổi công việc.
- Biết tranh luận một vấn đề xã hội có những ý kiến trái ngược nhau; tôn trọng người đối thoại; thể hiện được thái độ cầu thị khi thảo luận và biết điều chỉnh ý kiến khi cần thiết để tìm giải pháp trong tranh luận, thảo luận.
- Tôn trọng sự thật, hiểu được ý nghĩa của niềm vui, tiếng cười trong đời sống và trong nghệ thuật.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Hài kịch là một thể loại kịch dùng tiếng cười phê phán thói hư tật xấu, suy đồi đạo đức, tệ nạn xã hội, tố cáo những gì không phù hợp với đời sống, từ đó nỗ lực thay đổi nhận thức của khán giả, hướng đến một nhân sinh quan tốt đẹp hơn. Nếu bi kịch gọi lên cảm xúc xót thương và sợ hãi trong khán giả thông qua sự mất mát hay cái chết của những nhân vật cao quý thì hài kịch dùng tiếng cười để phê phán những giá trị lỗi thời, khẳng định sự chiến thắng của những giá trị mới mẻ, tiến bộ. Đặc điểm của hài kịch thể hiện qua tình huống, xung đột, hành động, nhân vật, các sắc điệu của tiếng cười, thủ pháp trào phúng, ngôn ngữ hài kịch,...

Cốt truyện hài kịch thường là câu chuyện đời thường, dựa trên *tình huống gây cười* (hiểu lầm, nhầm lẫn, trùng hợp ngẫu nhiên,...) dẫn đến nghịch cảnh trớ trêu, bộc lộ bản chất, tính cách đáng chê cười của nhân vật, nhiều khi có kết cục dở khóc dở cười,... Câu chuyện thường bắt đầu bằng sự mất cân xứng, lệch chuẩn nào đó và kết thúc khi sự cân bằng được thiết lập lại, hợp đạo lí.

Xung đột trong hài kịch thường phát sinh từ sự sai lệch với chuẩn mực đạo đức và thẩm mỹ mà cộng đồng công nhận, đòi hỏi lập lại sự hài hoà và hợp lí.

Hành động trong hài kịch là toàn bộ hoạt động của các nhân vật thông qua lời thoại, ngữ điệu, cử chỉ, biểu cảm,... nhằm thể hiện thế giới nội tâm và kết nối sự kiện, làm nên sự phát triển của cốt truyện hài kịch. Hành động trong hài kịch thường gắn với tình huống hài kịch và góp phần thể hiện các thủ pháp trào phúng.

Nhân vật hài kịch có thể thuộc mọi tầng lớp trong xã hội, là những người có tính cách, tâm lí, lối sống, đam mê, ứng xử trái với lẽ thường, tạo nên những tình huống, hành vi, lời lẽ nực cười.

Tiếng cười trào phúng có nhiều cung bậc: hài hước, mỉa mai, châm biếm, đả kích tùy theo đối tượng trào phúng có đáng được thông cảm hay không.

Thủ pháp trào phúng: Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như phóng đại, nghịch lí, nghịch dị¹, tương phản, tăng cấp, nói mỉa, từ nhiều nghĩa, chơi chữ, tự lật tẩy (tự bóc trần),...

Ngôn ngữ và hiệu ứng “chứa trị” của hài kịch

Ngôn ngữ trong hài kịch gắn với ngôn ngữ đời sống và đậm tính gây cười. Là một trong những thể loại nghệ thuật có khả năng tác động và định hình ý thức cộng đồng, ngoài chức năng giải trí, làm hưng phấn tâm trạng, hài kịch còn giúp khán giả lạc quan và tỉnh táo nhận thức thực tế, bảo vệ mình trước cái tiêu cực, dấy lên mong muốn chữa trị những khiếm khuyết, bất cập trong đời sống xã hội và cá nhân.

Biện pháp tu từ nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng

Nghịch ngữ là biện pháp tu từ kết hợp các từ ngữ biểu thị những khái niệm mâu thuẫn nhau để tạo ra những cách nói, cách viết trái với cách nói, cách viết thông thường nhằm mục đích làm nổi bật bản chất vấn đề, gây ấn tượng mạnh đối với người tiếp nhận đồng thời làm tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: Biện pháp tu từ nghịch ngữ trong tiêu đề tác phẩm *Kẻ sát nhân lương thiện* (Lại Văn Long), *Âm thanh im lặng* (Vũ Quần Phương), *Tuyết bóng* (Bôn-đa-rép),...

¹ *Nghịch dị* (Grô-téc – Grotesque): còn được dịch là “kì quặc”, là một thủ pháp của cái hài, kết hợp giữa biếm hoạ với hiện thực, hư cấu với hiện tượng có thật trong đời sống, phóng đại đến mức phi lí cái nực cười của hiện tượng, làm sinh động hình ảnh, thể hiện thái độ của nhà văn.

**ĐỌC****VĂN BẢN 1****MÀN ĐIỀU HÀNH – TRÌNH DIỄN QUAN THANH TRA¹**(Trích kịch *Quan thanh tra*)**N. Gô-gôn (Gogol)**

Quan thanh tra (1836) là tác phẩm nổi tiếng của N. Gô-gôn. Cốt truyện dựa trên một sự hiểu lầm: Thị trưởng được cấp báo có quan thanh tra từ Thủ đô Xanh Pê-téc-bua (Saint-Petersburg) bí mật đến thành phố. Quan chức địa phương nháo nhào cất đặt phương án đối phó. Trong cơn hoảng sợ, đã họ nhầm Khle-xta-kốp (Khlestakov) – một công chức nhỏ thua bạc nhẩn túi đi ngang qua thành phố – là quan thanh tra, nên đón hân vể lưu trú tại nhà thị trưởng. Họ thi nhau nịnh hót, hối lộ y và nói xấu nhau. Sau khi ăn uống no say, khoe khoang khoác lác, ve vãn vợ và con gái thị trưởng, nhận một số tiền lớn, Khle-xta-kốp rời thành phố. Đúng lúc đó quan thanh tra thật tới, chính thức ra lệnh đòi các quan chức lập tức đến trình diện. Tất cả chết sững, đứng im bất động hồi lâu.

Văn bản dưới đây trích từ các lớp đầu của Hồi IV. Hành động kịch xoay quanh cuộc gặp gỡ, trò chuyện giữa Khle-xta-kốp với một số quan chức sở tại cùng các địa chủ và các nhà buôn.

✓ Trước khi đọc

Giả định có đoàn đánh giá “Vì một môi trường xanh – sạch – đẹp quanh ta” đến lớp bạn, phản ứng tự nhiên của bạn là gì?

✓ Đọc văn bản**HỒI IV**

Tất cả các sự kiện ở hồi này diễn ra tại một căn phòng nhà thị trưởng.

Lớp 1

Các vị quan chức địa phương: rón rén, gằn như kiễng gót đi vào, đều mặc lễ phục hoặc quan phục. Suốt lớp họ đều nói khẽ. ¹

Chánh án (sắp mọi người đứng theo hình bán nguyệt)
– Thưa các ngài, hãy quay tròn lại đây, nhanh lên, và phải có trật tự mới được! Ngài là tay ghê gớm lắm, Ngài thường ra vào chốn cung điện Hoàng đế, và mắng cả các quan trong Quốc vụ viện kia đấy! Nào, đứng nghiêm! Theo kiểu nhà binh, nhất thiết phải theo kiểu nhà binh.

Theo dõi

1 Chú ý lời đối thoại bộc lộ tính cách của từng nhân vật.

¹ Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.

Quản lý Viện tế bần¹ – Xin theo ý ông, nhưng này, chúng ta cần phải tiến hành gì đó mới được chứ!

Chánh án – Cụ thể tiến hành gì?

Quản lý Viện tế bần – Lại còn phải hỏi, ai chả biết!

Chánh án – Vi thiếng² Ngài à?

Quản lý Viện tế bần – Ủ thì vi thiếng chứ sao.

Chánh án – Ấy chết, nguy hiểm lắm, Ngài không quát om lên ấy à: một chính khách chứ có phải chuyện chơi đâu. Hay ta cứ nói đấy là tiền cúng của nhóm quý tộc vào một công trình kỉ niệm nào đó?

Trưởng bưu cục – Hay là thế này: ta cứ nói là không biết tiền của ai gửi cho Ngài qua bưu điện.

Quản lý Viện tế bần – Coi chừng đấy! Ông mà nói thế lại không bị gửi theo các trạm bưu điện đến một nơi nào xa lắc xa lơ ấy à! Nghe đây này: trong một quốc gia được tổ chức tốt, những việc như thế này không thể làm theo cách các ông đưa ra được. Phải lần lượt, từng người một, vào yết kiến Ngài, thế rồi bốn mắt nhìn nhau... tùy cơ ứng biến, không để chuyện lọt đến tai người khác. Đấy, trong một xã hội được tổ chức tốt, người ta dàn xếp với nhau như thế đấy! Này, ông Chánh án, ông đi trước mở đường đi!

Chánh án – Thôi, ông vào gặp trước thì hơn, vị khách quý đã từng ném bánh ở công sở ông rồi.

Quản lý Viện tế bần – Thôi, để ông Kiểm học³, nhân danh nhà giáo dục thanh niên, như vậy hơn.

Kiểm học – Ối, thưa các ngài, tôi không làm được, không thể làm được đâu. Thú thực, tôi được giáo dục theo kiểu là... mỗi khi quan trên nói với tôi, tự nhiên tôi cứ như người mất hồn, lưỡi ríu cả lại, như bị sa lầy ấy. Thôi, thưa các ngài, các ngài tha cho, các ngài miễn hấn cho!

[...]

Có tiếng bước chân và ho trong phòng Khile-xta-kốp. Cả bọn chạy xô ra cửa, chen chúc tranh lẫn, có người bị nghẹt thở, kêu lên khe khẽ. Cuối cùng họ thoát hết được ra ngoài, căn phòng không còn người.

¹ *Quản lý Viện tế bần*: người đứng đầu Trung tâm Bảo trợ xã hội, nơi thực hiện miễn phí các dịch vụ chữa bệnh, cung cấp lương thực, thực phẩm cho những người có hoàn cảnh khó khăn.

² *Vi thiếng*: dứt lốt.

³ *Kiểm học*: người có nhiệm vụ quản lý và giám sát trường học (từ vựng cổ).

Lớp 2

Khle-xta-kốp một mình

Khle-xta-kốp (*mất nhầm mất mở đi vào*) – Hình như mình đánh một giấc ra trò thì phải. Không biết họ lấy ở đâu ra những chần, nệm lông ấm thế, ấm đến toát mồ hôi ra. Hôm qua không biết họ cho mình đánh chén cái gì ấy nhỉ: đầu óc mình đến bây giờ còn choáng váng cả lên. Xem chừng ở đây chơi ít bữa cũng khoái. Mình thích được tiếp đón thân mật; thú thực nếu họ niềm nở với mình như vậy là vì tốt bụng, chứ không phải vì quan tâm du khách¹, thì thú hơn. Con gái lão thị trưởng trông cũng sạch nước cần² đấy chứ, vợ lão cũng vậy, còn có thể dùng được đấy... Không, chẳng biết ăn thua gì không, nhưng sống như thế này, thật cũng khoái. **2**

Dự đoán

2 Ở những lớp kịch tiếp theo (trước khi biết mình bị nhầm là quan thanh tra), Khle-xta-kốp sẽ cư xử như thế nào?

Lớp 3

Khle-xta-kốp và viên chánh án

Chánh án (*vào, dừng lại, nói riêng*) – Trời ơi! Trời ơi, Xin ban phúc lành cho con! Sao tôi rụng rời cả chân tay thế này! (*nói to, uốn ngực, tay để lên chuỗi kiếm*³) – Tôi xin hân hạnh tự giới thiệu: tôi là Li-ap-kin-Ti-ap-kin (Lyapkin-Tyapkin), kiểm định viên cao cấp, chánh án toà án quận sở tại.

Khle-xta-kốp – Xin mời ông ngồi. Thế ra ông là chánh án ở đây à?

Chánh án – Tôi được giới quý tộc bầu năm 1818, khoá ba năm; đến giờ tôi vẫn đảm trách.

Khle-xta-kốp – Nghề chánh án chắc kiếm ăn khá đấy chứ nhỉ?

Chánh án (*hơi chìa bàn tay nắm chặt. Nói riêng*) – Trời! Không biết tôi ngồi ở đâu đây. Cứ y như ở trên bàn chông ấy. **3**

Khle-xta-kốp – Tay ông cầm gì thế?

Chánh án (*luống cuống, đánh rơi xấp tiền giấy xuống sàn*) – Dạ, không ạ!

Khle-xta-kốp – Sao lại không? Tôi thấy rồi, ông đánh rơi tiền kia kìa!

Suy luận

3 Lời *nói riêng* bộc lộ nét tính cách gì của từng nhân vật?

¹ Bản thân Khle-xta-kốp đến lúc này vẫn không biết mình bị nhận nhầm là “quan thanh tra”. Ở Hồi II và III, vì tưởng y là quan thanh tra đang đóng giả khách tham quan để bí mật kiểm tra, thị trưởng đích thân đến khách sạn rước y đi thăm thành phố, ăn uống và lưu trú tại nhà mình. Ông ta giải thích với y rằng ở thành phố này mọi khách khứa đều được đón tiếp như vậy.

² *Sạch nước cần*: trông tạm được (khẩu ngữ).

³ *Nói to, đứng thẳng, tay để lên chuỗi kiếm*: một nghi thức của giới quý tộc khi trình diện trước bậc tôn nghiêm, thể hiện bốn phận trung thành phụng sự công lí và đức vua.

Chánh án (*toàn thân run rẩy*) – Không, có gì đâu ạ! (*nói riêng*) – Trời ơi, tôi bị đưa ra toà rồi. Họ mang xe đến bắt tôi rồi.

Khle-xta-kóp (*nhặt tiền*) – Phải, tiền đây mà.

Chánh án (*nói riêng*) – Thôi hỏng bét; chết tôi rồi! Chết tôi rồi!

Khle-xta-kóp – Ông biết không, hay ông cho tôi vay số tiền này nhé?

Chánh án (*vội vàng nói*) – Vâng ạ, được ạ... xin rất vui lòng. (*nói riêng*) – Thế nào, mạnh dạn lên chứ, mạnh dạn lên chứ! Đức Mẹ ơi, cứu con...

Khle-xta-kóp – Ông biết cho, dọc đường, tôi cạn cả tiền... tiêu pha món này món khác... Về đến quê, tôi sẽ gửi trả ông ngay nhé.

Chánh án – Ấy chết! Sao ông lại nghĩ thế! Được ông nhận tiền, thực vinh dự cho tôi quá rồi. Cố nhiên, tôi đem hết tài hèn sức mọn, lòng nhiệt thành, sốt sắng đối với quan trên... để cố gắng sao cho xứng đáng... (*đứng dậy, thẳng người theo kiểu nghiêm lệnh*) – Tôi không dám quấy quả ông nữa. Ông có lệnh gì truyền cho làm không ạ?

Khle-xta-kóp – Lệnh gì?

Chánh án – Tôi muốn nói là ông có lệnh gì truyền cho toà án quận sở tại không ạ?

Khle-xta-kóp – Cần gì phải lệnh? Trong lúc này không cần; không, không lệnh gì hết. Cảm ơn ông.

Chánh án (*chào xong đi ra, nói riêng*) – Thôi, thế là thoát nạn rồi!

Khle-xta-kóp (*khi chánh án vừa ra xong*) – Tay chánh án này tốt bụng đấy chứ nhỉ!

Lớp 4

Khle-xta-kóp và viên trưởng bưu cục

Trưởng bưu cục vào, mặc quan phục, đứng thẳng người, tay để lên chuỗi kiếm.

Trưởng bưu cục – Tôi xin hân hạnh tự giới thiệu: tôi là Spe-kin (Shpekin), Trưởng bưu cục, hàm quan cố vấn pháp viện.

Khle-xta-kóp – A, kính chào ông. Tôi rất ưa những người dễ chịu. Mời ông ngồi. Ông vẫn sống ở đây từ trước tới nay, phải không?

Trưởng bưu cục – Đúng vậy ạ.

Khle-xta-kóp – Tôi thích cái thành phố nhỏ này lắm. Cố nhiên, dân cư không được đông đúc, nhưng cần quái gì! Đây có phải thủ đô đâu?

Trưởng bưu cục – Dạ, thưa đúng thế đấy ạ. (*nói riêng*) – Thế mà Ngài không làm bộ chút nào; Ngài hỏi han mọi chuyện từng li từng tí.

Khle-xta-kóp – Theo ý tôi, chỉ cần thế nào, ông biết không? Chỉ cần mọi người kính trọng mình, yêu mến mình thực sự, có phải vậy không nhỉ?

Trưởng bưu cục – Bẩm, phải lắm ạ.

Khle-xta-kốp – Thú thực tôi rất bằng lòng vì ông nghĩ như tôi. Cố nhiên, mọi người sẽ cho tôi là một thằng cha quái gở, nhưng tính tôi nó như thế đấy. (*nhìn mặt chủ sự bưu vụ, nói riêng*). Ta thử hỏi vay lão chủ sự bưu vụ này ít tiền xem sao. (*nói to*) – Tôi gặp chuyện bất ngờ quá ông ạ: dọc đường, tôi hết sạch cả tiền. Ông có thể cho tôi mượn ba trăm rúp¹ được chăng?

Trưởng bưu cục – Sao lại không? Được ông vay tiền, thực là hạnh phúc rất lớn. Thưa ông, đây, xin rất vui lòng. Tôi xin tận tâm tận lực sẵn sàng hầu ông.

Khle-xta-kốp – Cảm ơn ông lắm. Thú thực, tôi rất sợ khi đi đường phải nhin ăn, nhin tiêu. Cần gì phải nhin, ông nhỉ?

Trưởng bưu cục – Bẩm, đúng thế đấy ạ. (*đứng dậy, thẳng người, tay để vào chuỗi kiếm*). Tôi không dám ở đây lâu quá ông... Ông có nhận xét gì về công việc ở bưu cục không ạ?

Khle-xta-kốp – Không, không có gì.

Trưởng bưu cục chào, đi ra.

Khle-xta-kốp (*hút một điếu xì-gà*) – Hình như lão trưởng bưu cục này cũng là một thằng cha tốt bụng. Ít ra, nó cũng chịu giúp người đấy chứ; mình thích những hạng người như thế.



Khle-xta-kốp vay tiền

(Tranh minh họa của
Côn-xtan-ti-nốp-xki (Konstantinovskiy),
http://hallenna.narod.ru/gogol_revizor_il.html)

Lớp 5

Khle-xta-kốp và viên kiểm học

Kiểm học hình như bị người ngoài cửa đẩy vào. Đằng sau y có tiếng nói nghe khá rõ: “Việc gì mà sợ”.

Kiểm học (*đứng thẳng nhưng người vẫn run; tay để lên chuỗi kiếm*) – Tôi xin hân hạnh tự giới thiệu: tôi là Khlop-pốp (Khlopov), kiểm học, hàm quan cố vấn.

Khle-xta-kốp – A, kính chào ông. Mời ông ngồi! Hút điếu xì-gà nhé? (*chứa điếu xì-gà*). [...] Tôi trông ông cũng không phải tay nghiện xì-gà. Còn tôi, xin thú thực: đó là chỗ yếu của tôi. Cũng như với phái đẹp ấy mà, tôi không tài nào có thể lãnh đạm được. Còn ông, ông thích loại phụ nữ nào, tóc đen hay tóc vàng?

Kiểm học – Bẩm, không dám biết ạ.

¹ Rúp: đơn vị tiền tệ Nga.

Khle-xta-kốp – Không được, không được, sao lại chối quanh thế! Tôi nhất định muốn biết sở thích của ông.

Kiểm học – Tôi xin được mạn phép trình bày... *(nói riêng)* – Chết thật, không biết nói năng làm sao...

Khle-xta-kốp – Ê! ê! Ông không muốn nói. Chắc rằng đã có con bé tóc đen nào cho ông ăn bùa mê rồi. Thú đi, ăn bùa mê rồi chứ gì?

Kiểm học – Ngại quá,... thua qua... quan lớn... cụ lớn... *(nói riêng)* – Chết! ăn nói như thế bỏ mẹ!

Khle-xta-kốp – Ngại hủ! Đúng rồi, mắt tôi có một cái gì hay làm người ta đâm rụt rè. Ít ra tôi cũng biết không một cô ả nào có thể cưỡng lại cặp mắt của tôi. Có phải không?

Kiểm học – Dạ, bẩm đúng lắm ạ.

Khle-xta-kốp – Nay, tôi đi đường gặp chuyện bất ngờ quá ông ạ: dọc đường, tôi hết sạch cả tiền. Ông có thể cho tôi vay ba trăm rúp được không?

Kiểm học – *(lục tìm trong túi, nói riêng)* – Không sẵn tiền thì thật rầy rà! À, có đây rồi, có đây rồi. *(rút tiền, đưa ra, run lẩy bẩy)*.

Khle-xta-kốp – Cảm ơn ông lắm.

Kiểm học *(đứng thẳng người, tay để trên chuôi kiếm)* – Tôi không dám ở đây quấy quả ông lâu nữa ạ.

Khle-xta-kốp – Chào ông nhé.

Kiểm học *(đi nhanh, gật như chạy, nói riêng)* – Chào, chào Bề trên! Có lẽ Ngài không đến kiểm tra trường học nữa. 4

Theo dõi

4 Chú ý thái độ của Khle-xta-kốp với viên Kiểm học có sự thay đổi so với hai vị khách trước.

Lớp 6

Khle-xta-kốp và viên quản lí Viện tế bản

Quản lí Viện tế bản *(đứng nghiêm, tay để trên chuôi kiếm)* – Xin hân hạnh tự giới thiệu: Tôi là Zem-li-a-ni-ka (Zemlianika), quản lí Viện tế bản, hàm quan cố vấn pháp viện.

Khle-xta-kốp – Chào ông, xin mời ông ngồi.

Quản lí Viện tế bản – Tôi đã được vinh dự theo hầu ông, và lại thân đứng ra tiếp đón khi ông đến thăm Viện tế bản do tôi quản lí ạ.

Khle-xta-kốp – À, phải, tôi nhớ rồi. Bữa ăn ông thết thật ngon tuyệt.

Quản lí Viện tế bản – Tôi rất lấy làm vui mừng được cố gắng phụng sự quốc gia ạ.

Khle-xta-kốp – Thú thật tôi có nhược điểm là thích ăn ngon. Nay ông, xin ông cho biết, hình như hôm qua ông hơi thấp hơn thì phải, có phải không?

Quản lý Viện tế bản – Rất có thể ạ. *(im lặng một chút)*. Tôi dám nói là đã hi sinh tất cả để sống làm tròn nhiệm vụ đấy ạ. *(xích ghế lại gần Khle-xta-kốp, nói nhỏ)*. Viên Trưởng bưu cục ở đây chẳng chịu làm gì cả: mọi việc đều bị đình đốn, thư từ công văn chậm trễ... Ông cứ để ý điều tra sẽ rõ. Viên chánh án vừa vào đây trước tôi cũng vậy, hần chỉ đi săn thỏ, nuôi chó ở chỗ làm việc, còn về hạnh kiểm hần thì... tôi phải nói ra điều này trước mặt ông cũng vì quyền lợi của quốc gia, mặc dầu hần ta có họ với tôi, lại là bạn thân của tôi, hạnh kiểm hần ta xấu ghê lắm: ở đây có một địa chủ là Đốp-chin-xki (Dobchinsky), người mà ông đã trông thấy; thế này chứ ạ, thằng Đốp-chin-xki cứ vừa bước ra khỏi nhà để đi đâu là chánh án mò ngay đến với vợ thằng này. Tôi xin sẵn sàng thề... Ông cứ chú ý lũ con mà xem: không một đứa nào giống thằng Đốp-chin-xki cả, ngay đến đứa con gái út, cũng giống viên chánh án như tạc.

Khle-xta-kốp – Ông cứ nói nữa đi! Thực là chuyện tôi không bao giờ ngờ tới.

Quản lý Viện tế bản – Còn viên kiểm học nữa ạ. Tôi không hiểu tại sao quan trên lại tin nhiệm hần, trao cho hần chức ấy. Hần tệ hại hơn một tên cách mạng quá khích đấy ạ: hần ta làm cho thanh niên tiêm nhiễm những tư tưởng, những nguyên tắc không chính thống, độc hại đến nỗi khó mà tả được. Nếu ông hạ lệnh, tôi xin viết tất cả những điều trên ra giấy, để trình bày ông xem cho rõ hơn.

Khle-xta-kốp – Tốt lắm, cứ viết ra giấy. Tôi vui lòng lắm. Ông biết không, một khi buồn rồi, tôi thích đọc những chuyện buồn cười, ngộ nghĩnh...

Quản lý Viện tế bản – Tôi không dám ở đây quấy quả ông, làm mất thời giờ quý báu của ông dành cho nhiệm vụ thiêng liêng... *(chào, định đi ra)*.

Khle-xta-kốp – Ông làm ơn, tôi gặp một việc bất ngờ: dọc đường, tôi hết nhẫn cả tiền. Ông có sẵn tiền không, cho tôi vay độ bốn trăm rúp?

Quản lý Viện tế bản – Có đây ạ.

Khle-xta-kốp – May quá. Cảm ơn ông hết sức.

Lớp 7

Khle-xta-kốp và hai viên địa chủ địa phương

[Lược dẫn: Sau vài lời trò chuyện, Khle-xta-kốp hỏi vay một nghìn rúp, hai viên địa chủ góp lại chỉ được sáu mươi lăm rúp, Khle-xta-kốp lập tức vui vẻ nhận và hứa giúp đỡ những gì họ nhờ vả. Cuối màn, y "lấy tay ra hiệu đuổi họ ra"].

Lớp 8

Khle-xta-kốp một mình

Khle-xta-kốp – Ở đây thực có nhiều quan lại. Kì quái, hình như bọn họ cho mình là một chính khách. Chắc hôm qua say, mình đã loè bịp gì chúng. Thật là một lũ ngu như bò! Ta phải viết thư ngay về Pê-téc-bua cho thằng cha Giê-lau¹ biết tất cả chuyện này. Nó cũng thường viết lách lảng nhăng dăm ba bài báo; để cho nó đả cấn thân bọn này một chuyến. Ê này, Ô-xíp², đưa mực ra đây cho tao! (Ô-xíp thò đầu qua cửa, nhìn vào, nói: “Có ngay”). Chà, cái thằng cha Giê-lau này, nếu ai có chuyện gì tức cười thì liệu hồn, ngay đến bố để nó, nó cũng đưa lên báo, chẳng tha; nó lại là tay hám tiền nữa chứ. Tuy vậy, bọn quan lại này cũng tốt bụng; chúng nó chịu cho mình vay tiền, kể ra cũng là một nét khá đấy. Ta thử coi lại xem được bao nhiêu tiền nào. Đây là ba trăm của lão chánh án này, trưởng bưu cục ba trăm này, thành sáu trăm, bảy trăm, tám trăm; khiếp, tờ giấy bạc này cầu những ghét! Tám trăm, chín trăm... Ô, hơn một nghìn. Chà anh quan ba³ ơi, tôi mà vớ được anh bây giờ thì phải biết nhau! ⁵

Suy luận

⁵ “Hối lộ” là gì? Khle-xta-kốp có coi số tiền y nhận được là “nhận hối lộ” không?

Lớp 9

Khle-xta-kốp và các nhà buôn

[Lược dẫn: Khi đích xác biết mình bị nhận nhầm là chính khách, Khle-xta-kốp nhanh chóng và dễ dàng nhập vai “quan lớn”: tiếp nhận đơn khiếu nại, lắng nghe lời tố cáo thì trưởng những nhiễu dân chúng, hứa hẹn nhất định “soi xét”; đồng đặc tuyên bố trước những người đưa đơn khiếu nại rằng mình sẽ “không nhận một thứ hối lộ gì”, nhưng ngay sau đó vui vẻ đồng ý nhận từ họ lễ vật đi đường và vay thêm năm trăm rúp.].

(In trong N. Gô-gôn, *Quan thanh tra*, Vũ Đức Phúc dịch⁴, NXB Lao động, 2009, tr. 79 – 98)

✓ Sau khi đọc

1. Tóm tắt các sự kiện chính trong văn bản *Màn diễn hành – trình diện quan thanh tra*. Từ đó xác định tình huống kịch và cho biết đó có phải là tình huống đặc trưng của hài kịch không? Vì sao?
2. Hình thức độc thoại (nói riêng) được xem là thủ pháp tự lật tẩy bản chất của nhân vật. Dựa vào bảng sau, hãy nêu thêm một số ví dụ (làm vào vở):

¹ Giê-lau: nguyên văn “Тряпичкин” (T’rya-pich-kin), do từ “Тряпичник” (T’rya-pich-nik), tức “lái buôn giẻ rách” mà đặt ra; ý nghĩa biệt danh này là “thằng cha viết báo tối”, “thằng cha viết cho những tờ báo lá cải”. (chú thích của dịch giả Vũ Đức Phúc).

² Ô-xíp (Osip): đây tớ của Khle-xta-kốp, người mà ngay sau đó khuyên cậu chủ lập tức rời khỏi thành phố.

³ Anh quan ba: người chơi bài dọc đường với Khle-xta-kốp, làm cho y thua hết tiền.

⁴ Về văn bản dịch, người biên soạn sách giáo khoa có chỉnh sửa một số câu chữ cho sát với nguyên tác.

Nhân vật	Độc thoại (lời nói riêng)	Bản chất của nhân vật
Chánh án	– Trời ơi! Trời ơi, xin ban phúc lành cho con! Sao tôi rụng rời cả chân tay thế này!	Khiếp nhược trước pháp luật vì không làm đúng bốn phận chức trách của một chánh án.
Trường bưu cục	...	...
Kiểm học	...	...
Khle-xta-kốp	...	...

- Xác định xung đột kịch trong văn bản và phân tích ý nghĩa của nó.
 - Nêu một số thủ pháp trào phúng của Gô-gôn trong đoạn trích *Màn điều hành – trình diện quan thanh tra*.
 - Vở kịch *Quan thanh tra* vang lên tiếng cười sảng khoái vui nhộn nhưng cũng chứa dư vị buồn bã chua chát, cảnh báo sự trừng phạt, khiến người ta suy ngẫm và ăn năn. Bạn hãy chỉ ra điều đó.
 - Những tệ nạn xã hội, thói hư tật xấu nào bị Gô-gôn phê phán trong văn bản *Màn điều hành – trình diện quan thanh tra*? Trong số đó, hiện tượng nào vẫn phổ biến trong xã hội ngày nay?
 - Theo bạn, có thể thay nhan đề *Quan thanh tra* bằng nhan đề *Quan thanh tra giả* được không? Vì sao trong mỗi con người chúng ta cần có một “quan thanh tra thật”?
- * **Bài tập sáng tạo:** Hãy chọn một lớp kịch trong văn bản *Màn điều hành – trình diện quan thanh tra* để vào vai (một/các) nhân vật và biểu đạt theo cảm nhận của mình.

N. Gô-gôn (1809 – 1852) là nhà văn, nhà soạn kịch, nhà phê bình văn học người Nga gốc U-crai-na (Ukraina). Được coi là “ông hoàng của tiếng cười Nga”, Gô-gôn đã thành công trong việc biến văn học thành vũ khí cải tạo cuộc sống, giáo dục thẩm mỹ, nâng cao ý thức công dân, thanh lọc đạo đức con người. Tiếng cười của ông dí dỏm, có duyên và đa dạng, từ châm biếm sắc bén đến hài hước nhẹ nhàng và trữ tình tinh tế, vừa miêu tả sinh động cuộc sống thường nhật vừa thấm đẫm triết lí nhân sinh cao cả. Bên cạnh hài kịch *Đám cưới*, *Những con bạc*, *Quan thanh tra*, *Buổi sáng của một doanh nhân*, *Vụ kiện tụng*,... Gô-gôn còn đóng góp vào kho tàng nghệ thuật thế giới những tác phẩm văn xuôi trác tuyệt: *Bức chân dung*, *Chiếc áo khoác*, *Những linh hồn chết*, *Nhật kí người điên*,...



N. Gô-gôn

(Bìa 2 sách *Gô-gôn, Quan thanh tra*, NXB Lao động, 2009)

TIỀN BẠC VÀ TÌNH ÁI¹

(Trích kịch *Lão hà tiện*)

Mô-li-e²

Lão hà tiện (1668) là một trong những vở hài kịch nổi tiếng của Mô-li-e. Ác-pa-gông (Harpagon) là người vô cùng keo kiệt, luôn tính toán thiệt hơn: tích trữ tiền bạc, cho vay nặng lãi, dè sẻn mọi chi tiêu; bắt con trai Clê-ăng (Cleante) lấy một bà goá lắm tiền, trong khi anh đang si mê cô gái nghèo Ma-ri-an (Marianne), gả con gái Ê-li-dơ (Elise) cho ông già nhiều của Ăng-xen-mơ (Anselme) trong khi nàng đã ngầm hẹn ước với anh chàng quân gia Va-le-rơ (Valere), còn bản thân lão rắp ranh tục huyền³ với Ma-ri-an trẻ đẹp. Để ép Ác-pa-gông thuận tình cho hai cặp uyên ương trẻ nên duyên, người hầu của Clê-ăng đã đánh cắp cái tráp tiền của lão, dùng nó làm vật “trao đổi” tiền – tình.

Văn bản dưới đây trích từ một số lớp cuối của vở hài kịch; hành động kịch xoay quanh cảnh mất tiền, tra hỏi và mặc cả tiền – tình.

✓ Trước khi đọc

Thói keo kiệt là một trong những đối tượng của tiếng cười trào phúng trong văn chương. Bạn hãy lấy một ví dụ minh họa.

✓ Đọc văn bản



Ác-pa-gông (*kêu trộm từ trong vườn chạy ra, đầu không mũ*) – Ôi, kẻ trộm! Ôi, kẻ trộm! Ôi, có kẻ sát nhân! Ôi, có kẻ sát nhân! Xét xử cho tôi, trời cao đất dày! Tôi bị nguy rồi, bị ám sát rồi! Nó đã cắt cổ tôi, nó đã lấy trộm tiền bạc của tôi! Nó là đứa nào! Nó ra sao rồi? Nó ở đâu? Nó trốn đâu? Làm thế nào để tìm thấy nó? Nên chạy ngả nào? Ngả nào chẳng nên chạy? Nó có ở kia không? Nó có ở đây không? Ai đó? Đứng lại! (*Tự nắm cánh tay mình*) – Trả tiền tao đây, đồ vô lại!... À! Tôi đây mà. Đầu óc tôi loạn rồi, tôi không còn biết tôi ở đâu, tôi là ai, và tôi đương làm gì. Than ôi! Khốn khổ tiền của tôi ơi, khốn khổ tiền của tôi ơi, bạn yêu quý ơi, chúng đã cướp mất mày của tao đi rồi! Và, mất mày là tao mất

Dự đoán

1 Đây là màn độc thoại của Ác-pa-gông khi phát hiện tráp tiền bí mật bị đánh cắp. Lão sẽ than vãn một mình hay kêu than với người khác?

¹ Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.

² Mô-li-e: xem thông tin tác giả ở Bài 5, *Ngữ văn 8*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*.

³ *Tục huyền*: lấy vợ khác sau khi vợ trước qua đời.



Cảnh Ác-pa-gông phát hiện mất tráp tiền

(Minh họa của Ét-mông Hê-đô-in (Edmond Hédouin), năm 1878, <https://essentiels.bnf.fr/fr/mot-cle/ad057bdb-b905-459d-8748-e0b40f7a99f4-avare>)

bảo cho tôi biết. Nó có ẩn nấp trong đám các ngai đấy không? Tất cả, họ nhìn tôi và phá lên cười. Rồi mà xem, chắc hẳn là họ có dự phần vào vụ trộm của tôi. Nào, mau lên, cầm cò² đâu, cảnh sát đâu, hiến binh đâu, quan tòa đâu, hình cụ đâu, giá treo cổ đâu và quân đao phủ đâu! Tôi muốn treo cổ tất cả mọi người; và, nếu tôi không tìm thấy tiền của tôi, thì rồi tôi cũng treo cổ cả tôi nốt! ²

Tương tượng

² Hãy hình dung giọng điệu, hành động, cử chỉ của Ác-pa-gông trong đoạn đọc thoại này.

HỒI V

(Lược dẫn lớp 1 và lớp 2: Ác-pa-gông cho mời nhà chức trách đến điều tra vụ mất trộm. Vì mỗi thù riêng trước đó, bác đầu bếp Giắc (Jacques) đã vu khống cho anh quản gia Va-le-ơ là thủ phạm).

Lớp 3

Va-le-ơ, Ác-pa-gông, viên cảnh

Ác-pa-gông – Lại gần đây. Lại mà cung xưng cái hành vi gian ác nhất, cái việc mưu hại kinh tởm nhất từ xưa đến nay chưa từng thấy ở trần gian.

[...]

¹ Sao mà đông người tụ tập thế kia: chỉ khán giả trong rạp.

² Cầm cò: cảnh sát trưởng (từ dùng thời Pháp thuộc).

Va-le-rơ – Cháu vẫn ráp tâm thua chuyện với cụ, và muốn chờ có dịp nào thuận tiện; nhưng chuyện đã thế này thì cháu chỉ xin cụ đừng nóng giận và vui lòng nghe cháu giải bày mọi lẽ. ³

Dự đoán

³ Ác-pa-gông và Va-le-rơ có đang nói về cùng một sự việc không?

Ác-pa-gông – Để xem mày có thể đưa ra những lí lẽ con khỉ gì nào, thằng ăn cắp dê mạt kia?

Va-le-rơ – Ôi! Thưa cụ, cháu không làm gì đáng để bị gọi bằng những danh từ đó. Đành rằng cháu có một chút lỗi với cụ; nhưng kể ra, thì lỗi cháu cũng đáng được khoan dung.

Ác-pa-gông – Thế nào, đáng được khoan dung? Một cuộc âm mưu ám hại, một việc giết người như vậy?

Va-le-rơ – Xin cụ làm ơn, đừng nổi nóng. Khi cụ đã nghe cháu trình bày, cụ sẽ thấy rằng tội vạ chẳng lớn như cụ nghĩ đâu.

Ác-pa-gông – Tội vạ chẳng lớn như tao nghĩ! Ừ! Máu mủ của tao, ruột rà của tao, thằng chết treo kia!

Va-le-rơ – Thưa cụ, máu mủ của cụ không đến nổi rơi vào tay hèn hạ. Cháu đây vốn cũng con nhà, chẳng phải xấu xa gì, và trong tất cả chuyện này, chẳng có gì là cháu không thể đền bù thích đáng.

Ác-pa-gông – Thế nhưng, này, ai đã xui mày làm cái việc đó?

Va-le-rơ – Ôi! Cụ còn hỏi cháu ư?

Ác-pa-gông – Ừ, tao hỏi mày thật đấy.

Va-le-rơ – Một vị thần mang sẵn lí do miễn tội cho tất cả mọi việc mà vị đó xui nên: Tình yêu.

Ác-pa-gông – Tình yêu con khỉ, tình yêu con tườu¹, nói đáng tội! Tình yêu những đồng tiền vàng của tao!

Va-le-rơ – Không, thưa cụ, không phải là của cải nhà cụ làm cho cháu thêm khát, không phải cái đó làm loá mắt cháu, và cháu xin cam đoan không ngấp nghé tí gì những tài sản của cụ, miễn là cụ để cho cháu cái của báu mà cháu đương giữ trong tay.

Ác-pa-gông – Không đòi nào, cha mẹ quý thần ơi! Tao không đòi nào để cho mày đâu. Rõ cái quân mới láo xược làm sao chứ, dám đòi giữ riết² cái của ăn cắp của ta.

Va-le-rơ – Thế mà cụ gọi là ăn cắp à?

Ác-pa-gông – Chứ lại còn gì? Một kho vàng như thế!

¹ Con tườu: con khỉ, dùng với nghĩa mắng nhiếc (khẩu ngữ).

² Giữ riết/ rít: cố giữ lại cho mình, không chịu bỏ (khẩu ngữ).

4 Với mỗi nhân vật, “kho vàng” và “tình yêu” ở đây là gì?

Va-le-rơ – Một kho vàng, đúng vậy, và có lẽ là cái kho vàng quý giá nhất của cụ; nhưng cụ để cho cháu thì cụ có mất đâu. Cháu quý gối xin cụ, cái kho vàng đầy vẻ quyến rũ; và cụ phải ban cho cháu mới là phải lẽ. **4**

Ác-pa-gông – Không có đời nào. Thế này là cái nghĩa lí gì nhỉ?

Va-le-rơ – Chúng cháu đã cùng giao ước và đã thề không rời bỏ nhau.

Ác-pa-gông – Thề thốt kì khôi chưa, ước hẹn tức cười chưa!

Va-le-rơ – Vâng, chúng cháu đã cùng nhau giao kết một cuộc tình duyên trọn đời mãn kiếp.

Ác-pa-gông – Tao sẽ ngăn cấm chúng mày, bảo cho mà biết.

Va-le-rơ – Chúng con chỉ có chết mới rời nhau.

Ác-pa-gông – Thật là nó lẩn xả vào mà bám riết đồng tiền của tôi.

Va-le-rơ – Thừa cụ, cháu đã nói rồi, không phải vì ham lợi mà cháu đã làm cái chuyện đó. Lòng cháu không bị thúc đẩy vì những lí do mà cụ nghĩ đâu; một động cơ cao quý hơn đã xui khiến cháu có quyết tâm đó.

Ác-pa-gông – Rồi các ngài xem, nó muốn chiếm của cải của tôi là vì nhân đức thương yêu của người có đạo đấy. Nhưng tao sẽ làm cho ra đầu ra đuôi, và toà án sẽ làm cho tao thoả mãn mọi điều, thẳng chết treo vô si kia.

Va-le-rơ – Cụ muốn đối xử thế nào, tùy lòng cụ, và cháu sẵn sàng cam chịu tất cả sấm sét búa rìu; cháu chỉ xin cụ tin cho rằng, nếu có điều gì là tội lỗi, thì chỉ nên trách cứ một mình cháu thôi, chứ trong tất cả chuyện này, con gái cụ hoàn toàn không có tội gì.

Ác-pa-gông – Cái đó thì đã cố nhiên; con gái tao mà lại nhúng vào cái tội ác đó thì là chuyện lạ lùng hết sức. Nhưng tao muốn của tao thì trả cho tao; mày phải cung xưng mày đã đem đi đâu.

Va-le-rơ – Cháu không hề đem đi đâu cả, hiện vẫn ở trong nhà cụ.

Ác-pa-gông (*Nói riêng*) – Ôi tráp yêu quý của ta! (*Nói to*) – Nó chưa ra khỏi nhà tao chứ?

Va-le-rơ – Thừa cụ, vâng.

Ác-pa-gông – Này! Thử nói tao nghe: mày chưa mó máy gì đến nó chứ?

Va-le-rơ – Cháu, mó máy! Ô! Cụ nghĩ oan uống cho cả hai đứa chúng cháu; cháu say mê nàng bằng một tấm lòng nồng nhiệt hết sức trong trẻo và tôn kính.

Ác-pa-gông (*Nói riêng*) – Say mê nàng tráp của ta đoan chính quá!

Va-le-rơ – Tất cả mọi nỗi ước ao của cháu, chỉ là được thấy mặt cho hả lòng, và không hề có ý nghĩ tội lỗi nào đến làm vẩn đục mối tình mà đôi mắt đẹp của nàng đã gieo vào lòng cháu.

Ác-pa-gông (*Nói riêng*) – Đôi mắt đẹp của nàng tráp của ta! Nó nói đến cái tráp của ta, mà cứ như một tình lang nói đến tình nương vậy.

Va-le-rơ – Thưa cụ, u già Clốt (Claude) biết rõ sự tình, và có thể làm chứng với cụ.

Ác-pa-gông – Ủa! U già nhà tao cũng đồng loã trong vụ này?

Va-le-rơ – Thưa cụ, vâng, u đã làm chứng cho cuộc kết giao của chúng cháu; và sau khi đã biết rõ tình yêu của cháu là chính đáng, u mới giúp cháu thuyết phục cô nhà ta trao lời thề ước với cháu.

Ác-pa-gông (*Nói riêng*) – Thôi! Có lẽ nó sợ Toà quá nên đâm ra nói mê sảng đấy! (*Nói với Va-le-rơ*) – Mày nói lằng nhằng cái gì về con gái tao trong chuyện này?

Va-le-rơ – Thưa cụ, cháu bảo rằng cháu đã hết sức khổ sở mới làm cho nàng vượt nổi then thùng mà ưng thuận tình cháu.

Ác-pa-gông – Nổi then thùng của ai?

Va-le-rơ – Của cô nhà ta. Mãi đến tận hôm qua đây thôi, cô mới quyết lòng để cùng kí kết với cháu một bản đính ước hôn nhân.

Ác-pa-gông – Con gái tao đã kí một bản đính ước hôn nhân với mày à?

Va-le-rơ – Thưa cụ, vâng, cũng như về phía cháu, cháu cũng đã kí một bản đính ước với cô.

Ác-pa-gông – Trời đất ơi! Lại một chuyện vô phúc nữa! Thật là phúc bất trùng lai, hoạ vô đơn chí! Thôi, thưa ngài chánh cấm, xin ngài làm chức vụ đi cho và ngài lên án nó hộ tôi, về tội ăn cắp và quyến rũ.

Va-le-rơ – Nhưng danh từ đó áp dụng vào cháu, là không đúng, và khi nào mọi người được biết rõ cháu là ai. **5**

Theo dõi

5 Chú ý sự gia tăng xung đột giữa hai nhân vật.

(Lược dẫn đoạn cuối vở kịch: Qua đấu khẩu, vỡ lẽ một bất ngờ: quý ông Ăng-xen-mơ, người mà Ác-pa-gông ép con gái phải kết hôn, chính là cha đẻ của Va-le-rơ và Ma-ri-an. Nhiều năm về trước gia đình họ bị đắm tàu, thất lạc nhau. Clê-ăng tiết lộ biết nơi giấu cái tráp bạc. Cha con mặc cả, thoả thuận với nhau: Ác-pa-gông nhận lại tiền, Ăng-xen-mơ nhận các con; hai cặp trẻ được đến với nhau).

(In trong *Kịch tác sân khấu thế giới. Lão hà tiện*, Molie, Tuấn Đỗ dịch, NXB Sân khấu, Hà Nội, 2006, tr. 190 – 223)

✓ Sau khi đọc

1. Tóm tắt các sự kiện chính và hành động của các nhân vật. Từ đó xác định tình huống hài kịch của văn bản.
2. Màn độc thoại Ác-pa-gông kêu mất tiền (hồi IV lớp 7) được coi là phần cao trào của toàn bộ vở kịch *Lão hà tiện*, bộc lộ rõ nhất tính cách của nhân vật. Hãy liệt kê vào ô tương ứng một số lời của Ác-pa-gông nói với mình và với các đối tượng khác (làm vào vở). Qua đó, bạn có nhận xét gì về ngôn ngữ giao tiếp của kịch?

Ác-pa-gông			
Tự nói với mình	Với đồng tiền	Với tên trộm vô hình	Với khán giả

3. Gọi tên cảm xúc (theo trình tự tăng cấp) của Ác-pa-gông khi kêu mất tiền. Phân tích một số chi tiết (từ ngữ, hình ảnh, ngữ điệu,...) để làm rõ các cảm xúc này.
4. Chỉ ra cách phân tuyến nhân vật trong văn bản *Tiền bạc và tình ái*, từ đó xác định xung đột của màn kịch.
5. Nêu một số thủ pháp trào phúng trong màn tra hỏi (hồi V lớp 3).
6. Phần cuối hài kịch Mô-li-e nói chung và vở *Lão hà tiện* nói riêng thường xuất hiện yếu tố bất ngờ, có xu hướng giảm nhẹ mâu thuẫn, đi đến kết thúc vui vẻ. Bạn có suy nghĩ gì về cách kết thúc này?

Mô-li-e (1622 – 1673) là người khai sinh ra nền hài kịch mới của sân khấu Pháp, có công đưa hài kịch từ chỗ là loại hình được xem là thấp kém lên thành văn học cao cấp. Với tiếng cười nhiều cung bậc, từ trào lộng vui nhộn đến chế nhạo, đả kích sâu cay, hài kịch của ông có sức công phá lớn cái xấu, cái ác. Mô-li-e cũng là người sáng tạo ra tiếng cười có tính bi kịch, mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Một số vở hài kịch tiêu biểu của ông: *Trường học làm vợ*, *Tác-tuýp* (*Tartuffe*), *Lão hà tiện*, *Trường giả học làm sang*, *Bệnh tưởng*,...



Mô-li-e

(Từ điển Văn học (Bổ mới),
NXB Thế giới, 2004)

ĐỐI TƯỢNG VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA HÀI KỊCH¹

Mô-li-e

✓ Đọc văn bản

[Mô-li-e (1622 – 1673) có quan điểm nhất quán về hài kịch: ý nghĩa xã hội của hài kịch là “sửa chữa phong hoá² bằng tiếng cười”; tiêu chí hàng đầu của nó là gây cười, tạo hứng thú (chứ không phải tuân thủ cứng nhắc quy tắc lí thuyết); nhân vật cần được xây dựng một cách tự nhiên và phải là chân dung của con người thời đương đại; vì vậy, viết hài kịch không phải là việc làm dễ. Mượn lời trò chuyện của hai nhân vật Đô-răng (Dorante) và U-ra-ni-e (Uranie) trong vở kịch “Phê phán trường học làm vợ” (1663), Mô-li-e đã trình bày quan điểm này của mình.]

U-ra-ni-e – Tất nhiên bi kịch là một cái gì đấy hay lắm khi nó được xử lí tốt; nhưng hài kịch cũng có cái hay cái đẹp của nó, và tôi cho rằng viết hài kịch thì cũng chẳng dễ gì hơn bi kịch.

Đô-răng – Đúng thế, thưa bà; và nếu bà có bảo rằng hài kịch viết khó hơn bi kịch thì chẳng phải là bà sai lắm đâu. Bởi lẽ rồi cuộc tôi thấy rằng gồng mình lên với những tình cảm lớn, làm thơ thách thức Số phận, lên án Định mệnh, và nói những lời phỉ báng các Thần thánh còn dễ hơn là đề cập thích đáng đến cái lỗ bịch của thiên hạ và đưa lên sân khấu một cách thoải mái các thói hư tật xấu của tất cả mọi người. Khi miêu tả các anh hùng, bà muốn làm thế nào cũng được. Đó là những bức chân dung không có căn cứ, người ta không tìm xem giống ở chỗ nào; và bà chỉ việc vẽ theo đà bay bổng của trí tưởng tượng, nó thường bỏ qua cái chân thật để đuổi bắt cái kì diệu. Nhưng khi bà miêu tả những con người, thì cần phải miêu tả theo tự nhiên. Người ta đòi hỏi những chân dung đó phải giống, và bà chẳng thành công nếu không làm cho người ta nhận ra ở đấy những con người trong thời đại của bà. Nói tóm lại, trong những vở kịch trang nghiêm, muốn khỏi bị chê trách, chỉ cần nói những điều có lương tri và viết cho hay là đủ; nhưng đối với hài kịch, như thế thì chưa đủ, mà còn phải mua vui; và gây cười cho những con người tử tế đâu phải là chuyện dễ dàng.

✓ Sau khi đọc

1. Theo tác giả, đối tượng và những khó khăn của hài kịch là gì?

¹ Nhan đề và văn bản in trong *Giáo trình văn học Âu – Mỹ*, Phùng Văn Tửu (Chủ biên), NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr. 36.

² Phong hoá: phong tục, tập quán và nếp sống của một xã hội.

2. Vì sao Đô-răng cho rằng: “Gây cười cho những con người tử tế đâu phải là chuyện dễ dàng”?
3. Nhân vật U-ra-ni-e cho rằng “hài kịch cũng có cái hay cái đẹp của nó”. Bạn hãy chỉ ra một/ một vài biểu hiện của cái hay, cái đẹp trong vở hài kịch bạn yêu thích.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Xác định biện pháp tu từ nghịch ngữ trong các trường hợp dưới đây và cho biết tác dụng của biện pháp này:

a. *Hạnh phúc của một tang gia – Văn Minh nữa cũng nói vào – Một đám ma gương mẫu*

(Nhan đề một chương trong tiểu thuyết *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng)

b. *Vì mới chết lần này là lần đầu, nên anh Xích chưa có lịch duyệt về khoản ấy.*

Thực vậy, nếu chết ở tỉnh, thì ai lấu, nên chọn vào đêm thứ Sáu. Như thế, vợ con có rảnh rỗi thì giờ để cáo phó lên báo. Và đến chủ nhật, cất đám, có đủ các cụ, các quan, các ông, các bà, thân bằng cố hữu đi đưa đông. Ở nhà quê, nếu chết vì tai nạn, người khôn ngoan bao giờ cũng tránh ngày Chủ nhật hoặc ngày lễ, thì sự khám xét, tống táng mới mong chóng được.

(Nguyễn Công Hoan, *Thịt người chết*)

2. Đọc các ngữ liệu sau và tìm những cách diễn đạt trái với cách diễn đạt thông thường. Nêu hiệu quả của việc sử dụng cách diễn đạt ấy.

a. **Trưởng bưu cục** – *Sao lại không? Được ông vay tiền, thực là hạnh phúc rất lớn. Thưa ông, đây, xin rất vui lòng. Tôi xin tận tâm tận lực sẵn sàng hầu ông.*

(N. Gô-gôn, *Quan thanh tra*)

b. **Chánh án** – *Ấy chết! Sao ông lại nghĩ thế! Được ông nhận tiền, thực vinh dự cho tôi quá rồi. Cố nhiên, tôi đem hết tài hèn sức mọn, lòng nhiệt thành, sốt sắng đối với quan trên... để cố gắng sao cho xứng đáng...*

(N. Gô-gôn, *Quan thanh tra*)

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết một đoạn hội thoại (khoảng từ bảy đến tám lượt lời) về chủ đề *Tiếng cười trên sân khấu và cuộc sống*, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nghịch ngữ. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp này.

THẬT VÀ GIẢ¹

(Trích kịch *Con nai đen*)

Nguyễn Đình Thi²

Con nai đen (1961) là vở kịch đầu tay của Nguyễn Đình Thi, phỏng theo một tích cổ nước ngoài, gồm hai hồi. Hồi một nói về tình yêu thật – giả: Nhà vua trẻ sống buồn bã giữa trùng vây giả dối, lang thang trong rừng quế tìm không thấy bóng dáng người yêu xưa, gặp được ông lão hát rong và con nai đen. Ông lão tặng Nhà vua một pho tượng đá biết phát hiện lời nói dối và đặt ra một bài hát dân gian để giúp vua tìm lại người yêu. Cô gái mai danh ẩn tích Quế Nga theo lời bài hát đã tìm đến cung vua và trở thành Hoàng hậu. Hồi hai nói về vương quyền thật – giả: Để đoạt ngai vàng và Hoàng hậu, Quận công dùng ma thuật nhốt hồn Nhà vua trong xác con nai đen; còn hẩn ẩn trong thân xác Nhà vua, trở thành hôn quân bạo chúa, làm nhiều điều bất nhân, khuấy đảo cuộc sống dân lành. Nhờ tình yêu của Hoàng hậu và sự trợ giúp của nhân dân, cuối cùng sự thật được phơi bày, Quận công phải đến mạng, Nhà vua và Hoàng hậu được nhân dân vui mừng chào đón giữa Tết dâng hoa.

Văn bản dưới đây trích từ hồi một; hành động kịch xoay quanh việc các “ứng viên Hoàng hậu” và cô gái Quế Nga gặp gỡ Nhà vua.

HỒI MỘT

Cảnh 2

Nhà vua, người cung nữ già, tiểu thư, người đàn bà, quận chúa, cô gái

Trong cung vua. Pho tượng đá đặt ở góc phòng. Nhà vua đang ngồi đọc sách trước ánh nến. Tiếng gà gáy từ xa vang lại.

Nhà vua – Đã sắp sáng rồi. Sắp sang một ngày mới, từ ngày hôm nay ta vừa đúng hai mươi bảy tuổi đây. Trời đất lúc này bình tĩnh quá. Còn người, tượng thiêng kia, lúc này người mỉm cười gì vậy? Chắc người đang cười thầm những nỗi quẩn quại của con người. Trong nơi cung điện nguy nga, giữa nơi gấm vóc này, có ai ngờ Nhà vua đang thấy mình lạnh lẽo quá! Chỉ có người làm bạn với ta thôi. Người là người bạn thật nhất của ta, nhưng ta vẫn muốn có một con người bằng xương bằng

¹ Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.

² Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003): quê nội ở Phú Xuyên (Hà Đông) nhưng sinh tại Luông Pha-băng (Luang Prabang, Lào). Ông viết văn, làm thơ, soạn kịch, viết lí luận phê bình văn học, biên khảo triết học,... Dù ở lĩnh vực nào, ông cũng có nhiều đóng góp đáng ghi nhận. Kịch là bộ phận quan trọng kết tinh đậm nét tài năng và phong cách nghệ thuật của Nguyễn Đình Thi: đa dạng về đề tài, đặc sắc về phong cách, mới mẻ trong lối tiếp cận, vừa bao quát được chiều rộng của hiện thực, vừa chạm đến chiều sâu nội tâm con người; vừa triết lí sâu xa, vừa đậm chất trữ tình. Ông thường sử dụng yếu tố huyền thoại và thủ pháp ước lệ nhằm tả cái thực và gợi liên tưởng sâu xa. Các vở kịch nổi tiếng của ông: *Con nai đen*, *Giấc mơ*, *Rừng trúc*, *Nguyễn Trãi ở Đông Quan*,...

thịt, một con người sống để ta yêu kia!... Chân mây đã le lói ánh hồng. Đã có tiếng chim sơn ca... Thế nào, tượng thiêng kia, mi vẫn đứng đó mà mỉm cười im lặng à? Từ khi người về đây làm bạn cùng ta, người đã làm cho ta buồn thêm biết chừng nào! Ôi, nhìn vào sự thật sao mà khó vậy, sao mà nhức nhối đau khổ như vậy! (*Tiếng sơn ca vọng đến*). Ôi tiếng chim sơn ca vui tươi, chứa chan tình yêu và hi vọng. Lòng ta bỗng trút hết những nỗi độc địa đắng cay. Tâm hồn ta phấp phồng dịu dàng như buổi sớm mai trong trẻo.

[...]

Người cung nữ già – Dạ, có tiểu thư và Quận chúa đã tới chầu từ gà gáy, xin được vào yết bái và chúc mừng sinh nhật Đức vua. Có một người thường dân cũng xin vào ạ. À, còn có cả phu nhân Đạo đức nữa.

Nhà vua – Như vậy cũng nhiều khách đấy nhỉ. Lát nữa ta còn phải ra triều đình tiếp các sứ thần. Bà ra nói với quan thị vệ cho mời khách vào.

Người cung nữ già đi ra. Tiểu thư còn rất trẻ, mặt đẹp non nót, rụt rè hiện ra ở khung cửa rồi bước vào.

Tiểu thư (*quỳ gối chào như đọc thuộc lòng*) – Nhân ngày sinh nhật Thánh thượng, thiếp cúi đầu kính chúc Thánh thọ vô cương.

Nhà vua – Chào tiểu thư, ta cho cô ngồi ghế kia.

Tiểu thư (*vẫn nói như đọc thuộc lòng*) – Thiếp đội ơn Thánh thượng (*ngồi khép nép*).

Nhà vua – Tiểu thư đến chúc mừng ta, ta xin cảm ơn. Ngoài ra cô còn có việc gì muốn nói thêm nữa không?

[...]

Tiểu thư (*quỳ xuống*) – Dạ, thiếp quỳ xin Thánh thượng, nếu mắt trời nhìn xuống mà thương cho thiếp thì xin được vào cung trọn đời hầu hạ Người.

Nhà vua – Cô ngồi lên! Sao lại quỳ mà xin làm vợ vua thế kia! Tiểu thư năm nay bao nhiêu tuổi?

Tiểu thư – Dạ, em..., dạ, thiếp mười bảy tuổi...

Nhà vua – Ủ, cô cứ xưng là em cũng được. Em có yêu ta không mà muốn trọn đời chịu sống cùng ta, ràng buộc cả đời em vào đời ta?

Tiểu thư – Em chỉ tiếc lòng em không phải là cái bánh để bóc được ra đây. Em nói sao hết được lòng em yêu kính Đức vua.

Nhà vua – Đây không phải là Nhà vua hỏi em đâu, đây là người có thể sẽ là chồng em hỏi thật em: Em có yêu ta thật không?

Tiểu thư – Dạ, em đã nói thật ạ.

Chân trời sáng tạo

Nhà vua – Mặt em rất thật thà, tuổi em còn măng trẻ, vầng trán em trong trắng thế kia, và miệng em non dại thế kia, có lẽ nào đã nói dối không ngượng trong một chuyện thiêng liêng như vậy?

Tiểu thư – Dạ (*luống cuống*).

Nhà vua (*quay vào phía pho tượng*) – Hồi tượng đá thiêng, ta có cần phải nhờ đến người không đây? Ta chỉ mong em nói thật, tiểu thư ạ. Tượng đá hãy cho ta biết lời người con gái vừa nói với ta kia là thật hay dối?

Pho tượng đá cười.

Nhà vua – Tại sao cô lại nói dối như vậy? Tại sao đôi mắt đẹp như đôi mắt phượng kia lại đi đôi với cái lưỡi nói dối độc địa như một cái lưỡi rắn vậy? Tại sao vầng trán trinh nữ đáng lẽ cao đẹp hơn trời xanh kia lại tự vực xuống bùn như bản như vậy? Tại sao cô không biết thương lấy cả tuổi trẻ, cả hạnh phúc suốt đời của cô mà toan đem ném tất cả vào sự giả dối nó sẽ giết chết hết, làm cho căn cỗi hết!

Tiểu thư (*oà lên khóc*) – Cha ơi, con đã bảo mà, cha làm khổ con rồi!

Nhà vua – Sao? Việc này dính líu đến đến cha cô làm sao?

Tiểu thư (*chỉ còn là cô gái nhỏ khóc sục sịt*) – Dạ, em không dám giấu Đức vua, em có muốn vào đây đâu, cha em cứ bắt em đi, em xin mãi không được.

Nhà vua – Hừ, ông bố gì mà coi rẻ đời con như vậy.

Tiểu thư – Dạ, cha em thương em, nhưng nghiêm khắc lắm, có chịu nghe con bao giờ đâu. Em, em đã nói mãi với cha em là em trót yêu anh ấy rồi, nhưng cha em lại chê anh ấy con nhà tầm thường (*lại khóc*).

Nhà vua (*mỉm cười*) – À ra câu chuyện như vậy kia đấy. Thôi, tiểu thư lau nước mắt đi và nói chuyện cho ta nghe rõ hơn. Vậy cô đã đính ước với “anh ấy” rồi phải không? Anh ấy ở đâu, con nhà ai?

Tiểu thư – Anh ấy mồ côi cha mẹ, dạ tàu Đức vua, anh ấy là học trò ạ, nghèo mà có chí lắm, mà tội nghiệp lắm. Anh ấy đến xin gặp cha em, bị cha em mắng đuổi, bây giờ anh ấy đi đăng lính rồi ạ. (*khóc oà*).

Nhà vua – Thôi, cô không phải khóc nữa. Ta sẽ gặp cha cô và nói với ông ấy cho cô được lấy người mà cô yêu. [...]

Tiểu thư – Trời ơi! Em xin nhớ ơn Đức vua mãi mãi. (*đứng dậy, ra ngoài vội vã*).

Nhà vua – Thế đấy, chỉ chút nữa thì con chim non kia tự trói cánh mình để chui vào lưới! Nhưng bây giờ con chim non lại bay đi rồi.

Bên ngoài có tiếng huyên náo. Một bà phu nhân trạc ngót bốn mươi, hơi to béo, như vừa giằng co với ai, bước mạnh vào và khuỵu gối chào.

Người đàn bà – Muôn tâu Đức vua, họ cứ không cho thiếp vào cơ chứ. Hôm nay là ngày trọng đại thế mà họ định ngăn cản thiếp tâu trình với Đức vua.

Nhà vua – Tưởng ai! Mời phu nhân Đạo đức ngồi đây.

Người đàn bà – [...] Thiếp cứ lo không biết trong này họ săn sóc Đức vua ra sao! Tâu Đức vua, cái đám gái tơ trẻ măng như con bé tiểu thư vừa vào đây, hoặc như cái nhà cô con ông Quận công thì chỉ được cái mẽ ngoài thôi. [...] Người có kén Hoàng hậu thì trước hết xin Người nhìn vào đạo đức. Còn sự trẻ già, xấu đẹp nào có nghĩa lí, quan trọng gì. Ai trẻ rồi cũng đến lúc có tuổi, ai đẹp rồi cũng đến lúc phai nhạt sắc đẹp.

[...]

Nhà vua – Vậy theo ý bà, ta nên kén người như ai chẳng hạn làm Hoàng hậu?

Người đàn bà – Dạ, tự nói ra như thế e có kém khiêm tốn chăng? [...] Thiếp nguyện hi sinh tất cả để làm phận sự nặng nề đối với Trời đất, đối với muôn dân, đối với Đức vua. Thiếp sẽ vào cung nhận lấy sự vất vả, lo âu, khổ ải, làm Hoàng hậu để săn sóc Đức vua.

Nhà vua – Trời hỡi, bà nói thật đó chăng?

Người đàn bà – Dạ! mà... nếu Đức vua vì còn có sự bồng bột mà có muốn thỉnh thoảng giải trí với đôi người phụ nữ trẻ trung, dù họ có thiếu đạo đức một chút thì thiếp cũng sẵn lòng hi sinh. Nhưng thiếp chắc rồi đây Đức vua bén mùi Hoàng hậu Đạo đức thì Người sẽ thấy ngoài phần đạo đức ra còn nhiều sự thú vị ở trong mà không ngờ đâu.

Nhà vua – Như vậy kia đây. Bà để cho ta hỏi người bạn lặng lẽ của ta một chút. Tượng đá, người đã nghe rõ tất cả. Trong những lời người đàn bà kia đã nói cùng ta, nếu có một chút nào là thật lòng với ta, thì người hãy coi như mọi điều dối trá khác đều đáng bỏ qua và tha thứ hết. Hỡi phu nhân Đạo đức, bà hãy nhìn pho tượng xem!

Người đàn bà (đến trước pho tượng) – Ủi trời ôi! (chạy mất).

Nhà vua ngồi nghĩ ngợi không nhìn thấy Quận chúa rón rén vào.

Nhà vua (quay lại) – Ai vậy?

Quận chúa – Đức vua sao mà buồn vậy?

Nhà vua – Nàng thương ta hay sao mà đôi mắt kia lại đang đầy nước mắt?

Quận chúa – Người dù chỉ thoáng âu sầu là lòng thiếp liền trở thành héo hắt. Hôm nay là ngày sinh nhật Người, thiếp xin cầu chúc Thánh thọ vô cương và mọi điều hạnh phúc vô cùng tốt đẹp.

Nhà vua (*lắc đầu mỉm cười*) – Hạnh phúc chưa nhìn tới ta.

Quận chúa – Sao Đức vua lại nói vậy? Người là chúa tể cả nước, muốn gì mà không được! Người đang tuổi trẻ như đoá hoa đang nở, như mặt trời đang lên. Chẳng qua chỉ vì Người không muốn nhận lấy hạnh phúc mà thôi, như thiếp đây dù chỉ là một hạt cát hèn mọn, xấu xí, thiếp chẳng có thể đem một chút hạnh phúc đến với Người hay sao?

Nhà vua – Quận chúa khiêm tốn tự hạ mình chứ nàng đâu có hèn mọn, xấu xí.

Quận chúa – Muôn tâu, đèn trời quả là sáng suốt. Vậy nên thiếp cũng chẳng nói dối Đức vua nữa mà làm gì. Vâng, thiếp biết là thiếp nhan sắc khác vời, và trong người thiếp chứa đựng dòng máu cao sang của một họ đã bao nhiêu đời quý phái.

Nhà vua – Phải, nàng rất đẹp và mỗi cử chỉ nàng đều tỏ rõ nàng là con nhà dòng dõi.

Quận chúa – Vậy mà trước Đức vua, thiếp khác chi là cỏ dại hoa hèn đứng trước một vì núi lớn. Sắc đẹp và dòng dõi của thiếp có mấy may động được tới Người đâu. Cho nên đã bao lần thiếp lặng lẽ âm thầm mà ôm hôn nuốt tụi (*khóc*).

Nhà vua – Chết nỗi, ta đâu ngờ vậy!

Quận chúa (*vứt bỏ áo choàng ngoài*) – Đây, Đức vua hãy nhìn xem: khuôn mặt này, thân hình này, không đáng võ về Người những lúc Người mệt mỏi lo âu hay sao? Người hãy nhìn, thiếp chẳng đáng giá hơn một nghìn pho sách cổ kim kinh sử, một trăm chiến công oanh liệt hay sao? Đôi mắt đen này có bầu trời sao nào sáng lộng lẫy bằng, và đôi môi thiếp đây, có thứ quả nào có thể ngọt mọng thơm bằng?

Nhà vua – Nàng nói đúng, nàng có sắc đẹp và sức mạnh ghê gớm.

Quận chúa – Vậy mà cái đẹp ấy đang quỳ xuống chân Đức vua, cái sức mạnh ấy đang run sợ trước Đức vua! Đức vua ơi, xin Người đừng xua đuổi kẻ đến xin làm nô lệ Người.

Nhà vua (*lui ra*) – Ta nào phải thánh thần, ta cũng không phải gỗ đá. Ta chỉ là một người trai trẻ tầm thường, sống lẻ loi đã quá lâu, đang ngày ngày mong được có người yêu bên mình. Và khi ta nhìn thấy một cái gì đẹp thì ta không còn sức để nghi ngờ và ta trở thành ngây dại... Ôi, còn gì quý hơn cái đẹp, và một con người đẹp lại càng quý hơn hết thảy mọi vật trên đời. Nhưng ta ghê tởm sự dối trá. Quận chúa, có thật nàng tự thấy là nô lệ của ta, hay trái lại, nàng đang muốn biến ta thành nô lệ của nàng?

Quận chúa – Sao Đức vua nỡ nói câu như vậy? Chẳng thà Người cầm dao đâm ngay vào giữa ngực em đây. Trời ơi! Em xúc động quá, trái tim em đang thổn thức. Ôi chao, sao mắt tôi mờ hết cả và tối sầm lại thế này (*ngã vào tay Nhà vua*).

Nhà vua – Quận chúa! Hãy tỉnh lại! Có lẽ nào tất cả những lời nói này, những cử chỉ này là giả vờ? Quận chúa hãy tỉnh lại!

Quận chúa – Đức vua ơi, Người không có chút nào thương đến em ư? Chàng ơi, cánh tay em và thân thể em chẳng có nghĩa hơn tất cả mọi sự vật hay sao? Chàng hãy tới đây mà ngả đầu lên ngực em, đắm chìm trong sự vuốt ve của em, đó chẳng là cõi tiên ư?

Nhà vua – Đây là một cảnh cảm động của tình yêu hay là một cạm bẫy? Hỡi tượng đá, người có đủ sức trả lời cho ta được không? (*Pho tượng đá cau mày cười mỉa mai. Quận chúa nhón lên nhìn giật mình che mặt. Nhà vua quay lại*). Vậy là lại thêm một việc giả dối vừa diễn ra. Sao một con người đẹp như thế kia lại nở tự biến mình thành một cái bẫy để bẫy người khác?

Quận chúa (*vùng vằng*) – Đồ ngốc! (*hầm hầm ra ngoài*).

Nhà vua còn lại một mình, một mình, tới bàn rót nước uống.

[...]

Cô gái rừng quế hiện ra ở khung cửa.

Nhà vua – Em thật đấy ư?

Cô gái – Vâng, em đây (*nhìn sự tình quý xuống*). Tâu Đức vua, thiếp xin thay mặt bà con Suối Nai cúi đầu chúc Thánh thọ vô cương.

Nhà vua (*cười, nhưng rồi nét mặt tối sầm xuống*) – Sao em lại thế? Em hãy ngồi đây. Bấy lâu nay em ở đâu? Sao em không tìm về với anh? Hay là em không còn nhớ đến lời hẹn xưa nữa?

Cô gái – Xin Đức vua quên chuyện cũ đi và mở lượng trời bể tha tội cho thiếp. Ngày ấy thiếp còn nhỏ dại, chưa biết suy nghĩ chín chắn... Nhưng hôm nay...

Nhà vua – Thế thì hôm nay em đến gặp anh làm gì?

Cô gái – Tâu Đức vua, nhân lễ sinh nhật Người, cả nước mừng vui, các quan sở tại đã tìm các bà con Suối Nai cũ cho phép cử người lên chúc mừng Người, nhờ vậy thiếp mới được lên đây nhìn thấy đèn Trời. Nay đã xong nghĩa vụ, thiếp xin Người cho phép trở về.

Nhà vua – Vậy ra lòng em không còn chút vương vấn với tình xưa nghĩa cũ nữa sao? Em hãy nhìn vào mắt anh đây mà trả lời, em không còn yêu anh nữa ư?

Cô gái – Thiếp đội ơn Đức vua còn đoái thương đến người cũ. Song ngày nay không còn như xưa kia nữa. Người ngự trên cả trăm họ, thiếp là phận nghèo hèn, đâu còn dám tở vương đến việc ngày trước. Được nhìn thấy Người hôm nay là đã may cho thiếp lắm rồi. Vả lại, ngày tháng đã qua đi, lòng thiếp nay cũng khác đi rồi.

Nhà vua – Không, ta không tin, ta không thể nào tin được. Không, không thể nào lại như thế được! Bao lâu xa cách, giờ đây ta mới được nghe tiếng nói đầm ấm yêu thương kia, vậy mà sao ta lại nghe thấy lời nói của một người xa lạ như vậy. *(quay lại phía pho tượng)* Hỡi tượng đá thiêng, người hãy trả lời ta, có phải câu mà người yêu ta nói với ta vừa rồi là nói dối không? Hỡi tượng đá?

Cô gái – Trời! Sao lại có pho tượng đá nào nắp nghe chuyện của người ở đây?

Pho tượng cười.

Nhà vua – A, nó cười rồi! Em, miệng em vừa nói dối anh. Em vẫn yêu anh. Có thể chứ, anh biết! *(cười lớn)* Chưa bao giờ thấy người nói dối mà ta lại sung sướng như thế này!

Cô gái *(vẫn bình thản)* – Tâu Đức vua, tượng đá nghe và biết được lời nói thật và lời nói dối. Nhưng lòng người có những điều không thể nói ra lời, thì tượng đá làm sao có thể trả lời cho biết hết được. Thiếp đã nghĩ kĩ, xin Người cho thiếp được tạ từ với Người. *(cúi chào rồi quay đi ra cửa).*

Nhà vua *(im lặng, rồi bỗng thốt lên như bị thương)* – Quế Nga!

Cô gái *(giật mình quay lại, thấy nhà vua lao đảo vịn vào bàn không đứng vững nữa).* – Anh *(chạy vội lại đỡ)* Anh!

Nhà vua – Em! Có thật em đấy không?

Cô gái – Em đây, em vẫn là của anh, mãi mãi là của anh...

Nhà vua – Û, em đây thật rồi. Anh tìm thấy em rồi! Anh sẽ không bao giờ mất em được nữa. Em sẽ ở đây với anh! Em sẽ là Hoàng hậu của anh.

Cô gái – Trời ơi, em biết nói sao đây! Em không thể là Hoàng hậu được. Em không muốn làm một cái dây leo suốt đời nắp bóng anh, làm vương anh. Em đã định không bao giờ gặp lại anh nữa. Đúng, ban nãy em nói dối anh đấy. Anh có biết sao em lại tìm đến anh hôm nay không? Không phải vì có quan sở tại nào bảo đâu. Ấy là vì một hôm em đang ở ngoài vườn thì nghe thấy trẻ con trong xóm hát một bài hát...

Nhà vua – Một bài hát dân gian... Cám ơn ông cụ hát rong. Có phải bài hát: “Quế Nga đâu, Quế Nga...”

Cô gái – ... “Có nhớ lời hẹn xưa...”. Nghe thấy tiếng hát ấy, em kinh ngạc quá. Trong xóm, em đã thay tên đổi họ, không người nào biết em là ai. Thế mà hôm ấy, bài hát ở miệng trẻ con cứ kêu tên em mãi. Em không cầm được nước mắt nữa. Em biết là anh đang gọi em rồi. Thế là em từ nơi hẻo lánh cất bước ra đi, em đi tìm anh, chỉ mong chóng đến kinh kì, chỉ mong được nhìn thấy anh một lúc, rồi trở về.

Nhà vua – Nhưng bây giờ anh sẽ không để cho em về nữa. Sao em lại nghĩ vậy? Vắng em, thì cái cung điện này đối với anh chỉ là một nắm mả lạnh. Lẽ nào em nỡ bỏ anh bơ vơ ở lại đây?

Cô gái – Em đây rồi, anh đừng buồn nữa.

Nhà vua – Hồi tượng đá, ta cảm ơn nụ cười lạnh lẽo của mi. Bây giờ đã đến lúc ta có thể trả mi lại nơi rừng xanh của mi¹. Em! Cô gái rừng quế của anh – Quế Nga – Hoàng hậu của ta!

(In trong *Tuyển tập Nguyễn Đình Thi* – kịch, NXB Văn học, 1993, tr. 16 – 34)

Hướng dẫn đọc

1. Tóm tắt các sự kiện và xác định xung đột kịch trong văn bản.
2. Trong văn bản *Thật và giả*, sự thật được ẩn giấu sau lời nói dối như thế nào? Nhà vua tỏ thái độ trước việc đó ra sao? Tham khảo bảng sau (làm vào vở):

Nhân vật	Lời nói dối	Sự thật	Thái độ của Nhà vua
Tiểu thư	– Em nói sao hết được lòng em yêu kính Đức vua	Yêu chàng trai nghèo, nhưng bị cha ép tiến cung	Phẫn nộ và xót xa
Người đàn bà	...	...	...
Quận chúa	...	...	...
Cô gái	...	...	...

3. Không gian “cung điện nguy nga”, thời gian “sắp sang một ngày mới” và “trời đất bình tĩnh quá” có vai trò gì trong việc khắc họa nội tâm của nhân vật khi đối diện với chính mình?
4. Cách sắp xếp cho các nhân vật phụ nữ lần lượt xuất hiện làm gia tăng kịch tính của màn kịch như thế nào?
5. Pho tượng đá có thực sự giúp Nhà vua giải đáp vấn đề thật – giả không? Vì sao?
6. Xung đột trong màn kịch cho thấy những băn khoăn gì của tác giả – trong tư cách người công dân, người nghệ sĩ – trước đời sống và sáng tạo?

¹ Khi trao cho Nhà vua pho tượng đá, ông lão hát rong căn dặn: “Pho tượng này không phải của riêng ai. Nhà vua mang về cung, khi nào thấy không cần nữa thì nhớ đem trả về dưới gốc cây”.



VIẾT

VIẾT THƯ TRAO ĐỔI CÔNG VIỆC

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài: *Thư trao đổi công việc* là kiểu văn bản thư tín của cá nhân hay tổ chức, dùng để trao đổi thông tin mà hai bên cùng quan tâm, cùng bàn bạc (bổ sung, chỉnh sửa, phương thức tiến hành...), nhằm đạt được kết quả mong đợi.

Yêu cầu đối với kiểu bài: Thư tín dạng này có rất nhiều loại, tùy mục đích giao dịch (đặt hàng, xác nhận, phúc đáp, khiếu nại, mời hợp tác,...), tùy mối quan hệ hai bên mà hình thức và nội dung có thể khác nhau, tuy nhiên vẫn cần đáp ứng những thể thức của một bức thư.

- **Nội dung:** Trao đổi công việc về những nội dung cụ thể (ví dụ: lợi ích của công việc, yêu cầu thực hiện, cách thức thực hiện, kết quả dự kiến,...); Thông tin trao đổi: đầy đủ, chính xác, có sức thuyết phục.

- **Hình thức:** Dung lượng văn bản cô đọng, tập trung vào mục đích trao đổi công việc; ngôn ngữ: nhã nhặn, tạo sự tin cậy, trọng thị lẫn nhau.

Có bố cục gồm ba phần:

Mở đầu: Nêu địa điểm và thời gian viết thư, danh tính người nhận thư, lời chào mở đầu.

Nội dung chính: Làm rõ mục đích trao đổi công việc, ý nghĩa/ kết quả mong đợi, đề xuất về (các) phương án giải quyết, hợp tác giữa các bên (nếu có),...

Kết thúc: Lời chào tạm biệt, danh tính người viết thư,...

Đọc ngữ liệu tham khảo 1

Từ: lekhanh_bithuchidoan12a1@gmail.com

Đến: nguyenvanthanh_GVCN12a1@gmail.com

Tiêu đề: THƯ TRAO ĐỔI VỀ VIỆC THAM GIA HỘI THAO TRƯỜNG¹

Kính gửi: Thầy Nguyễn Văn Thành – giáo viên chủ nhiệm lớp 12A1^[1]

Tuần qua, Ban chấp hành Đoàn trường đã triển khai kế hoạch tổ chức hội thao truyền thống cấp trường, cụ thể, sau hai tuần nữa hội thao sẽ chính thức khai mạc. Em viết thư này để trao đổi với thầy một số vấn đề về việc tham gia hội thao trường như sau:^[2]

Về đội hình tham gia hội thao, lớp chúng ta sẽ tham gia đầy đủ các bộ môn do trường tổ chức bao gồm: cờ vua, bóng đá, kéo co và cầu lông. Bộ môn cờ vua, lớp sẽ cử bạn Lê Thị Xuân tham gia, bạn Xuân đã có thành

[1]: Nêu địa điểm, thời gian viết thư, danh tính người nhận thư

[2]: Trình bày mục đích, lí do viết thư

¹ Đây là thư giả định với mục đích trao đổi công việc trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

tích huy chương Bạc môn cờ vua trong hội thao năm ngoái. Đội bóng đá sẽ do bạn Trần Văn Chương làm đội trưởng, đội kéo co sẽ do bạn Phan Văn Nam phụ trách. Hai bạn Chương và Nam có nhiệm vụ thành lập đội thi theo thể lệ và lên kế hoạch tập luyện cho các thành viên trong đội. Môn cầu lông sẽ cử bạn Phạm Ánh Hồng tham gia đấu đơn.^[3]

Về kế hoạch tập luyện, môn cờ vua và cầu lông, bạn Xuân và Hồng sẽ tự tập luyện. Với môn bóng đá và kéo co, em xin phép thầy cho phép các bạn được tập luyện tại trường vào các buổi không có tiết học (chiều thứ Năm, sáng thứ Bảy).^[4]

Về việc hỗ trợ các cá nhân và đội dự thi, em đề xuất lớp chuẩn bị nước uống trong các buổi tập luyện và thi đấu. Kinh phí trích từ quỹ lớp. Ngoài ra, trong các buổi thi đấu, em đề nghị các thành viên trong lớp có mặt để cổ vũ, khích lệ tinh thần các bạn.^[5]

Em mong sớm nhận được ý kiến góp ý của thầy về những đề xuất trên để triển khai đến các bạn trong lớp trong buổi sinh hoạt chủ nhiệm đầu tuần sau.

Kính chúc thầy một tuần làm việc hiệu quả và nhiều niềm vui.

Bí thư Chi đoàn lớp 12A1

Lê Khánh^[6]

(Nhóm biên soạn)

[3]: Trình bày vấn đề thứ nhất cần trao đổi

[4]: Trình bày vấn đề thứ hai cần trao đổi

[5]: Trình bày vấn đề thứ ba cần trao đổi

[6]: Nêu mong muốn, lời chào kết thúc, danh tính người viết thư

Đối chiếu phần *Đọc ngữ liệu tham khảo 1* với mục *Tri thức về kiểu bài* và cho biết:

1. Ngữ liệu tham khảo 1 được viết dưới hình thức thư tay hay thư điện tử? Căn cứ vào đâu bạn xác định như vậy?
2. Xác định người viết và người nhận thư. Trong thư, người viết đã lựa chọn ngôn ngữ như thế nào để phù hợp với người nhận thư?
3. Mục đích viết bức thư này là gì? Trong thư, người viết đã trao đổi những công việc nào?
4. Ngữ liệu tham khảo đã đáp ứng yêu cầu về bố cục của kiểu bài *Thư trao đổi công việc* chưa? Vì sao?

Đọc ngữ liệu tham khảo 2

Thư Nguyễn Hiến Lê gửi Quách Tấn về việc viết bài giới thiệu cuốn sách *Nước non Bình Định*

Sài Gòn 3.4.1968

Kính gửi Thi sĩ Quách Tấn

Thưa ông

Bốn bữa trước, tôi vừa đọc xong *Nước Non Bình Định*, đã đánh dấu mấy chỗ, tính sẽ giới thiệu với độc giả thì nhận được sách và thư của ông. Quý nhất là giọng trong thư: tôi chưa được gặp ông mà giọng ông tự

nhien, thân mật như biết nhau đã lâu. Cuốn ông cho, tôi sẽ giữ, còn cuốn trước, tôi sẽ gởi cho một đứa cháu ở xa.^[1]

Hôm nay bài giới thiệu đã viết xong; tạp chí lúc này ra không đều, chưa biết bao lâu nữa mới đăng được.

Tôi xin ghi sơ các ý chính lại dưới đây:

Phần *Núi non* ông viết rất kĩ, tôi theo dõi từng bước, rất mong được thấy Mạ thiên sơn và núi Xương cá.

Cảnh Hầm Hồ, Giếng Tiên, chùa Linh Phong ông tả khéo, tôi chắc nhiều người sẽ mê.

Mười trang lịch sử của ông gọn mà đủ; rải rác trong sách có nhiều cổ sự, truyền thuyết và rất nhiều thơ.

Tài liệu rất phong phú, văn tao nhã mà tấm lòng với quê hương thì thật đẹp.

Trong đoạn kết, có mấy hàng này tôi xin chép để ông coi trước:

"Tôi nghĩ dù không có tập *Mùa Cổ Điện* và tập *Mộng Ngân Sơn*, một tập chứa nhiều bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt rất hay mà sau này ai cũng muốn làm tiếp công việc phê bình của Hoài Thanh tất phải nhắc tới, dù không có hai tập đó đi nữa thì nội công phu viết địa phương chí cho Bình Định, thi sĩ cũng xứng đáng là người con của Bình Định rồi".

[...] Tấm lòng của ông với quê hương thật là đẹp. Quê hương lẽ nào không quý tác phẩm của ông?^[2]

Nhưng còn một cái vui mà trong bài tôi không muốn chép ra, để riêng kể với ông, là cái vui khi đọc trang 95, tôi được vào hàng "tri kỉ" của hoa xoài như ông vậy. Từ trước tôi vẫn khen một cây xoài khi nở rộ coi như mâm xôi đậu, mùi hoa của nó ngọt ngọt, chua chua, vì ngọt mà chua nên ngọt mát, nay đọc văn của ông tôi như thấy ông ngồi trước mặt mà cùng cười với tôi.

Ông đã được nếm trà cam khổ chưa? Sao mà quý thế! Ước gì bình an trở lại, tôi có được thăm cảnh để nhắm cho biết cái hương vị.^[3]

[...] Tôi cũng có điều buồn: điện vua Quang Trung chỉ như một nhà làng trong Nam này thôi. Hết chiến tranh, quốc dân rồi có xây một công trình gì để ghi ơn, xứng đáng với vị anh hùng đó không? Hàn Mặc Tử thật may mà có mộ đẹp như vậy trong một cảnh đẹp như vậy. Nhưng còn ba danh sĩ khác? Mộ Tản Đà nay còn cái nắm không?

Đó là ít cảm tưởng của tôi. Tôi mong được đọc tiếp *Nhân vật Bình Định*.^[4]

Sách tôi in chẳng có cuốn nào đẹp, mà cũng không biết có cuốn nào ông thích, nên từ trước vẫn do dự, nay thấy ông có giọng thân mật, xin gửi tặng ông cuốn mới nhất của tôi do nhà Tao Đàn xuất bản – nó chẳng hay gì nhưng cũng chứa một tấm lòng với tiếng mẹ đẻ.

Kính chúc ông vạn an và mau cho ra được mấy tác phẩm tiếp.^[5]

Tái bút: Tôi không ngờ rằng Bình Định có chà là. Phải datte¹ không?^[6]

(Nguyễn Hiến Lê *những lá thư đắm đắm*, Quách Giao – Quách Tấn, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2010, tr. 13 – 15)

[1]: Nêu thời gian, địa điểm viết thư, danh tính người nhận, lời chào mở đầu

[2]: Nêu vấn đề thứ nhất cần trao đổi

[3]: Nêu vấn đề thứ hai cần trao đổi

[4]: Nêu vấn đề thứ ba cần trao đổi

[5]: Nêu lời hứa hẹn và lời chào kết thúc

[6]: Nêu phần tái bút

¹ Datte: quả chà là (tiếng Pháp).

Đối chiếu phần *Đọc ngữ liệu tham khảo 2* với mục *Tri thức về kiểu bài* và cho biết:

1. Văn bản đã đáp ứng được yêu cầu về bố cục và nội dung của kiểu bài viết *Thư trao đổi công việc* như thế nào?
2. Xác định người viết thư và nhận thư, từ đó nhận xét về ngôn ngữ và hình thức văn bản.
3. Nội dung phần *Tái bút* là gì? Tại sao tác giả không để nội dung này trong phần chính của bức thư?
4. Sau khi đọc xong ngữ liệu 1 và 2, bạn rút ra kinh nghiệm gì khi viết *Thư trao đổi công việc*?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Giả sử bạn là chủ nhiệm Câu lạc bộ Văn học, hãy viết một lá thư (thư tay hoặc thư điện tử) trao đổi với cộng tác viên câu lạc bộ về việc thực hiện tập san chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Bạn nên đặt và trả lời một số câu hỏi khi thực hiện bước này:

- Thư viết để trao đổi về công việc gì? Nhằm mục đích gì?
- Người nhận thư là ai? Họ trông chờ nhận được điều gì từ bức thư của bạn?
- Bạn cần nhắc: với đề tài, mục đích viết và đối tượng người đọc như vậy, bạn sẽ chọn cách viết như thế nào để bức thư có tính thuyết phục?

Sau khi xác định nội dung công việc, bạn cần tìm kiếm thông tin liên quan đến công việc cần trao đổi (các việc cần làm, điều kiện vật chất, tiềm năng nhân lực,...).

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Bạn tìm ý cho bức thư bằng cách trả lời các câu hỏi:

- Những vấn đề cần trao đổi về việc thực hiện tập san mừng ngày Nhà giáo Việt Nam là gì?
- Những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện tập san?
- Có những phần việc nào cần làm khi thực hiện tập san? Phân công ra sao?
- Kế hoạch thực hiện tập san gồm những giai đoạn nào? Các sản phẩm cần hoàn thành là gì? Hạn chót cho các phần việc là khi nào?

Bạn chọn lọc và sắp xếp các ý vừa tìm được thành dàn ý chi tiết theo các phần: *Mở đầu* (gồm: địa điểm và thời gian viết thư, danh tính người nhận thư; lời chào

mở đầu). *Nội dung chính* (gồm: mục đích trao đổi công việc; các vấn đề cần trao đổi; phương án giải quyết, hợp tác), *Kết thúc* (gồm: lời chào kết thúc; hứa hẹn, mong đợi (nếu có); danh tính người viết thư).

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, bạn viết bức thư hoàn chỉnh, đảm bảo ngắn gọn, rõ ràng, bố cục hợp lý, lí do mời thuyết phục, thông tin xác đáng, giọng điệu phù hợp.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

Đọc lại bài viết và chỉnh sửa theo những gợi ý sau:

Bảng kiểm kĩ năng viết thư trao đổi công việc

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Có địa điểm, thời gian cụ thể viết thư, danh tính người nhận thư		
	Có lời chào mở đầu		
Nội dung chính	Trình bày ngắn gọn, rõ ràng mục đích, lí do viết thư		
	Trình bày một cách rõ ràng, ngắn gọn các nội dung cần trao đổi		
	Nếu được những phương án, cách thức hợp tác khả thi, hiệu quả		
	Đưa ra được các bằng chứng (nhân vật, sự việc, số liệu,...) chính xác, đáng tin cậy để làm rõ cho nội dung thư		
Kết thúc	Có lời chào kết thúc		
	Ghi rõ danh tính người viết thư		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Bố cục cân đối, phần mở đầu và kết thúc tương xứng về dung lượng		
	Ngôn ngữ viết phù hợp với đối tượng và mục đích nhận thư		
	Đảm bảo đúng chính tả		
	Không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...)		



NÓI VÀ NGHE

TRANH LUẬN MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ NHỮNG Ý KIẾN TRÁI NGƯỢC NHAU

Đề tài:

Câu lạc bộ Văn học trường bạn tổ chức buổi hùng biện *Tuổi trẻ và những góc nhìn xã hội*. Hãy chuẩn bị bài tranh luận về một vấn đề xã hội đáng quan tâm và có những ý kiến trái ngược nhau để tham gia buổi hùng biện.

Bước 1: Chuẩn bị cho cuộc tranh luận

Bạn nên chọn đề tài thu hút được sự quan tâm của cộng đồng và không quá xa lạ với đời sống của bạn, ví dụ:

- Có nên phân biệt “công việc dành cho nam” và “công việc dành cho nữ”?
- Có nên cho tiền người ăn xin?
- Chọn nghề cho tương lai: nên theo truyền thống gia đình hay theo nguyện vọng của bản thân?
- Nhà trường có nên quản lý việc sử dụng mạng xã hội của học sinh?
- ...

Xác định mục đích nói, thời gian, không gian nói và đối tượng người nghe

- Bài nói nhằm mục đích gì? (rèn luyện tư duy độc lập phản biện, khả năng đánh giá đúng sai một cách khách quan, kĩ năng đối thoại để điều chỉnh ý kiến, tìm kiếm các giải pháp khác nhau cho một vấn đề, mở rộng cái nhìn đa chiều trước cuộc sống phức tạp,...).
- Bài nói trong một không gian thế nào? (phòng hội trường, ánh sáng, âm thanh,...) để tận dụng lợi thế; trong thời gian bao lâu để tăng giảm nội dung nói.
- Người nghe là ai? (trình độ văn hoá, đặc điểm tâm lí, giới,...) để ứng xử thích hợp (điều tiết độ phức tạp của vấn đề, lấy dẫn chứng không quá xa lạ với đối tượng;...) và lường trước tình huống phát sinh, khả năng phản ứng, chất vấn của người nghe.

Tìm ý, lập dàn ý

Bạn tìm ý cho bài tranh luận bằng cách trả lời câu hỏi:

- Vấn đề cần tranh luận là gì? Có các ý kiến trái chiều nào về vấn đề?

- Ý kiến của bản thân về vấn đề là gì? Các lí lẽ và bằng chứng nào sẽ củng cố, làm sáng tỏ ý kiến?

- Giải pháp cho vấn đề là gì?

Từ các ý tìm được, bạn sắp xếp theo trình tự hợp ý để có dàn ý hoàn chỉnh:

- Mở đầu: nêu vấn đề cần tranh luận.

- Nội dung chính: tóm tắt các ý kiến trái chiều về vấn đề, trình bày ý kiến, quan điểm của bản thân (lí lẽ, bằng chứng).

- Kết thúc: khẳng định lại quan điểm của bản thân, đề xuất giải pháp hoặc rút ra bài học.

Bạn cũng cần chuẩn bị phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ để bài nói thêm sinh động, thuyết phục và dự kiến phản tranh luận, phản hồi của người nghe để chuẩn bị câu trả lời.

Bước 2: Tiến hành tranh luận

Bạn trình bày bài tranh luận của mình, đảm bảo thời gian cho phép với thái độ, ngôn ngữ hợp lí. Lưu ý:

- Nêu khái quát nội dung bài nói và các luận điểm chính sẽ trình bày.

- Có thể đặt mình vào vị trí, lập trường của các ý kiến trái chiều để đánh giá, phân tích, so sánh,...

- Tương tác tích cực với người nghe.

Khi thực hiện tranh luận, bạn lưu ý:

- Chuẩn bị tâm thế lịch sự, tôn trọng lẫn nhau, hiểu rằng tranh luận nhằm mục đích phân tích để làm rõ vấn đề, chứ không phải công kích cá nhân.

- Trong vai trò người nghe, bạn nêu ý kiến phản biện hoặc đặt câu hỏi về những nội dung chưa chính xác trong bài nói (về luận điểm, lí lẽ, bằng chứng).

- Trong vai trò người nói, bạn phản hồi thoả đáng những ý kiến, câu hỏi của người nghe và tiếp thu những góp ý hợp lí, có tính xây dựng.

Bước 3: Đánh giá, rút kinh nghiệm

Bạn đánh giá kĩ năng tranh luận của bản thân và người khác dựa vào bảng kiểm ở Bài 4.

ÔN TẬP

1. Điền thông tin phù hợp vào bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Tình huống	Xung đột
<i>Màn diễn hành – trình diễn quan thanh tra</i>		
<i>Tiền bạc và tình ái</i>		
<i>Thật và giả</i>		

2. Tìm sự tương đồng về đối tượng trào phúng và thủ pháp trào phúng của một trong ba văn bản *Màn diễn hành – trình diễn quan thanh tra*, *Tiền bạc và tình ái*, *Thật và giả* với tích trò sân khấu dân gian hay truyện cười dân gian mà bạn biết.
3. Tìm một vài câu thơ/ câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nghịch ngữ và phân tích tác dụng của biện pháp này.
4. Khi viết thư trao đổi công việc, cần lưu ý gì về hình thức, giọng điệu, ngôn ngữ?
5. Khi thực hiện tranh luận về vấn đề có ý kiến trái ngược nhau, ta cần có thái độ như thế nào?
6. Thiết kế một sản phẩm sáng tạo giới thiệu vở hài kịch mà bạn yêu thích và chia sẻ đến các thành viên trong lớp.

Chân trời sáng tạo

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

1. Kẽ bảng sau vào vở và nêu một số dấu hiệu giúp bạn nhận biết phong cách sáng tác của trào lưu, trường phái văn học qua các tác phẩm thơ:

Tác phẩm, tác giả	Phong cách	Một số dấu hiệu nhận biết phong cách sáng tác
<i>Hoàng Hạc lâu</i> (Thôi Hiệu)		
<i>Tràng giang</i> (Huy Cận)		
<i>Tiếng thu</i> (Lưu Trọng Lư)		
<i>Độc "Tiểu Thanh kí"</i> (Nguyễn Du)		
<i>Thu điếu</i> (Nguyễn Khuyến)		

2. Kẽ bảng sau vào vở và nêu một số dấu hiệu giúp bạn nhận biết phong cách sáng tác của trào lưu, trường phái văn học qua các tác phẩm truyện, kí:

Tác phẩm, tác giả	Phong cách	Một số dấu hiệu nhận biết phong cách sáng tác
<i>Lão Hạc</i> (Nam Cao)		
<i>Hai đứa trẻ</i> (Thạch Lam)		
<i>Con gà thờ</i> (Ngô Tất Tố)		
<i>Cái giá trị làm người</i> (Vũ Trọng Phụng)		
<i>Cuộc gặp gỡ tình cờ</i> (Hi-gu-chi I-chi-y-ô)		

3. Kẽ bảng sau vào vở và sắp xếp các tác phẩm văn học dưới đây vào ô phù hợp:

Độc "Tiểu Thanh kí" (Nguyễn Du), *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến), *Tràng giang* (Huy Cận), *Tiếng thu* (Lưu Trọng Lư); *Con gà thờ* (Ngô Tất Tố), *Cái giá trị làm người* (Vũ Trọng Phụng), *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ), *Trên đỉnh non Tản* (Nguyễn Tuân), *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam), *Lão Hạc* (Nam Cao).

Văn học trung đại Việt Nam (viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm)	Văn học hiện đại Việt Nam (viết bằng chữ Quốc ngữ)

4. Kẽ bảng sau vào vở, chỉ ra một số dấu hiệu nhận biết thể loại của các văn bản *Con gà thờ* (Ngô Tất Tố), *Cái giá trị làm người* (trích *Cơm thầy cơm cô*, Vũ Trọng Phụng), *Trên những chặng đường hành quân* (trích *Mãi mãi tuổi hai mươi*, Nguyễn Văn Thạc).

TT	Văn bản, tác giả	Một số dấu hiệu nhận biết thể loại của văn bản
1	<i>Con gà thờ</i> (Ngô Tất Tố)	
2	<i>Cái giá trị làm người</i> (trích <i>Cơm thầy cơm cô</i> , Vũ Trọng Phụng)	
3	<i>Trên những chặng đường hành quân</i> (trích <i>Mãi mãi tuổi hai mươi</i> , Nguyễn Văn Thạc)	

5. Nêu một số biểu hiện về đặc điểm thể loại của các văn bản kịch đã học (làm vào vở):

TT	Văn bản, tác giả	Một số dấu hiệu nhận biết thể loại của văn bản
1	<i>Màn diễn hành – trình diện quan thanh tra</i> (trích <i>Quan thanh tra</i> , Gô-gôn)	
2	<i>Tiền bạc và tình ái</i> (trích <i>Lão hà tiện</i> , Mô-li-e)	
3	<i>Thật và giả</i> (trích <i>Con nai đen</i> , Nguyễn Đình Thi)	

6. Qua các văn bản bi kịch và hài kịch đã học (ở lớp 11 và 12), hãy chỉ ra một số điểm khác biệt giữa hai thể loại này (làm vào vở):

Các yếu tố	Bi kịch	Hài kịch
Xung đột kịch		
Hành động kịch		
Nhân vật kịch		
Ngôn ngữ kịch		
Hiệu ứng thẩm mỹ		

7. Thực hiện các yêu cầu sau:

- a. Nêu đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng, ngôn ngữ thân mật và cho ví dụ.
- b. Nêu đặc điểm và tác dụng của biện pháp nghịch ngữ và cho ví dụ.

8. Cho ví dụ về lỗi câu mơ hồ, lỗi logic và nêu cách sửa.

9. Nêu một số lưu ý về:

- a. Cách viết văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.
- b. Cách trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.
- c. Cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.
- d. Cách thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước; cách nghe một bài thuyết trình, nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình.

10. Chỉ ra một số điểm tương đồng và khác biệt giữa hai kiểu bài: bức thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm và bức thư trao đổi công việc.

11. Nêu một số lưu ý khi tranh luận một vấn đề có ý kiến trái ngược.

12. Lập dàn ý cho bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học, sau đó chuyển dàn ý bài viết đó thành dàn ý bài nói.



BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Giải thích	Trang
B	bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ	kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những điểm tương đồng/ khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm thơ	20
C	các giá trị của tác phẩm văn học (nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ)	giá trị nhận thức thể hiện ở việc tác phẩm văn học mang đến cho bạn đọc những hiểu biết về tự nhiên, xã hội và về chính bản thân mình. Giá trị giáo dục thể hiện ở khả năng hình thành nơi người đọc những phẩm chất đạo đức, làm thay đổi thế giới quan, nhân sinh quan. Giá trị thẩm mĩ thể hiện ở khả năng thoả mãn nhu cầu về cái đẹp, phát triển năng lực, thị hiếu về cái đẹp cho người đọc.	30
	câu mơ hồ	loại câu không rõ ràng về nghĩa	30
	câu sai logic	có ngữ nghĩa không phù hợp với logic thông thường	67
	chi tiết, sự kiện hiện thực	loại chi tiết, sự kiện có thật trong đời sống, tồn tại một cách khách quan	100
	cốt truyện hài kịch	hệ thống sự kiện chính trong hài kịch là câu chuyện đời thường, dựa trên tình huống gây cười (hiếu lăm, nhầm lẫn, trùng hợp ngẫu nhiên,...) dẫn đến nghịch cảnh trở trêu, bộc lộ bản chất, tính cách đáng chê cười của nhân vật, nhiều khi có kết cục dở khóc, dở cười,...	125
H	hài kịch	thể loại kịch dùng tiếng cười phê phán thói hư tật xấu, suy đồi đạo đức, tệ nạn xã hội, tổng tiền những gì không phù hợp với đời sống; từ đó nỗ lực thay đổi nhận thức của khán giả, hướng đến một nhân sinh quan tốt đẹp hơn; nếu bị kịch gợi lên cảm xúc xót thương và sợ hãi trong khán giả thông qua sự mất mát hay cái chết của những nhân vật cao quý thì hài kịch dùng tiếng cười để phê phán những giá trị lỗi thời, khẳng định sự chiến thắng của những giá trị mới mẻ, tiến bộ; đặc điểm của hài kịch thể hiện qua tình huống, xung đột, hành động, nhân vật, các sắc điệu của tiếng cười, thủ pháp trào phúng, ngôn ngữ hài kịch,...	125
	hành động trong hài kịch	toàn bộ hoạt động của các nhân vật thông qua lời thoại, ngữ điệu, cử chỉ, biểu cảm,... nhằm thể hiện thế giới nội tâm và kết nối sự kiện, làm nên sự phát triển của cốt truyện hài kịch, thường gắn với tình huống hài kịch và góp phần thể hiện các thủ pháp trào phúng	126
	hiệu ứng "chữa trị" của hài kịch	một trong những thể loại nghệ thuật có khả năng tác động và định hình ý thức cộng đồng, ngoài chức năng giải trí, làm hưng phấn tâm trạng, hài kịch còn giúp khán giả lạc quan và tỉnh táo nhận thức thực tế, bảo vệ mình trước cái tiêu cực, đẩy lên mong muốn chữa trị những khiếm khuyết, bất cập trong đời sống xã hội và cá nhân	126

L	lịch sử/ tiến trình lịch sử văn học	một hệ thống tác giả, tác phẩm với sự hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển qua các thời kì lịch sử, bao gồm: cổ đại, trung đại, hiện đại. Trong từng thời kì, có thể phân chia thành các giai đoạn văn học	10
N	nhật kí	thể loại thuộc loại hình kí, là hình thức tự thuật có độ tin cậy cao, được thể hiện dưới dạng ghi chép hằng ngày, có đánh số ngày, tháng, năm	99
	nhân vật hài kịch	có thể thuộc mọi tầng lớp trong xã hội, là những người có tính cách, tâm lí, lối sống, đam mê, ứng xử trái với lẽ thường, tạo nên những tình huống, hành vi, lời lẽ nực cười	126
	ngịch ngữ	biện pháp tu từ kết hợp các từ ngữ biểu thị những khái niệm mâu thuẫn nhau để tạo ra những cách nói, cách viết trái với cách nói, cách viết thông thường nhằm mục đích làm nổi bật bản chất vấn đề, gây ấn tượng mạnh đối với người tiếp nhận đồng thời làm tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt	126
	nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ	kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ, từ đó giúp người đọc nhận thức đúng đắn về vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp với vấn đề đó	55
	ngôn ngữ trong hài kịch	gắn với ngôn ngữ đời sống và đậm tính gây cười	126
	ngôn ngữ trang trọng	loại ngôn ngữ thể hiện thái độ nghiêm túc, mang tính chất lễ nghi được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp theo nghi thức	10
	ngôn ngữ thân mật	loại ngôn ngữ gần gũi, tự nhiên, thoải mái được dùng trong hoàn cảnh không theo nghi thức, thể hiện thái độ, tình cảm thân mật với người thân, bạn bè	100
P	phong cách	tập hợp những nét độc đáo tương đối ổn định có giá trị thẩm mĩ trong sáng tác của một tác giả (phong cách tác giả), một trường phái văn học (phong cách trường phái), một thời đại (phong cách thời đại) hay một nền văn học (phong cách dân tộc). Đặc trưng phong cách được tạo thành từ các phương tiện hình thức đặc thù và quan niệm đời sống riêng của tác giả, thời đại, trường phái hay dân tộc đó	9
	phong cách cổ điển	đề cao tính chất khuôn mẫu, chuẩn mực về tư tưởng (như đạo lí, lí tưởng sống, ...) và nghệ thuật (như những quy định về thể loại, với hệ thống ngôn từ tao nhã, hình ảnh ước lệ tượng trưng, sử dụng nhiều điển tích, điển cố, ...)	9
	phong cách lãng mạn	đề cao cảm xúc và trí tưởng tượng của con người, có khuynh hướng phá vỡ các quy phạm nhằm giải phóng con người cá nhân, bộc lộ cá tính một cách tự do nhất	9

	phong cách hiện thực	chú trọng việc khắc hoạ chính xác, tỉ mỉ những bức tranh chân thực về cuộc sống, môi trường, xã hội với cảm hứng phê phán, bóc trần và phủ nhận thực tại; đề tài gắn với cuộc sống hằng ngày, nhân vật thường điển hình cho một hoàn cảnh, một tính cách, một số phận trong xã hội	29
	phóng sự	thể loại thuộc loại hình kí phản ánh những sự việc, câu chuyện mang tính thời sự và có ý nghĩa quan trọng nhất định, thể hiện thái độ rõ ràng của người viết đối với những sự việc đó	99
S	sự kiện trong tác phẩm truyện	những sự việc, biến cố quan trọng tác động đến nhân vật, tạo ra sự thay đổi của nhân vật, thúc đẩy cốt truyện phát triển	30
	tiếng cười trào phúng	có nhiều cung bậc: nhẹ nhàng, mỉa mai, đả kích châm biếm tùy theo đối tượng trào phúng có đáng được thông cảm hay không	126
	tính chỉnh thể của tác phẩm	mỗi tác phẩm văn học là một hệ thống bao gồm hàng loạt yếu tố thuộc những bình diện khác nhau (đề tài, chủ đề, tư tưởng, kết cấu, ngôn ngữ, chi tiết, sự kiện, nhân vật,...) làm cho tác phẩm trở thành một chỉnh thể nghệ thuật mang tính thống nhất giữa nội dung thẩm mĩ và hình thức nghệ thuật	29
	tính phi hư cấu trong phóng sự, nhật kí	đặc điểm của phóng sự, nhật kí, đề cao tính xác thực, coi trọng việc sử dụng các chi tiết, sự kiện mang thông tin xác định, có thể kiểm chứng	99
T	thủ pháp trào phúng trong hài kịch	các thủ pháp tạo ra tiếng cười như phóng đại, nghịch lí, nghịch dị, tương phản, tăng cấp, nói mỉa, từ nhiều nghĩa, chơi chữ, tự lật tẩy (tự bóc trần),...	126
	thư trao đổi công việc	kiểu văn bản thư tín của cá nhân hay tổ chức, dùng để trao đổi thông tin mà hai bên cùng quan tâm, cùng bàn bạc (bổ sung, chỉnh sửa, phương thức tiến hành...), nhằm đạt kết quả mong đợi	152
	thư trao đổi về một vấn đề đáng quan tâm	kiểu văn bản thư tín, trong đó người viết thư trao đổi với người nhận thư về một vấn đề trong cuộc sống, đồng thời sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc	117
	truyện truyền kì	một thể loại văn xuôi tự sự cỡ nhỏ thời trung đại, có nguồn gốc từ Trung Quốc, thường phản ánh hiện thực bằng yếu tố kì ảo. Nhiều truyện gắn với truyện dân gian	68
V	Văn tế	loại văn đọc khi cúng tế người chết; là thể văn kết hợp nhiều loại yếu tố: tự sự, nghị luận, trữ tình,... và thường có các phần: Lung khởi; Ai văn; Kết.	
X	xung đột trong hài kịch	thường phát sinh từ sự sai lệch với chuẩn mực đạo đức và thẩm mĩ mà cộng đồng công nhận, đòi hỏi lập lại sự hài hoà và hợp lí	126

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT

Yếu tố Hán Việt	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
bách	– trăm (100), chỉ số lượng nhiều	– bách gia, bách tính,...
	– tên chức quan ngày xưa, chỉ huy trăm người	– bách hộ (B3),...
	cây bách, cây tuyết tùng	tùng bách,...
	– thúc giục, chèn ép – phá huỷ, làm hại	– bức bách, hiếp bách, ... – bách hại,...
cự	lớn, to, hơn người	cự phú (B4/5), cự phách,...
	– đánh trả, chống lại	– chống cự, cự địch,...
	– từ chối, không tiếp nhận	– cự tuyệt,...
cấu	câu (thường đọc là "cứ")	thi cú (cấu), ngữ cú (cấu),...
	hợp lại, giao phối	cấu hợp, giao cấu,...
	làm ra, tạo ra, xây dựng	hư cấu (B4), cấu trúc,...
	không hẹn mà gặp	giải cấu/ may thay giải cấu tương phùng (Truyện Kiều – Nguyễn Du)
hài	đứa trẻ	hài nhi, hài đồng,...
	– hoà hợp	– hài hoà, cảm sát hoà hài,...
	– hoạt kê	– hài hước, hài kịch, khôi hài, ... (B5)
	giày, dép	mộc hài, đôi hài,...
hiếu	lòng biết ơn cha mẹ	hiếu nghĩa, hiếu thảo, hiếu tử,...
	ham, thích	thị hiếu (B2/3), hiếu học,...
hôn	cưới, lễ cưới	kết hôn, hôn nhân, hôn phối,...
	– mê man, ngất đi	– hôn mê
	– tối, chạng vạng, thiếu sáng	– hôn ám, hoàng hôn, hôn hoàng,...
	– ngu tối	– hôn quân (B5)
khái	bao quát, tóm tắt	đại khái, khái lược, khái quát,...
	– than thở	– cảm khái,...
	– hào hiệp	– khảng khái (B2/3), khái tính, địch khái,...
lệ	quy định, lệ lối	thông lệ, điều lệ, luật lệ, tục lệ, ước lệ (B1),...
	nước mắt	tuyến lệ, hàng lệ,...
	– tội tở	– nô lệ,...
	– nha dịch	– lính lệ, ... (B4/5)
	đẹp đẽ	diễm lệ, hoa lệ, mỹ lệ,...
	khuyến khích	khích lệ,...

lục	số sáu	song thất lục bát,...
	đất liễn, đường bộ	đại lục, châu lục, lục quân,...
	màu xanh biếc, xanh lá cây	lục ngọc, lục bảo, hồng hoa lục điệp,...
	ghi chép	trích lục, lục sự (B2)
mai	chôn, vùi, che lấp	mai táng, mai danh ẩn tích (B4),...
	cây hoa mai	tùng trúc cúc mai, mai lan cúc trúc, thanh mai,...
man	– lạc hậu, chưa khai hoá – thô bạo, ngang ngược	– man bang, man di (B3), man nhân, ... – dã man, ...
	lừa dối	khai man, ...
	lan ra	lan man
mạn	– chậm, không nhanh – coi thường, vô lễ	– mạn hành, mạn tính, ... – khinh mạn, ngạo mạn, ...
	– đầy tràn, tràn ngập – mặc tình, tùy thích	– lãng mạn, thủy mạn, ... – tản mạn, ...
phán	– phán quyết, xét xử – xem xét, phân biệt	– phán sự (B3), tài phán, ... – phán đoán, phán xét, ...
phóng	– buông, thả – buông tuồng, không biết giữ gìn – mở ra, nói ra – làm cho to ra	– phóng sinh, phóng uế, ... – phóng tứ, phóng túng, phóng đảng, ... – khai phóng – phóng đại
	thăm dò, điều tra	phóng sự (B4)
phức	rườm rà, chống chọi	phức điệu, phức tạp, ...
	thơm ngào ngạt	hương thơm phức
quy	con rùa	kim quy, thần quy, ...
	khuôn phép, phép tắc	quy phạm (B1), quy ước, ...
	trở về, trả về	quy phục, quy tụ, vinh quy, ...
tài	– năng lực – người có khả năng, trí tuệ	– tài đức, tài năng, ... – anh tài, thiên tài, ...
	– những thứ có sẵn trong tự nhiên mà dùng được – vật liệu, nguyên liệu	– ngũ tài, mộc tài, ... – tài liệu
	của cải	tiền tài, tài sản, ...
	trống	tài bồi

	– khổng chế – phán đoán – cách thức, loại	– độc tài,... – tài phán,... – thể tài,...
tả	viết, chép	ám tả, chính tả,...
	bên trái	tả hữu, tả đạo (B3),...
tế	– chồng, phu quân – con rể	– phu tế,... – hiến tế,...
	– giữa – cạnh, bên bờ, bên lề – giao tiếp	– quốc tế,... – thiên tế, vô biên tế,... – giao tế,...
	cúng tế	tế thần, tế tổ, tế văn,...
	giúp đỡ	tế bản, cứu tế, tế khốn phò nguy,... (B5)
	nhỏ bé, tinh xảo, tỉ mỉ	vi tế, tinh tế,...
tệ	xấu, có hại, lừa dối	tệ nạn, tác tệ,...
	tiền	tiền tệ, đài tệ, nhân dân tệ,...
thê	thảm thiết	thê lương, thê thảm,...
	vợ cả	chính thê, thê thiếp,...
	tốt tươi, um tùm	phương thảo thê thê (<i>Hoàng Hạc lâu</i> – Thôi Hiệu)
	ngủ ngơi, đầu lại	nhân thê ("tuyên thạch nhân thê bất lão tiên" – <i>Vịnh Tân Viên sơn</i> – Cao Bá Quát)
thiên	ngàn (1000)	thiên binh vạn mã,...
	– trời, bầu trời – tự nhiên mà có, sức người không làm được	– thanh thiên bạch nhật, thiên hà,... – thiên nhiên, thiên sinh,...
	phần, bài	thiên truyện, đệ nhất thiên, mười sáu thiên (B4),...
	ngiênêng, lệch	thiên kiến, thiên vị,...
thực	thật, thực, đúng	thượng thực hạ hư (B3), hư thực, thực học, thực tâm....
	chỉ chung các loài cây cỏ	thực vật,...
	ăn uống, thức ăn	ẩm thực, thực thần,...
	– làm tiêu mất, thiếu hụt – ăn mòn, đục khoét	– nhật thực, nguyệt thực,... – xâm thực,...
	sinh sôi nảy nở	phồn thực, thực dân,...

thương	kho, vựa	thương lẫm, mẽ thương, cốc thương,...
	– đau đớn – mắc bệnh	– bị thương, thương cảm, ... – thương hàn, thương thực (B4),...
	– buôn bán – bàn bạc, thảo luận	– thương mại, thương nhân, ... – thương lượng, thương thảo, ...
	cây thương, cây giáo, vũ khí,...	đao thương, trường thương,...
	xanh biếc	thương hải, thương thiên,...
tì	sở quan, chức quan	bổ chánh tì, minh tì (b3)
	thấp kém	tì tiện, tự tì,...
trai	– giữ trong sạch, ngăn tham dục – thư phòng, phòng học	– trai giới, trai khiết, (B4), ... – thư trai, liêu trai, ...
tinh	– hỗn phách – quỷ thần – mang tính chất thiêng, thần kì – ứng nghiệm – bóng lộn, long lanh – thông minh, khéo léo	– linh hồn, anh linh, ... – bách linh, sơn linh, ... – linh thiêng, linh ứng, ... – linh được, ... – lung linh – linh hoạt
	cái chuông	phong linh
	– số không – lác đác, thưa thớt	– một trăm linh ba, ... – điều linh
	– ngôi sao – nhỏ, vụn vặt	– hành tinh, tinh tú, ... – linh tinh, ...
	trong suốt, lóng lánh	thủy tinh, kết tinh, ...
tinh	– tinh tú, tốt đẹp – tâm thần, linh hồn – thần linh, yêu quái – thông thạo, biết rành	– tinh hoa, tinh tuyển, ... – tinh thần, ... – sơn tinh, thủy tinh, hổ li tinh, ... – tinh thông, tinh tường, ...
	cờ hiệu, cờ tinh	tinh kì, văn tinh, ...
	hôi tanh	tinh chiêm (b3), tinh xú, ...
	đười ươi	tinh tinh

BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

STT	Tên nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
A	Abraham Lincoln	A-bra-ham Lin-con	118
	Anne Frank	An-na Phrăng	99
	Anselme	Ăng-xen-mơ	136, 140
	Asakusa	A-sa-ku-sa	52
C	Cleante	Clê-ăng	136, 140
	Claude	Clốt	140
D	Dobchinsky	Đốp-chin-xki	133
	Dorante	Đô-răng	142
E	Edmond Hédouin	Ét-mông Hê-đô-in	137
	Elise	Ê-li-dơ	136
F	Fujiwara no Michitsuna	Phu-di-qua-ra no Mi-chi-su-na	53
G	Gogol	N. Gô-gôn	127, 134, 135,...
	Grotesque	Grô-téc	126
H	Harada	Ha-ra-đa	50, 54, 55
	Harpagon	Ăc-pa-gông	136, 137, 138,...
	Higuchi Ichiyo	Hi-gu-chi I-chi-y-ô	160
	Hirojiki	Hi-rô-di-ki	51
	Hirokogi	Hi-rô-kô-di	54
I	Inosuke	I-nô-su-kê	50
	Isamu Harada	I-sa-mu Ha-ra-đa	50
J	Jacques	Giắc	137
K	Khlestakov	Khle-xta-kốp	127, 128, 129,...
	Khlopov	Kh lô-pốp	131
	Komachi	Kô-ma-chi	53
	Konstantinovsky	Côn-xtan-ti-nốp-xki	131
	Kousaka	Ku-sa-ka	52, 53, 54
	Kousaka Rokunosuke	Ku-sa-ka Rô-ku-nô-su-kê	52, 53, 54
	Koumyou	Ku-mi-du	53
L	Lyapkin-Tyapkin	Li-ap-kin-Ti-ap-kin	129

M	Marianne	Ma-ri-an	136, 140
	Moliere	Mô-li-e	136, 141, 142,...
	Murata	Mu-ra-ta	52
N	Notoya	Nô-tô-da	52
O	Ogawa	Ô-ga-qua	54
	Ogawamachi	Ô-ga-qua-ma-chi	52
	Oseki	Ô-sê-ki	50, 51, 52,...
	Osip	Ô-xíp	134
P	Petersburg	Pê-téc-bua	127, 134
R	Roku	Rô-ku	54, 55
	Rokunosuke	Rô-ku-nô-su-kê	53, 54, 55
S	Saitou	Sai-tô	50
	Sarugakuchou	Sa-ru-ga-ku-chu	52
	Shinzaka	Sin-da-ka	50
	Shpekin	Spe-kin	130
	Sotoori	Sô-tô-ri	53
	Sugita	Su-gi-ta	53
	Surugadai	Su-ru-ga-đai	50, 51
T	Thomas Hunt Morgan	Thô-mát Hân Mo-gân	113, 118, 120
	Tokyo	Tô-ki-ô	50
U	Ueno	U-ê-nô	50, 51
	Ukraina	U-crai-na	135
	Uranie	U-ra-ni-e	142, 143
V	Valere	Va-le-rơ	136, 137, 138,...
W	William	Uy-li-am	118

Đoàn văn Doanh - THPT Nam Trực - Nam Định

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VÕ THỊ PHÚC HỒNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TÔNG THANH THẢO

Sửa bản in: VÕ THỊ PHÚC HỒNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Group: TÀI LIỆU VẬT LÝ CT GDPT 2018

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VĂN 12 TẬP MỘT – Chân trời sáng tạo

Mã số:

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB:

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập 1:

Tập 2:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|--|---|
| 1. Toán 12, Tập một | 14. Vật lí 12 |
| 2. Toán 12, Tập hai | 15. Chuyên đề học tập Vật lí 12 |
| 3. Chuyên đề học tập Toán 12 | 16. Hoá học 12 |
| 4. Ngữ văn 12, Tập một | 17. Chuyên đề học tập Hoá học 12 |
| 5. Ngữ văn 12, Tập hai | 18. Sinh học 12 |
| 6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 | 19. Chuyên đề học tập Sinh học 12 |
| 7. Tiếng Anh 12 | 20. Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng |
| Friends Global – Student Book | 21. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng |
| 8. Lịch sử 12 | 22. Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính |
| 9. Chuyên đề học tập Lịch sử 12 | 23. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính |
| 10. Địa lí 12 | 24. Âm nhạc 12 |
| 11. Chuyên đề học tập Địa lí 12 | 25. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12 |
| 12. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 | 26. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (1) |
| 13. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 | 27. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (2) |
| | 28. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12 |

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Cào lớp nhũ trên tem rồi quét mã để xác thực và truy cập học liệu điện tử.

